

Maurice  
Maeterlinck

*Nobel Văn chương*

# Đời ong

Khảo luận triết học

Thị Hoa dịch



NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI





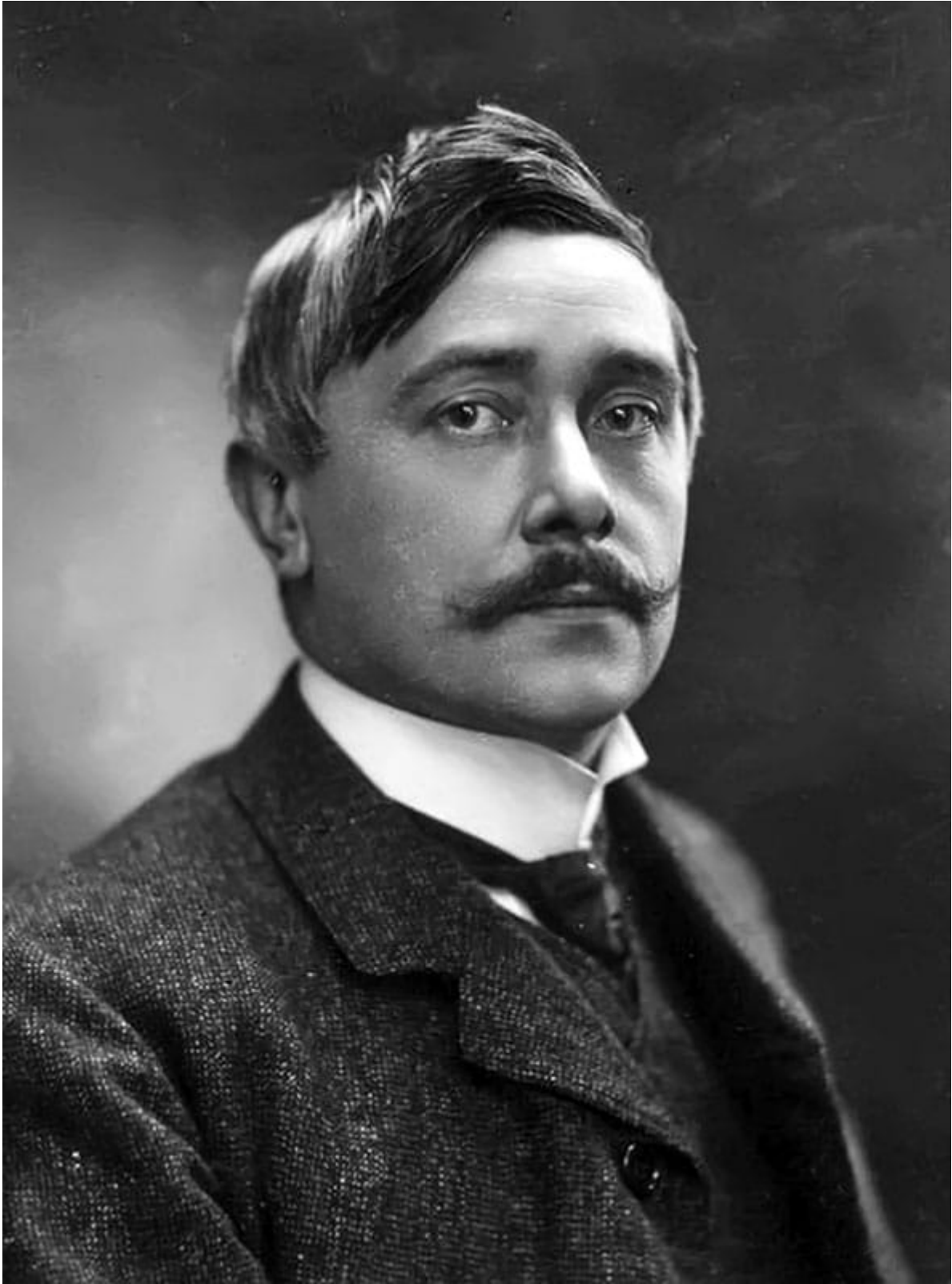
**CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ**

Ebook này được thực hiện theo dự án “SỐ HÓA SÁCH CŨ” của diễn đàn  
[TVE-4U.ORG](http://TVE-4U.ORG)

TÁC GIẢ

-----

MAURICE MAETERLINCK  
(1862-1949)



Maurice Maeterlinck sinh tại Ghent trong một gia đình Pháp khá giả, bố

làm công chứng, mẹ là con gái một luật sư giàu có. Sau khi tốt nghiệp luật tại Đại học Ghent vào năm 1885, Maeterlinck đi Paris. Năm 1886, ông gia nhập Đoàn Luật sư Ghent, viết thơ, ký, phê bình cho các báo và tạp chí như *La Jeune Belgique*, *La Wallonie*...

Năm 1886 ông in truyện ngắn đầu tiên *Le massacre des innocents* (Cuộc tàn sát những kẻ vô tội); năm 1889 ông xuất bản tập thơ đầu tiên và vở kịch đầu tiên, được nhà phê bình Octave Mirbeau của báo *Le Figaro* hết lời khen ngợi. Từ đó ông bỏ nghề luật sư. Trong những năm tiếp theo, ông viết hàng loạt vở kịch cổ tích, tượng trưng, kịch rối...

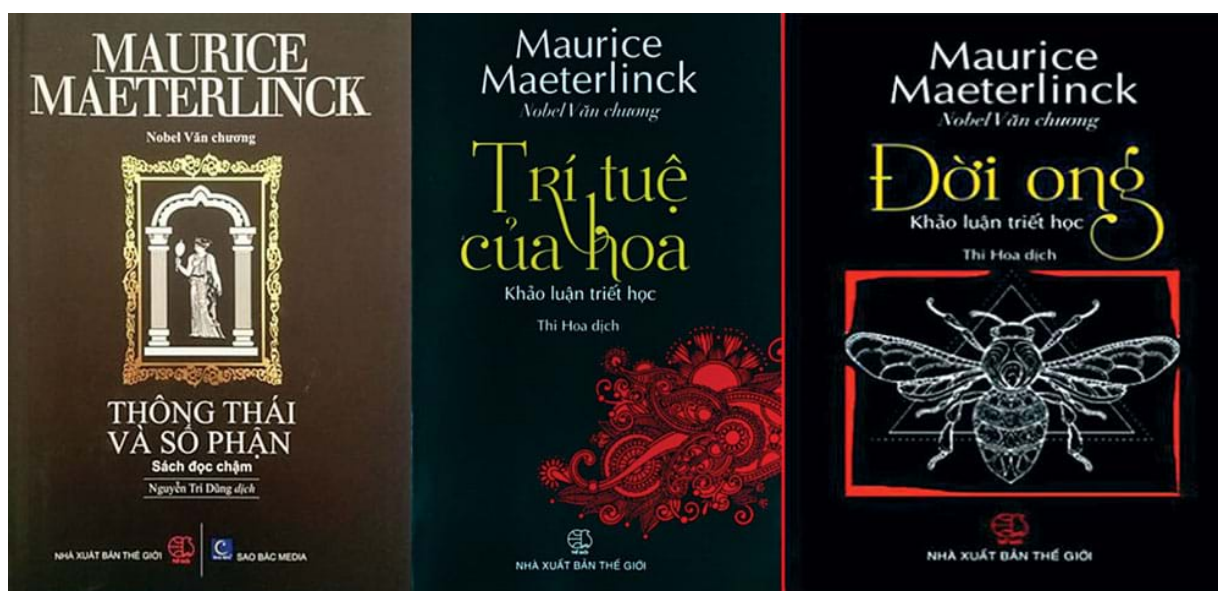
Năm 1895 Maeterlinck cưới vợ là Leblan - diễn viên tham gia đóng các vở kịch của ông và năm 1896 sang Paris sinh sống. Maeterlinck ủng hộ nghệ thuật thuần túy, là một trong những đại diện tiêu biểu của trường phái tượng trưng cả trong thơ ca lẫn sân khấu, trong các tác phẩm của mình mở ra một thế giới đầy màu sắc, mộng ảo chống lại số phận khắc nghiệt.

Năm 1909 ông viết xong vở kịch *L'Oiseau Bleu* (Con chim xanh), một kiệt tác của sân khấu kể về những cuộc phiêu lưu kiếm tìm hạnh phúc qua hình tượng con chim xanh và đã trở thành một điển cố văn học biểu tượng cho hạnh phúc tình yêu cũng như đã được dựng lên trong nhiều phim.

Maurice Maeterlinck là người làm vườn rất giỏi. Ông dành 20 năm nuôi ong và nghiên cứu về loài ong không khác gì các nhà ong học. Ngoài tác phẩm *Đời ong* là một khảo luận triết học về đời sống loài ong, nhưng tác phẩm này đã truyền cảm hứng cho nhiều loại hình nghệ thuật khác nhau như ballet, xiếc, thơ, nhạc... Trong cuốn sách *Thông thái và số phận*, ông mở đầu bằng một câu cũng về loài ong: 'Loài ong làm việc trong bóng tối mà đức hạnh thì không phô trương'. Kiến thức về ong của ông không thua các nhà nghiên cứu".

Maurice Maeterlinck dùng ngòi bút để nói về ngọn lửa tâm linh, không

chỉ cháy lên trong đời sống con người mà còn ở thế giới thực vật: những loài hoa, loài rong dưới nước hay trên bờ, loài kiến, mối, đẽ từ đó kể những câu chuyện về sức sống bí ẩn, truyền từ đời này sang đời khác của vạn vật.



Bộ ba khảo luận triết học của Maurice Maeterlinck đã phát hành tại Việt Nam.

Bộ ba khảo luận triết học, Thông thái và số phận (1898), Đời ong (1901) và Trí tuệ của hoa (1910) có thể chia thành ba chủ đề con người, côn trùng (ong) và thực vật (hoa). Dù đọc theo thứ tự nào cũng thấy một sơ đồ hình chóp, từ cỏ cây, đến con người và ngược lại, từ vị trí người nhìn xuống. Thiên nhiên là một điểu vĩ đại, bầu sữa lớn đã nuôi xanh Trái đất hàng triệu năm. Con người không phải chủ nhân của địa cầu, sự hiểu biết của con người có hạn, thậm chí ngô nghê trước những điểu huyền diệu trong cuộc sống.

Maeterlinck viết như một nhà hiền triết, xuyên chiếc thấu kính xuống những thứ con người đã bỏ sót hoặc chưa thấu tỏ, ông không phải nhà khoa học mà là một triết gia. Bởi thế, ngoài việc giải mật những điểu kỳ diệu của cuộc sống, ông mong muốn một sự nhìn lại của mỗi người về thế giới.

# Phần I

## Ở ngưỡng cửa tổ ong

### I

Tôi không có ý định viết một chuyên luận về nghề nuôi ong hay sách hướng dẫn về việc chăm sóc đàn ong. Tất cả các nước văn minh đã có những cuốn sách chỉ dẫn tuyệt vời, mà cải biên chúng là một việc vô ích: nước Pháp có các cuốn của các tác giả Dadant, Georges de Layens và Bonnier, Bertrand, Hamet, Weber, Clément, cha xứ Collin v.v. Những nước nói tiếng Anh có các tác giả như Langstroth, Bevan, Cook, Cheshire, Cowan, Root và các học trò. Nước Đức có các tác giả Dzierzon, Van Berlepsch, Pollmann Vogel và nhiều tác giả khác.

Nhưng cuốn sách của tôi cũng không phải là một chuyên khảo khoa học về ong mật châu Âu (*apis mellifica*), ong Italia (*ligustica*), ong mật Ai cập (*fasciata*) v.v., không phải là một tập tuyển chọn các quan sát hay nghiên cứu mới. Tôi sẽ hầu như không nói một điều gì mà có lẽ tất cả những ai dẫu chỉ có đôi chút hiểu biết về ong đều đã rõ. Để tránh khiến cuốn sách này trở nên nặng nề một cách không cần thiết, tôi đã để lại cả một loạt những kinh nghiệm và quan sát được tôi tiến hành trong hai mươi năm làm nghề nuôi ong cho một công trình khác dành riêng cho các chuyên gia; những kinh nghiệm và quan sát này khá mang tính chuyên môn, và vì thế chúng chẳng mấy hấp dẫn.

Tôi chỉ muốn kể về “những chú ong vàng” của Ronsard như cái cách

người ta bàn về một đề tài mà người ta quen biết và yêu thích khi nói với những ai hoàn toàn chẳng biết gì nó. Tôi không có ý định tô vẽ cho sự thật, cũng như tự xếp mình vào trong số những nhà chuyên môn về loài ong bị Réaumur trách cứ rất đúng bởi đã đem thay thế một điếu thực sự kỳ diệu bằng cái thứ kỳ diệu mà họ tưởng tượng ra và thích thú. Trong tổ ong có rất nhiều điếu kỳ diệu, nhưng đó không phải là cái có để phóng đại. Ngoài ra, tôi đã từ lâu rồi từ bỏ việc tìm kiếm trong thế giới này cái điếu kỳ diệu hấp dẫn hơn và tuyệt vời hơn sự thật hoặc điếu mà sự nỗ lực của con người thấu hiểu được. Chúng ta sẽ không phí hoài công sức cho việc tìm kiếm sự vĩ đại của đời sống trong cái huyền bí. Những sự việc bình thường nhất đã đủ đầy vĩ đại, và chúng ta cho đến giờ chưa nghiên cứu một cách căn cơ một sự việc nào trong số đó. Bởi vậy tôi sẽ chỉ nói về những sự việc, hoặc đã được tôi tự thân kiểm chứng, hoặc việc kiểm tra chúng là thừa vì rằng chúng đã được xác minh đầy đủ trong ngành ong học. Công việc của tôi giới hạn trong việc trình bày các sự kiện một cách khoa học, nhưng ở một hình thức sinh động hơn, gắn liền với những suy nghĩ sâu sắc hơn và phóng khoáng hơn về chúng và đem lại cho chúng diện mạo hài hòa hơn những gì mà người ta có thể làm được trong một cuốn sách chỉ dẫn, trong một cuốn sách giáo khoa thực hành hay một chuyên luận khoa học. Ai đó đọc cuốn sách này, dĩ nhiên, sẽ không thể làm chủ một tổ ong, nhưng anh ta sẽ biết gần như mọi điếu xác thực, thú vị, mật thiết và sâu sắc về các cư dân của nó. Song tất cả những điếu này, tất nhiên, chẳng là gì khi so sánh với những gì mà ngoài chúng ra anh ta cần phải tìm hiểu. Tôi sẽ không bàn đến mọi sự nhàn lẫn mang tính truyền thống vẫn tiếp tục là huyền thoại ở các vùng làng quê và trong nhiều sáng tác về tổ ong. Khi xuất hiện mối nghi ngờ, sự bất đồng, giả thuyết, khi vấp phải một điếu chưa biết, tôi sẽ thành thực thú nhận. Các bạn sẽ thấy rằng chúng ta thường xuyên phải dừng lại trước điếu chưa biết. Ngoài những hành vi xuất sắc và

đáng kể của việc đi đầu hành ở bên trong và hoạt động của các cô con gái tuyệt vời của Aristée<sup>1</sup>, chúng ta chẳng hề biết được gì xác thực về chúng. Trong quá trình hoàn thiện việc nuôi dưỡng đàn ong, chúng ta càng thường xuyên thấy rõ rằng, chúng ta chẳng biết gì về những đi đầu thực sự sâu kín trong đời sống của chúng; nhưng chính sự không hiểu biết như thế còn tốt hơn là sự ngu dốt vô thức và tự thỏa mãn tạo nên cái nền tảng khoa học của chúng ta về sự sống. Vâng, rất có thể, tất cả những gì con người có thể hi vọng hiểu biết được trong thế giới này chỉ nhờ vào đi đầu ấy.

Liệu đã có một công trình nào về loài ong tương tự như cuốn sách này hay không? Cá nhân tôi chưa từng thấy một tác phẩm nào ở dạng này, dù sao tôi cũng nghĩ rằng mình quả thật đã đọc tất cả những gì được viết về chúng, ngoài một chương được Michelet dành cho đề tài này ở cuối cuốn *Côn trùng (L’Insecte)* của ông, và một tiểu luận về đề tài này trong cuốn *Cuộc sống tinh thần của động vật (Geistesleben der Thiere)*<sup>2</sup> của Ludwig Buchner - tác giả nổi tiếng với cuốn “Các lực và vật chất”. Michelet mới đề cập thoáng qua về đối tượng này, còn Buchner, thì tiểu luận của ông khá đầy đủ, tuy nhiên, khi đọc xong những khẳng định đầy phiêu lưu, những sự việc mang tính hoang đường, những trích dẫn từ các ngu ồn đã bị loại bỏ từ lâu lắm rồi, tôi ngờ rằng ông chưa bao giờ bước ra khỏi thư phòng của mình để trực tiếp thăm hỏi các nữ anh hùng của mình, chưa bao giờ mở một trong số hàng trăm tổ ong huyền ảo, như thể cháy nhà, mà cần phải thâm nhập vào đó trước khi linh cảm thích ứng được với sự bí ẩn của chúng, trước khi thấm đẫm bầu không khí, hương thơm, linh hồn và những đi đầu huyền bí của những nàng trinh nữ cần mẫn. Trong cuốn sách của Buchner không có hương thơm của mật ngọt và linh hồn của ong; nó mắc đúng cái nhược điểm như nhiều cuốn sách giáo khoa uyên bác của chúng ta là các kết luận thường mang tính định kiến, còn lí luận khoa học của chúng chỉ là một mớ toàn những chuyện hài hước đáng ngờ, bạ đâu

cóp nhặt đấy. Nhưng tôi hiếm khi phải đụng chạm đến nó trong tác phẩm của mình, vì các xuất phát điểm của chúng ta, các quan điểm của chúng ta và các mục đích của chúng ta hoàn toàn khác.

## II

Thư mục về loài ong là một trong những thư mục lớn nhất (chúng ta bắt đầu từ sách vở để nhanh chóng thoát khỏi chúng và hướng đến ngọn nguồn trực tiếp nhất của chúng). Sinh vật bé nhỏ kì lạ này, sống thành một xã hội tuân theo những luật lệ phức tạp và trong bóng tối thực hiện những công việc phi thường, từ thuở xa xưa đã thu hút sự quan tâm của con người. Aristote, Caton, Varron, Pline, Collumelle, Palladius đã nghiên cứu về loài ong, đây là chưa kể đến triết gia Aristomachus, người, mà theo lời của Pline, đã nghiên cứu về chúng trong suốt năm mươi tám năm, và về Phyliscus xứ Thasos, người đã sống nơi hoang mạc để không phải thấy một ai, ngoài ong, và được gọi là “Người cô độc”. Nhưng chính từ họ mới có huy hiệu thoại về loài ong và tất cả những gì có thể rút ra từ đó, tức là thu được một đi đâu gì đó, thì gần như là bằng không, đã được thuật lại ở bài ca thứ tư trong *Nông Ca (Géorgiques)* của Virgile.

Lịch sử về loài ong trực tiếp bắt đầu vào thế kỉ XVII với phát kiến của Swammerdam - học giả vĩ đại người Hà Lan. Tuy nhiên nên bổ sung thêm một chi tiết ít người biết đến: đó chính là, trước cả Swammerdam, có Clutius - một nhà tự nhiên học, người Flandre, đã phát biểu một số chân lí quan trọng về vấn đề này, trong số đó có sự thật rằng, ong chúa là bà mẹ duy nhất của toàn bộ đàn ong và nó mang đặc tính của cả hai giống; song ông ấy không chứng minh được đi đâu này. Swammerdam đã sáng tạo ra những phương pháp nghiên cứu có tính khoa học, chế ra kính hiển vi, nghĩ ra những liều thuốc tiêm bảo quản, là người đầu tiên giải phẫu ong, bằng việc phát hiện ra buồng trứng và vòi trứng, ông đã dứt điểm xác định được

rằng ong chúa là con cái, mà trước đó người ta vẫn coi là con đực, và ông đã bất ngờ làm sáng tỏ các mối quan hệ bên trong tổ ong là dựa trên mẫu tính. Sau cùng là việc ông tiến hành việc giải phẫu và vẽ những bức tranh hoàn hảo đến mức cho đến nay chúng vẫn được dùng để minh họa cho nhiều chuyên luận về nghề nuôi ong. Sống ở thành phố Amsterdam ồn ào và bất ổn, ông thấy tiếc nuối “cuộc sống chốn làng quê yên bình”, và qua đời ở tuổi 43 vì lao lực. Ông đã trình bày những nghiên cứu của mình trong một công trình lớn *Thiên nhiên mới (Bybel der Nature)*, nó được viết bằng một văn phong nghiêm cẩn và chặt chẽ. Trong tác phẩm này [ta có thể thấy] những biểu hiện trào dâng sự hứng khởi thuần khiết và tuyệt vời của một niềm tin sợ rằng mình sẽ bị lung lạc, mọi đi đâu được liệt ra đầu đẳng vinh danh Đấng Hóa Công; một trăm năm sau tác phẩm này được tiến sĩ Boerhave dịch từ tiếng Hà Lan sang tiếng La tinh với tựa đề *Biblia Naturae* (Leyden, 1737).

Tiếp đó là Réaumur, người trung thành với những phương pháp như trên. Ông đã thực hiện vô số những thí nghiệm và quan sát rất hay trong những khu vườn của mình ở Charenton, và dành cho những chú ong cả một cuốn sách trong một loạt *Hồi kí về lịch sử của các loài côn trùng (Mémoires pour servir a l'histoire des insectes)*. Chúng ta có thể đọc cuốn đó một cách hứng khởi và thu được đi đâu gì đó hữu ích. Cuốn sách được trình bày mạch lạc, thiết thực, trung thực, nhưng không mất đi sự hấp dẫn nhất định, tuy có đôi chút thô mộc và khô khan. Trước tiên tác giả cố gắng xóa tan rất nhiều những nhầm lẫn xưa cũ, và đồng thời phổ biến một số điểm mới; ông đã phần nào làm sáng tỏ những nguyên do hình thành đàn ong, chế độ cai quản của ong chúa, nói tóm lại là, ông đã xác định được một số sự thật quan trọng và chỉ dẫn cho nhiều người khác tiếp bước. Qua những nghiên cứu của mình, công việc đầu tiên là ông khẳng định sự kì diệu trong kiến trúc của tổ ong, và tất cả những gì đã được ông trình bày

thì không có một ai có thể nói hay hơn. Chúng ta cũng biết ơn ông về ý tưởng tổ ong bằng kính, sau này chúng được hoàn thiện hơn, chúng cho chúng ta thấy rõ toàn bộ đời sống ẩn kín của các cô ong thợ chuyên cần bắt đầu công việc của mình trong ánh dương quang rực rỡ và chỉ khi bóng tối bao phủ mới kết thúc. Để cho đề tài được đầy đủ hơn, tôi cần phải kể đến những tìm tòi và công việc của các nhà nghiên cứu muộn hơn sau này – của Chartes Bonnet và Schirach (người giải quyết dứt điểm bí ẩn về trứng của ong chúa), nhưng tôi sẽ giới hạn ở điểm chính thôi, rồi tôi sẽ chuyển ngay sang Francois Huber, một bậc thầy, một tác giả kinh điển của khoa học về loài ong.

Huber sinh ra ở Geneve vào năm 1750, bị mù từ khi còn rất trẻ. Mới đầu Huber chỉ quan tâm đến các thí nghiệm của Réaumur và muốn kiểm tra lại chúng thôi, rồi ông nhanh chóng say mê các nghiên cứu này, và nhờ sự giúp đỡ của Francois Burnens, một người hầu thông minh và trung thành, ông đã dành cả cuộc đời mình cho việc nghiên cứu ong. Trong biên niên sử về những nỗi đau khổ và chiến thắng của nhân loại, không có một đi đâu gì cảm động hơn và có tính giáo dục hơn câu chuyện về sự hợp tác kiên tâm này: một người chỉ thấy được ánh sáng tinh thần, chỉ dẫn cho khối óc, đôi bàn tay và cặp mắt của một người được vui hưởng ánh sáng thật sự; một người chưa bao giờ, như người ta quả quyết, tận mắt mình nhìn thấy một tầng mật, thế nhưng đã nhìn, - qua màn sương mù trong đôi mắt của mình, - xuyên thấu màn sương mù gấp bội phần mà thiên nhiên dùng để che phủ tất cả những gì tồn hữu, những bí ẩn sâu kín nhất của đáng thần linh đã tạo ra cái tầng mật vô hình này. Toàn bộ câu chuyện có thật này dường như muốn cho chúng ta thấy rằng không có một hoàn cảnh nào mà vì thế chúng ta phải từ bỏ niềm hi vọng được sở hữu chân lí. Tôi sẽ không liệt kê những gì mà ngành khoa học về loài ong phải chịu ơn của Huber, tốt hơn là tôi sẽ chỉ ra những gì mà nó không phải chịu ơn ông. Cuốn *Những nghiên cứu*

*mới về loài ong (Nouvelles observations sur les abeilles)* của ông vẫn là một kho báu dãi dào và đáng tin cậy để tất cả những người nghiên cứu ong khai thác được nhiều điều; tập đầu tiên của tác phẩm này được viết vào năm 1789 dưới hình thức những bức thư gửi Charles Bonnet, còn tập thứ hai đến 20 năm sau mới xuất hiện. Quả thật, trong đó ta có thể thấy một vài sai lầm, một số chân lý chưa được hoàn thiện; từ khi cuốn sách ra đời thế giới đã đạt được không ít thành tựu trong ngành vi sinh, thực hành nuôi dưỡng ong, các phương pháp đối xử với ong chúa và v.v., nhưng không một nghiên cứu cơ bản nào của ông bị gạt bỏ hay bị coi là không chính xác: chúng vẫn là bất khả xâm phạm trong các thí nghiệm đương đại của chúng ta và làm nền tảng cho các thí nghiệm này.

### III

Sau những phát kiến của Huber là một vài năm im ắng; tuy nhiên không lâu sau Dzierzon, một vị linh mục xứ Carlsmark (ở Silésie), phát hiện ra sự trinh sản, tức là sự sinh sản trinh bạch của ong chúa, và phát minh ra tổ ong đầu tiên có các tầng tổ di động, nhờ thế người nuôi ong từ nay có thể thu hoạch phần mật ong cho mình, mà không giết hại những đàn ong tốt nhất của mình và không nhất thời hủy hoại công lao của cả một năm trời. Tổ ong này vẫn còn rất chưa hoàn hảo, về cơ bản nó đã được hoàn thiện nhờ Langstroth, người đã phát minh ra bộ khung di động, chúng được phổ biến cực kì thành công ở Mỹ. Root, Quinby, Dadant, Cheshire, de Layens, Cowan, Heddon, Howard... đã có thêm một số cải tiến có giá trị cho phát minh này. Để tránh cho ong khỏi sự can thiệp phải chế tạo sáp và xây kho chứa, mà vì thế chúng phải mất rất nhiều mật và thời gian quý báu nhất, Mehring đã nghĩ ra cho đàn ong những tầng tổ được chế sẵn - chúng được đàn ong đón nhận và thích ứng ngay cho những nhu cầu của mình. De Hruschaka phát minh ra *Smélatore*, bằng cách áp dụng lực li tâm nó cho

phép tách mật ra, mà không phá vỡ tầng tổ, v.v. Trong vài năm thôi lễ thói thủ cựu của nghề nuôi ong đã bị phá bỏ; sản lượng và mức sinh sản của tổ ong đã tăng gấp ba; khắp mọi nơi đều có những trại ong lớn và được gây dựng sẵn. Kể từ đó không còn chuyện giết hại một cách vô ích những đàn ong di cư chăm chỉ nhất và cái việc ghép đàn trái ngược tai quái vốn là hậu quả của những lần tàn sát như thế. Con người thật sự trở thành ông chủ của bầy ong, một ông chủ bí ẩn và vô hình chỉ đạo mọi việc mà không cần ra lệnh, và giữ tất cả trong sự tuân phục mà không bị nhận ra. Con người áp đặt ý chí của mình vào nơi trước đây mọi sự đều phụ thuộc vào thời vụ, sửa đổi cả bốn mùa; con người hợp nhất các “cộng hòa ong quốc” thù địch, chia đều tài sản, tăng hoặc giảm số lượng sinh nở, điều chỉnh mức sinh sản của ong chúa, con người hạ bệ và thay thế bằng một ong chúa khác bằng cách khôn khéo ép buộc dân ong ưng thuận cái việc khó chấp nhận này - chúng sẽ nổi giận khi nghi ngờ về sự can thiệp mờ ám. Khi thấy điều này là cần thiết, con người thản nhiên phá hủy sự bí ẩn của các căn phòng thiêng liêng và cực kì khôn ngoan hủy bỏ chính sách thận trọng của nữ hoàng ong. Con người nắm, sáu lần liên tục lấy đi những thành quả lao động của những người chị em trong ngôi nhà thân thiện, nhẫn nại này, mà không gây hại cho chúng, không làm mất đi ở chúng lòng dũng cảm và không dẫn chúng đến cảnh khánh kiệt. Con người điều chỉnh kho vừa chắt chứa vụ hoa bội thu trong các ngôi nhà của chúng, những cánh hoa rải rác trên các sườn đồi mỗi độ rộ nở Xuân về. Nói tóm lại, con người làm những gì anh ta muốn và nhận về từ đàn ong những gì anh ta đòi hỏi, tuy nhiên, với một điều kiện là phải tuân theo các đặc tính và luật lệ của chúng, vì rằng vượt lên trên ý chí của vị chúa tể không mong đợi, làm chủ đàn ong này, vượt lên trên ý chí - cái ý chí quá lớn để ghi nhận, và quá xa lạ để hiểu được này - loài ong nhìn xa hơn chính vị chúa tể này, và trong sự quên mình không gì lay chuyển được chúng chỉ nghĩ về việc thực hiện cái nghĩa

vụ bí ẩn của giống loài của mình.

#### IV

Bây giờ, khi những cuốn sách đã trình bày cho chúng ta tất cả những gì chính yếu mà chúng có để kể cho chúng ta về lịch sử vô cùng cổ xưa của loài ong, chúng ta sẽ để cái môn khoa học đã được những người khác nắm bắt, và nhìn lại loài ong bằng con mắt của riêng mình. Một tiếng đồng hồ ở giữa tổ ong sẽ cho chúng ta thấy những điều, có thể, kém chính xác hơn, nhưng lại vô cùng sống động và bổ ích hơn.

Tôi vẫn không quên được trại ong đầu tiên tôi được thấy và nhờ nó học cách yêu loài ong. Chuyện này xảy ra từ nhiều năm trước ở một ngôi làng nhỏ bình dị của vùng Flandre Zélandaise, - Flandre còn sạch và duyên dáng hơn chính Zélande, hình ảnh thu nhỏ của Hà Lan này hội tụ trong mình sở thích thẩm mỹ với những sắc màu rực rỡ và đồ yêu con mắt bằng những ngọn tháp và những đầu mái nhà vuốt nhọn của mình trông tựa như những món đồ chơi đẹp và được làm rất công phu, bằng những chiếc xe ba gác sơn màu rực rỡ, bằng những chiếc tủ sáng choang và những chiếc đồng hồ treo tường trong các hành lang sâu hút, bằng những hàng cây nhỏ nối nhau dọc theo các bờ kè, dòng kênh, như thể đang mong đợi một nghi lễ thơ ngây và tốt lành, bằng những chiếc sà lan và những con thuyền có mạn lái được trang hoàng, bằng những cánh cửa chính và những ô cửa sổ chẳng khác gì những bông hoa, bằng những âu thuyền hoàn mỹ, bằng những cây cầu nâng nhỏ nhỏ và đủ mọi sắc màu, bằng những ngôi nhà sơn bóng trông như món đồ tao nhã và sáng loáng, có những người phụ nữ đeo các đồ trang sức bằng vàng và bạc trông như những quả chuông nhỏ, bước ra từ đó để đi vắt sữa bò ngoài cánh đồng cỏ được rào bằng hàng rào màu trắng, hoặc trải phơi quần áo trên những thảm cỏ được cắt tỉa thành hình ô-van và hình thoi màu xanh dịu và điểm đầy hoa. Ở nơi ấy có một nhà hiền triết già

ân cư khá giống với ông lão Virgile.

*Một người sánh ngang đế vương và giống như các vị thần.*

Và La Fonten có thể nói thêm: *giống như các vị thần, người ấy bình tâm đắc ý*; ông lánh đời ở nơi mà cuộc đời dường như eo hẹp hơn những nơi khác, nếu như thật sự có thể thu nhỏ được đời sống. Ông thu xếp cho mình một chốn ẩn dật chẳng phải vì ghê tởm cuộc đời - bậc hiền minh không biết đến cái sự ghê tởm kinh khủng như thế, - mà bởi ông đã phần nào mệt mỏi cất vãn những con người thiện cận hơn cả muông thú và cỏ cây khi trả lời những câu hỏi duy nhất có ý nghĩa, mà ta có thể đặt ra cho thiên nhiên và các quy luật thực tại. Toàn bộ niềm hạnh phúc nơi ông, giống như ở vị triết gia của xứ Scythia, quy tụ lại trong những vẻ đẹp của khu vườn, và giữa những vẻ đẹp ấy có một vẻ đẹp được ông yêu thích hơn cả và thường xuyên đến thăm hơn là khu trại ong gồm có 12 tổ ong làm bằng rơm, hình chuồng được ông tô điểm đủ màu - vài tổ có màu hồng rực, hai ba tổ có màu vàng tươi, nhưng đa số có màu xanh dịu, vì ông nhận thấy, rất lâu trước các thí nghiệm của ngài John Lubbock, rằng màu xanh da trời được các chú ong ưa thích nhất. Ông sắp xếp trại ong ở cạnh bức tường quét vôi trắng của ngôi nhà, trong cái góc được tạo thành nhờ gian bếp, - một gian bếp Hà Lan đầy vị thơm ngon và mát mẻ với những chiếc giá bằng sành, nơi xếp bộ đồ làm bếp bằng thiếc và đèn sáng bóng, qua cánh cửa rộng mở soi bóng xuống dòng kênh thanh bình. Và dòng nước ăm ắp những hình ảnh không chút già tạo dưới rặng dương hướng ánh mắt ta tới tận chân trời xa - ta sẽ được mãn nhãn nhờ bức tranh phong cảnh đồng nội cùng những chiếc cối xay gió.

Ở nơi đây, cũng như ở bất cứ nơi nào có đặt những tổ ong, chúng sẽ đem lại cho những cánh hoa, sự tĩnh lặng, bầu không khí man mác, những tia nắng một ý nghĩa mới. Ở đó như thể đang diễn ra ngày hội mùa Hạ. Ở

đó ta có thể nghỉ ngơi ở một ngã tư tươi sáng, nơi những đường bay hội tụ và lan tỏa, từ lúc bình minh ló rạng cho đến khi hoàng hôn buông xuống, chúng mang theo đủ mọi hương vị bận rộn và đầy thanh sắc của làng quê. Ở đó ta có thể thấy một tâm hồn ngời ngời và hạnh phúc, một tiếng nói khôn ngoan và đầy nhạc điệu, một tổ ấm vui nhộn trong thời khắc tuyệt đẹp của khu vườn. Ở đó, trong ngôi trường của đàn ong, chúng ta hiểu ra những mối bận tâm của tự nhiên toàn năng, những mối quan hệ trong sáng giữa ba thế giới của tự nhiên, sự phát triển bất tuyệt của sự song, đức hạnh của sự lao động hăng say và vô vị lợi, và cũng tuyệt vời như đức hạnh của sự lao động - ở đó có những cô ong thợ anh hùng dạy ta biết quý trọng hương vị ngọt ngào thoáng qua lúc nhàn cư, qua những đường nét nóng nhiệt được hàng nghìn đôi cánh nhỏ của mình vẽ nên như thể nhấn mạnh cái niềm vui sướng gần như không thể diễn tả nổi của những ngày thanh khiết hời hợt chuyển quanh mình trong không gian, khi chẳng mang theo mình một cái gì, ngoài cái chu trình trong sáng, vẹn toàn, giống như niềm hạnh phúc hết mực trinh bạch.

## V

Để cho việc theo dõi lịch sử trọn vẹn một vòng đời của tổ ong được đơn giản hơn, chúng ta hãy lấy một tổ ong vừa thức giấc mỗi độ Xuân về và bắt tay vào công việc. Và chúng ta sẽ thấy trước mắt chúng ta mở ra những sự kiện lớn của một đời ong theo một trình tự tự nhiên của mình, đó chính là: việc hình thành và tách đàn, việc tạo lập một nơi ở mới, sự sinh nở, những cuộc giao tranh và chuyển bay giao hoan của các ong chúa trẻ, việc tiêu diệt các con ong đực và trở lại thời kì ngủ Đông. Mỗi một sự kiện trong số đó tự nó đem lại những lời giải thích đối với các luật lệ, các đặc tính, các tập tính, các biến cố gây nên hay đi kèm theo sự kiện, vì trong một vòng đời ong ngắn ngủi, hoạt động của nó dù thế nào đi chăng nữa cũng

không kéo dài quá thời đoạn từ tháng Tư đến cuối tháng Chín - chúng ta sẽ tiếp xúc với tất cả những bí ẩn của ngôi nhà ngào ngạt hương mật. Còn bây giờ, trước khi lựa chọn một tổ ong và đưa ra cái nhìn tổng thể về nó, chỉ cần nói rằng một tổ ong bao gồm một ong chúa, bà mẹ của toàn bộ đàn ong, trong số một nghìn ong thợ, những con ong cái có khiếm khuyết vô sinh và cuối cùng, trong số hàng trăm con ong đực sẽ có duy nhất một con được chọn làm ông chồng bất hạnh của bà nữ hoàng tương lai được các cô ong thợ chọn ra sau sự ra đi ít nhiều có phần tự nguyện của bà mẫu hậu đang trị vì.

## VI

Lần đầu tiên mở một tổ ong, bạn cảm thấy có sự lo âu nào đó; nó giống như cái cảm giác ta phải trải qua khi thâm nhập thô bạo và một khu vực bí hiểm có thể đầy những bất ngờ đáng sợ, như vào hầm mộ chẳng hạn. Xung quanh loài ong đã hình thành truyền thuyết đầy những mối nguy hiểm đe dọa. Lập tức trong kí ức hiện lên kỉ niệm khó chịu về những cú ong chích gây đau đớn ghê gớm không gì có thể sánh được; có thể nói là bỏng rát, cứ như lửa sa mạc trút xuống nơi hỏa hoạn; như thế các cô con gái của mặt trời đã làm ra thứ chất độc cháy bỏng từ những tia nắng giận dữ của cha mình, những mong để bảo vệ tốt hơn kho mật ngọt được chúng gom góp trong những giờ phút tốt đẹp của chúng.

Quả thật, nếu người mở tổ ong không tuân thủ sự thận trọng, anh ta không biết và không tôn trọng cá tính và tập quán của các cư dân ở tổ ong, thì tổ ong này trong chớp mắt biến thành một búi lửa bùng cháy sự giận dữ và anh hùng. Nhưng chẳng có gì dễ dàng hơn bằng việc có đôi chút khôn khéo cần thiết để tiếp xúc với tổ ong mà không bị trừng phạt. Chỉ cần một chút khói nghi binh, hết sức bình tĩnh và mềm mỏng là đủ, - và những cô ong thợ được vũ trang tốt sẽ cho phép ta cướp bóc, thậm chí chẳng nghĩ

đến việc thờ ngòi ra. Chúng không công nhận thủ lĩnh của mình, chẳng sợ con người, nhưng mùi khói và những động tác chậm rãi của đôi tay chuyển động trong ngôi nhà của chúng sẽ không đe dọa chúng, khiến chúng nghĩ rằng, đây không phải là sự tấn công và không phải là một kẻ thù ghê gớm, chúng có thể tự vệ chống lại được, mà đó là một thứ gì đó như thể là sức mạnh hay tai họa của thiên nhiên buộc chúng phải phục tùng. Thay vì chiến đấu một cách vô ích, những chú ong rất có tài tiên lượng - sự tiên lượng đánh lừa chúng, vì chúng quá nhìn xa trông rộng - những chú ong muốn, chí ít là cứu lấy tương lai và lao vào ngu ồn mật dự trữ để lấy và giấu trong chính bản thân mình chất liệu cho việc nhanh chóng tạo dựng một thành phố mới, nếu thành phố cũ bị phá hủy và cần phải từ bỏ nó.

## VII

Một kẻ phạm phu được khi được quan sát một tổ ong mới đầu sẽ rất thất vọng<sup>3</sup>. Người ta quả quyết với anh ta rằng, cái hộp kính này chứa đựng trong mình sự hoạt động có một không hai, vô số những luật lệ khôn ngoan, rất nhiều điều đáng kinh ngạc về sự thiên tài, những bí ẩn, kinh nghiệm, tính toán, khoa học, những nghệ thuật khác nhau, sự nhìn xa trông rộng, niềm tin, những tập tính tinh khôn, những tình cảm kỳ lạ và những phẩm hạnh. Thế nhưng trong đó anh ta chẳng thấy gì, ngoài một đồng chả ra hình thù gì những quả nhỏ màu hung đỏ, rất giống hạt cà phê rang hay quả nho khô chôn chặt bên các tấm kính. Đồng quả đáng thương ấy quả thật nằm như chết, chẳng sống động gì. Cả đồng khẽ rung rinh bởi những chuyển động chậm chậm, rời rạc, khó hiểu. Anh ta không nhận thấy trong đó những giọt sáng đẹp mê hồn không ngừng vừa mới chìm xuống lại trỗi theo nhịp thở rạo rức của cả nghìn đài hoa mãn khai tràn đầy châu ngọc.

Chúng run rẩy trong bóng tối. Chúng ngọt ngào trong đám đông bất

động, như đám tù nhân ốm yếu hay những nữ hoàng bị truất ngôi chỉ có một khoảnh khắc huy hoàng giữa vườn hoa rạng rỡ, để rồi ngay sau đó phải trở về cảnh nghèo hèn tủi hổ trong lãnh cung chất chứa buồn đau của mình. Nhưng ở đây cũng diễn ra cái đi đầu đúng như nó xảy ra với bất kể một thực tại sâu sắc nào. Cần phải học cách quan sát nó: một cư dân của một hành tinh nào đó nếu nhìn thấy những con người hầu như lùn lủi đi lại ngược xuôi trên đường phố, tụ tập thành đám đông quanh một vài tòa nhà hay trên quảng trường nào đấy, chẳng biết họ chờ đợi cái gì, chẳng hiểu vì sao cứ ngẩn ngơ lì trong những ngôi nhà của mình, thì người đó từ những gì nhận thấy sẽ rút ra kết luận rằng, con người thật ù lì và thảm hại. Chỉ dần dần từng chút một mới có thể nhận biết ra cái hoạt động rất phức tạp trong sự thụ động này.

Thực sự thì bất kể một cái hạt nhỏ bé nào, gần như bất động trong số đó đang lao động không ngừng và làm một nghề đặc biệt. Không một con ong nào trong đàn biết đến nghỉ ngơi, và thí dụ những con ong trông như đang ngủ im và treo mình thành chùm bất động trên tấm kính, chúng đang thực hiện một công việc bí ẩn và nặng nề nhất: chúng đang luyện và tiết ra sáp. Nhưng chúng ta sẽ trở lại với những điểm đặc biệt của hoạt động thống nhất này ngay sau đây. Bây giờ chỉ cần chú ý đến một đặc điểm trọng yếu trong thiên tính của loài ong giải thích cho nỗi buồn chán khác thường khi chúng làm việc trong bóng tối. Khi một con ong ra khỏi tổ, nơi chen chặt đến mức, nó phải dùng đầu mở đường cho mình xuyên qua những bức vách sống động bao quanh nó, nó bước ra khỏi bản năng của mình. Nó vụt chìm vào một không gian tràn ngập hoa, như một người lặn xuống đại dương đầy ngọc quý; nhưng bởi cái chết đe dọa nên nó qua những khoảng thời gian chính xác phải trở về hít thở không khí bầu đàn, đúng như người thợ lặn hít thở dưỡng khí. Trong tình cảnh đơn độc, một con ong có thể chết sau vài ngày, chính vì sự cô đơn này. Trong tình cảnh

này thì nguồn thức ăn dãi dào, lẫn nhiệt độ thuận lợi nhất cho sự sống của nó cũng chẳng giúp ích được gì. Sự tập trung đông đúc, chiếc tổ chia sẻ cho nó thứ dưỡng chất vô hình xiết bao cần thiết như mật ngọt vậy. Cần chú ý đến nhu cầu này, để làm rõ được linh hồn trong các luật lệ của tổ ong. Trong tổ ong một cá thể chẳng là gì, nó chỉ là một thành tố không đáng quan tâm, một công cụ được chấp cánh của giống loài. Toàn bộ cuộc đời của nó là sự hy sinh trọn vẹn cho sự tồn sinh của [bầy đàn] đông vô kể và không ngừng tiếp nối, mà nó là một phần ở trong đó. Việc nhận ra rằng điều này không phải luôn như vậy mới thật kỳ lạ. Ngày nay trong các loài có cánh màng làm mật ta thấy tất cả các giai đoạn của một nền văn minh tiến bộ của con ong nhà của chúng ta. Dưới gầm cầu thang nó làm việc đơn độc, khổn khổ; nó thậm chí thường không được thấy con cháu của mình (như *Prosopis*, *Collates*, v.v.), đôi khi sống giữa một gia đình chen chúc do nó tạo nên trong vòng một năm (như ong đất), tiếp theo là nó tạo ra những quẩn thể tạm thời (như *Panurgues*, *Dasypodes*, *Halictes*, v.v.), và cuối cùng, khi chuyển dần từng mức một, nó tiến tới một xã hội gần như hoàn chỉnh, nhưng nhấn tâm với một cá thể - xã hội của các tổ ong của chúng ta - nơi một cá thể bị thể chế cộng hòa nuốt chửng, và nơi mà thể chế cộng hòa, đến lượt mình, lại thường xuyên trở thành vật hiến sinh cho cái xã hội trừu tượng và bất tử trong tương lai.

## VIII

Chúng ta không nên vội vàng dựa trên những sự kiện này rút ra các kết luận áp dụng cho con người. Con người có khả năng không tuân theo các quy luật của tự nhiên; và vấn đề là ở chỗ, anh ta có quyền hay không, khi sử dụng khả năng này - nó là một trong những điểm quan trọng và ít được làm sáng tỏ nhất trong đời sống của anh ta. Song không vì thế mà việc nắm bắt ý chí của tự nhiên trong một thế giới khác biệt với thế giới của chúng

ta trở nên kém thú vị hơn; rõ ràng là, ý chí này bộc lộ một cách hết sức rõ ràng trong sự tiến hóa của những con vật cánh màng làm mật, mà sau con người, trong số các cư dân của trái đất, chúng là những sinh thể có trí lực trời phú hơn cả. Tự nhiên, rõ ràng, cố gắng hướng tới sự cải thiện giống loài, nhưng nó đồng thời cho thấy rằng, đừng mong đi đầu đó hoặc không thể đạt được đi đầu đó bằng một cách nào khác là phải làm tổn hại đến sự tự do cá nhân, các quyền và hạnh phúc của một cá thể. Cùng với việc một xã hội hình thành và phát triển, đời sống riêng của mỗi thành viên của nó bị thu hẹp lại. Ở bất cứ đâu ta nhận thấy có sự tiến bộ, thì nó đều là kết quả của việc càng ngày càng hi sinh toàn bộ lợi ích cá nhân cho cái chung toàn. Việc đầu tiên là cần phải làm sao để mỗi thành viên từ bỏ những thói tật xấu - những hành động tự chủ. Ong đất nằm ở mức áp chót của nền văn minh ong là thế, chúng giống như những kẻ ăn thịt người của chúng ta vậy. Các con ong thợ trưởng thành thường bò loanh quanh những cái trứng để ăn chúng, và ong chúa buộc phải quyết liệt bảo vệ trứng. Sau đó là cần phải làm sao để mỗi thành viên đã tránh khỏi các thói tật nguy hại nhất, có được một số đức tính tốt nhất định - đây là một việc ngày càng trở nên khó khăn hơn. Những cô ong thợ của loài ong đất chẳng hạn, chúng không nghĩ đến việc từ bỏ tình yêu, nhưng ong nhà của chúng ta lại sống luôn luôn trinh bạch. Vả lại, chúng ta sẽ được thấy ngay thôi tất cả những lợi ích cá nhân mà cô ong thợ phải từ bỏ vì hạnh phúc, sự an toàn, sự hoàn hảo về kiến trúc, kinh tế và chính trị của cả tổ ong, và chúng ta sẽ trở lại với sự tiến hóa phi thường của những con côn trùng cánh màng làm mật ở chương dành nói về sự tiến bộ của giống loài.

## Phần II

### Tổ ong

#### I

Để tiến gần hơn tới thiên nhiên, giờ ta sẽ xem xét các tầng mức khác nhau của đàn ong khi chúng đi vào một cái tổ thông thường, vốn lớn gấp mười-hai mươi lần cái tổ ta theo dõi, để lũ ong được hoàn toàn tự do, không bị ngăn trở.

Ở đây, chúng đã rũ bỏ cái vẻ lơ đãng, uể oải mùa Đông. Ong chúa lại bắt đầu đẻ trứng ngay những ngày đầu tháng Hai, các ong thợ lũ lượt kéo đến các cây liễu, cây dẻ, hoa tím, hoa tước, cỏ ngỗng, cỏ phôi. Rồi mùa Xuân sang, khắp các hẻm vựa đầy mật và phấn hoa, mỗi ngày có đến hàng ngàn ong mới ra đời. Những con ong được quá tuổi lúc này tủa cả ra khỏi lỗ, nhặng xị nô đùa trên mặt tổ; và cái thành phố phần vinh trở nên đông đúc đến nỗi vào buổi tối, hàng trăm ong thợ về muộn không tài nào chen được vào tổ, đành qua đêm bên ngoài, cho buốt giá mặc sức tàn hại. Đám thần dân hiếu động không ngưng, còn bà hoàng già bắt đầu chuyển mình. Nó cảm thấy được một định mệnh mới đang được nhen nhúm. Nó đã thành tâm thực hiện trách nhiệm của mình hết như một bà mẹ tận tụy; vậy mà kết cuộc chỉ là đau khổ, muộn phiền. Nếp thanh bình đang bị đe dọa bởi một mãnh lực khôn cưỡng; nó sẽ sớm buộc phải rời bỏ thành trì, nơi nó đã trị vì? Nhưng cái thành phố này là công trình của nó, là chính nó, bản thân nó. Nó không phải là dạng chúa tể như cách con người nghĩ. Nó không ban

tuyên chỉ dụ nào cả; nó cũng ngoan ngoãn tuân phục như những thần dân khiêm nhường nhất của nó, còn cái thế lực bí ẩn, cái ý chí ngự trị, bây giờ ta sẽ đặt là “linh hồn của tổ ong.” Song con ong chúa lại là bộ phận - tình yêu duy nhất, là đức mẹ của cả cái “thành phố” này. Trong túng thiếu và vô định, nó đã dựng lên cả tòa thành. Dân ngụ trong thành cũng từ bản thể của con ong chúa mà ra; mọi thứ chuyển động trong tổ, hết thảy đều do ong chúa dứt ruột đẻ ra: ong thợ, ong đực, ấu trùng, nhộng và những ong chúa non - ngày sinh của chúng cũng là lúc ong chúa ra đi đến gần kề một trong các “công chúa” ong đó đã được “linh hồn của tổ ong” chọn làm kẻ kế vị.

## II

“Linh hồn tổ ong” là cái gì - nó ngụ nơi nào? Không như thứ bản năng đặc biệt dạy lũ chim biết xây cái tổ hoàn chỉnh, rồi lại dạy chúng biết tìm đến những vùng trời khác khi đến mùa di trú. Cũng chẳng phải tập tính cố hữu của giống loài hay lòng ham sống đến mù quáng – thứ sẽ ném cả đàn vào bất cứ mối nguy hiểm nào nếu chẳng may có biến cố xảy ra đảo lộn trật tự các hiện tượng quen thuộc. Ngược lại, “linh hồn tổ ong” sẽ vẫn tuân thủ cái độc đoán gớm ghê của ngoại cảnh, hết như một tên nô lệ linh lợi, tinh ý, biết lợi dụng, vun vén thậm chí cả từ những mệnh lệnh nguy hiểm nhất của chủ nhân.

Nó vứt bỏ không mảy may thương tiếc mọi của cải và hạnh phúc, cả tự do và cuộc sống của tất cả đám thần dân có cánh này; nhưng vẫn sáng suốt, như thể nó kiên hãm chính mình bởi một sứ mệnh vĩ đại nào đó. Hàng ngày, “linh hồn tổ ong” đi đầu hòa số lượng ong sinh ra, và đi đầu chỉnh số đó phù hợp sát sao với số lượng hoa nở trong vùng. Nó có quyền hạ bệ ong chúa hoặc báo cho “bà hoàng” biết mà ra đi; nó cũng ép buộc ong chúa phải sinh ra chính đối thủ của mình, rồi phục dịch lũ này một cách vương giả, bảo vệ chúng khỏi lòng căm ghét chính trị của mẹ chúng. Bởi thế, cũng

cùng với sự hào phóng về các loại hoa, thời gian mùa Xuân, và cả các mối hiểm nguy tiềm tàng từ chuyển bay hôn phối, nó sẽ hoặc cho phép hoặc cấm những ong cái non lứa đầu tiên được giết chết ngay trong kén những con cái non lứa sau - những cô công chúa nhỏ đang ca bài ca của các nữ hoàng. Những khi khác, vào lúc mùa tàn, thời gian hoa nở ngắn hơn, nó sẽ lệnh cho tụi ong thợ tự tay hạ sát toàn bộ cái dòng giống hoàng gia kia, để khép lại thời đại cách mạng, và để lao động trở thành mục tiêu duy nhất. “Linh hồn của tổ ong” có ranh ma, có tần tiện nhưng không hề bủn xỉn. Bởi thế, có thể nó nhận thức được, các quy luật tự nhiên hể cứ liên quan đến tình yêu thì đều hoang dại và vô lý, nên trong những ngày hè sung túc, nó trở nên khoan dung cho hàng ba bốn trăm ong đực chen chúc nhau trong tổ, từ đám này ong chúa sắp ra đời sẽ chọn lấy tình lang của mình; ba bốn trăm sinh vật ngu ngốc, hậu đậu, vô dụng, ồn ào mà lại khoe mẽ, phàm ăn, bẩn thỉu, thô lỗ, hoàn toàn ăn không ngửi rửi một cách đáng tởm, lại còn tham lam và đông đúc.

Nhưng khi ong chúa đã thụ tinh, khi hoa tàn sớm, nở muộn, cái linh hồn ấy một sớm mai sẽ lạnh lùng ban lệnh thăm sát hàng loạt, tức thì tất cả mọi ong đực. Nó chỉnh đốn lại lao động của bọn ong thợ, tùy theo độ tuổi của chúng; nó phân nhiệm vụ cho những ong bảo mẫu chăm sóc nhộng và ấu trùng, các ong thị tì có vinh dự hầu bên ong chúa và không bao giờ rời mắt khỏi nó; lại còn bọn gia nô làm nhiệm vụ đi đầu hòa không khí, làm mát làm ấm bằng cách tự vỗ cánh và làm mật bay hơi nước nhanh hơn nếu tích nhiều nước quá; rồi ong kiến thiết, ong thợ xây, ong thợ sắp và những ong điêu khắc có nhiệm vụ dựng lên các chuỗi và cấu trúc của tổ ong; còn bọn ong kiểm mồi lùng sục các loại hoa tìm mật hoa để làm mật, tìm phấn hoa làm thức ăn cho ấu trùng và nhộng, phấn hoa cũng làm keo ong để gắn kết và gia cố “các tòa nhà trong thành phố”, hoặc kiếm nước và muối cho lũ ong non - thế hệ thanh xuân của đất nước. Các mệnh lệnh của nó đến

với ong-hóa học nhằm bảo quản mật bằng cách nhỏ một giọt acid formic qua chót đuôi của chúng; đến với ong-đóng gói để bọn này phong kín lỗ tổ khi thứ mật quý báu đã ngấu; đến các ong lao công giữ cho phở xá và những nơi công cộng được sạch sẽ đến mức không chê vào đâu được; đến bọn phu dịch có nhiệm vụ di dời các xác chết; và đến những con ong cái to khỏe canh gác ngày đêm lối cửa, tra hỏi khắp kẻ ra người vào, xét cho bọn ong mới trở về từ chuyến bay đầu tiên, rắn đe lũ du thủ du thực, hay bè kẻ cướp bóc, tổng cổ bọn đột vòm, ào lên nhất loạt tấn công và nếu cần, sẽ chen ngay cả lối vào.

Cuối cùng, chính linh hồn của tổ ong đã ấn định thời khắc cho đại lễ hiến sinh cho thần hộ mệnh giống loài: thời khắc của bầy ong, chính thế; là khi ta thấy toàn thể đàn ong – vốn đã đạt tới đỉnh cao nhất của sự phồn thịnh và quyền lực, bỗng nhiên phong tỏa mọi thứ tài sản, cung điện, nhà cửa và thành quả lao động ngọt ngào của chúng; rồi tự quăng mình vào những hiểm nguy, gian khó ở một đất nước mới, xa xôi. Hành động này, dù là vô thức hay không, thì cũng không nghi ngờ gì nữa, đã vượt quá các giới hạn đạo lý của con người. Đôi khi kết cục sẽ là sụp đổ, nhưng chắc chắn bao giờ cũng sẽ là nghèo đói; và cái thành phố vô cùng sung sướng đó bị xé lẻ ra để tuân phục một thứ luật định tối thượng áp đặt trên chính niềm hạnh phúc của nó. Ta sẽ sớm tìm ra, đâu là nơi ban hành thứ luật định ấy, cái thứ mù quáng vô lối và cũng chắc chắn vô cùng. Ở đâu, ở hội đồng nào, ở tập thể nào, ở phạm vi đạo đức, trí tuệ nào, mới là nơi trú ngụ của linh hồn này, để mà hết thảy phải phục tùng, mà bản thân nó cũng chịu bị trói buộc vào một nhiệm vụ liêu lĩnh, vào một thứ trí tuệ mang nhãn quan đã được xác định chắc chắn ở tương lai?

Đối với loài ong, cũng như hầu hết mọi sự khác trên cõi đời này; ta quan sát một vài tập tính của chúng; ta nói chúng làm cái này, chúng làm theo cách kia cách ấy, các ong chúa được sinh ra như thế, bọn ong thợ thì

còn son, chúng tụ thành bầy vào một lúc nhất định nào đó. Sau đó ta cho rằng mình đã hiểu loài ong rồi, chẳng còn gì để hỏi nữa. Ta nhìn chúng vo ve từ bông hoa này sang bông hoa khác, ta thấy được sự náo nhiệt cuống cuồng trong tổ ong; đối với ta, đời ong có vẻ rất đơn giản, cũng như mọi cuộc đời khác, bị giới hạn trong những lo âu bản năng về việc sinh sản và kiếm ăn. Nhưng hãy ghé mắt đến gần hơn một chút, nhìn chăm chú sẽ thấy ngay lập tức cảnh tượng nhỏ nhất bỗng trở nên phức tạp kỳ vĩ khôn lường; ta đối diện với điều bí ẩn của trí tuệ, của số phận, của ý chí, mục đích, phương thức, căn nguyên; một thứ tổ chức không thể nào hiểu được của một hoạt động sống khiêm nhường bậc nhất.

### III

Vậy, tổ ong của chúng ta, đang bắt đầu kéo bầy di tản; sẵn sàng cho cuộc hiến sinh vĩ đại dâng những thánh thần tham lam của loài ong. Tuân theo ý chỉ của linh hồn - cái lệnh hắc là khó hiểu đối với chúng ta, bởi nó hoàn toàn trái ngược với tất cả bản năng và cảm xúc của ta - trong tổng số dân khoảng tám, chín vạn ong có đến sáu, bảy vạn sẽ đời bỏ quê mẹ vào thời điểm đã định trước. Chúng sẽ không ra đi vào những lúc tuyệt vọng; cũng không nhất định khăng khăng phải bỏ tổ mà đi lúc túng quẫn, lúc tổ bị tàn phá bởi nạn đói, dịch bệnh hay chiến tranh. Không, cuộc xuất hành đã được ấn định trước từ lâu, và thời khắc đã định cứ thế mà kiên nhẫn đợi chờ. Nếu tổ ong đói kém, hoặc giả bị cướp bóc, hay giông bão, hay điều gì bất hạnh xảy đến với hoàng gia, lũ ong sẽ không bỏ rơi nó. Chúng bỏ tổ chỉ khi đã đạt đến đỉnh điểm sung túc; là lúc mà, sau cả mùa Xuân miệt mài lao động, cung điện lộng lẫy bằng sáp đã có đến mười hai vạn lô chứa được xếp đặt cẩn thận tràn trề mật mới và bột phấn nhiều màu, gọi là “bánh mì ong”, dành sẵn cho nhộng và ấu trùng ăn.

Chưa bao giờ tổ ong đẹp để đường này, ngay đêm trước cuộc di tản bi

trắng, vào cái thời khắc vô song ngập tràn cảm xúc và niềm vui sướng; nhưng tổ ong lúc này cũng lại rất đổi thanh bình, tất cả để dành cho sự háo hức và cuồn cuộn nhiệt.

Ta hãy tự mình cố gắng hình dung ra cảnh tượng ấy, không phải như cách bọn ong nhìn thấy, - bởi ta không thể biết được những điểu kỳ diệu, dữ dội nào có thể được phản chiếu vào sáu bảy ngàn con mắt đơn trong cặp mắt ở hai bên và bộ ba mắt đơn trên đỉnh trán của chúng, - mà phải là với chúng ta, như thể ta có kích thước tầm vóc giống bọn ong vậy. Từ tầnn cao của một mái vòm còn kỳ vĩ hơn cả mái vòm của tòa thánh St. Peter ở Rome, các bức tường sập phủ xuống nền tổ, cân đối giữa khoảng không và bóng tối; các cấu trúc thẳng đứng và song song, khổng lồ và đa diện, mà tương ứng với sự chính xác, táo bạo, rộng lớn của nó, thì không có một kiến trúc nào của nhân loại có thể sánh cùng. Các bức tường này vẫn nguyên vẹn hoàn hảo, thơm nức, tinh khiết và ánh lên màu tươi mới; mỗi bức chứa hàng nghìn khoang lỗ dùng để tích trữ đủ nuôi ăn cả đàn trong khoảng vài tuần lễ. Ở đây, đựng trong các khoang trong suốt là phấn hoa, thứ men tình yêu của mọi loại hoa mùa Xuân, làm ánh lên rực rỡ đủ các màu đỏ vàng đen tím. Chung quanh đó là hai vạn thùng chứa được niêm kín sẽ chỉ được mở trong những ngày cùng quẩn, chứa mật ong tháng Tư, trong và thơm nhất, cuộn tròn bằng lớp vàng dài, lỏng lẫyy, viền bo chặt cứng. Cao hơn một chút là mật tháng Năm đang ngấu trong những chum mở, bên cạnh có lính gác túc trực và liên tục duy trì để thoáng khí. Ở trung tâm, cách xa ánh sáng từ những tia lấp lánh lọt vào qua lối cửa duy nhất, trong phần ấmm áp nhất tổ, là nơi cư ngụ của tương lai; chúng ngủ say r ời thức dậy, là ở đây. Đây là chốn cấm cung làm các khoang ấp, dành riêng cho ong chúa và đoàn thị tì; khoảng một vạn khoang chứa trứng, vạn rườii đến vạn sáu ô đựng ấu trùng và bốn vạn lỗ nhộng trắng được hàng ngàn ong hộ lý chăm sóc<sup>4</sup>. Và cuối cùng, ở nơi thiêng liêng nhất, có đến ba,

bốn, sáu hay mười hai cung được phong kín, to lớn hơn hẳn những khoang khác, là nơi chứa những nàng công chúa bé thơ nằm đợi đến thời khắc của mình, bọc kín bằng một lớp áo, hết thấy đầu bất động và yếu ớt, và được nuôi dưỡng trong bóng tối.

#### IV

Đã rồi, vào cái ngày mà linh hồn của tổ ong đã ấn định, tuân theo những luật lệ kiên quyết không thể lay dời, một phần nào đấy của bầy sẽ đi tiên phong, mở đường cho những niềm hy vọng mà đến giờ thậm chí còn chưa thành hình. Trong cái thành phố còn say ngủ, còn lại những con ong đực mà từ đó sẽ được lựa chọn để tiến cung, phục vụ chăn gối cho hoàng tộc; còn lại những ong rất non phục dịch cho các khoang ấp, và một vài ngàn ong thợ vẫn còn kiếm ăn ở ngoài, để canh giữ đồng của cái chất chông và để gìn giữ lễ thói, truyền thống của tổ ong. Vì mỗi tổ lại có những quy tắc, lễ thói riêng. Một số thì rất hợp tình hợp lý, còn một số lại quá là quái đản; vậy nên người nuôi ong mà bất cẩn sẽ thường làm thoái hóa đàn ong, khiến chúng mất đi sự tôn trọng đối với tài sản của kẻ khác, khuyến khích chúng đi cướp phá và tạo nên những thói quen chiếm đoạt lẫn lộn nhác, những đi đầu biến chúng thành nguần gốc tai họa đối với những tổ ong xung quanh. Những đi đầu này là kết quả của việc lũ ong phát hiện ra rằng kiếm ăn giữa các bông hoa cách xa nhau thì cần hàng nhiều trăm lượt đi lại mới tạo ra được một giọt mật, không phải là cách duy nhất hay nhanh nhất để trở nên giàu có, thế nhưng sẽ dễ hơn nhiều nếu dùng mưu lên được vào cướp bóc những thành phố-tổ ong canh phòng lỏng lẻo, hay dùng vũ lực đối với những tổ quá yếu. Mà cũng chẳng phải dễ dàng gì để mà khôi phục nhưng lễ thói của một tổ ong đã trở nên sa đọa như thế này.

## V

Mọi thứ đều chứng tỏ rằng không phải ong chúa, mà chính linh hồn của tổ ong mới quyết định việc kéo bầy. Con ong chúa của chúng ta cũng như các thủ lĩnh ở thế giới loài người, dù có quyền ra lệnh nhưng bản thân nó vẫn buộc phải phục tùng những mệnh lệnh còn bí ẩn, khó lý giải hơn nhiều so với những lệnh nó đưa ra cho bọn thuộc cấp. Thời khắc kia, một khi đã ấn định, linh hồn tổ ong sẽ có thể hé lộ lúc bình minh, hay vào đêm trước đó, nếu không thì là hai đêm trước; lúc mặt trời vừa mới thường thức những giọt sương đầu tiên khi cả trong lẫn ngoài tổ bắt đầu ồn ào huyên náo; người nuôi ong hiếm khi nào lại bỏ qua chỉ dấu của hiện tượng này. Có đôi khi người ta nhận thấy dấu hiệu của những tranh cãi, do dự, yếu lòng. Thậm chí cái trạng thái kỳ lạ đó còn tiếp diễn ngày này qua ngày khác, mà rõ là chẳng có căn cứ gì, cứ thế xuất hiện rồi biến mất giữa cái đám đông vàng óng trong suốt này. Có phải một đám mây lặng lẽ trôi qua trên bầu trời mà đám ong đang ngắm nhìn nhưng chúng ta lại không trông thấy được? Hay trí tuệ của chúng đang dần vật nuôi tiếc? Có một hội đồng ong nào còn tranh cãi liệu chuyến xuất hành có cần thiết không? Về chuyện này, ta không biết gì cả; bởi ta không biết bằng cách nào mà linh hồn của tổ ong truyền đạt ý chí quyết tâm của nó tới bầy ong. Ví thử lũ ong có giao tiếp với nhau, thì ta cũng không rõ cách thức của chúng có giống của loài người không. Có lẽ, thậm chí cả những khúc ca của chính lũ ong, chúng cũng không nghe được: ấy là âm thanh rì rầm vọng đến tai người trĩu nặng mùi hương mật ong, tiếng thì thầm mê mẩn của những ngày hè thần diệu nhất mà người nuôi ong yêu biết mấy, khúc hoan ca của lao động miệt mài trầm bổng quanh tổ ong vào thời khắc vàng ngọc, và có thể lắm, là cả bài thánh ca của những đóa hoa náo nức, ca tụng niềm vui sướng của chúng và vang vọng mùi hương dịu ngọt, và cả giọng nói từ những bông cẩm chướng trắng, của cây kinh giới ô, của cỏ xạ hương. Tuy vậy, chúng vẫn có

toàn bộ những cung bậc âm thanh mà ta có thể phân biệt, từ niềm vui sướng sâu sắc đến dọa nạt, đau buồn, tức giận; chúng có bài tụng ca nữ hoàng, bài ca của phần vinh sung túc, có bi ca buồn thảm, và, cuối cùng, những tiếng gào thét xung trận kỳ bí mà những ong chúa non đờng thanh trong chiến trận và trong những trường thăm sát ngay trước chuyến bay hợp hoan. Phải chăng đây chỉ là nhạc điệu ngẫu hứng, không ích gì để giúp lũ ong tĩnh tâm được? Dẫu sao đi nữa, chúng có vẻ không thấy phiền hà gì với những tiếng động khi ta đến gần tổ ong; mà chúng hẳn coi chuyện ấy không đáng kể, và cũng chẳng ảnh hưởng gì đến lợi ích của chúng. Có khả năng chúng ta về phía mình chỉ nghe được một phần rời rạc từ những âm thanh bày ong tạo ra, và có thể chúng có nhiều hòa âm không hợp với tai người. Ta sẽ thấy lũ ong hiểu nhau nhanh chóng đến mức đáng kinh ngạc, qua những công cụ hòa phối nào đó, khi mà, ví thử có một tên trộm mật ong khổng lồ - con ngài mặt quỷ dai dẳng (ngài nhân sư/ *acherontia atropos*) - loài bướm đêm mang đi ền gở có hình đầu lâu trên lưng, xông thẳng vào tổ ong, gào rú lên âm thanh quái đản như thể niệm một thứ thần chú không gì cưỡng lại được; thì ngay lập tức tin báo sẽ lan truyền từ nhóm ong này sang nhóm ong khác, từ ong lính gác cửa đến ong thợ trong những khoang sâu nhất, khiến toàn bộ cư dân phải run lên vì sợ.

## VI

Trong suốt một thời gian dài, người ta tin rằng khi những con thông thái, thường cũng rất cẩn trọng, rất biết tiết kiệm, biết lo xa, bỏ mặc đồng của cải của cả vương quốc để r ỡ lao mình vào những thứ bất định của cuộc đời, là chúng đang phó mặc cho một đi ều gì r ồ đại không cưỡng lại được, một cơn bốc đờng mù quáng, một định luật của giống loài, một mệnh lệnh từ thiên nhiên, hay là chịu thúc thủ trước một sức mạnh áp lên tất cả mọi tạo vật trong vòng xoáy thời gian. Trường hợp của con người

chúng ta cũng không khác gì như với loài ong, đó chính là thói quen của ta cứ hễ cái gì không hiểu được thì đều coi là số phận. Nhưng giờ đây tổ ong đã buông bỏ hai ba đi đầu bí mật trọng đại của nó, ta phát hiện ra rằng cuộc xuất hành này chẳng phải bởi bản năng mà cũng không cần thiết đến mức sống còn. Đó không phải là một cuộc di trú mù quáng, nhưng hiển nhiên là cuộc hiến sinh đã được chuẩn bị kỹ lưỡng là ân huệ mà thế hệ đi trước dành cho thế hệ tiếp sau. Người nuôi ong chỉ phải dỡ bỏ các lỗ chứa mà bên trong bọ ong chúa non vẫn còn lằm chằm và đờng thờ, nếu vẫn còn lúc nhúc nhộng với ấu trùng; để mở rộng các kho lằm, nơi ở cho cả vương quốc, để giảm ngay lập tức sự xáo trộn vô ích này, cho công ăn việc làm được khôi phục nhanh chóng, để những bông hoa lại có khách viếng thăm; trong khi đó, ong chúa già, giờ lại trở nên cần thiết, không có kẻ kế vị để đặt niềm hy vọng, hoặc cũng có thể để mà lo sợ, sẽ lại từ bỏ nỗi khát khao được nhìn thấy ánh mặt trời trong suốt một năm nữa. Vững tin vào tương lai của hành động sẽ sớm xuất hiện trong cuộc đời, nó sẽ bình thản quay lại công việc sinh nở, tuần tự theo hình xoắn ốc nó di chuyển qua các lỗ trong tổ và đẻ ra đến hai ba ngàn trứng mỗi ngày, từ lỗ này sang lỗ khác, không bỏ sót một cái nào, không ngừng không nghỉ.

Định mệnh nào ở đây nếu không phải là tình yêu của giống loài hôm nay gìn giữ cho con cháu ngày mai? Ở nhân loại cũng tồn tại thứ định mệnh này, nhưng phạm vi và mức độ có vẻ ít hơn rất nhiều. Ở nhân loại, nó không bao giờ tạo nên những cuộc hiến sinh lớn lao, đờng loạt và hoàn hảo đến thế. Nếu biết rằng tương lai sẽ có một định mệnh như thế, liệu chúng ta có tuân phục nó không? Ta không biết, cũng như ta chẳng biết liệu có giống loài nào đang quan sát chúng ta như chúng ta đang quan sát lũ ong hay không.

Nhưng tổ ong mà ta đã chọn, bị đảo lộn trong câu chuyện của nó mà không hề có sự can thiệp của con người; và khi cái ngày tươi đẹp rực rỡ,

thanh bình dần trỗi dưới những ngọn cây vẫn còn đẫm sương mai, bầu nhiệt huyết của nó dường như làm thời khắc định trước kia trở nên chậm lại. Trên toàn bộ bề mặt những hành lang vàng óng chia cách các bức tường song song nhau, cánh ong thợ đang hối hả chuẩn bị khởi hành. Mỗi con trước hết phải tự mình mang đủ lượng mật dùng trong năm, sáu ngày. Từ chỗ mật mang theo mình, chúng sẽ chuyển hóa theo một quá trình hóa học nào đó vẫn chưa giải thích được, thành sáp dùng ngay để xây tổ mới. Còn bản thân chúng cũng ăn một phần keo ong, một loại chất dính mà chúng sẽ dùng để trám vào những khe kẽ ở tổ mới, hay để gia cố những chỗ yếu, để trát tường, và bịt không cho ánh sáng lọt qua; bởi loài ong ưa hoạt động trong điều kiện gần như là tối hoàn toàn, tự dò đường bằng những con mắt đa diện, hay có thể là bằng râu, thì dường như có một cơ chế cảm nhận của một giác quan bí ẩn nào đó, giúp chúng đo đạc, định lượng được trong bóng tối.

## VII

Vì vậy, chẳng phải chúng không biết trước điều gì sẽ xảy ra vào cái ngày nguy hiểm nhất trong suốt cả cuộc đời mình. Tất cả đều dồn vào những hiểm họa khôn lường của cuộc phiêu lưu vĩ đại, chúng sẽ không có thời gian để thăm lại những khu vườn, những đồng cỏ; cả ngày mai, ngày một nữa, biết đâu trời lại mưa, hay nổi gió; những chiếc cánh ong có thể bị đóng băng hay nhỡ đâu, những bông hoa không còn nở nữa. Không thấy được viễn cảnh này, nạn đói và chết chóc hẳn sẽ đợi sẵn ở phía trước. Sẽ không ai đến giúp đỡ chúng, mà chúng cũng chẳng cầu ai giúp. Bởi tổ ong này không hề biết đến tổ ong khác, và trợ giúp là thứ không bao giờ xảy ra. Và thậm chí có thể người nuôi ong đã đặt cái tổ vào đúng chỗ ông ta đã thu lượm cả ong chúa cũ lẫn bầu đoàn thể tử của nó, ngay bên cạnh chúng từng cư ngụ nhưng vừa mới rời bỏ. Không hiểu cái tai họa nào chưa bao giờ ghé

gồm những ấy giáng xuống đầu chúng, dường như chúng đã quên bằng đời thái bình và hạnh phúc chúng từng biết ở đó, sự giàu có dư dả và an toàn một thời thuộc sở hữu của chúng; rồi từng con từng con một cho đến con cuối cùng ngã xuống, thà chết dần chết mòn vì đói rét quanh bà hoàng xấu số, chứ không chịu trở lại nơi chôn rau cắt rốn, nơi vẫn còn mùi thơm sung túc, mà thực ra, lại chính là cái mùi hương của tháng ngày lao động miệt mài đã qua, cứ phảng phất len vào nỗi khốn cùng của chúng.

## VIII

Hắn có người sẽ nói đó không phải là đi đầu mà con người sẽ làm - một bằng chứng cho thấy loài ong, bất luận tổ chức của chúng có siêu việt đến đâu, vẫn thiếu trí tuệ và ý thức thực thụ. Có chắc vậy không? Chắc chắn rằng các loài khác có thể sở hữu một trí thông minh khác biệt so với chúng ta, tạo nên những hệ quả khác, do đó không hề thấp kém hơn chúng ta. Và ngoài ra, chúng ta, cứ cho là chỉ trong một nhúm nhỏ này thôi, có đáng là những kẻ sáng suốt để mà phán xét cả những vấn đề liên quan đến tâm linh? Giả dụ nhìn thấy có hai ba người đang đi lại đằng sau một cái cửa sổ nhưng lại không nghe thấy tiếng họ nói, liệu chúng ta có nắm bắt được những tư duy nào đang bao trùm lên mấy người đó không? Hay giả sử có một người sao Kim hoặc sao Hỏa nào đấy đang đứng trên đỉnh núi ngắm nhìn chúng ta, quan sát những cái chấm đen nhỏ xíu trong không gian khi chúng ta đang đi ngoài phố. Cái viễn ảnh bé nhỏ khi ta chuyển động, của các tòa nhà, máy móc, kênh mương liệu có truy cập được một ý nghĩ xác thực nào về đạo lý, trí tuệ, cách tư duy, cách yêu, cách hy vọng của nhân loại - tóm lại là về bản thể chính xác và chân thực của chúng ta - đến sinh vật sao Kim hay sao Hỏa kia không? Tất cả những gì hắn có thể, như chúng ta khi chăm chú nhìn vào tổ ong, hắn là ghi chép một vài dữ kiện có vẻ rất đáng kinh ngạc; rồi từ những dữ liệu đó suy diễn ra những kết luận mà có

lẽ cũng sai lệch, mơ hồ như những gì mà chúng ta nghĩ về loài ong.

Dẫu sao thì “những cái chấm đen tí xíu” của chúng ta cũng không hé lộ gì về đạo lý lớn, về sự đồng nhất tuyệt vời - là những thứ hiển hiện rất rõ ràng ở tổ ong. “Chúng đang hướng đến đâu? Chúng làm cái gì thế?” có lẽ hẩn thắc mắc như vậy, sau nhiều năm, nhiều thế kỷ kiên nhẫn quan sát. Mục đích sống của chúng là gì? Chúng chạy theo đi đâu? Chúng có tuân phục đấng thần thánh nào không? Tôi chả thấy cái gì chi phối hành động của chúng cả. Những thứ bé xíu xiu hôm nay chúng gom góp rỗ xây đắp lên, đến hôm sau lại phá tan nát cả. Chúng đến rỗ đi, tụ lại rỗ tản ra, nhưng ai biết được chúng kiếm tìm cái gì. Trong vô số trường hợp cảnh tượng chúng tạo nên, tất cả đều không thể lý giải. Ví dụ có một số con hình như rất hiếm khi cử động. Chúng được nhận ra bởi tấm áo choàng bóng loáng và cũng bởi tấm thân to lớn hơn hẩn. Chúng chiếm những tòa nhà to gấp mười, hai mươi lần những căn bình thường, xây cất một cách khéo léo hơn, và cũng dư dả hơn. Hàng ngày chúng tốn mất nhiều giờ đồng hồ cho các bữa ăn, mà đôi khi kéo dài đến tận đêm. Chúng được trọng vọng hết mức bởi những con xung quanh; nhiều con từ các ngôi nhà bên cạnh mang thực phẩm tới, và thậm chí cả những con ở nơi xa tít cũng tới, mang nặng quà cáp đến. Ta chỉ có thể nhận xét được rằng những con này hẩn phải có vị trí không thể thay thế đối với giống loài của nó, để đổi lại, nó sẽ có cống hiến lớn lao, dù các phương thức nghiên cứu của chúng ta vẫn chưa cho phép phát hiện được cống hiến đó chính xác là gì. Ngoài ra còn những con khác, cắm đầu cắm cổ vào thứ công việc chán ngắt, cả trong những tòa nhà chứa đầy các bánh răng quay tít liên tu bất tận, hay cạnh những nơi bốc dỡ, vận chuyển, hoặc trên những mảnh đất nhỏ, suốt từ lúc mặt trời mọc đến khi mặt trời lặn, chúng cứ cặm cụi đào đào xới xới không ngừng nghỉ. Đi đâu này khiến ta cho rằng chúng đang bị áp bức, hay bị trừng phạt. Bởi những con bị đày đọa này trú ngụ trong những nơi tồi tàn, bẩn

thiu, dột nát. Chúng ăn mặc nghèo nàn, ít màu sắc. Đối với hoạt động độc hại, hay có thể nào cũng là vô ích này, thì biểu hiện của chúng là quá lớn, đến mức chúng hiếm khi cho phép mình có thời gian ăn, ngủ. Về số lượng, chúng đông gấp hàng ngàn lần các loại khác. Cần chú ý rằng các loài đã sinh tồn đến ngày nay dưới những điều kiện rất không thuận lợi đối với sự phát triển của chúng. Tuy nhiên, phải nói rằng ngoài lòng tận tâm đặc trưng của chúng dành cho cái công việc buồn tẻ nhọc nhằn, chúng cũng có biểu hiện bạc nhược, dễ bị sai khiến; và bằng lòng với những thứ mà bọn - rõ ràng là lính canh, nếu không nói là những đấng cứu tinh của cả giống nòi, quảng cho.”

## IX

Chẳng phải lạ lùng sao, cái tổ ong mà ta quan sát một cách hời hợt, lại đưa câu trả lời chắc chắn và uyên thâm đến thế, ngay từ ánh mắt tò mò đầu tiên của ta. Chẳng đáng khâm phục sao, cái phương thức hiển hiện đáng tối linh hay tư tưởng thống trị của loài ong qua những lâu đài cung điện vững chãi một cách ấn tượng của chúng, qua những tập tính, luật lệ, tổ chức mang tính chính trị và kinh tế của chúng, những đức tính và cả sự tàn độc của chúng. Dù đó có thể là đấng thần linh duy nhất mà nhân loại chưa bao giờ thờ phụng một cách đáng hoàng, thì thế nào đi chăng nữa, đó cũng không phải đấng thần linh ít chính thống nhất, ít được chấp nhận nhất, mà chúng ta có thể mừng tụng. Thần của loài ong chính là tương lai. Khi chúng ta, trong lịch sử nghiên cứu nhân loại, luôn thiên về việc đánh giá phẩm hạnh hay sự vĩ đại của một người hay một dòng dõi, song ta chỉ có một tiêu chuẩn cho việc bình xét đó - chân giá trị và sự trường tồn của tư tưởng của họ, và sự quên mình cho những gì mà họ theo đuổi. Liệu chúng ta có thường gặp được một tư tưởng nào phù hợp hơn với thiên ý, trong sáng rộng rãi hơn, vô tư hơn hay siêu phàm hơn không? Chúng ta có

thường thấy được một sự hy sinh hoàn hảo hơn, anh dũng hơn?

## X

Chẳng phải đáng ngạc nhiên hay sao khi chiếc tổ ong mà chúng ta nhìn thấy thật đầy khó hiểu từ một vị trí trên cao của một thế giới khác mà chỉ mới thoát nhìn thôi đã có thể cho chúng ta một câu trả lời chắc chắn và sâu sắc? Chẳng phải đáng ngưỡng mộ hay sao khi những hình khối đầy tính chắc chắn, những tập tính, tổ chức đời sống kinh tế và luật lệ, những đặc tính của nó và cả những sự nhấn tâm của nó nữa có thể cho chúng ta biết ngay được ý nghĩ hay vị chúa tể mà lũ ong quy phục, vốn chẳng phải là vị chúa tể ít hợp thức nhất hay ít suy xét nhất mà ta có thể tạo ra, mặc dầu rằng có thể đó là người duy nhất mà chúng ta còn chưa nghiêm túc tôn thờ, tôi muốn nói tới tương lai chăng? Đôi khi trong câu chuyện về loài người của chúng ta, chúng ta tìm cách đánh giá sức mạnh và tính lớn lao về luân lí của một loài hay một bầy và chúng ta không thấy được những góc cạnh khác ngoài sự bần鄙 hay tính chất lớn lao về lí tưởng mà chúng theo đuổi hay sự hy sinh hết mình của chúng. Liệu chúng ta đã thường xuyên gặp một lí tưởng phù hợp hơn với ý muốn của Vũ Trụ, bền vững hơn, tôn nghiêm hơn, vô tư hơn, hiển nhiên hơn cũng như một sự hy sinh trọn vẹn và anh hùng hơn hay chưa?

## XI

Một thế chế cộng hòa nhỏ bé kì lạ biết bao! Nó hợp lí đến thế, chân chính đến thế, thiết thực đến thế, quá nguyên tắc đến thế và tận tiện đến thế, ấy thế nhưng nó lại là vật hy sinh cho một giấc mơ lớn lao và mong manh đến thế! Một bộ tộc nhỏ bé quyết đoán và sâu sắc, được nuôi dưỡng bằng hơi ấm, ánh sáng và tất cả những gì tinh túy nhất trong tự nhiên,

bằng tâm hồn của hoa, tức là bằng nụ cười rạng rỡ nhất của một thứ vật chất và bằng khát vọng cảm động nhất của thứ vật chất này vươn tới hạnh phúc và cái đẹp - Ai sẽ nói cho chúng tôi biết, các bạn đã giải quyết được những nhiệm vụ nào trong số những nhiệm vụ, mà chúng tôi còn phải giải quyết? Các bạn đã có được những tri thức đáng tin cậy nào, mà chúng tôi còn cần phải lãnh ngộ? Và nếu đúng là các bạn đã giải quyết những nhiệm vụ đó, có được những tri thức đó mà không nhờ đến sự giúp đỡ của trí tuệ, mà nhờ vào một xung động sơ khởi và mù quáng nào đó, thì câu hỏi sẽ là - các bạn phải chăng đã đẩy chúng tôi đến một bí ẩn còn khó giải đáp hơn? Một lãnh địa nhỏ bé, tràn đầy một niềm tin, tràn trề những hy vọng, vô số những bí ẩn, tại sao cả trăm ngàn trinh nữ của các bạn nhận về mình một nhiệm vụ, mà chẳng bao giờ có một kẻ nô lệ nào của con người chịu nhận? Nếu như những trinh nữ ấy tiếc sức lực của mình hơn một chút thôi, quên bản thân mình ít đi một chút thôi, bớt hăng say trong lao động đi một chút thôi, thì họ có lẽ đã được thấy một mùa Xuân khác và một mùa Hè khác; nhưng vào thời khắc tuyệt vời đó, khi những bông hoa gọi mời họ, họ dường như mê mụ bởi thứ men say lao động chết người, và với đôi cánh tả tơi, với thân thể yếu gầy đầy những vết thương kín họ đang loạt chết vào tuần thứ năm gì đó.

### *Tình yêu lớn của hoa và mật*

Virgile đã thốt lên trong cuốn *Nông Ca* thứ tư dành nói về loài ong, trong đó ông đã thuật lại cho chúng ta những sự nhàn lẩn đầy sức hấp dẫn của người xưa, khi họ quan sát thiên nhiên bằng đôi mắt vẫn còn hoàn toàn mê mụ bởi sự tồn tại của các vị thần tưởng tượng.

## **XII**

Tại sao những trinh nữ ong từ chối giấc hoa, vị ngọt của mật, tình yêu

và những chuyến lãng du tuyệt trần, mà chẳng hạn, như anh bạn có cánh của họ - chàng bướm kia biết? Phải chăng họ không thể sống như chàng bướm đó? Nhưng họ đâu có bị cái đói thúc ép. Hai-ba bông hoa là đủ để họ ấm bụng, thế mà họ trong một tiếng đồng hồ ghé thăm hai hay ba trăm bông hoa, để thu gom kho báu ngọt ngào, mà họ chẳng bao giờ nếm thử. Bao công sức để làm gì, sự vững tâm đến thế đến từ đâu? Đi đâu đó có nghĩa là, các bạn vững tin rằng thế hệ, mà các bạn chết vì nó, xứng đáng với những sự hy sinh như thế, rằng nó sẽ tuyệt vời hơn và hạnh phúc hơn, rằng nó sẽ thực hiện một điều gì đó, mà các bạn không thể hoàn thành nổi? Chúng tôi hiểu được mục đích của các bạn - nó cũng rõ ràng, như mục đích của chúng tôi: các bạn muốn sống mãi trong thế hệ hậu duệ của các bạn, như chính trái đất; nhưng cái đích của mục tiêu lớn lao này nằm ở đâu và sứ mệnh của sự tồn tại tiếp nối muôn đời này là gì?

Nhưng có phải chúng tôi đây mới là những kẻ đang bị dẫn dắt trong những sự dao động và lầm lạc, phải chăng chúng tôi - những kẻ mơ hão mới đi đặt ra những câu hỏi vô nghĩa? Các bạn có lẽ bằng con đường thường xuyên tiến hóa đã đạt được sự toàn năng và niềm hạnh phúc lý tưởng, các bạn có lẽ đã đạt tới cảnh giới tốt cùng, từ đó các bạn làm chủ những quy luật của tự nhiên, các bạn có lẽ, rốt cuộc, đã trở thành những vị thần bất tử, còn chúng tôi cứ đi căn vặn, vẫn cứ dò hỏi các bạn rằng, các bạn hy vọng vào cái gì, các bạn đang vươn tới đâu, các bạn có ý định dừng lại ở đâu? Và chúng tôi sẽ tiếp tục cho rằng, các bạn chẳng có những niềm khát vọng đâu. Chúng tôi yên trí đến mức, chẳng có gì làm chúng tôi thỏa mãn, chúng tôi những tưởng chẳng có một thứ gì có một mục đích tự thân, đối với chúng tôi chẳng có cái gì tồn tại một cách đơn thuần, không có thâm ý. Cho đến ngày hôm nay liệu chắc gì chúng tôi có thể tưởng ra nổi dấu chỉ một trong số những vị thần của chúng tôi, từ vị thô vụng nhất cho đến vị thông tuệ nhất, mà lại không bắt ông ta lập tức phải có cảm xúc, mà

lại không buộc ông ta phải tạo ra cả một đám sinh vật và cả một đồng sự vật, phải tìm kiếm cả ngàn mục đích ngoài chính bản thân ông ta? Và chúng tôi liệu có một lúc nào đó chấp nhận việc, bình tĩnh hình dung trong một thời kì nào đấy có một hình thái thú vị trong hoạt động của vật chất, và sau đó lại quay trở lại, mà không hề luyến tiếc và không chút ngạc nhiên, với một hình thái khác - một hình thái vô thức, xa lạ, vô tri, vĩnh cửu?

### XIII

Song, không nên quên tổ ong của chúng ta, nơi đàn ong đang mất đi sự kiên nhẫn - cái tổ ong của chúng ta đang sôi sục và đã phát ra những làn sóng đen rung động, giống như đường ven căng phồng lên dưới ánh mặt trời bỏng rát. Chính ngộ. Có thể nói rằng, trong cái nóng thiêu đốt bao trùm cây cối đang kiêu hãnh hăm tán lá của mình, giống như việc ghì nén hơi thở khi có sự hiện hữu của một cái gì đó rất đổi ngọt ngào, nhưng cũng rất trọng đại. Đàn ong đang trao mật và sáp cho người quan tâm đến chúng, nhưng - đi đâu này, có lẽ, còn đáng giá hơn cả mật và sáp - chúng đang hướng sự quan tâm của con người đến niềm hân hoan của tháng Sáu, chúng đang cho con người cảm nhận được sự hài hòa của những ngày giờ tuyệt diệu, chúng gợi nhắc rằng, mọi sự kiện, mà chúng can dự vào, đều gắn liền với bầu trời sáng trong, với ngày hội của những sắc hoa, với những mùa hạnh phúc nhất trong năm. Chúng là tâm hồn của mùa Hè, là chiếc đồng hồ cho thấy những khoảnh khắc sung túc, là đôi cánh rộn rã của những mùi hương thơm lừng, là trí tuệ của những tia nắng rập rờn, là tiếng thì thầm của vầng hào quang rạo rực, là bài ca của bầu không khí yên bình, và đường bay của chúng là dấu hiệu rõ ràng, là âm điệu réo rắt ngân vang của của vô vàn niềm vui nhỏ bé nảy sinh nhờ sự nồng ấm và sống động trên đời.

## XIV

Người nào lần đầu tiên có mặt trong sự kiện huyền não và hỗn loạn, - sự kiện tách đàn của một tổ ong khá đông dân cư, - anh ta chắc hẳn sẽ rất bối rối và lo sợ khi tiến lại gần nó. Anh ta không nhận ra những con ong nghiêm túc và hiên lành của thời gian cần mẫn trước đó. Trong vài giây trước đó thôi anh ta còn thấy chúng bay vờn khắp đầu làng cuối xóm, đầy vẻ đăm chiêu, như những bà nội trợ tiểu tư sản, chẳng có gì khiến họ xao nhãng công việc gia đình. Chúng quay trở về, hầu như chẳng ai nhận thấy, một mỗi, thở gấp, vội vã và âu lo, chúng chỉ gặp sự chào đón thể hiện qua những chiếc râu giương lên của các nữ chiến binh trẻ ở cửa tổ. Nếu chúng có trao đổi, thì nhiều nhất cũng ba hay bốn câu, có lẽ là cho phải phép, rồi vội vã giao số mật thu hoạch được cho một trong những cô ong khuân vác trẻ luôn đứng sẵn ở trong sân của nhà máy; đôi khi chúng tự đi xếp hai giỏ nặng phấn hoa đeo ở hai bên đùi vào những kho chứa rỗng nằm xung quanh những lỗ tổ của ấu trùng và ong non, rồi lại tất tả quay trở lại, chẳng mấy bận tâm về việc xảy ra trong các phân xưởng, trong các phòng ngủ chung của đàn nhộng con hay ở trong hoàng cung, chẳng hề tham gia chút nào vào tiếng xì xào và huyền não trên quảng trường công cộng nằm ở cửa tổ, và trong thời gian nóng nực nhọc người luôn ồn ào tiếng của những cô bạn làm nhiệm vụ quạt thông gió, mà theo cách nói đầy hình ảnh của các nhà nuôi ong người Pháp là: «*font la barbe*».

## XV

Nhưng hiện giờ mọi thứ đã thay đổi. Quả thật là, có một số con ong thợ vẫn bình thản, như thể chẳng có chuyện gì xảy ra, bay ra đồng cỏ, quay về làm vệ sinh tổ, lên những phòng ấp trứng, mà không hề bị cuốn vào sự say sưa chung của cả đàn. Đó là những con sẽ hộ tống ong chúa, chúng sẽ ở lại ngôi nhà cũ, để bảo vệ, trông coi và nuôi dưỡng tám hay chín ngàn quả

trứng, mười tám ngàn ấu trùng, ba mươi sáu ngàn nhộng con và bảy hay tám cô công chúa ở đây. Chúng được lựa chọn cho những trọng trách khắc nghiệt, hơn nữa không rõ [việc lựa chọn] đó là do những luật lệ nào đấy, do ai, cũng như theo cách thức nào. Chúng hiến dâng thân mình cho các nghĩa vụ của mình một cách bình thản và kiên định, và tuy tôi đã nhiều lần lặp lại thí nghiệm, bằng cách rắc một chất có màu lên một vài trong số những «Cô bé Lọ Lem» này, khá dễ nhận ra chúng theo những cung cách nghiêm túc, có phần nào nặng nề của chúng giữa đám đàn ong trong tâm trạng lễ hội — rất hiếm khi tôi thấy dù chỉ một con trong số chúng ở trong đám đông say sưa của đàn ong.

## XVI

Nhưng ma lực của ngày hôm nay dường như không kiềm chế được. Sự kích động hy sinh đến cực độ này, có thể là sự hy sinh mang tính vô thức, do một vị thần đòi hỏi; đây là ngày hội của mật ngọt, là chiến thắng của chủng loài và tương lai, đây là ngày duy nhất của niềm vui, sự quên lãng và điên rồ, đây là ngày chúa nhật duy nhất của đàn ong. Người ta cho rằng, đây cũng là ngày duy nhất chúng được ăn thỏa thích và hoàn toàn hiểu ra niềm vui của kho báu mà chúng thu gom được. Chúng giống như những tù nhân bất ngờ được giải thoát và được chuyển đến một xứ sở sung túc và khu an dưỡng. Chúng hân hoan, chúng không làm chủ được mình nữa. Chúng, những kẻ chưa từng bao giờ có một hành động không chuẩn mực và vô nghĩa, hết vào lại ra, lảng xăng rồi rít, rồi lại đi vào, để thúc các chị em của mình xem ong chúa đã sẵn sàng hay chưa, để làm dịu đi sự sốt ruột. Chúng bay cao hơn những lúc bình thường, và làm lay động những chiếc lá của tất cả các cây xung quanh tổ. Ở chúng đã không còn những nỗi sợ hãi và bận tâm nữa. Trong chúng không còn cái tính hoang dã, nhỏ mọn, đa nghi, hay tức giận, sự nhiệt huyết, tính bất trị. Con người, chủ nhân mà

chúng chưa từng được biết đến, chúng chưa bao giờ nhận ra, đã không còn cách nào khác bắt chúng làm nô lệ, ngoài một cách là thích ứng với mọi thói quen lao động của chúng, tôn trọng mọi luật lệ của chúng và theo dõi sát sao cái lẽ thói đã bị trí óc đánh bật mất trong đời sống của chúng - một cái trí óc luôn hướng đến hạnh phúc tương lai và chưa từng bao giờ bối rối và đi chệch khỏi mục đích của mình. Bây giờ người ấy có thể tới gần, xé toang tấm màn vàng ánh và ấm áp do những cơn lốc xoáy nghe chói tai của chúng tạo ra xung quanh anh ta; anh ta có thể trấn an chúng, tập hợp chúng lại trông giống như một chùm quả - chúng cũng hiền lành, cũng vô hại, như một đàn chuồn chuồn hay một đàn bướm; và vào ngày này những con ong hạnh phúc là những con chẳng phải tinh thông một cái gì nữa, tin tưởng vào tương lai, nếu chúng không bị tách khỏi ong chúa, là những con đại diện cho cái tương lai đó - chúng tuân phục tất thảy và không hề làm một ai bị thương.

## XVII

Nhưng tín hiệu thực sự chưa được phát ra. Trong tổ diễn ra một cảnh tượng hốt hoảng và hỗn loạn không thể tưởng tượng nổi, nguyên nhân của nó thật không thể hiểu nổi. Thông thường những con ong sau khi trở về tổ, chúng quên mất rằng, chúng có cánh, và con nào cũng gần như bất động, nhưng không phải là không hoạt động, trên các tầng tổ, ở vị trí được dành cho nó theo loại công việc của nó. Giờ đây, như những kẻ mất trí, chúng chuyển động theo những vòng khép kín từ trên xuống dưới của các bức vách thẳng đứng, như một khối bột phồng lên xẹp xuống, chuyển dịch bởi một bàn tay vô hình. Nhiệt độ bên trong của tổ nhanh chóng tăng lên, đôi khi đến độ sập của các công trình xây dựng nhào ra và bị biến dạng. Con ong chúa thông thường không bao giờ rời khỏi các tầng tổ trung tâm, bên chần hỗn hển chạy trên bề mặt bốc hỏa của cái đám đông không ngừng

chuyển động. Điều này xảy ra là để thúc đẩy nhanh việc bay khỏi tổ hay làm nó chậm lại? Ông chúa ra lệnh hay là chính nó phải tuân theo điều đó? Có vẻ như khá rõ ràng, xét theo những gì chúng ta biết về tâm lý chung của ông, việc tách đàn luôn được thực hiện trái với ý muốn của con ông chúa già. Thực tế là, trong con mắt của các con ông thợ tuyệt dục, các cô con gái của bà nữ hoàng, thì chúa ông là cơ quan tình yêu - nó cần thiết và thiêng liêng nhưng có đôi chút vô thức và thường nhẹ dạ. Và chúng đối xử với nó như với người mẹ bảo hộ cho đàn con. Nhưng chúng có thái độ tôn kính đến độ quên mình và vô hạn cùng sự dịu dàng với ông chúa. Dành cho nó là loại mật tinh túy nhất, được tinh chế một cách đặc biệt và hầu như được cơ thể hấp thụ hoàn toàn. Ông chúa có một đội vệ sĩ, hay theo cách nói của Pliny là quân cấm vệ, thức canh cho nó cả ngày lẫn đêm, làm giảm bớt cho nó sự khó nhọc của đứng mẫu nghi, chăm sóc, nâng giấc, cấp dưỡng cho nó, quét dọn và thậm chí ăn cả cặn bã do nó thải ra. Khi có một sự việc nhỏ nhất xảy ra với nó, thì tin này được loan báo từ con ông này sang con ông khác, và toàn thể dân ông cuống cuồng và buồn rầu. Nếu ông chúa bị bắt cóc khỏi tổ, và trong khi đó đàn ông chưa có khả năng thay thế nó, có phải do nó không ấn định trước người thừa kế, hay bởi không có một con ấu trùng ông thợ dưới ba ngày tuổi (vì bất kể một một con ấu trùng ông thợ nào dưới ba ngày tuổi đều có thể, nhờ chế độ dinh dưỡng đặc biệt, trở thành ấu chúa; đây là một nguyên tắc dân chủ vĩ đại của tổ ông làm cân bằng đặc quyền tiền định của bà mẹ), nếu trong tình huống ông chúa bị bắt giữ, biệt giam và mang đi xa khỏi tổ, thì cái chết của nó vừa được xác nhận, đôi khi phải mất hai hay ba tiếng đồng hồ để làm điều này, trước khi cả đàn biết được tin này - như trong một thành phố lớn vậy - gần như ở khắp mọi nơi công việc dừng lại. Các con ông non bị bỏ lại, một phần dân ông đi quanh quẩn bất cứ chỗ nào để tìm ông mẹ, một phần khác ra khỏi tổ đi tìm nó, những dây ông thợ đang bận công việc xây dựng các tầng tổ đứt

rời và hỗn loạn, những con ong đi thu hoạch không ghé qua các bông hoa nữa, đôi canh gác ở cửa tổ bỏ khỏi chốt gác, đám cướp ở bên ngoài và cả bầy kí sinh của tổ thường xuyên rình rập kiếm mồi tự do vào ra, mà không vấp phải một chút sự chống đối nào để bảo vệ những kho báu phải khó nhọc đến thế mới tích góp được. Thành phố ong dần nghèo đi và dân ong thưa vắng dần, những cư dân đã mất đi sự dũng cảm của nó nhanh chóng chết vì buồn và thiếu thốn, dấu đủ mọi loài hoa của mùa Hè vẫn đang bung nở dài hoa trước mặt chúng.

Nhưng nếu đấng mẫu nghi của chúng được trao trả trước khi cái chết của nó trở thành sự dĩ nhiên và không thể vãn hồi, trước khi sự nản chí ngã lòng của tổ ngấm quá sâu (ong cũng như con người: nỗi bất hạnh và sự tuyệt vọng kéo dài quá lâu sẽ làm cho trí óc chúng lụi tàn và hủy hoại nếp sống của chúng), nếu việc trao trả ong chúa về tổ sau vài tiếng đồng hồ thôi, thì cuộc đón rước nó sẽ thật phi thường và đầy cảm động. Tất cả cùng xúm xít vây quanh nó, chúng tụ tập thành đám đông, hết con này đến con khác bò đến, vuốt ve nó bằng những sợi râu dài của mình - những sợi râu chứa đựng trong mình biết bao nhiêu là cơ quan không thể giải thích nổi cho đến tận bây giờ; chúng dâng cho nó mật ngọt và ồn ào hộ tống nó đến tận hoàng cung. Kỷ luật lập tức được lập lại, công việc được tiếp tục từ các tầng tổ trung tâm, nơi có các khoang tổ ấp nở, cho đến các khu nhà phụ xa nhất, nơi chứa lượng thu hoạch dư dật; những con ong thu hoạch đi ra thành những hàng ong đen kịt và quay trở về, đôi khi chưa đầy ba phút đã thộn nặng mặt và phấn hoa; đám kẻ cướp và lũ kí sinh bị tổng cổ ra hay bị nện tời bời, đường phố được quét sạch, và trong tổ khe khẽ và đều đều ngân nga một bài ca đặc sắc và hạnh phúc - bài ca thiết tha gắn với sự hiện diện của ong chúa.

## XVIII

Chúng ta đã biết đến hàng ngàn ví dụ về sự gắn bó và trung thành tuyệt đối của những con ong thợ với nữ hoàng của chúng. Trong mọi thảm họa của thể chế cộng hòa nhỏ bé - vỡ tổ hay các tầng tổ, sự dã man hay ngu dốt của con người, cái lạnh, cái đói và bệnh tật - thậm chí khi đại bộ phận dân ong đã chết, ong chúa hầu như vẫn được cứu sống, và người ta thấy nó sống sót dưới những cái xác của các cô con gái chung thủy của mình. Tất cả bảo vệ nó, giúp nó chạy trốn dễ dàng hơn, lấy thân mình tạo thành bức thành kiên cố và nơi ẩn trốn cho nó; chúng giữ thứ thức ăn bổ dưỡng nhất và những giọt mật cuối cùng để dành cho nó. Một khi nó còn sống, dấu tai họa có lớn đến đâu đi nữa, thì sự tuyệt vọng vẫn không thể làm chủ được xứ sở của “những cô trinh nữ uống sương mai”. Bạn cứ thử hai mươi lần liên phá vỡ các tầng tổ của chúng, hai mươi lần liên tục bắt đi những đứa con của chúng, cùng lượng lương thực dự trữ của chúng, thì bạn cũng không bắt đàn ong nghi ngờ vào tương lai được, hàng loạt những con ong bụng trống rỗng đói khát lập thành một đội nhỏ, khó khăn lắm mới che chắn được cho bà mẹ của mình khỏi ánh mắt quân thù, chúng lập lại quy chế của bầy đàn, thông qua những biện pháp cấp thiết nhất, phân công lại công việc giữa chúng với nhau cho phù hợp với những nhu cầu bất thường trong thời kì khốn khó, và lập tức lại bắt tay vào lao động với sự kiên nhẫn, lòng nhiệt tình, sự hiểu biết, tính kiên định, mà người ta không thường xuyên thấy được ở cả tằm cao nhất trong thiên nhiên, dấu chúng ta đã biết, phần lớn các sinh vật đã tỏ ra có lòng dũng cảm hơn và tinh thần vững tin hơn con người.

Để xóa bỏ sự mất tinh thần và duy trì tình yêu trong đàn ong, mà không đòi hỏi phải có sự hiện diện của ong chúa, thì chỉ cần khi cái chết đến với nó hay khi rời bỏ tổ của mình, nó đã để lại một niềm hi vọng dấu mong manh thôi là đủ. “Chúng ta đã thấy - Langstroth đáng kính, một trong những vị cha đẻ của nghề nuôi ong hiện đại, có nói - chúng ta đã thấy một

đàn ong không còn số lượng ong đủ để phủ kín được 10cm<sup>2</sup> tầng tổ thử nuôi dưỡng ong chúa. Trong suốt hai tuần lễ chúng trông giữ niềm hi vọng; cuối cùng, khi số lượng của chúng chỉ còn lại một nửa, con ong chúa của chúng đã ra đời, nhưng đôi cánh của nó không hoàn thiện, vậy là nó không thể bay được, và dù bị tàn tật, những con ong của nó vẫn không kém kính trọng hơn trong thái độ đối xử với nó. Một tuần nữa qua đi số ong còn sống không quá một tá; rốt cuộc con ong chúa biến mất, để lại trong các tầng tổ những kẻ đau khổ khôn nguôi”.

## XIX

Chúng ta có ví dụ ngay đây: có một hoàn cảnh - nó gây nên những thử thách chưa từng thấy, buộc các nữ anh hùng bất khuất, nhưng bất hạnh này phải chịu sự can thiệp bạo ngược của chúng ta trong thời nay — hoàn cảnh để chúng ta theo dõi được những biểu hiện sâu sắc nhất trong tình yêu và sự quên mình của các cô con gái nhà ong. Tôi đã nhiều lần, giống như những người yêu loài ong, phải đặt mua từ Ý những con ong chúa đã thụ tinh, vì chủng ong Ý là chủng tốt hơn, khỏe hơn, mắn con hơn, năng động hơn và hiền lành hơn chủng ong của chúng ta. Việc vận chuyển này diễn ra trong những chiếc hộp nhỏ có khoan lỗ. Người ta cho vào đó một ít thức ăn dự trữ và cho con ong chúa ở chung với một nhóm nhỏ ong thợ - chúng được lựa chọn, có thể, từ những con ong thợ già nhất (tuổi của ong khá dễ nhận ra theo thân mình nhẵn nhụi, gầy guộc, gầy như đói ăn của chúng, và đặc biệt là theo đôi cánh của chúng - những đôi cánh mang lâu ngày rồi và rách nát vì công công việc) - để chúng nuôi con ong chúa, chăm sóc cho nó, bảo vệ nó trong thời gian của chuyến đi. Có một điều rất thường thấy là khi về đến nơi phần lớn số ong thợ đã chết. Có lần chúng chết hết vì đói; nhưng lần này, cũng như những lần tương tự khác, con ong chúa bình yên vô sự và khỏe mạnh, còn có một con cuối cùng trong số các con đồng hành

với ong chúa, có vẻ như đã chết bởi nó đã dành cho bà chúa của mình - đối với nó bà ta là biểu tượng cho một sự sống quý báu hơn, lớn lao hơn sự sống của riêng nó - giọt mật dự trữ cuối cùng còn lại trong tận bọng mật của nó.

## XX

Con người sau khi nhận thấy cái hằng tính gắn bó này đã biết sử dụng sự nhạy cảm mang tính chính trị lạ thường phát nguyên từ nó hay vốn có trong nó, sự hăng say trong lao động, tính kiên trì, lòng khoan dung, khát vọng vươn tới tương lai của loài ong để làm lợi cho mình. Nhờ sự gắn bó này, con người trong những năm gần đây đã thành công đến mức độ nào đó trong việc thuần dưỡng, mà chúng không hay biết, những nữ chiến binh hoang dã, vì chúng không lùi bước trước bất kể một sức mạnh xa lạ nào, và trong tính nô lệ vô thức của mình chúng tuy nhiên vẫn chỉ phục vụ cho những quy luật của riêng mình - những quy luật nô dịch chúng. Con người có thể tin chắc rằng, khi đã đi đầu hành động ong chúa, thì anh ta đã nắm trong tay linh hồn và số phận của tổ ong. Qua việc con người sử dụng ong chúa như thế nào, có thể nói, anh ta diễn trò với nó như thế nào, anh ta có thể, chẳng hạn như, khơi lên, nhân lên, ngăn cản hay hạn chế sự tách đàn; anh ta hợp nhất hay phân chia đàn, định hướng cho sự lưu vong của các ong quốc. Thế nhưng có một đi đầu chính xác là, con ong chúa, thực chất hoàn toàn chỉ là một biểu tượng sống, cũng như mọi biểu tượng - nó là nguyên lí ít được nhận thấy hơn và lớn hơn, mà việc tính đến nó sẽ hữu ích cho người nuôi ong, nếu anh ta không muốn chịu nhiều lần thất bại. Rốt cuộc ở đây loài ong không hề bị lừa và không hề đánh mất đi vị chúa tể phi vật chất, đích thực và thủy chung của mình - cái tư tưởng nổi trội nhất của mình, mà chúng tiên lượng được qua nữ chúa hiển hiện, nhất thời của mình. Tư tưởng này có dụng ý hay không, đi đầu quan trọng chỉ ở mức

độ mà chúng ta muốn, đặc biệt như, lấy làm ngạc nhiên là loài ong có được tư tưởng này, hay lấy làm lạ rằng thiên nhiên đã gửi gắm nó vào trong chúng. Dẫu tư tưởng này có nằm ở đâu đi chăng nữa - trong một thể xác bé nhỏ hay gầy yếu đến thế, hoặc trong một thể xác to lớn huyền bí, thì nó vẫn xứng đáng để chúng ta chú tâm đến. Và nhân đây mà nói, nếu như chúng ta tránh bất sự quan tâm của mình tuân theo chừng ấy điều kiện về địa điểm và thời gian, thì ắt hẳn chúng ta đã không thường xuyên đến thể bỏ qua những cơ hội cho chính mình được mở rộng tầm mắt và thấy ngạc nhiên, nhưng liệu có bổ ích hơn chăng việc được mở rộng tầm nhìn như thế?

## XXI

Có thể phản bác rằng, toàn bộ điều này là những phỏng đoán đầy mạo hiểm và quá mang tính [chủ quan] của con người; loài ong, có lẽ, không có được một tư tưởng nào trong số những tư tưởng giống như thế; khái niệm về tương lai, tình yêu với chủng loài và nhiều điều khác, mà chúng ta gán cho chúng, thực chất chỉ là những hình thức được tiếp nhận do các nhu cầu sống còn đối với chúng, do nỗi sợ đau khổ và cái chết và do sức cám dỗ của khoái lạc. Tôi đồng ý, - toàn bộ điều này, có thể, chỉ là nói vậy thôi, - vì thế tôi không cho điều đã nói có tầm quan trọng quá lớn. Điều duy nhất đích xác ở đây, - như nó vốn là điều duy nhất đích xác trong mọi vấn đề khác vừa tầm hiểu biết của chúng ta - đó là việc công nhận một thực tế rằng, trong những điều kiện nào đấy, thì đàn ong sẽ đối xử với ong chúa theo các cách nào đấy. Cái còn lại là sự bí ẩn, mà đối với nó chỉ có thể đặt ra những giả định ít nhiều vui tai, ít nhiều sắc sảo. Nhưng nếu như chúng ta nói về con người, có thể, như đã từng nói một cách chí lý về đàn ong, - thì chúng ta có quyền nói về chúng nhiều hơn nữa hay không? Và chúng ta cũng chỉ tuân theo các nhu cầu, tuân theo sức lôi cuốn tới khoái lạc hay nỗi

sợ hãi đau khổ, và thứ mà chúng ta gọi là trí tuệ của chúng ta có cùng một nguồn gốc và cùng một sứ mệnh, như cái mà chúng ta gọi là bản năng ở các loài vật mà thôi. Chúng ta thực hiện những hành động nào đấy và nghĩ rằng, chúng ta đã thấu hiểu các nguyên do của chúng rõ hơn là loài ong khi làm như thế; nhưng thêm nữa là, cái giả định này chả có một nền tảng vững chắc nào, những hành động này thật nhỏ mọn và hiếm khi so sánh được với số lượng khổng lồ [các hành động] của những Kẻ Khác, và mọi sự - được biết nhiều nhất và không được biết đến nhất, nhỏ nhất nhất và to lớn nhất, gần gũi nhất hay xa xôi nhất - đều được thực hiện trong bóng tối mịt mù, nơi có thể, chúng ta cũng gần như những kẻ mù lòa, như cái cách chúng ta phỏng đoán về loài ong.

## XXII

"Cần đừng ý, - Buffon, người có thái độ căm ghét khá buồn cười với loài ong, có nói - cần đừng ý rằng, nếu lấy riêng từng con côn trùng này, thì mỗi con trong số chúng hóa ra có ít tài năng hơn một con chó, một con khỉ và phần lớn các con vật khác; cần đừng ý rằng, loài ong ít nghe lời hơn, ít gắn bó hơn, ít nhạy cảm hơn, nói tóm lại là chúng có ít phẩm chất so sánh được với những phẩm chất của chúng ta; nhưng trong trường hợp này thì cần đừng ý rằng, cái trí khôn bề ngoài của chúng là do sự tập hợp thống nhất của số đông; thế nhưng chính sự thống nhất này không ước định một trí khôn nào, vì chúng thống nhất lại hoàn toàn không phải do những lí do có tính đạo lí và ở cùng nhau mà không có sự ưng thuận của chúng. Có nghĩa là, xã hội này chỉ là sự thống nhất về thể xác, mà thiên nhiên đòi hỏi và nó độc lập với bất cứ sự nhận thức nào, bất kể lập luận nào. Con ong mẹ sản sinh ra mười ngàn cá thể, tất cả cùng vào một lúc và ở cùng một địa điểm; mười ngàn cá thể này, nếu như chúng thậm chí ngàn lần vô nghĩa hơn tôi phỏng đoán, thì chúng bất đắc dĩ chỉ để tiếp tục tồn tại

bằng một cách thức nào đó được sắp đặt sẵn; vì chúng tất cả đều hành động giống nhau và với sức lực ngang nhau, thì nếu như chúng thậm chí bắt đầu làm hại nhau, do đó chúng có thể nhanh chóng tiến tới việc, bắt đầu ít làm hại nhau hơn ở mức có thể nhất, tức là chúng có thể giúp đỡ nhau; cho nên chúng có thể, dường như hiểu nhau và cố gắng vươn tới một mục đích; một người quan sát sẽ nhanh chóng gán cho chúng những ý đồ khác nhau và cả cái trí khôn mà chúng không có được; anh ta muốn cắt nghĩa mỗi một hành động của chúng; mỗi một hoạt động của chúng sẽ nhanh chóng có nguyên cớ của mình, và vì thế sẽ diễn ra những điều kì diệu hay quái đản của vô số các luận thuyết; bởi mười ngàn cá thể này được sản sinh ra cùng một lúc, sống cùng nhau, tất cả chúng đều biến đổi gần như vào cùng một thời điểm - tất cả chúng không thể làm chính cái đi đầu, mà nếu chúng đều có sự nhạy cảm đến mức độ nào đó, có những tập tính chung, được sắp đặt sẵn, cảm thấy dễ chịu khi ở cùng nhau, chăm lo cho ngôi nhà của mình, ra đi, rồi lại trở về và v.v., và vì thế mà có nào là kiến trúc, hình học, nào là nề nếp, tính lo xa cùng tình yêu tổ quốc, nói tóm lại là một nền cộng hòa; nhưng tất cả thấy những điều này, rõ ràng, đều dựa vào sự khâm phục của người quan sát”.

Đó là một phương pháp lí giải khác về loài ong của chúng ta. Mới đầu nó có vẻ tự nhiên hơn; nhưng điều này có thực sự diễn ra hay không do một nguyên nhân đơn giản, thì nó hầu như chẳng giải minh được gì? Tôi không nói về các sai lầm cơ bản của trang viết này; song phải chăng không cần có một trí khôn nhất định, để thích nghi được như thế với những nhu cầu của sự chung sống, làm hại nhau ít nhất ở mức có thể; cái trí khôn này càng tỏ ra tuyệt vời hơn, càng cần phải xem xét nó gần hơn, bằng cách nào “mười ngàn cá thể” này tránh được sự tất yếu phải làm hại nhau và đạt được điều là giúp đỡ nhau. Hơn thế, đây có phải là lịch sử của chúng ta hay không nhỉ; và cái đi đầu mà một nhà tự nhiên học già bực tức nói ấy là

điều hoàn toàn có thể áp dụng cho tất cả các xã hội của con người chúng ta được không? Sự khôn ngoan của chúng ta, đức hạnh của chúng ta, chính trị của chúng ta, - những quả đắng của sự thất yếu đã được mạ vàng bằng trí tưởng tượng của chúng ta, - chẳng có một mục đích nào khác là tận dụng tính ích kỷ của chúng ta và biến cái hoạt động gây hại một cách tự nhiên của mỗi một cá nhân thành lợi ích chung. Và sau đó, tôi xin nhắc lại một lần nữa, nếu người ta không muốn công nhận rằng, loài ong có một suy nghĩ nào đó, một cảm xúc nào đó, mà chúng ta gán cho chúng, thì việc ngạc nhiên của chúng ta sẽ hướng vào đâu có quan trọng với chúng ta hay không? Nếu người ta cho rằng, việc khâm phục đàn ong là sự khinh suất, thì chúng ta sẽ khâm phục thiên nhiên; sẽ luôn đến một thời khắc, khi người ta không thể lấy đi mất sự khâm phục ở chúng ta, và chúng ta đâu có mất gì do phải nhượng bộ và chờ đợi.

### XXIII

Bất luận thế nào đi nữa, ta cũng nhận thấy trong đàn ong, chính con ong chúa (chúng ta không từ bỏ sự phỏng đoán rằng - nó, ít ra cũng có ưu thế là nó liên kết trong trí óc chúng ta những hành động, rõ ràng, có liên hệ cả ở trong thực tế) yêu say đắm không chỉ bản thân con ong chúa, mà chúng còn yêu mê mụ cái tương lai bất tuyệt của chủng loài của chúng. Đàn ong tuyệt nhiên không đa cảm, và khi có một con nào trong số chúng đi làm về, bị thương nghiêm trọng đến mức, nó bị coi là không còn năng lực và có ích nữa, thì nó bị đuổi đi một cách không thương tiếc. Thế nhưng không thể nói rằng, chúng hoàn toàn không có được tình quyến luyến cá nhân, của một giống loài nhất định, đối với bà mẹ của chúng. Chúng nhận ra mẹ giữa nhiều con khác. Thậm chí khi ong chúa già, đáng thương, tàn tật, thì đội cảnh vệ ở ngoài cửa không bao giờ cho phép một con ong chúa xa lạ xâm nhập vào tổ, dù nó trông có vẻ trẻ trung, xinh đẹp, mắn đẻ đến

đâu đi nữa. Đây là một trong số những nguyên tắc thật sự có tính nền tảng trong quy chế của chúng, - chúng chỉ đôi khi phải nhượng bộ nguyên tắc này, trong thời kì lấy được nhiều mật nhất, đối với con ong thợ xa lạ nào đó đang mang khá nặng lượng thực phẩm dự trữ.

Khi ong chúa trở nên hoàn toàn vô sinh, đàn ong thay thế nó bằng một con khác, sau khi đã dạy dỗ được một số công chúa ong cho mục đích này. Song chúng làm gì với bà mẫu nghi già, thì chúng ta không được biết một cách chính xác; nhưng đôi khi những người nuôi ong phát hiện ra trên các tầng tổ một con ong chúa tuổi đương hoa sức xuân thì, còn trong góc sâu tận, nơi lãnh cung tẩm tối của tổ là bà mẹ già (một «*maitresse*», theo cách gọi ở Normandie), còm cõi và đau ốm. Nên nghĩ rằng, trong trường hợp này đàn ong phải có biện pháp bảo vệ nó khỏi sự căm thù của một đối thủ rất mạnh, chỉ mơ đến cái chết của nó, bởi các nữ hoàng ong nuôi một sự ghê tởm không đội trời chung với nhau, khiến chúng đâm bổ vào nhau, khi cả hai cùng ở dưới một mái nhà. Có thể cho rằng, trong trường hợp nêu trên đàn ong đã chu cấp cho bà nữ hoàng già nua một chốn ở ẩn yên ổn và khiêm tốn trong góc xa xôi của vương quốc, nơi nó có thể sống hết đời. Trong chuyện này chúng ta lại vấp phải một trong số hàng ngàn bí ẩn của vương quốc bằng sáp, chúng ta lại được thấy một cơ hội để xác thực rằng, chính sách và tập tính của loài ong không hề được tiên định và hẹp hòi, và chúng tuân theo nhiều xung động phức tạp hơn những gì chúng ta những tưởng mình đã biết.

## XXIV

Chúng ta đang từng bước vi phạm những quy luật của tự nhiên - chúng cần phải là những quy luật vững chắc nhất với đàn ong. Chúng ta từng ngày đặt chúng vào vị trí, mà bản thân chúng ta có thể đã rơi vào, nếu như có một ai đó đột nhiên phá vỡ những quy luật về trọng lực, không gian, ánh

sáng hay cái chết. Chúng sẽ làm gì, nếu người ta dùng sức mạnh hay mách lới lừa dối đưa con ong chúa thứ hai vào tổ? Trong trạng thái tự nhiên, tình huống này, nhờ đội lính canh cửa, có lẽ, chưa bao giờ xảy ra kể từ khi loài ong tồn tại trên thế giới này. Chúng không hề mất bình tĩnh và biết phối hợp một cách tốt nhất hai nguyên tắc được chúng tôn trọng như những mệnh lệnh thần thánh. Thứ nhất là nguyên tắc về mẫu tính duy nhất, mà chúng không bao giờ từ bỏ, ngoại trừ trường hợp mẹ-nữ hoàng vô sinh. Nguyên tắc thứ hai còn đáng ngạc nhiên hơn; cũng không thể vi phạm nó, nhưng có thể giả nhân giả nghĩa đánh lừa. Đây là nguyên tắc bất khả xâm phạm nhân thân của bất kể một chúa ong nào. Bầy ong có thể dễ dàng dùng cả nghìn chiếc ngòi độc đâm những nhát chí mạng vào con ong chúa chui vào tổ của chúng; nó sẽ chết tức thì, và bầy ong chỉ còn mỗi một việc là lôi cái xác của nó ra khỏi tổ. Nhưng, tuy những chiếc ngòi của cả bầy luôn sẵn sàng, tuy chúng sử dụng những chiếc ngòi này bất cứ lúc nào, để chiến đấu với nhau, để giết các con ong đực, kẻ thù hay đám kí sinh ăn bám, song chúng không bao giờ thò cái ngòi của mình ra để chống một con ong chúa, cũng đúng như thế, ong chúa không bao giờ dùng cái ngòi của mình để chống lại con người, chống trả một con vật hay một con ong bình thường; vũ khí của nữ chúa ong không thẳng như ở các con ong thợ, mà được uốn như một lưỡi gươm cong, và nó tuốt gươm chỉ khi chiến đấu với một địch thủ ngang tầm, tức là một con ong chúa khác.

Không một con ong nào, có thể, dám cả gan nhận về mình nỗi khiếp sợ của hành động đâm máu - trực tiếp giết vua, nhưng trong mọi hoàn cảnh, khi vì một thể chế tốt đẹp và sự hưng thịnh của nền cộng hòa phải làm thế nào để một con ong chúa chết, thì đàn ong cố tạo cho sự lìa đời của nó có vẻ như là một cái chết tự nhiên; chúng chia sẻ với nhau đến vô hạn tội ác ấy, vì thế nó trở thành một tội ác nặc danh. Khi đó chúng vây kín (*«emballent»*), theo cách nói có tính kĩ thuật của những người nuôi ong

Pháp) con ong chúa xa lạ bằng vô số những thân ong chen chúc ch òng chắt lên nhau, bằng cách này chúng tạo nên một kiểu nhà tù linh động, nơi tù nhân không tài nào nhúc nhích được nữa; cứ thế chúng giam giữ nó, nếu cần, trong suốt hai mươi tư tiếng đ òng hồ, nói tóm lại, cho đến khi nó chết vì đói hay thiếu dưỡng khí. Nếu lúc đó con ong chúa hợp pháp đi đến gần, và nếu linh cảm thấy địch thủ, nó bộc lộ rõ ý định tấn công, các bức tường của nhà tù di động tức thì mở ra trước nó. B ầy ong tạo thành một vòng tròn linh hoạt vây quanh cả hai đối thủ, mà không tham gia; chúng chăm chú, nhưng không thiên vị, chứng kiến trận đấu tay đôi với tư cách khán giả, bởi chỉ có một ong chúa này mới có thể tốt gươm chống lại một chúa ong khác - chỉ mỗi tội con ong chúa đó đang mang trong mình gần một triệu cuộc đời; nó, rõ ràng, có quyền bằng một cú đánh gây ra gần một triệu cái chết. Nhưng nếu cuộc đụng độ kéo dài bất phân thắng bại, nếu cả hai cái ngòì đầu bị bẻ cong gập lại, cứ trượt đi một cách vô ích trên lớp giáp ki-tin nặng nề và một con ong chúa - dù là con hợp pháp hay xa lạ - có ý định bỏ chạy, thì nó sẽ bị chặn lại, bị bắt giữ, bị giam vào trong cái nhà tù được tạo thành từ những thân ong đang rung động và ở đó cho đến khi nó biểu lộ mong muốn tiếp tục trận đấu.

Cần nhận thấy rằng, trong rất nhiều thí nghiệm được tiến hành về vấn đề này, người ta thấy một đi ều hầu như không thay đổi là: bà mẹ-nữ hoàng giành thắng lợi - có phải vì rằng, cảm thấy mình ở tại nhà của mình, giữa các con-dân của mình, nó tỏ ra dũng cảm hơn, hăng máu hơn con ong chúa kia, hay vì rằng, b ầy ong tuyệt đối không thể hiện sự thiên vị của mình trong thời gian diễn ra trận đấu, lại tỏ ra thiên vị hơn qua cung cách giam giữ hai địch thủ trong nhà tù, nên bà mẹ của chúng, dường như, không hề bị tổn thương bởi sự giam giữ này, trong khi đó con ong chúa xa lạ bước ra khỏi đó hầu như luôn rũ rượi và bạc nhược.

## XXV

Có một thí nghiệm dễ dàng cho thấy rõ hơn mọi thí nghiệm khác về việc, đàn ong nhận ra con ong chúa của mình và có một sự gắn bó thực sự với nó. Bạn hãy thử đưa một con ong chúa ra khỏi tổ, và bạn sẽ thấy rõ ngay lập tức mọi biểu hiện buồn chán và tuyệt vọng đã được mô tả ở một trong các chương trước. Sau vài tiếng bạn hãy trả đúng con ong chúa đó về tổ, và thế là tất cả các cô con gái của nó ra chào đón và dâng mật mời nó. Có một số đứng thành hàng trên đường đi của nó, một số khác cúi đầu, uốn bụng ra, tạo thành trước mặt nó một hình bán nguyệt nghiêm cẩn, phát ra âm thanh ngân vang, hơn thế nữa, rõ ràng là chúng đang tấu lên bản thiều chào mừng sự trở về bình an của nữ hoàng và thể hiện, có thể nói, bằng một nghi thức nhất định, sự tôn kính trang trọng hay niềm hạnh phúc tốt độ, mà chúng nếm trải nhân sự kiện này.

Song bạn đừng hi vọng đánh lừa được chúng khi thay thế con ong chúa hợp pháp bằng một con ong mẹ khác. Nó chỉ vừa mới kịp bước vài bước thôi, liền có những con ong thợ phần nộ lao tới từ mọi hướng. Nó sẽ nhanh chóng bị bắt giữ, bao vây và giam vào một nhà tù phản loạn khủng khiếp, những bức tường trơn lì của nhà tù này sẽ không ngừng được phục dựng đến khi nó chết, vì thế trong trường hợp này hầu như không bao giờ có chuyện là nó còn sống mà ra được khỏi nơi đó.

Vì thế đưa vào và thay thế ong chúa là một trong những việc khó khăn nhất của nghề nuôi ong. Thật thú vị là việc biết được, lối ngoại giao nào, mánh khéo phức tạp nào con người phải dùng đến, để bắt chúng tuân phục mong muốn của mình và đánh lừa những con côn trùng nhỏ bé này, - những con côn trùng tinh nhạy, nhưng hồn nhiên và biết đón nhận mọi biến cố bất ngờ nhất với một lòng dũng cảm đầy cảm động, - và buộc chúng phải nghĩ rằng, sự xuất hiện của con ong chúa mới là một sự bất thường mới lạ,

nhưng có tính định mệnh của tự nhiên. Nói chung là trong toàn bộ lối ngoại giao này và sự lộn ầu táo tợn rất thường xuyên xảy ra do những chiêu trò tình quái mạo hiểm này, con người luôn tính đến một tình cảm thực sự kì lạ của loài ong; dựa vào kinh nghiệm, con người luôn tính đến sự phong phú vô tận trong các luật lệ của đàn ong và các tập tính kì diệu của chúng, tình yêu với sự chuẩn mực, sự yên bình và lợi ích của cộng đồng, tín niệm vào tương lai của chúng, sự lạnh lẽ, lòng kiên định, tính vô vị lợi nghiêm túc trong tính cách của chúng, và anh ta đặc biệt tính đến lòng trung thành của loài trong việc thực hiện các bổn phận của mình đến mức, không gì có thể làm cho nó mệt mỏi. Nhưng các tính toán kĩ lưỡng của liệu pháp, nói thẳng ra, trong các chỉ dẫn về nghề nuôi ong này có thể kéo chúng ta đi quá xa.<sup>5</sup>

## XXVI

Còn về sự gấn bó mang tính cá nhân, mà chúng ta đã nói đến, thì thậm chí cứ cho khả năng nó có đi, có thể khẳng định một cách hoàn toàn chắc chắn rằng, trí nhớ về sự gấn bó này là ngắn hạn. Nếu bạn chợt có ý định trả con ong mẹ về lại vương quốc của mình, sau một vài ngày nó rời khỏi đó, thì nó sẽ được những cô con gái giận dữ của mình tiếp đón đến mức, bạn phải vội vàng giả thoát nó khỏi sự giam hãm chết người - hình phạt cho những con ong chúa xa lạ. Chuyện này xảy ra là vì chúng đã có thời gian biến một chục căn phòng của ong thợ thành những phòng nữ hoàng và đã không còn bất cứ mối nguy hiểm nào đe dọa tương lai của chủng loài nữa. Sự gấn bó của chúng tăng lên hay giảm đi phù hợp với việc con ong chúa đại diện cho tương lai này như thế nào. Vậy là, khi con ong chúa trình nguyên thực hiện nghi thức của “chuyến bay hôn phối” nguy hiểm, thì chúng ta thường quan sát được một hiện tượng như sau: các thần dân của nó lo sợ bị mất nữ chúa của mình đến mức, tất cả đi hộ giá nó trong chuyến tìm kiếm tình yêu xa xôi và bi kịch đó (sau nữa tôi sẽ đề cập đến

nó) - một việc chúng không bao giờ làm, nếu ta quan tâm cho chúng một mảnh tằm tổ có những khoang tổ của lứa ong non, nơi chúng tìm thấy niềm hi vọng nuôi dưỡng được các con ong mẹ khác. Tình cảm gắn bó này thậm chí có thể biến thành sự tức giận và căm thù, nếu nữ chúa của chúng không thực hiện mọi nghĩa vụ của mình đối với một vị thần trừu tượng, mà chúng ta gọi là “xã hội tương lai” và chúng hiểu rõ vị thần này hơn chúng ta. Có khi, chẳng hạn như, những người nuôi ong, do những suy tính khác nhau, đã ngăn cản ong chúa gắn kết với đàn và giữ nó ở trong tổ nhờ một cái lưới, mà bầy ong thợ tinh tế và nhanh trí đi qua song không nhận ra được; nhưng cái lưới này tạo ra sự ngăn cản ở sát lối ra, không thể vượt qua nổi đối với kẻ nô lệ đáng thương của tình yêu - nó nặng hơn và to hơn nhiều các cô con gái của ong chúa. Trong lần đi ra thứ nhất, bầy ong chắc chắn rằng ong chúa đã không đi theo chúng, khi trở về tổ chúng quở trách nó, xô đẩy và thể hiện rất rõ thái độ tệ bạc với kẻ bị cầm tù bất hạnh - chúng rõ ràng là đã kết tội nó về sự lười biếng hay chúng cho là nó có đôi chút đần độn. Ở lần đi ra thứ hai, khi sự dè dặt của nó lộ quá rõ, sự tức giận của chúng tăng lên, và thái độ tệ bạc trở nên trầm trọng hơn. Cuối cùng, đến lần thứ ba, khi cho rằng, đã hết thuốc chữa cho sự không trung thành của ong chúa với số phận và tương lai của chủng loài, đàn ong sẽ luôn xét xử nó và kết cho nó một cái án chết trong nhà tù của nữ hoàng.

## XXVII

Trong thế giới của loài ong, rõ ràng, tất cả đều phục tùng tương lai, với tính lo xa, sự đồng lòng nhất trí, - tính kiên định, khả năng giải thích những hoàn cảnh, để rút ra từ đó lợi ích, - nói tóm lại là những phẩm chất khiến chúng ta kinh ngạc, nếu để ý đến mọi sự bất ngờ, mọi việc siêu nhiên do sự can thiệp không ngừng của chúng ta đem đến ngôi nhà của chúng. Có thể nhận thấy rằng, ở trường hợp vừa kể đến chúng giải thích

rất t ầi sự bất lực của con ong chúa trong việc đi theo chúng. Chúng ta có thể sáng suốt nhiều hơn nữa hay không, có thể có được chẳng một sinh vật nào đó có trí óc khác với loại trí óc của chúng ta, và có thân hình khổng lồ đến mức, những sự vận động của nó gần như không thể nắm bắt được, như những sự vận động của hiện tượng thiên nhiên - sinh vật này có thể đặt cho chúng ta những cái bẫy như thế cốt để tiêu khiển hay không? Hơn nữa, chúng ta còn chưa rõ, biết đâu mọi việc có thể có kết cục là đàn ong có thể hiểu được thí nghiệm và gạt bỏ những sự bất tiện của nó, nếu như nó vẫn tồn tại và trở thành một điều bình thường. Đàn ong đã hiểu nhiều thí nghiệm khác và sử dụng chúng một cách thông minh nhất. Đó là thí nghiệm với “các tầng tổ di động”, hay, ví dụ như, với các gian (“sections”), nơi người ta bắt chúng phải cho số mật dự trữ của mình vào những chiếc hộp nhỏ được xếp thành những ch ồng; một thí nghiệm còn khác thường hơn nữa với “sáp xếp nếp”, nơi các khoang tổ rất dễ dàng được phác họa bằng một nét sáp mảnh cũng thế; ở đây đàn ong nhanh chóng đánh giá được lợi ích của thí nghiệm này, chúng bắt đầu cẩn thận kéo dài các khoang tổ mới thành hình này, mà không tốn vật liệu và mất công sức, tạo nên các khoang tổ hoàn thiện. Phải chăng trong tất cả các trường hợp không hiện ra với chúng ở dạng cạm bẫy, do một vị thần hung ác và thâm hiểm nào đó đặt, chúng không phát hiện ra cái giải pháp tốt nhất và duy nhất của con người? Chúng ta sẽ đưa ra một trong số những tình huống tự nhiên, nhưng hoàn toàn bất thường này. Chẳng hạn như, khi có một con sên hay một con chuột chui vào trong tổ và chúng sẽ bị giết chết ở trong đó, đàn ong sẽ làm gì, để thoát khỏi cái xác chẳng bao lâu sau sẽ đầu độc bầu không khí? Nếu chúng không thể đẩy được nó đi hay chia thành những phần nhỏ, thì chúng sẽ xây cho nó một ngôi mộ bằng sáp và keo ong một cách có phương pháp và kín mít; ngôi mộ này nhô lên một cách kì lạ giữa các công trình bình thường của tổ. Năm ngoái tôi đã tìm thấy ở một trong

số những tổ ong của tôi một nhóm ba ngôi mộ như thế: chúng được ngăn ra bằng các bức tường trung gian, như những khoang tổ ở các tầng tổ - chúng được làm như thế để tiết kiệm sáp. Những tay thợ xây mộ cẩn thận xây những ngôi mộ này cao hơn các phần còn sót lại của ba con ốc nhỏ do một đũa trẻ nhét vào trong trụ sở công xã tự do (phalanstère). Thông thường, nếu chúng có vấn đề với ba con ốc, thì chúng hài lòng với việc bịt kín lỗ hở của vỏ ốc bằng sáp thôi. Nhưng trong trường hợp này những cái vỏ ốc đã ít nhiều bị vỡ hay rạn nứt, và bây giờ ông đã quyết định rằng, đơn giản hơn là chôn toàn bộ; nhưng để không làm vướng việc di chuyển ở cửa tổ, chúng đã để lại trong khối nằm chình ình ấy một vài đường hành lang tương ứng chính xác không phải với vóc người của chúng, mà với kích cỡ của các con ong đực to béo gần gấp đôi chúng. Sự việc này và sự việc dưới đây cho phép chúng ta nghĩ rằng, bây giờ sớm hay muộn gì sẽ phát hiện ra nguyên nhân tại sao con ong chúa không thể đi theo chúng qua tấm lưới. Ở những vùng phổ biến giống bướm đêm hèn hạ có cái “đầu lâu” (*Acherontia Atropos*), đàn ong xây ở cửa vào tổ của mình hàng cột bằng sáp, gã cướp đêm với cái bụng phệ quá khổ của mình không thể lách nổi qua hàng cột.

## XXVIII

Về vấn đề này chúng ta đã bàn khá đủ rồi: tôi có, lẽ không bao giờ chấm dứt được, nếu như muốn dùng hết tất cả các ví dụ. Để tóm tắt lại vai trò và vị thế của ong chúa, có thể nói rằng, ong chúa là trái tim-nô lệ của thành phố ong, là trí tuệ thân thiết với thành phố này. Nó là bà chúa duy nhất, những cũng là thị tì, là vị quản thống bị cùm tù, người đại diện cực kì quan trọng của tình yêu. Dân chúng của nó cung phụng nó và tôn kính nó, tuy nhiên, đừng quên rằng, dân ong không phải tuân phục cá nhân nó, mà tuân phục sứ mệnh được nó thực hiện và những số phận được nó đại diện cho. Thật khó tìm nổi một thể chế cộng hòa của con người được như thế -

tầm quan trọng của nó có thể bao trùm một phần có ý nghĩa trọng đại đến thế những ước muốn của hành tinh chúng ta; một nền dân chủ, nơi mà tính tự chủ có thể đồng thời vừa hoàn thiện hơn vừa có trí tuệ hơn, và nơi mà sự tuân phục có thể vừa có tính toàn thể và có cơ sở xác đáng hơn. Song cũng không thể tìm thấy ở đâu có sự hi sinh nghiệt ngã hơn và tuyệt đối hơn. Bạn đừng nghĩ rằng, tôi khâm phục những sự hi sinh này cũng như các kết quả của chúng. Hiển nhiên là mong sao có thể có được những kết quả này với ít đau khổ nhất, ít những hy sinh quên mình nhất. Song một khi luận điểm cơ bản đã được chấp nhận, - và nó có thể là điều cần thiết trong tư tưởng về hành tinh của chúng ta - sự tổ chức của thể chế cộng hòa này thật đáng kinh ngạc, về điều này, bất luận chân lý của con người có thể nào đi nữa, thì trong tổ ong cuộc sống được nhìn nhận không phải như một chuỗi thời gian ít hay nhiều thuận lợi, mà do sự thận trọng chúng ta không nên làm cho chúng u ám và tối tăm đi, trừ những thời điểm cần thiết để duy trì sự sống - mà nên nhìn nhận nó như một nghĩa vụ lớn lao và được phân chia một cách nghiêm túc cho mọi thành viên đối với cái tương lai đã không ngừng phải lùi bước từ thuở ban đầu của thế giới. Ở đây mỗi một cá nhân đã phải từ bỏ hơn một nửa niềm hạnh phúc của mình và các quyền lợi của mình. Con ong chúa già từ ánh dương quang, già từ những đài hoa, già từ tự do; những con ong thợ đã phải từ bỏ tình yêu, ba hay bốn năm cuộc đời và từ bỏ niềm vui ngọt ngào được làm mẹ. Ở con ong chúa bộ óc rất cuộc biến mất vì lợi ích của các cơ quan sinh sản, còn ở bầy ong thợ các cơ quan này lại bị teo đi vì lợi ích của các cơ quan trí óc. Có lẽ thật bất công khi khẳng định rằng, trong những sự chối từ này ý chí không hề có sự can dự nào. Quả thật, con ong thợ không thể có số phận của riêng mình, nhưng nó có quyền sắp đặt số phận của tất cả số nhộng xung quanh nó và chúng gián tiếp là các cô con gái của nó. Chúng ta đã thấy, mỗi một ấu trùng ong thợ, nếu nó được sắp đặt và nuôi dưỡng theo chế độ cho ong

chúa, có thể trở thành ong chúa; cũng tương tự như thế mỗi một ấu trùng ong chúa có thể biến thành một con ong thợ, nếu thay đổi thức ăn của nó và thu nhỏ khoang tổ một cách phù hợp. Những việc chọn lựa kì lạ này diễn ra từng ngày trong bóng tối được dát vàng của tổ. Nhưng chúng không ngẫu nhiên diễn ra, - có một sự khôn ngoan chỉ đạo và điểu chỉnh chúng, mà tính quy luật và sự quan trọng sâu sắc của nó thì chỉ có con người mới có thể lạm dụng - một sự khôn ngoan luôn tỉnh táo và tính đến mọi sự diễn ra ngoài tổ ong, cũng như trong những bức tường của nó. Nếu các loài hoa nở rộ một cách không ngờ, nếu một vụ mùa bội thu tô đẹp cho những triền đồi và bờ sông, nếu ong chúa già hay kém mắn đẻ, nếu cư dân ong co cụm lại và cảm thấy mình bị chèn ép, thì bạn sẽ thấy sự xuất hiện của các khoang tổ ong chúa. Chính các khoang tổ này cũng có thể bị phá bỏ, nếu vụ mùa thất bát hay tổ ong được mở rộng. Chúng thường được duy trì đến khi con ong chúa trẻ thực hiện xong chuyến bay hôn phối của mình, và sau đó chúng bị phá bỏ, khi ong chúa trở về tổ, kéo theo mình, giống như chiến lợi phẩm, một dấu hiệu rõ ràng trong việc thụ tinh của mình. Nó ở đâu, sự khôn ngoan này - sự khôn ngoan cân nhắc hiện tại và tương lai và đối với nó cái còn chưa hiển lộ có trọng lượng hơn tất cả những gì đã hiển hiện? Nó nằm ở đâu sự thận trọng trong không tên này - sự thận trọng từ bỏ và lựa chọn, nâng lên và hạ xuống, sự thận trọng có thể làm cho ngấn ấu con ong thợ trở thành ngấn ấu con ong chúa và có thể biến ngấn ấu ong mẹ thành một đàn ong trinh nguyên? Chúng ta đã nói ở chương khác rằng, nó nằm trong “linh hồn của tổ ong”; nhưng rốt cuộc, biết tìm nó ở nơi đâu - cái “linh hồn của tổ ong” này - ngoài hội ong thợ? Có thể, để tin chắc rằng, nó nằm ở chính nơi không cần thiết phải chú tâm quan sát đến thế các tập tính của thể chế quân chủ cộng hòa. Làm được như Dujardin, Brandt, Girard, Vogel và các nhà côn trùng học khác đã làm - có lẽ thế là đủ: đặt dưới kính hiển vi một hàng những cái đầu rỗng một nửa của ong chúa và cái đầu đẹp

tuyệt vời của ong đực, nơi có tới hai mươi sáu ngàn con mắt sáng loa, một cái đầu nhỏ bé, xấu xí và siêng năng của một con ong thợ trinh nguyên. Chúng ta đã thấy rằng, trong cái đầu nhỏ bé này những nếp cuộn của một bộ óc uyên bác nhất và thông minh nhất của tổ ong. Sau bộ óc của con người nó là bộ óc tuyệt vời nhất, phức tạp nhất, tinh vi nhất, hoàn thiện nhất trong tự nhiên, ở một hạng khác của các loài sinh vật và có một sự tổ chức khác<sup>6</sup>. Và ở đây cũng có một nguyên tử gần như vô hình của một thứ vật chất huyền bí biết tạo cho mình một vị thế nhỏ bé, chiến thắng và vững chắc giữa những sức mạnh khổng lồ và tri trệ của hư vô và cái chết.

## XXIX

Bây giờ chúng ta hãy quay trở lại với tổ ong của chúng ta — nó đang chia đàn và không chờ đến kết cục của những suy xét để phát tín hiệu bay đi. Trong chớp mắt, khi tín hiệu này được phát ra, có thể nói rằng, mọi cánh cửa của tổ ong đều nhất loạt mở toang bởi một áp lực bột phát và điên rồ, một đám đông đen kịt lao vụt ra từ đó, hay đúng hơn là, từ đó bắn ra, tùy theo số cửa mở, hai, ba hay bốn dòng ong thẳng băng, rùng rùng, hùng hục và không ngừng - chúng lập tức tan biến và tỏa rộng trong không trung như một tấm màn kêu vang được tạo thành từ một trăm ngàn đôi cánh trong suốt rập rờn. Trong một vài phút tấm màn cứ bay như thế bên trên tổ ong, phát ra tiếng xào xạc kì thú của một tấm lụa trong suốt - nó như thể không ngừng bị hàng ngàn ngàn ngón tay bị kích động xé tan ra rồi lại được khâu lại. Nó uốn lượn, rung rinh, phập phồng, giống như những tấm thảm được treo trên bầu trời nhờ những bàn tay vô hình trong niềm hân hoan tung bừng cứ cuộn chúng vào rồi lại mở bung ra từ mặt đất muôn hoa khoe sắc đến bầu trời xanh ngát thiên thanh, trong nỗi đợi chờ ngày về hay đi của tháng Tám. Cuối cùng thì một đầu của tấm áo choàng rực rỡ hào quang và réo rắt vui ca cũng nâng lên và đầu kia buông xuống, ánh mặt trời chan hòa

cả bốn góc của nó, và giống như tấm thảm bay khôn ngoan trong câu chuyện cổ tích bay đến miền chân trời xa, thực hiện một khát vọng nào đó - nó đã được làm hoàn chỉnh, để che chở cho sự hiện hữu thiêng liêng của tương lai; nó hướng đến một cây gia, một cây lê hay một cây liễu, nơi nữ hoàng đã chuẩn y, như cái đỉnh vàng để tấm áo choàng mắc những đường sóng rập rờn uốn lượn của mình và nó cuộn tấm vải đính đầy châu báu, tỏa sáng long lanh, được tạo thành từ những đôi cánh, quanh cái đỉnh vàng ấy.

Sau đó sự im lặng bắt đầu; và cả hồi còi báo động này cùng tấm vải phủ đáng sợ này có vẻ như ngập tràn vô số những mối đe dọa và giận dữ, và tiếng ngân vang đến đỉnh tai này luôn luôn chấp chờn không ngừng vang lên trên mọi vật xung quanh — một phút sau tất cả biến thành cả một chùm lớn vô hại và hiên lành, được tạo nên từ hàng ngàn những hạt nhỏ, đầy sức sống, nhưng bất động, treo trên những cành cây và kiên nhẫn chờ sự trở về của các trinh sát viên, được cử đi tìm nơi cư trú.

### XXX

Đây là lần dừng chân thứ nhất của đàn ong được gọi là “đàn đầu tiên”; đứng đầu đàn ong này luôn là con ong chúa già. Đàn ong thường đậu trên một cái cây hay một thân gỗ ở gần tổ, vì con ong chúa mang nặng những quả trứng và không nhìn thấy ánh sáng từ sau chuyển bay hôn phối của mình hay từ lần tách đàn năm ngoái - nó không dám liêu bay ngay lên không trung; nó dường như quên mất cách sử dụng đôi cánh của mình.

Người nuôi ong đang chờ cả đám ong dấn lại; sau đó, trèo lên đầu một cái mũ rơm rộng vành (vì một con ong hiên lành nhất cũng sẽ nhất định thò ngò ra, nếu nó bị mắc vào mái tóc, nơi nó tưởng là mình bị mắc bẫy), nhưng không cần trùm mặt và khăn voan, nếu anh ta là một người có kinh nghiệm; anh ta nhúng ngập đến khuỷu hai cánh tay để trần của mình vào

nước lạnh, rồi mới đón đàn ong lại, bằng cách rung thật mạnh cành cây ở trên tổ ong bị bỏ đi, mà anh ta ngẩng trên đó. Chùm ong nặng nề rơi xuống đó, như một trái chín. Hoặc nếu cành cây quá to chắc, anh ta chỉ dùng một cái thìa xúc ong từ đông ong này và sau đó phân chia đám ong sống, trông như những cái hạt này, như anh ta mong muốn. Anh ta chả có gì phải sợ đàn ong đang vo vo quanh mình và đậu phủ kín tay và mặt mình. Anh ta nghe bài ca say đắm của chúng - nó không giống như bài ca giận dữ. Anh ta cùng chả sợ rằng, đàn ong sẽ tan rã, tức giận, bay tứ tán đi hay lẫn trốn mất. Tôi đã nói: vào ngày hôm ấy những con ong thợ đầy bí ẩn đang có tâm trạng hân hoan và cả tin, do đó không gì có thể làm chúng buồn phiền. Chúng từ bỏ những lợi ích, mà chúng cần phải bảo vệ, và không còn nhận ra các kẻ thù của mình. Chúng không gây hại, vì chúng đang hạnh phúc, mà chẳng hiểu vì sao chúng hạnh phúc: chúng đang thực hiện một luật định. Mọi sinh vật đều có một thời khắc hạnh phúc mù quáng như thế - đó là niềm hạnh phúc thiên ban, khi thiên nhiên muốn đạt được những mục đích của mình. Chúng ta đừng lấy làm ngạc nhiên rằng, đàn ong bị rơi vào sự lừa dối của thiên nhiên; chính chúng ta, quan sát nó biết bao đời nay - và quan sát nhờ bộ óc hoàn thiện hơn bộ óc của ong - bản thân chúng ta vẫn đang lang thang trong đêm tối mà đâu đã hiểu được: nó thân thiện với chúng ta, lạnh lùng hay tàn nhẫn một cách hèn hạ với chúng ta. Đàn ong sẽ ở lại nơi con ong chúa đáp xuống, và thậm chí nếu có một mình đáp xuống tổ, lập tức sự hiện diện của nó sẽ được chứng nhận, cả bầy ong tạo thành những hàng dài đen kịt hướng đến nơi ở của bà mẹ; cùng lúc đó một số con thâm nhập vào nơi đó, một số khác dừng lại một khoảnh khắc ở cửa, tập hợp thành các nhóm để hân hoan mừng vui - đây là thói thường của chúng để chào mừng những sự kiện hạnh phúc. Chúng “bốc đồng”, theo cách nói của những người nông dân. Vào thời điểm đó nơi cư trú bất ngờ được chấp nhận và đi đầu nghiên đến từng xó góc nhỏ nhất; vị trí của nó

trong trại ong, hình dáng của nó, màu sắc của nó được nhận ra và khắc ghi trong trí nhớ thận trọng và chuẩn xác của nhiều ngàn con vật nhỏ bé. Trong khu vực phụ cận các điểm xuất phát được đánh dấu cẩn thận, ngôi nhà mới đã tồn tại trọn vẹn ở nơi sâu tận trong trí tưởng tượng dũng cảm của chúng, và vị trí của nó đã được ghi nhận trong trí óc và con tim của mọi cư dân của nó; trong những bức tường của nó vang lên bài tụng ca tình yêu đề tỏ lòng tôn kính nữ hoàng, và công việc bắt đầu.

### XXXI

Nếu con người không chọn đàn ong, thì câu chuyện vừa mới kể đây không dừng lại ở đó. Đàn ong vẫn treo trên những cành cây đến lúc thấy sự trở về của những con ong thợ hoàn thành nhiệm vụ trinh sát hay đội tiên trạm có cánh bay tản mát đi ngay từ những phút đầu tiên của việc tách đàn, theo mọi hướng để tìm một ngôi nhà mới. Chúng, hết con này đến con khác, quay trở về từ cuộc hành trình và báo cáo về chuyến công cán của mình; nhưng vì chúng ta không thể thâm nhập vào những suy nghĩ của loài ong, nên phải giải thích cảnh tượng, mà chúng ta chứng kiến, theo cách của con người. Không loại trừ rằng, các báo cáo của chúng được lắng nghe một cách chăm chú. Một con, có vẻ như ca ngợi một bông cây, con khác tán tụng những ưu điểm của các khe nứt trên một bức tường cũ, những khoảng trống trong một cái động hay của một cái hang bị bỏ lại. Nhiều khi, cuộc họp phân vân do dự và bàn luận đến tận sáng hôm sau. Rồi cuộc sự lựa chọn cũng được đưa ra, nhận được sự nhất trí. Cả chòm ong có một thoáng xao động, rục rịch chuyển động, chia tách ra, tản mát bay đi một cách nhanh chóng, ráo riết - một chuyến bay không biết đến những trở ngại, vượt qua những khu vườn, những thửa ruộng, những cánh đồng, những chiếc cối xay gió, những ao hồ, những xóm làng, những dòng sông. Đám mây đen vần vũ này hướng đến một mục tiêu xác định và luôn luôn rất xa

xôi. Hiếm khi con người có thể theo dõi được chuyển di cư thứ hai của chúng.

## Phần III

### Nền tảng của thành phố

#### I

**C**húng ta hãy xem rõ hơn đàn ong làm gì trong cái tổ, nơi chúng được người nuôi ong tập trung lại và đưa vào đó. Trước hết chúng ta nên nhớ đến sự hy sinh của năm mươi ngàn ong trinh nữ, mà theo lời của Ronsard: “*chúng có một trái tim tuyệt vời trong cái thân thể nhỏ bé*”, và một lần nữa chúng ta lại thấy kinh ngạc với lòng dũng cảm cần thiết cho việc bắt đầu một cuộc sống mới ở chốn hoang sơ, nơi chúng rơi vào. Chúng đã quên đi ngôi nhà sung túc và tuyệt vời, nơi chúng sinh ra, nơi cuộc sống của chúng được đảm bảo và được tổ chức hoàn hảo, nơi mật của đủ mọi loài hoa gọi nhớ đến ánh mặt trời, cho phép chúng mỉm cười đón những mối hiểm họa của mùa Đông. Ở đó chúng đã phải bỏ lại hàng ngàn cô con gái của mình đang ngủ ngon trong những chiếc nôi-kén, chúng sẽ không bao giờ được thấy lại những đứa con ấy nữa. Ở đó chúng đã phải bỏ đi, ngoài một lượng sáp rất lớn, keo ong và phấn hoa mà chúng tích góp được, còn phải đến hơn 60 kg mật ong, tức là nặng hơn 12 lần khối lượng của toàn bộ đàn ong cộng lại, gần 600 ngàn lần nặng hơn cân nặng của mỗi một con ong, với con người thì lượng mật đó tương đương với 42 ngàn tấn lương thực, cả một đội tàu lớn chở nặng thứ dưỡng chất quý báu hơn và thập toàn đại bổ hơn tất cả những gì chúng ta được biết, vì mật ong đối với đàn ong giống như thứ nhựa sống; đối với chúng đây là một dạng sữa

tiêu hóa được ngay và hầu như không có dư lượng tồn đọng.

Ở đây, nơi ở mới chẳng có gì: không một giọt mật, không một vụn sáp, chẳng có điểm khởi đầu, cũng chẳng có điểm tựa. Chỉ có một tòa nhà khổng lồ trập trùng ảm đạm, ở đó chẳng hề có gì ngoài mái và tường. Những bức tường lượn tròn và phẳng lì chẳng bao bọc, mà là trùm kín một không gian tối tăm, còn bên trên khoảng không là một mái vòm hình cầu. Nhưng ong không biết đến những sự luyến tiếc vô bổ, và bất kể trong tình huống nào, nó cũng chẳng chùn bước. Sự hăng say của nó chẳng những không giảm sút đi bởi thử thách dường như vượt quá bất kể một lòng dũng cảm nào, mà còn tăng thêm hơn bất kì lúc nào. Tổ chỉ vừa mới được dựng lên và đặt vào đúng chỗ, cảnh hỗn loạn do việc vỡ tổ huyên náo vừa mới được thu xếp ổn thỏa, trong đám đông pha tạp ta thấy ngay một sự phân công rất rõ ràng và hết sức bất ngờ. Phần lớn nhất của đàn ong, như một đạo quân, tuân theo một mệnh lệnh rất rõ ràng, bắt đầu leo lên - chúng tạo thành những cột ong lớn dựng dọc theo các bức tường của cái to lớn. Những con đầu tiên trong số ong đã lên tới mái vòm dùng móng của hai chân trước bám chặt vào đó; những con sau bám vào chúng và cứ thế cho đến khi hình thành những dây ong dài làm thành cây cầu cho cả bầy đang ngày càng leo lên cao. Dần dần số lượng dây ong càng tăng lên, mỗi lúc càng trở nên dày hơn và ngày càng bện vào nhau nhiều hơn, rồi cuối cùng biến thành những tràng dài; do số ong đông vô kể và không ngừng leo lên, những tràng ong quấn vào nhau thành một bức màn dày hình tam giác hay, nó đúng hơn, là trông giống như một hình nón dày có đỉnh hướng lên mái vòm, nơi chúng được đính chắc vào, còn phần đáy trải rộng xuống đến một nửa hay đến hai phần ba toàn bộ chiều cao của tổ. Khi con ong sau cùng cảm thấy có giọng nói bên trong gọi nó nhập vào đội quân này, đã leo tới bức màn treo trong bóng tối, thì việc leo trèo ngừng lại; chuyển động trên mái vòm dần dần ngừng hẳn, và cái hình nón kì lạ treo lơ lửng trong suốt nhiều giờ

chờ đợi sự bí ẩn của việc hình thành sáp, trong một sự im lặng mà ta có thể nghĩ là một sự im lặng đầy linh thiêng, và trong sự bất động đáng sợ. Trong lúc đó, những con ong khác, tức là những con ong còn lại ở phía dưới của tổ, chẳng quan tâm đến sự hình thành tấm màn kì diệu, mà một tảng vật màu nhiệm có thể được ban xuống trong những nếp gấp của nó, rõ ràng là, chúng cũng chẳng bị cám dỗ bởi mong muốn hòa nhập vào nơi đó, chúng xem xét ngôi nhà và bắt tay thực hiện các công việc cần thiết.

Sàn được quét cẩn thận, và những chiếc lá, cành khô, những hạt cát lần lượt được mang dọn ra xa, vì tính ưa sạch sẽ của loài ong đạt đến độ cực độ: vào giữa mùa Đông, những trận giá rét mạnh, kéo dài quá lâu ngăn cản chúng thực hiện cái gọi là “chuyến bay thanh sạch”, không muốn tổ bị bẩn, chúng chết hàng loạt bởi một căn bệnh đường ruột khủng khiếp. Chỉ có những con đực vô tâm không sửa được mới ngang nhiên làm bẩn các tầng tổ mà chúng đi vào, bởi thế các con ong thợ phải liên tục theo sau chúng để làm sạch tổ.

Sau khi làm sạch tổ, những con ong thuộc nhóm không được thông báo đó - nhóm không chen vai thích cánh với những con ong của cái hình nón treo lơ lửng trong sự phấn chấn nào đó - bắt đầu cẩn thận trám lại bề mặt bên trong của ngôi nhà chung. Sau khi xem xét mọi khe hở, trám và phủ kín các khe hở bằng keo ong, rồi chúng mới bắt đầu đánh bóng tường của toàn bộ tòa nhà từ trên xuống dưới. Đội canh cửa được tổ chức lại, và số ong thợ nhanh chóng được xác định, cất cánh bay ra các cánh đồng và khi bay về chở nặng mật và phấn hoa.

## II

Trước khi vén những nếp gấp của bức màn bí ẩn, mà trong bóng tối của nó là nền móng của ngôi nhà đích thực, chúng ta hãy thử tìm hiểu xem

các chú ong di cư bé nhỏ của chúng ta phải thể hiện biết bao nhiêu là trí tuệ, sự nhìn nhận chính xác, sự tính toán và nghệ thuật cần thiết cho việc thích ứng với nơi cư trú, để vẽ được quy hoạch của thành phố trong khung cảnh trống trải, hình dung ra ở đó địa điểm của các tòa nhà, sẽ phải xây chúng một cách tiết kiệm nhất và nhanh nhất có thể, vì ong chúa cần phải đẻ trứng, kéo nó đẻ trứng vương vãi khắp sàn mất. Ngoài ra, trong mê cung này còn có các công trình chưa thực hiện được, hình thức của chúng cần phải khác thường, đừng nên quên mất các quy tắc về sự thoáng khí, tính vững chắc, độ bền lâu, đánh giá sức bền của sáp, tính chất của số lượng thực sẽ cần phải bảo quản, sự tự do ra vào, các thói quen của ong chúa, việc bố trí, một phần nào đó, đã được xác định trước, tổ chức một cách tối ưu các kho chứa, nhà cửa, phố phường, đường đi lối lại và nhiều công việc khác mà có lẽ phải mất rất nhiều thời gian để liệt kê ra.

Hình dáng của tổ ong được con người đưa ra cho đàn ong thay đổi vô cùng: từ thân cây rỗng ruột, hình trụ đất sét ngày nay vẫn còn được sử dụng ở châu Phi và châu Á, và tổ theo lối cổ hình chuông bằng rơm, mà ta có thể bắt gặp giữa những luống hoa hướng dương, cây hoa lốc, hoa thực quỳ trong các vườn rau hay dưới ô cửa sổ của phần lớn các trang trại của chúng ta, cho đến các nhà máy đích thực của ngành nuôi ong thời nay, nơi đôi khi tích tới hơn 150 kg mật ở ba hay bốn tầng ong nằm nối đuôi nhau và có khung bao quanh cho phép họ kéo ra, lấy các tầng tổ, tách lấy mật ong bằng lực li tâm nhờ các tua-bin rồi đặt chúng trở về vị trí cũ như cách làm với sách trong một thư viện được tổ chức tốt.

Tính thất thường hay nhu cầu của con người vào một ngày đưa đàn ong ngoan ngoãn vào một nơi chốn nào đó làm đàn ong mất đi nề nếp thông thường. Con côn trùng bé nhỏ phải sắp xếp, định hướng, thay đổi kế hoạch mà dẫu hoàn cảnh sống có thể nào thì nó vẫn phải bất biến, phải xác định trong không gian lạ lẫm này vị trí của kho chứa mùa Đông, chúng không

nên vượt ra khỏi khu vực có nhiệt độ ẩm áp do đàn ong ngủ mơ màng tỏa ra; chính nó, cuối cùng, phải xác định một điểm tập trung các tầng tổ cho lứa ong mới - vị trí của các tầng, để tránh sự không may nào đó, phải gần như không thay đổi - không quá cao, cũng không quá thấp, không gần, và cũng không xa cửa chính. Chẳng hạn như đàn ong đi khỏi một thân cây đổ có đường hầm dài nằm ngang, hẹp và dẹt - bỗng nhiên chúng rơi vào một cái tổ dựng đứng như tòa tháp cao, mái bị lấp mất trong bóng tối. Hay để hiểu rõ hơn nữa sự kinh ngạc đương nhiên của chúng, bạn hãy thử hình dung một hình ảnh như sau: chúng, suốt bao đời nay đã quen sống dưới mái vòm bằng rơm của những chiếc tổ ở làng quê của chúng ta, đột nhiên chúng thấy mình bị đưa vào một cái gì đó giống như một cái tủ to hay một cái rương, rộng gấp ba bốn lần ngôi nhà, nơi chúng ra đời, và bây giờ phải định hướng giữa một đám khung chằng chịt treo hết cái này đến cái khác, khi thì song song, khi thì vuông góc với cửa ra vào và tạo thành cả một mạng lưới rừng rậm làm rối tung toàn bộ bề mặt tổ của chúng.

### III

Không gì có thể ngăn cản được chúng - người ta không nhớ nổi một ví dụ nào về chuyện đàn ong từ bỏ làm việc, mất đi lòng dũng cảm hay bối rối do sự khác thường của hoàn cảnh, miễn là ngôi nhà được chào mời không nồng nặc mùi khó chịu hay thực sự không thể sống được. Thậm chí trong tình huống như thế cũng không thể nói về sự sa sút tinh thần, sự dao động hay rũ bỏ trách nhiệm. Đàn ong đơn giản là bỏ nơi ở không thân thiện và lên đường tìm một cơ may tốt hơn ở đâu đó xa hơn. Còn hiếm thấy hơn nữa những trường hợp có một ai đó bắt gặp những con ong làm một việc không cần thiết và ngu ngốc. Chưa bao giờ người ta thấy những con ong điên rồ hay chúng khi không biết quyết định thế nào, phó mặc cho may rủi cứ xây các công trình bừa bãi và sai quy tắc. Bạn cứ thử cho chúng vào một

khối cầu, khối vuông, khối kim tự tháp, một cái giỏ hình ô-van hay đa giác, vào một khối hình trụ hay hình xoắn ốc; bạn hãy quan sát chúng một vài ngày, nếu chúng chấp nhận nơi ở - bạn sẽ thấy cái tập hợp là lạ của những bộ óc nhỏ, độc lập này đã nhanh chóng biết đi đến thỏa thuận, không hề do dự, nhờ một phương pháp mà các nguyên tắc của chúng, rõ ràng là bất di bất dịch, nhưng hậu quả là có tính sống còn, lựa chọn một vị trí có lợi nhất, thường là một địa điểm duy nhất có thể tận dụng được trong nơi ở lạ lùng này.

Khi cho chúng vào ở một trong những nhà máy có các bộ khung lớn, được lắp sẵn, mà chúng ta vừa nói đến, đàn ong để tâm đến những cái khung này chỉ một khi chúng là các điểm khởi đầu và điểm tựa thuận tiện cho các tầng tổ của đàn ong, và việc đàn ong không hề lo lắng, xem con người muốn gì, cũng như có ý đồ gì, là một điều hết sức tự nhiên. Nhưng nếu người nuôi ong có ý gắn thêm một dải sáp nhỏ cho tấm ván ở phía trên một số cái khung, thì chúng sẽ cẩn thận kéo dài dải sáp này, và bổ sung thêm cả sáp của mình, một cách có phương pháp chúng nối tiếp các tầng tổ theo quy hoạch định sẵn. Đúng như thế - đây là cách thường thấy trong ngành nuôi ong đang phát triển mạnh mẽ hiện nay - nếu tất cả những cái khung của chiếc tổ, nơi cho đàn ong vào ở, được gắn thêm từ trên xuống dưới các phiến sáp xếp nếp, đàn ong sẽ không mất thời gian dựng những cái khác ở bên cạnh hay nằm vắt ngang, chúng sẽ không làm sáp một cách vô ích, nhưng khi thấy công việc đã được thực hiện một nửa rồi, chúng lấy làm hài lòng với việc đào sâu và nối dài từng khoang tổ đã được định rõ trên phiến sáp, chỉnh sửa dần các điểm, nơi phiến sáp bị lệch khỏi đường thẳng đứng; bằng cách này, chưa đầy một tuần chúng đã là chủ nhân của một thành phố tuyệt đẹp và được xây dựng tốt, đúng như thành phố mà chúng đã bỏ đi; thế nhưng nếu phó mặc cho các ngu ồn dự trữ riêng của chúng, thì chúng có lẽ phải mất hai hay ba tháng làm việc, để xây dựng lên

những kho chứa d ẫ đào và nhà ở bằng sáp trắng như thế.

#### IV

Tất nhiên, khả năng thích nghi này có vẻ như vượt xa khỏi giới hạn của bản năng. Nhưng thực chất thì không có gì võ đoán hơn những sự phân biệt giữa bản năng và lí trí. Ông John Lubbock, người đã tiến hành những quan sát thú vị và độc lập về kiến, ong vò vẽ và ong mật, rất có khuynh hướng không công nhận ong có khả năng phân biệt và suy xét, như thể chúng vừa mới thoát khỏi lối mòn trong những hoạt động quen thuộc của chúng. Điều này xảy ra, có thể do sự ưu ái hơn có tính vô thức và phần nào bất công tác động đến một người nghiên cứu kiến, - là đối tượng nghiên cứu chuyên môn của ông, - vì bất kể một nhà nghiên cứu nào cũng muốn con côn trùng mà anh ta nghiên cứu là con thông minh hơn và tuyệt vời hơn các con khác; song ta nên tránh cái thói kì quặc nhỏ nhen của tính tự ái này. Để chứng minh cho suy nghĩ của mình ông John Lubbock tiến hành một thử nghiệm mà ai cũng có thể dễ dàng thực hiện. Hãy thả nửa tá ru ồi và nửa tá ong vào một chiếc bình thon cổ, đặt nó nằm ngang, đáy xoay về cửa sổ của căn phòng. Những con ong suốt nhiều tiếng đồng hồ nháo nhào tìm lối ra qua đáy bình, chừng nào còn chưa chết vì mệt và đói, thế nhưng những con ru ồi chưa đến hai phút đã ra hết qua miệng bình ở phía đối diện. Ông John Lubbock từ đó kết luận rằng trí óc của ong quá ư là hạn chế, còn ru ồi đã thể hiện sự khôn khéo hơn nhiều để tìm được đường và thoát ra. Kết luận này có vẻ như là miễn chê vào đâu được. Bạn cứ thử lần lượt xoay 20 lần liên tùy ý, khi thì đáy, khi thì miệng một cái bình cầu trong suốt về phía có ánh sáng - cả 20 lần những con ong đều quay hướng về phía ánh sáng. Trong thí nghiệm của nhà khoa học người Anh thì cái nguy hiểm với ong là sự yêu thích ánh sáng của chúng, đây cũng chính là trí khôn của chúng. Rõ ràng là, chúng tưởng rằng trong chốn giam hãm nào thì sự giải thoát ắt hẳn

phải là từ phía sáng hơn; chúng hành động thích hợp và ngoan cố trong các hành động quá đỗi logic của mình. Chúng đâu biết đến sự bí ẩn siêu nhiên bao giờ, với chúng chính tấm kính là cái đi ầu bí ẩn; chúng chỉ thấy không gian bỗng nhiên trở nên không thể chui lọt qua được, tức là đã xảy ra một hiện tượng không có trong tự nhiên; ắt hẳn với chúng sự ngăn trở này, đi ầu bí ẩn này càng không thể chấp nhận được, càng không thể hiểu nổi, thì chúng càng khôn ngoan hơn; trong khi đó những con ru ồi không nào, chẳng hề bận tâm đến logic, đến lời kêu gọi của ánh sáng, về sự bí ẩn của tấm kính, cứ bay vô định trong cái bình c ầu và vô tình trên đường bay của mình gặp được cái miệng bình tốt lành đã giải thoát cho chúng - như đôi khi những kẻ thiến cận thoát chết ở nơi mà các nhà thông thái chết.

## V

Cũng chính nhà tự nhiên học này còn thấy một bằng chứng nữa cho sự thiếu trí khôn của loài ong trong đoạn trích dẫn từ Langstroth một nhà nuôi ong đáng kính, người Mỹ: “Vì ru ồi có thiên tính sống không phải nhờ hoa, mà là nhờ các chất mà nó có thể đắm mình trong đó, nó cảnh giác đậu ở mép của những chiếc bình đựng thức ăn lỏng, và thận trọng hút, trong khi ấy thì một con ong đáng thương lao đầu xuống đó và chết li ền, số phận đáng sợ của người chị em của chúng chẳng hề ngăn những con khác một chút nào, chúng đến lượt mình tiến sát m ồi ăn: như bị mất trí, chúng đậu trên những cái xác và những con đang giãy chết. Không một ai có thể tưởng tượng nổi sự điên rồ của chúng kinh khủng đến thế nào, nếu anh ta không nhìn thấy một cửa hàng mứt kẹo bị vô số những con ong đói khát bao vây. Tôi đã thấy hàng ngàn con ong bị chìm trong si-rô được vớt ra; tôi đã thấy hàng ngàn con lao xuống nước đường đang sôi; mặt đất, và những ô cửa sổ phủ đầy xác ong đen kịt; một số lê lết, một số bay lượn, có những con bê bết đến mức chẳng thể bay, cũng như bò được; thậm chí một phần

mười số ong không thể mang về nhà chiến lợi phẩm được lấy theo cách t ồi tệ ấy, thế nhưng trong không trung đàn đàn lũ lũ ong vẫn kéo đến và chúng cũng điên rồ như thế”.

Đây đâu phải là bằng chứng tốt nhất, nó có khác gì những cảnh tượng tàn tạ, phá hại của thói nghiện rượu và chiến trận là bằng chứng cho một siêu nhân muốn xác định những hạn chế về trí tuệ của chúng ta. Địa vị của ong trong thế giới này thật kì lạ, nếu so sánh nó với địa vị của chúng ta. Ong đến thế giới này để sống giữa một thiên nhiên vô tình và vô thức, chứ không phải bên một sinh vật dị thường đảo lộn các quy luật bất biến nhất gần gũi với chúng và tạo ra các hiện tượng kì vĩ và không thể hiểu nổi. Trong một trật tự tự nhiên, trong sự tồn tại đơn điệu của một cánh rừng thân thuộc sự say cuồn cuộn được Langstroth mô tả chỉ có thể có được khi vì một sự tình cờ nào đó có một tổ ong đầy mật bỗng vỡ tung ra. Nhưng khi ấy ở đó có lẽ sẽ chẳng có những ô cửa sổ nguy hiểm chết người, lẫn đường sôi, cũng như si-rô đặc quánh, vì vậy có lẽ sẽ chẳng có kẻ nào chết và những mối hiểm nguy nào khác, ngoài những mối nguy hiểm mà bất cứ một con vật nào cũng bị sa vào khi đuổi bắt con mồi.

Liệu chúng ta có thể giữ được một cách tốt hơn sự bình tĩnh của mình, nếu như có một thể lực hùng mạnh và dị thường nào đó cuốn hút trí óc của chúng ta trên mỗi bước đi? Vì thế chúng ta rất khó có thể phán xét loài ong - loài bị chính chúng ta biến thành những kẻ mất trí, và trí khôn của chúng không được trang bị để phát hiện ra các mưu kế thâm hiểm của chúng ta, đúng như trí óc của chúng ta, rõ ràng là, không được trang bị đủ để phá vỡ những mưu kế tàn độc của cái sinh thể tối cao, mà hiện nay chúng ta chưa biết đến, nhưng có thể có thật. Khi chưa biết cái gì đang thống trị chúng ta, chúng ta kết luận rằng mình đang chiếm giữ đỉnh điểm của sự sống trên trái đất của chúng ta; nhưng, thật cuộc, điều này hoàn toàn không thể là điều hiển nhiên. Tôi không đòi hỏi mọi người tin tôi, khi tôi nói rằng, nếu chúng

ta thực hiện hành động vô lối hay hay xấu xa, thì đi đâu này xảy ra bởi chúng ta bị rơi vào mạng lưới của một thế lực tối cao, nhưng chẳng có gì là không tưởng cả, đi đâu này có thể đến một lúc nào đó sẽ đúng. Mặt khác, sẽ là vô lí việc khẳng định rằng loài ong không có trí khôn, vì chúng còn chưa học được cách phân biệt chúng ta với một con khỉ hay một con gấu to lớn và đối xử với chúng ta như đối xử với một cư dân thuần phác trong khu rừng nguyên thủy. Rõ ràng là, trong chúng ta và xung quanh chúng ta có những ảnh hưởng và những thế lực hết sức khác biệt nhau, mà chúng ta chưa nhận ra được nhiều hơn nữa.

Cuối cùng, để kết thúc phần biện hộ này, mà trong đó tôi có phần nào thiên lệch, đi đâu mà tôi đã trách cứ ông John Lubbock ở phần trên đây, tôi xin nói thêm: có cần hay không là một kẻ có trí tuệ, để có khả năng đạt tới rất nhiều những sự điên rồ đến thế? Sự thế luôn là thế trong cái vùng sai lệch của trí óc, vốn là trạng thái không chắc chắn nhất, biến động nhất của vật chất. Cũng theo sự soi xét đó thì ngoài lí trí, còn có sự say mê, không thể nói một cách chính xác nó là gì - là khói lửa hay là sợi bậc đèn. Mà ở đây sự say mê của loài ong đủ cao thượng, để tha thứ cho sự bất ổn về trí khôn của chúng. Đâu phải cái tính háu ăn của con vật muốn ngốn ngấu cho chán chê mật ngọt đã đẩy nó đến sự bất cẩn này. Chúng có thể thoải mái làm đi đâu này ở kho chứa thực phẩm trong tổ của mình. Hãy quan sát chúng, dõi theo chúng trong những hoàn cảnh tương tự, và bạn sẽ thấy chúng sau khi lấy đầy bông mật, liền lập tức quay về tổ, để trút chiến lợi phẩm của mình vào đó, để trong suốt một tiếng đồng hồ 30 lần đến nơi thu hoạch tuyệt trần và lại quay trở về. Hiện tượng này cho thấy đi đâu mong muốn nhất - đó là làm những công việc tuyệt vời biết bao: sự hăng say mang được nhiều nhất phúc lợi mà chúng có thể mang về ngôi nhà của những người chị em của chúng và cho ngôi nhà tương lai. Khi sự mất trí của con người do động cơ hết sức hào hiệp, thì chúng ta lại thường gọi nó

bằng một cái tên khác.

## VI

Tuy nhiên cũng cần phải nói ra toàn bộ sự thật. Trong số những đi đầu kì diệu trong nghệ thuật của chúng, sự xây dựng tiện nghi của chúng, đức tính quên mình của chúng, thì có một đi đầu sẽ luôn khiến chúng ta kinh ngạc và ngăn cản sự khâm phục của chúng ta: đó là sự vô cảm với cái chết và những nỗi đau khổ của đồng loại của chúng. Ở đặc tính của loài ong có một sự lưỡng phân rất kì lạ. Ở trong tổ tất cả đều yêu thương nhau và giúp đỡ nhau. Chúng hợp nhất lại, như những suy nghĩ tốt đẹp trong một tâm hồn. Nếu bạn làm bị thương một con trong số chúng, hàng ngàn con sẽ hi sinh thân mình, để báo thù vì bị xúc phạm. Ở bên ngoài tổ chúng không còn biết đến nhau nữa. Cứ thử vặt cánh bẻ chân, đè nát — hay tốt hơn là đừng làm một đi đầu gì tương tự, đó có lẽ là sự tàn ác vô nghĩa, vì có một thực tế hiển nhiên, - giả sử rằng bạn làm bị thương, đè nát ở một tầng tổ nằm cách tổ của chúng vài bước chân mười, hai mươi hay ba mươi con ong đã ra khỏi tổ, - những con mà bạn không động đến sẽ chẳng đoái hoài gì và cứ tiếp tục cắm cái lưỡi của mình, một cái lưỡi lạ thường như một thứ vũ khí của Trung Hoa, hút lấy thứ chất lỏng mà chúng quý hơn cả mạng sống, chúng dừng dưng với sự hấp hối đang giãy giụa giữa một lần cuối động chạm vào chúng, và với những tiếng rên la đầy tuyệt vọng vang lên quanh chúng. Và khi tầng tổ đã trống trơn, bầy ong, chẳng còn gì để mất, thản nhiên trèo lên những con đã chết và bị thương và thu gom lại mật dính vào các con đã chết, chẳng hề động lòng trước cảnh tượng chết chóc và chẳng hề nghĩ đến việc giúp đỡ những con bị thương. Vậy có nghĩa là, trong tình huống này chúng không có khái niệm gì về mối nguy hiểm với chúng, vì sự chết chóc la liệt xung quanh chúng chẳng khiến chúng lo ngại, chẳng hề có một tình cảm nhỏ nhất nào của sự đoàn kết hay xót thương. Còn về mối hiểm nguy,

thì đi đầu này được lí giải là bởi ong không hề biết đến sự sợ hãi và chẳng có gì làm chúng sợ, trừ khói. Khi ra khỏi tổ, cùng với bầu trời trong xanh ong hít thở thêm cái khí chất hiên lành và nhẩn nhện. Nó tránh xa kẻ nào khiến nó lo sợ, nó làm bộ như không nhận thấy kẻ không quá đổi chèn ép nó. Có thể nghĩ rằng, nó hiểu rõ bản thân mình trong cái vũ trụ thuộc về tất cả, nơi mỗi cá thể đều có quyền có chỗ đứng của mình và nơi đáng để là một kẻ khiêm nhường và yêu chuộng hòa bình. Nhưng dưới vẻ bao dung ấy ngấm ẩn giấu một trái tim tự tin vào bản thân mình đến độ, nó không còn nghĩ đến việc phải tuyên bố về phẩm cách của mình. Nếu bị một kẻ nào đó đe dọa, nó né tránh, nhưng không bao giờ chạy trốn. Mặt khác, khi ở trong tổ nó không bằng lòng theo cái lối bàng quan thụ động với mỗi hiểm nguy. Đàn ong với cái tính dễ nổi nóng lao thẳng vào bất kể một sinh vật nào: kiến, sư tử hay con người dám cả gan chạm đến nơi chốn thiêng liêng. Xét theo lối suy lí của chúng ta, thì có thể gọi đó là sự giận dữ, phát khùng vô lí hay tinh thần anh hùng.

Nhưng chẳng có gì có thể phản bác được sự thiếu tính đoàn kết của loài ong ở bên ngoài tổ, cũng như tình thân ái với nhau của chúng khi ở trong tổ. Phải chăng chúng ta nên nghĩ rằng, có những giới hạn không thấy trước được đối với trí khôn của mọi giống loài và rằng, một tia lửa nhỏ nhoi khó khăn lắm mới lóe lên nổi, sau sự bốc cháy chẳng dễ dàng gì của một khối vật chất trì trệ đến thế, luôn không thể tin chắc rằng, nó có thể soi sáng hơn dầu chỉ một điểm thôi, khi làm mờ nhạt đi các điểm khác? Có thể nhận định rằng, ong và thiên tính trong nó đã tổ chức một cách hoàn hảo hơn ở bất cứ đâu công việc chung trong cộng đồng, sự sùng bái và tình yêu đối với tương lai. Phải chăng vì lí do đó mà loài ong bỏ qua tất cả những thứ còn lại? Chúng yêu cái tương lai phía trước, còn chúng ta yêu những gì xung quanh mình. Có thể, yêu những gì hiện tại là đủ để không còn đủ tình yêu đặt đúng cho những gì sau này. Chẳng có gì hay đổi thay đường hướng

hơn lòng nhân từ và sự trắc ẩn. Bản thân chúng ta trước kia có lẽ ít thấy sốc hơn ngày nay trước sự vô cảm của loài ong, và nhiều người thời xưa có lẽ chẳng nghĩ đến việc quở trách chúng ở điểm này. Rốt cuộc, liệu chúng ta có thể luôn tiên kiến được cái sinh vật đáng kinh ngạc trong chúng ta - nó có thể cũng đang quan sát chúng ta, như chúng ta đang quan sát loài ong đấy - là gì hay không?

## VII

Để tạo nên cho mình một khái niệm rõ ràng hơn về trí tuệ của loài ong, chúng ta còn phải nghiên cứu xem bằng cách thức nào chúng giao tiếp với nhau. Rõ ràng là chúng hiểu được nhau, và cũng hiển nhiên là, thể chế cộng hòa ong đông dân đến thế, với những hoạt động đa dạng như thế, và ăn ý nhịp nhàng đến thế, chẳng thể tồn tại trong sự im lặng và biệt lập về trí óc của bấy nhiêu ngàn con ong. Chúng, không còn nghi ngờ gì nữa, phải có được khả năng thể hiện những suy nghĩ của mình hay những cảm xúc của mình thông qua hoặc là một thứ âm tự, hay có lẽ đúng hơn là, nhờ thứ ngôn ngữ xúc giác hay sự trực giác từ tính, có thể, tương ứng với những cảm tính hay tính chất của vật chất, chúng ta hoàn toàn không biết rõ được - một trực giác có thể nằm trong những cái râu cảm nhận và hiểu được bóng tối và được tạo thành, theo tính toán của Cheshire, từ 12 ngàn sợi lông xúc giác và 5 ngàn khoang khứu giác ở những con ong thợ. Cách thức lan truyền trong tổ một tin tức nào đó, tốt hay xấu, bình thường hay khác thường đã cho thấy ong hiểu nhau không chỉ với những công việc bình thường, mà sự bất thường cũng có tên gọi và vị trí trong ngôn ngữ của chúng: sự kiện biến mất hay trở về của ong mẹ, việc sụp đổ của tầng tổ, hiện tượng đột nhập của kẻ địch, dấu hiệu thâm nhập của một con ong chúa lạ, sự tiến tới gần của toán kẻ cướp, việc phát hiện ra một kho báu v.v., - mỗi một sự kiện trong số đó đều đòi hỏi động thái và tiếng rì rầm khác

nhau, và chúng đặc trưng đến mức, một người nuôi ong có kinh nghiệm khá dễ dàng đoán được chuyện gì đang xảy ra trong đó, nơi bóng tối, trong bầy ong đang xao động.

Nếu bạn muốn có một bằng chứng xác thực hơn, thì hãy quan sát một con ong tìm thấy vài giọt mật rơi vương trên bậu cửa sổ nhà bạn hay ở góc bàn của bạn. Trước tiên nó bắt đầu hau háu hút cho căng bụng đến mức bạn có thể rất dễ dàng đánh dấu một chấm màu nhỏ vào mảnh giấy che lưng của nó, mà không sợ làm chúng ngừng công việc. Nhưng sự háu ăn này chỉ là vẻ ngoài mà thôi, số mật này không đi thẳng vào dạ dày hay cái có lẽ phải gọi là dạ dày của riêng nó, - mật vẫn còn ở bọng, ở cái dạ dày thứ nhất, mà nếu có thể nói, là cái “dạ dày chung”. Cái bọng chứa ấy vừa đầy là con ong bay đi, nhưng không bay đi hẳn và thản nhiên như một con bướm hay một con ruồi vẫn làm. Trái lại, bạn sẽ thấy nó có vài giây bay lùi lại, chăm chú vòng liệng quanh ô cửa sổ nhà bạn hay quanh chiếc bàn của bạn, mặt hướng vào căn phòng của bạn. Nó nghiên cứu địa điểm và ghi nhớ vị trí chính xác của kho báu. Sau đó nó mới quay về tổ, để chiến lợi phẩm của mình ở đó, trong một cái hốc kho chứa, rồi sau ba hay bốn phút lại quay trở lại và lấy lượng mật dự trữ mới được “ông Trời” ban cho trên bậu cửa sổ. Cứ năm phút một, cho đến tận chiều tối, một khi vẫn còn mật, con ong sẽ không ngừng nghỉ thực hiện những chuyến bay có chủ đích từ cửa sổ về tổ và từ tổ đến cửa sổ.

## VIII

Tôi không muốn tô vẽ cho sự thật, như nhiều người khác đã làm, khi viết về loài ong. Những quan sát kiểu như thế chỉ có một ý nghĩa nào đó khi chúng hoàn toàn trung thực. Nếu như tôi thấy được rằng loài ong không có khả năng hiểu biết các sự kiện bên ngoài, thì tôi cảm thấy, dẫu có đôi chút thất vọng đấy, việc thêm một lần xác thực được rằng con người là

sinh vật duy nhất thực sự có trí tuệ trên trái đất vẫn đem lại cho tôi một niềm vui thích nhất định. Và rồi đến một thời kì nào đấy trong đời, ta bắt đầu cảm thấy vui sướng hơn khi trình bày những vấn đề xác thực, nhưng không lạ thường. Ở đây, cũng như trong mọi hoàn cảnh khác, nên giữ một nguyên tắc như sau: nếu một sự thật hết sức trần trụi hiện giờ có vẻ như kém lớn lao hơn, ít cao cả hơn và ít thú vị hơn sự tô điểm mỹ miều giả dối, thì chính chúng ta có lỗi trong chuyện này, bởi chúng ta còn chưa thể phân định được, nó phải có một mối quan hệ như thế nào - luôn luôn lạ thường - với sinh vật vẫn còn chưa được biết đến của chúng ta, và với các quy luật của vũ trụ; và trong trường hợp này không phải sự thật cần phải được phóng đại và nâng cao phẩm giá, mà trí tuệ của chúng ta mới cần phải như thế.

Bởi vậy tôi thừa nhận rằng, những con ong được đánh dấu thường quay trở về một mình. Phải nghĩ rằng, ở loài ong cũng có những sự khác biệt tính cách, như ở con người, và giữa chúng có thể thấy một số con trăn lặng, một số con lẩm lờn. Có ai đó từng có mặt trong những thử nghiệm của tôi đã khẳng định là có nhiều con ong, rõ ràng do tính ích kỉ hay háo danh, không thích để lộ ngu ồn sản vật của mình, hay không muốn chia sẻ với con khác trong đám bạn của mình niềm vinh quang của công việc, mà tổ ong chắc hẳn phải công nhận là đáng kinh ngạc. Đó là những thói xấu khá đáng ghét, không có chút tinh thần tốt đẹp, trung thực và trong sạch nào vốn đặc trưng cho ngôi nhà của cả ngàn chị em nhà ong. Dù sao chẳng nữa thì vẫn thường thấy trường hợp, con ong được số phận mỉm cười với nó, trở lại nơi có mặt với hai hay ba con cộng sự. Tôi biết là ông John Lubbock, trong phần phụ lục cho công trình *Kiến, Ong và Ong bắp cày (Ants, Bees and Wasps)* của mình, đã lập những bảng biểu dài và cẩn thận những lần quan sát, từ đó có thể kết luận rằng, hầu như không bao giờ một con ong khác lại đi theo con dẫn đường. Tôi không rõ, vị học giả-nhà tự nhiên học nghiên

cứu giống ong nào, hay có thể hoàn cảnh quá ư là bất lợi chẳng. Còn về phần mình, thì tôi dùng những bảng biểu được lập một cách cẩn thận của riêng mình chỉ sau khi áp dụng mọi sự phòng ngừa có thể có, để những con ong không bị mùi mật trực tiếp lôi cuốn, tôi thấy chúng, trung bình là bốn trên mười lần dẫn đường cho các con khác. Có lần tôi đã bắt gặp một con ong Ý nhỏ lạ thường. Tôi đánh dấu vào mảnh giấy che lưng của nó bằng một cái chấm màu xanh da trời. Từ chuyến bay thứ hai của mình nó xuất hiện cùng hai con ong chị em của nó. Tôi bắt hai con sau, nhưng không làm con đầu tiên sợ. Nó bay đi, rồi trở lại với ba con ong được báo tin, chúng cũng bị tôi bắt lại, và cứ tiếp tục như thế cho đến sau giờ trưa, khi đếm số tù nhân của mình, tôi xác nhận là nó đã báo tin cho mười tám con ong khác.

Tóm lại, nếu bạn tiến hành các thí nghiệm như thế, bạn sẽ tin rằng, nếu sự thông báo không phải là hết sức phổ biến, thì nó, dẫu sao, vẫn thường xuyên được thực hiện. Những thợ săn ong ở Mĩ biết rõ khả năng này, họ sử dụng nó khi cần tìm tổ ong. “Để bắt đầu công việc của mình, - ông Josiah Emery kể (được Romanes trích dẫn trong cuốn sách *Trí khôn của loài vật, tập I, trang 117 (Intelligence des animaux)*) họ chọn một cánh đồng hay một cánh rừng nằm cách xa bất cứ một trại nuôi ong nào. Sau khi đến nơi, họ đánh dấu vài con ong đang lấy mật trên các bông hoa; họ bắt chúng, giữ chúng trong một cái hộp có mật, và khi chúng hút đầy mật, họ thả chúng ra. Sau đó, phải chờ đợi một chút, thời gian chờ phụ thuộc vào khoảng cách có cái cây mà đàn ong ở đó; cuối cùng, sau sự kiên nhẫn nhất định, người thợ săn rốt cuộc cũng luôn nhận thấy những con ong của mình quay trở lại với vài con ong bạn. Anh ta, như lần trước, bắt và thết đãi chúng, rồi thả mỗi con vào một chỗ đặc biệt, cố nhận biết xem chúng chọn hướng nào; cái điểm rõ ràng là điểm hội tụ của mọi hướng bay sẽ cho người thợ săn biết vị trí áng chừng của tổ ong”.

## IX

Bạn sẽ nhận thấy trong các thí nghiệm của mình, những con ong bạn tuân theo dấu hiệu quy ước cho thấy sự thành công không luôn bay cùng nhau và thường giữa những chuyến bay riêng lẻ có quãng nghỉ trong vài giây. Vì thế, nên đặt ra cho mình câu hỏi về những thông tin đã được ông John Lubbock giải đáp với loài kiến.

Bằng cách nào bầy ong bạn của con đầu tiên bay đến được kho báu do nó phát hiện ra? Có phải chúng chỉ bay theo con đầu tiên hay không, hay chúng có thể được nó cử đi và tự tìm lấy kho báu, theo những chỉ dẫn và mô tả của nó về địa điểm? Ở đây hiển nhiên là có sự khác biệt rất lớn về ý nghĩa của dung lượng trí não và sự hoạt động của nó. Nhà khoa học người Anh, với sự trợ giúp của một bộ máy phức tạp và thông minh bao gồm những đường liên thông, những hành lang, những đường rãnh đầy nước và những chiếc cầu nho nhỏ, đã có thể xác định được rằng, trong tình huống này những con kiến đơn giản là chỉ đi theo dấu vết của con đầu đàn. Các thí nghiệm này có thể áp dụng với kiến, là loài mà ta có thể bắt chúng bò ở nơi nào ta cần, nhưng với loài ong có cánh thì mọi con đường đều rộng mở. Có nghĩa là, cần phải nghĩ ra một cách thức nào đó khác. Đây là một trong số cách mà tôi sử dụng, và dù nó không đem lại cho tôi các kết quả tích cực, tôi cho rằng, nếu như thí nghiệm được tổ chức tốt hơn và tiến hành trong hoàn cảnh thuận lợi hơn, nó có thể đã đem lại được những câu trả lời đủ thỏa đáng cho các câu hỏi.

Phòng làm việc của tôi nơi làng quê nằm ở tầng hai, phía trên một tầng trệt khá cao. Ngoài mùa các loài hoa dễ, hoa đoạn nở, những con ong không quen bay ở độ cao này, đến mức suốt cả tuần trước khi thí nghiệm, trên bàn đầu có một tầng mật với các lỗ tổ mở, vẫn không có một con ong nào bị cám dỗ bởi mùi mật thơm và lai vãng đến. Thế là tôi bắt một con

ong Ý cho vào một cái tổ bằng kính, đặt cách nhà không xa. Tôi đem cái tổ vào phòng của mình, đặt con ong vào tầng mật và đánh dấu nó, khi nó đang được thết đãi.

Sau khi đã căng bụng, nó bay về tổ; dõi theo nó, tôi thấy nó vội vã bò trên đám ong, chúc đầu xuống một lỗ tổ, trút mật và định bay đi. Tôi chặn và bắt lấy nó ở ngay lỗ tổ. Tôi lặp đi lặp lại hai mươi lần thí nghiệm này, luôn với các con ong khác nhau và mỗi lần lại loại bỏ con ong “m ỡ”, để các con khác không thể bay theo dấu của nó. Để thuận tiện hơn, tôi đặt sát cửa tổ một cái hộp kính chia làm hai ngăn ngăn bằng một vách di động. Nếu con ong được đánh dấu ra khỏi tổ một mình, tôi bắt giam nó ngay, như với con thứ nhất, và đi vào phòng của mình, chờ những con ong đi kiểm m ỡ có thể đã nhận được tin báo và bay đến. Nếu nó ra khỏi tổ cùng một hay hai con ong khác, tôi bắt giữ nó ở một ngăn của hộp, vậy là tôi ngăn cách nó với các bạn; những con sau cùng tôi đánh dấu bằng màu khác, r ỡ thả chúng đi và theo dõi. Rõ ràng là, nếu như có một thông tin truyền miệng hay theo từ tính nào đấy được nó thực hiện, mà trong đó có mô tả địa điểm, cách thức định hướng v.v., thì tôi phải thấy trong phòng mình một số ong nhất định được báo tin bằng cách thức như thế. Tôi phải thừa nhận rằng, tôi chỉ thấy một con ong. Liệu nó có theo các chỉ dẫn nhận được ở trong tổ hay không, hay đây thuần túy là sự ngẫu nhiên mà thôi? Sự quan sát là chưa đủ, nhưng hoàn cảnh không cho phép tôi tiếp tục. Tôi giải thoát cho những con ong “m ỡ” của tôi, và phòng làm việc của tôi nhanh chóng đầy đặc bầy ong vo ve, chúng được các con ong “m ỡ” thông báo, theo cách thức quen thuộc, đường đến kho báu.<sup>7</sup>

## X

Khi không kết luận được gì từ thí nghiệm không hoàn hảo này, dựa trên

nhieu đặc điểm đáng lưu ý khác chúng ta đành phải cho rằng, giữa loài ong với nhau có một sự giao tiếp về tinh thần vượt xa đáng kể mức độ đơn giản “có” hay “không”, hay những mối quan hệ sơ đẳng được xác định bằng một cử chỉ hay sự làm gương. Thêm vào đó, chúng ta có thể viện dẫn đến sự hài hòa thúc đẩy hoạt động trong tổ ong, đến sự phân công trách nhiệm thật tuyệt vời và sự luân phiên hoán đổi đúng đắn, mà ta có thể thấy ở đó. Ví dụ như, tôi thường xuyên nhận thấy rằng, những con ong đi kiếm mồi, mà tôi đánh dấu vào buổi sáng, sau giờ trưa, khi lượng hoa không quá dồi dào - chúng sẽ làm công việc sưởi ấm và thông gió cho tầng tổ ấp nở; hoặc tôi thấy chúng trong bầy ong tạo thành nhưng hàng ong đang mở màng đầy vẻ huyền bí, trong đó có những con đang tiết sáp, một số khác làm thợ điêu khắc. Tôi cũng quan sát những con ong thợ - tôi thấy chúng thu gom phấn hoa suốt một hay hai ngày, sau đó chúng thôi không làm việc thu gom nữa và ra khỏi tổ chỉ để kiếm mật, và ngược lại.

Về sự phân công lao động, chúng ta có thể dẫn thêm hiện tượng, mà Georges de Layens, một nhà nuôi ong nổi tiếng, người Pháp gọi là sự phân bổ ong cho những cây có mật. “Hằng ngày, từ lúc mặt trời vừa ló rạng, đã thấy những con ong trinh sát loan báo, đánh thức cho cả tổ biết những tin tốt lành ở nơi đồng đất: “Hôm nay hoa đoan nở suốt dọc bờ kênh; cỏ ba lá hoa trắng đã nở rộ trên thảm cỏ ven đường, hoa cỏ ba lá ngọt và hoa xôn đồng sắp mãn khai; huệ tây và hoa mộc tề đang đầy phấn”. Khẩn trương lên! - phải tập hợp nhau lại, đưa ra các biện pháp, phân định trách nhiệm. Năm ngàn chị mạnh khỏe nhất nhằm hướng hoa đoan lên đường; ba ngàn cô trẻ nhất phụ trách cỏ ba lá hoa trắng. Những ngày qua các chị các cô này đã hút mật hoa rỗi; hôm nay, để cho ống hút và các tuyến ở bụng mật của họ được nghỉ ngơi, họ sẽ đi thu hoạch phấn đỏ của hoa mộc tề, còn số chị em kia thì đi thu hoạch phấn vàng của những bông hoa huệ tây lớn, - các bạn sẽ không bao giờ thấy một con ong thu và trộn phấn của những bông

hoa khác nhau hay của các loài hoa khác nhau, và việc phân loại có phương pháp những loại bột thơm ngào ngạt theo sắc độ và ngu ần gốc là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của tổ ong.

Những mệnh lệnh được một đấng thiên tài ẩn mình phát ra như thế đấy. Lập tức bầy ong thợ đi ra thành những hàng dài màu đen, và mỗi một con trong số chúng thẳng hướng đến với công việc của mình”. Dường như, de Layens nói, đàn ong biết rất rõ về địa điểm có mật, mức độ mật d ễ dàng đã được đối chiếu và khoảng cách giữa tất cả các cây cỏ trong một khu vực nhất định quanh tổ. Nếu đánh dấu một cách cẩn thận những hướng bay khác nhau của các con ong đi kiếm m ồi, và nếu quan sát chi tiết xem bầy ong tiến hành việc thu hoạch như thế nào trên các cây cỏ quanh vùng, thì có thể nhận thấy rằng, những con ong thợ được phân bổ theo tỉ lệ và đồng thời đối với các loài hoa: theo số lượng cây của một loài, cũng như theo độ, d ễ dàng mật hoa của chúng. Tôi bổ sung thêm: hằng ngày chúng xác định chất lượng của thứ nhựa ngon ngọt nhất mà chúng có thể tìm được.

Ví dụ như, nếu về mùa Xuân, sau mùa liễu nở hoa, khi trên các cánh đồng còn chưa có một loài nào nở hoa, đàn ong không có một ngu ần nào khác, ngoài hoa rừng, thì chúng tích cực lui tới những cây sen gió, cỏ phôi, kim tước và vi-ô-lét. Nếu qua một vài ngày những cánh đồng bắp cải hay cải dầu bắt đầu nở hoa với số lượng khá lớn, thì có thể nhận thấy đàn ong gần như bỏ hẳn cây rừng vẫn còn đang nở rộ, để toàn tâm toàn ý đến với hoa cải bắp hay hoa cải dầu. Ngày nào cũng vậy, theo một cách thức như thế chúng đi đầu chỉnh sự phân bổ của mình theo các loài cây cỏ, để thu được thứ chất lỏng ngon ngọt nhất, trong một khoảng thời gian ngắn nhất. Vì vậy, có thể nói rằng, một đàn ong trong những công việc thu hoạch vụ mùa của mình, đúng hệt như trong một tổ ong, đã biết thực hiện một sự phân bổ hợp lí số lượng ong thợ, bằng cách áp dụng đúng nguyên tắc phân công lao động”.

## XI

Nhưng, - chúng ta sẽ bị cự nự, - rằng chuyện loài ong có trí khôn đến mức nào thì có quan trọng gì với chúng ta? Để làm gì mà phải cân nhắc cẩn thận đến thế cái dấu tích quá đỗi nhỏ mọn, gờn như vô hình, cứ như thể ta đang bàn về một thứ chất lỏng mà số phận của con người phụ thuộc vào nó ấy? Chẳng hề phóng đại một chút nào, tôi nghĩ, đi đâu này có lợi ích rất đáng kể đối với chúng ta. Khi tìm thấy ở bên ngoài chúng ta một dấu hiệu thực sự của trí tuệ, chúng ta sẽ cảm thấy xúc động, như Robinson, khi phát hiện ra dấu chân người trên bờ cát ở hòn đảo của mình. Khi ấy chúng ta sẽ cảm thấy mình bớt cô độc hơn chúng ta tưởng. Khi chúng ta cố gắng hiểu rõ về trí tuệ của loài ong, thì chúng ta rốt cuộc mới đi nghiên cứu cái phần quý báu nhất trong bản chất của chúng ta; đây là nguyên tử của một thứ chất kì lạ, tồn tại ở khắp những nơi nào mà nó hòa nhập vào, nó có một tính chất kì diệu làm biến đổi những nhu cầu mù quáng, tổ chức, tổ điểm và nhân lên sự sống, tìm hãm một cách hiệu quả nhất cái sức mạnh cố kiết của cái chết và dòng chảy không lờ mờ mãnh liệt cuốn phăng mọi thứ đang tồn tại trong sự vô thức vô cùng.

Nếu như chỉ có một mình chúng ta sở hữu và duy trì một phần nhỏ bé của thứ chất đang độ đơm hoa hay bùng cháy, mà chúng ta gọi là trí tuệ, thì chúng ta có quyền coi mình là những kẻ có đặc ân, và nghĩ rằng, tự nhiên đã đạt được một mục đích nào đó trong con người chúng ta; nhưng này đây trước chúng ta là loài sinh vật có cánh màng, mà ở chúng tự nhiên cũng đã tiệm cận tới một mục đích giống hệt. Có thể là đi đâu này chẳng giải quyết được vấn đề gì, thế nhưng sự thật này chiếm giữ một vị trí danh dự giữa vô vàn những thực tại góp phần làm sáng tỏ vị thế của chúng ta ở nơi đây, trên trái đất này. Chính ở đây, xét theo một quan điểm nào đó, có môi trường rộng lớn cho việc nghiên cứu cái phần bí ẩn nhất trong bản chất

của chúng ta; ở đây chúng ta thấy được mối tương liên của các số phận, xuất phát từ một điểm cao cả hơn tất cả các vị trí mà chúng ta có thể chiếm giữ, để chiêm nghiệm về số phận con người. Ở đây trong một dạng thức thu nhỏ là những đặc tính vĩ đại và bình dị mà chúng ta chưa bao giờ có cơ hội để nhận thức, cũng như nghiên cứu đến cùng trong cái lĩnh vực quá đồi rộng lớn của chúng ta. Ở đây tinh thần và vật chất, giống loài và cá thể, sự phát triển và tính bất biến, quá khứ và tương lai, sự sống và sự chết - tất thảy tập hợp trong một ngôi nhà chung, và nó có thể được nâng cao nhờ đôi bàn tay của chúng ta và được ôm trọn trong một ánh nhìn; và ta có thể tự hỏi bản thân mình, có thay đổi đáng kể đến thế hay không, như chúng ta tưởng, cái ý niệm còn ẩn giấu của tự nhiên tùy thuộc vào độ lớn của các vật thể và nơi chốn mà chúng chiếm giữ trong thời gian và không gian; cái ý niệm mà chúng ta thử nắm bắt trong lịch sử nhỏ bé của một tổ ong - một lịch sử từ khi ra đời chỉ có vồn vẹn vài ngày, một ý niệm giống như cái ý niệm hiển lộ trong lịch sử lớn lao của con người, mà ba thế hệ của nó đã vượt xa cả một thế kỉ dài.

## XII

Chúng ta hãy quay trở lại với câu chuyện về tổ ong của chúng ta, về nơi ta đã để nó lại, và gạt ra, hết mức có thể, một trong những nếp gấp của bức màn được tạo nên từ những tràng hoa, mà ở giữa những tràng hoa đó đàn ong bắt đầu trải qua một sự bài tiết lạ thường đến thế thứ m òhôi trắng như tuyết và nhẹ hơn cả sợi lông tơ của một chiếc cánh. Sự thế là, ở đây sáp ong được sinh ra không giống với thứ mà tất cả chúng ta đã biết; nó trắng trong, phiêu nhiên, nó thực sự giống như linh hồn của mật, thứ mật đã tạo ra linh hồn của những bông hoa; được mời gọi nhờ câu thần chú thần lạng, rồi nó, - khi đã nằm trong lòng bàn tay của chúng ta, chắc hẳn, đang hồi tưởng về xuất xứ của mình, nơi chan hòa một màu thiên thanh,

ngát ngào hương thơm, bầu không khí trong vắt, những tia nắng vàng sánh, nơi thanh khiết và tuyệt mỹ, - trở thành ánh sáng ngát hương của những ban thờ sau này của chúng ta.

### XIII

Thật vô cùng khó theo dõi được các công đoạn khác nhau của việc tiết ra và sử dụng sáp trong một đàn ong bắt đầu xây tổ. Mọi việc diễn ra trong nơi sâu kín của cả một bầy ong mỗi lúc lại tụ hợp đông hơn và ngày càng đông hơn nữa, chắc hẳn việc tụ hợp lại này là để tạo ra nhiệt độ thích hợp cho việc tiết ra sáp - vốn là đặc quyền của những con ong trẻ nhất. Huber, người đầu tiên nghiên cứu chúng với một sự kiên nhẫn vô cùng và đôi khi trả giá cho những mối nguy hiểm thực sự, ông đã dành cho hiện tượng này hơn 250 trang sách rất thú vị, nhưng chưa hẳn là đã hoàn toàn rành mạch, về phần mình, tôi sẽ giới hạn (vì tôi không viết một cuốn sách kỹ thuật) ở việc thông báo những gì, mà bất kể những ai sẽ tập hợp đàn ong vào trong một chiếc tổ bằng kính cũng có thể quan sát được, còn trong trường hợp cần thiết tôi sẽ nhờ cậy vào những gì đã được Huber quan sát rất rõ.

Trước hết chúng ta hãy thừa nhận rằng, cho đến nay chúng ta vẫn không rõ nhờ phép thuật nào mà mật chuyển hóa thành sáp trong những thân thể treo lơ lửng và đầy bí ẩn của đàn ong của chúng ta. Chỉ có thể xác nhận rằng, sau sự chờ đợi kéo dài từ 18 đến 24 tiếng đồng hồ, trong nhiệt độ tăng cao đến mức, có thể nghĩ dường như trong tổ ong có một ngọn lửa đang âm ỉ cháy, ở miệng của bốn cái bọc nhỏ nằm đầu ở từng bên bụng ong xuất hiện những chiếc vảy trắng trong suốt.

Khi phần lớn bầy ong tạo thành một hình nón treo lơ lửng, ở bụng ong sẽ có những mảnh sừng giống như ngà voi, và một con trong bầy ong đột nhiên, như thể chịu tác động của một cơn hưng phấn bất ngờ, tách khỏi

bầy, leo nhanh dọc theo bầy ong bất động đến đỉnh ở phía bên trong của mái vòm, nơi nó bầu chắt vào đó, dùng đầu húc mạnh để đẩy những con bên cạnh lấn đường đi của nó. Sau đó con ong dùng chân và mồm nắm lấy một trong tám mảnh sừng ở trên bụng của mình, gặm nhấm, bào, làm cho mảnh sừng trở nên đặc sệt, nhào trộn nó trong nước bọt của mình, gấp vào rồi lại vuốt dài nó ra, vờn vờ và nhào nặn nó với một sự khéo léo của người thợ gốm đang làm việc với một khối đặc quánh. Cuối cùng, khi khối chất ấy đã mềm nhũn ra, dường như đã đạt tới các kích thước và độ dày mong muốn, con ong gắn nó lên đỉnh của mái vòm, vậy là con ong đã hoàn thành viên gạch đầu tiên, đúng hơn là viên gạch mở đầu cho vòm mái của một thành phố mới, vì ở đây chúng ta đang nói đến một thành phố lộn ngược, - một thành phố từ trên trời buông xuống, chứ không phải mọc lên từ lòng đất, như thành phố của con người. Khi công việc đã hoàn thành, con ong gắn thêm vào viên gạch đầu tiên lơ lửng trong khoảng không ấy những mảnh sáp khác được dãn lấy ra từ dưới những chiếc vòng bằng sừng của mình; nó kết thúc toàn bộ công việc này bằng một cú đập lưỡi sau chót và dùng những chiếc râu thúc một phát cuối cùng; sau đó, cũng bất ngờ, như khi đến, nó bò ra xa và mất hút trong đám đông. Một con ong khác nhanh chóng thay thế nó; con ong này bắt tay vào công việc ở nơi con kia đã dừng lại, bổ sung thêm, chỉnh lại điểm nào mà nó cảm thấy không phù hợp với kế hoạch đã định của cả đàn, và đến lượt mình lại biến mất, trong khi con thứ ba, thứ tư, thứ năm tiếp nối nó thành một chuỗi những sự xuất hiện đầy hứng khởi và bất ngờ, không một con nào chấm dứt hẳn công việc, tất cả cùng đóng góp phần của mình vào quá trình lao động đồng tâm nhất trí.

## XIV

Khi đó từ đỉnh của mái vòm treo lơ lửng một khối sáp nhỏ, chưa có

hình thù gì. Khi nó đạt tới kích cỡ đủ lớn, thì từ chùm ong treo ấy tách ra một con, mà dáng vẻ của nó khác biệt với dáng vẻ của những con xây móng trước nó. Khi nhìn vào vẻ quyết tâm tự tin của nó và sự trông đợi của các con xung quanh, ta có thể nghĩ rằng, đây là một kĩ sư ong đầy cảm hứng bất ngờ đánh dấu trong khoảng không địa điểm cần phải đặt khoang tổ đầu tiên, tất cả các khoang tổ còn lại sẽ nằm trong một mối liên kết được tính toán với nó. Dù sao thì con ong này cũng thuộc vào đội ngũ những con ong thợ khắc hay thợ chạm - chúng không sản xuất ra sáp và hài lòng với việc xử lí những vật liệu được cung cấp cho mình. Thế là nó đã chọn được địa điểm cho khoang tổ đầu tiên, trong chốc lát nó đào sâu vào tầng sáp, rồi đặt lượng sáp đào được từ đáy lên sang bên miệng hố. Sau đó nó cũng làm như những con ong xây móng, bỗng nhiên ngừng công việc đã đề ra; một con ong khác sốt sắng thế chỗ và tiếp tục công việc của nó, con thứ ba sẽ kết thúc công việc này, trong khi đó những con còn lại ở quanh chúng bắt tay vào việc chỉnh sửa phần bề mặt đã hình thành và mặt kia của tấm vách bằng sáp, cũng theo đúng cách thức làm việc ngắt quãng và nối tiếp đó. Có thể cho rằng, có một luật lệ căn bản của tổ ong là chia đều trong cả đàn niềm tự hào với sự nghiệp chung và lao động của từng cá nhân phải là lao động chung và vô danh, để nó trở nên hữu ái hơn.

## XV

Chẳng mấy chốc đã có thể đoán ra đường nét của tầng tổ mới hình thành. Nó còn có hình dáng giống như quả đậu ván; những cái ống nhỏ hình trụ cấu thành nó có độ dài như nhau; chúng dần dần được cắt ngắn một cách chính xác từ trung tâm đến vành ngoài. Lúc này tầng tổ về hình dáng và độ dày gần giống với cái lược của người và hình thành từ hai mặt với những khoang tổ hình lục giác liên kề nhau và mặt nền của chúng tiếp giáp với nhau. Những khoang tổ đầu tiên vừa được xây xong, những con

ong xây móng gắn chặt vào mái vòm tầng sáp thứ hai, rồi dần dần thêm tầng thứ ba và thứ tư. Những tầng sáp này nối tiếp nhau theo bậc sườn, qua khoảng cách đều đặn, có dụng ý, để khi các tầng tổ đạt tới sự phát triển đầy đủ, - nhưng đi đầu này phải rất lâu sau mới có được, - những con ong dù sao vẫn còn đủ chỗ cho việc di chuyển giữa các bức tường song song. Vì thế, cần làm thế nào, để trong kế hoạch của mình chúng tiên lượng được độ dày của từng tầng tổ - nó đôi khi dày tới gần 22 hay 23mm, và đồng thời chiều rộng của những con phốt chia cắt các tầng tổ tới gần 11 mm, tức là lớn gấp đôi chiều cao của một con ong, vì chúng phải quay lưng vào nhau khi đi qua giữa các tầng tổ. Nhưng thực ra, những con ong không phải là không có lỗi lầm, và sự tự tin của chúng không có tính cơ cấu phức tạp. Trong những hoàn cảnh khó khăn đôi khi chúng phạm những sai lầm khá lớn. Khoảng cách giữa các tầng tổ thường quá lớn hay quá nhỏ. Khi ấy chúng khắc phục cho tốt hơn theo mức có thể, hoặc là làm lệch những tầng tổ quá sát nhau, hoặc là đặt một tầng tổ có kích cỡ khác thường xen vào khoảng cách quá lớn. “Chúng đôi khi phạm sai lầm, - về đi đầu này Réamur có nói, - nhân đây, - thêm một sự thật nữa trong số những sự thật, rõ ràng cho thấy rằng, chúng có biết suy xét”.

## XVI

Chúng ta đã biết rằng, ong xây bốn loại khoang tổ. Thứ nhất là, các khoang dành cho ong chúa có hình dáng đặc biệt và giống quả sồi; sau đó là những khoang tổ lớn cho việc nuôi dưỡng các con ong đực và các thợ thực phẩm vào thời điểm rất nhiều hoa; rồi đến các khoang tổ nhỏ làm nơi trú ẩn cho ong thợ và các kho chứa thông thường, chúng thường chiếm tám phần mười bề mặt được xây của tổ ong; cuối cùng, để liên kết, mà không phá vỡ trật tự, các khoang tổ lớn với các khoang tổ nhỏ, đàn ong xây một số lượng nhất định các khoang trung chuyển. Không tính đến sự lệch

chuẩn không thể tránh khỏi của các khoang sau cùng này, thì kích cỡ của loại thứ hai và thứ ba được tính toán giỏi đến mức, khi vào thời gian đó hệ thập phân đã được chứng minh, khi người ta đi tìm trong tự nhiên một biện pháp cố định, để có thể xác định điểm khởi đầu và làm đơn vị đo, thì Réaumur đã đề xuất khoang tổ ong<sup>8</sup>: Mỗi một khoang tổ trong số này là một hình trụ lục lăng có đáy hình chóp, và mỗi tầng tổ được hình thành từ hai lớp ống hình lăng trụ nằm đối nhau theo cách thức: mỗi hình thoi trong số ba hình tạo nên cái nền hình chóp của mỗi khoang tổ trên một bề mặt, đồng thời là thành phần của cái nền hình chóp của ba khoang tổ ở phía đối diện. Mật được chứa trong các ống hình lăng trụ này. Để tránh việc mật bị chảy ra ngoài khi nó chín ngẫu, điều này thường xảy ra, nếu như các khoang tổ thật sự nằm ngang, như ta tưởng thế, đàn ong đã hơi nâng chúng lên theo một góc bốn hay năm độ.

“Ngoài việc tiết kiệm sáp, - Réaumur nói, khi xem xét tổng thể công trình xây dựng kì diệu này, - ngoài việc tiết kiệm sáp có được nhờ sự bố trí các khoang tổ này, đàn ong mới lấp đầy được tầng tổ đến mức không còn một khoảng trống nhỏ nào, nó còn có thêm các ưu điểm đối với độ chắc chắn của công trình. Góc nền của mỗi khoang tổ, đỉnh của cái khoang hình chóp được chống đỡ nhờ một cạnh do hai mặt của hình lục lăng của một khoang tổ khác tạo nên. Ba hình tam giác hay phần kéo dài của mặt lục lăng choán hết một trong các góc vào của một cái khoang được đặt giữa ba hình thoi tạo nên một góc hai cạnh nhờ các mặt tiếp giáp với nhau; Mỗi một cái góc trong số đó mở ra nhờ bề mặt lõm của mình ở bên trong tổ, đỡ lấy, từ phía nhô ra của mình, một trong những tấm tạo nên một hình lục lăng của một khoang tổ khác; tấm dựa vào góc, chống lại cái sức mạnh đang cố chèn ép chúng từ bên ngoài; do đó các góc cùng nhau trở nên vững chắc hơn. Mọi ưu điểm mà ta có thể đòi hỏi về độ chắc chắn của từng khoang tổ, với nó là một việc dễ dàng nhờ hình thù đặc biệt của nó và cách thức phân

bố các khoang tổ với nhau”.

## XVII

“Các nhà hình học biết rằng, - tiến sĩ Reid phát biểu, - chỉ có ba loại hình có thể được dùng để phân chia một bề mặt thành những không gian cân đối, độ lớn như nhau và tiếp xúc với nhau. Đó là hình tam giác đều, hình vuông và hình lục giác đều - hình này liên quan đến việc xây lỗ tổ ong, nó vượt trội hai hình kia xét theo quan điểm về sự tiện lợi và độ vững chắc. Và loài ong đã áp dụng chính hình lục giác, như thể chúng biết được sự ưu việt của nó”. Cũng chính xác như thế, nền của các lỗ tổ ong được tạo thành từ ba mặt phẳng tiếp giáp nhau tại một điểm, và người ta đã chứng minh được rằng, hệ thống xây dựng này góp phần cho việc tiết kiệm đáng kể lao động và vật liệu. Vấn đề là ở chỗ, để biết góc nghiêng nào của các mặt phẳng cho phép tiết kiệm nhiều nhất; đây là một bài toán đã được một số nhà khoa học giải quyết, trong số đó có Maclaurin, lời giải của ông ta có thể tìm thấy trong báo cáo của Hội Hoàng gia London. Một góc được xác định bằng sự tính toán như thế sẽ tương ứng với một góc được đo ở đáy của lỗ tổ<sup>9</sup>.

## XVIII

Tất nhiên, tôi không nghĩ rằng, loài ong đã thực hiện được các phép tính phức tạp như thế, nhưng hơn nữa tôi không cho rằng cơ may hay đi đầu kiện sống đã tạo nên các công trình kì diệu này. Chẳng hạn như ong vò vẽ, chúng cũng xây, như ong mật, những tầng tổ có các lỗ tổ sáu cạnh, bài toán này cũng dành cho chúng đấy, và chúng đã giải nó bằng phương pháp kém thông minh hơn nhiều. Trong các tầng tổ của ong vò vẽ chỉ có một lớp tổ, và chúng không có một mặt nền chung đồng thời dùng cho hai lớp đối

nhau, như của ong mật. Do đó kém chắc chắn hơn, nhiều điểm bất cân xứng hơn và việc mất thời gian, vật liệu và không gian có thể tính vào chừng công sức và  $1/3$  không gian cần thiết. Cũng tương tự như thế *Trigons* và *Melipones* là hai giống ong nhà chính cống, nhưng thuộc vào nền văn minh lạc hậu hơn, xây các lỗ tổ cho ong non của mình chỉ vào một hàng, còn các tầng tổ của chúng nằm ngang, chồng lên nhau, tựa vào những cột sáp không có hình thù và bất lợi. Còn các khoang tổ để thực phẩm dự trữ của chúng, thì đây là một mớ những cái khoang tổ lớn, lộn xộn, trông như những cái bao, và ở nơi chúng có thể giao cắt nhau, như thế có thể tiết kiệm vật liệu và không gian hơn những con ong *Melipones*, chúng không dự trữ được sự tiết kiệm có thể này, chèn những lỗ tổ có tường phẳng vào giữa các lỗ tổ hình cầu. Vì thế, nếu so sánh một cái tổ của chúng với một thành phố được tính toán chuẩn xác của các đàn ong mật của chúng ta, thì có thể có cảm giác như ta nhìn thấy một khu lều nguyên thủy ở bên cạnh một trong những thành phố vô cùng chuẩn xác là thành quả, có thể không diễm lệ, nhưng hợp lý của sự thiên tài của con người đang tranh đấu nhiệt huyết hơn xưa kia với thời gian, không gian và vật chất.

## XIX

Một lí thuyết nổi tiếng của Buffon và hiện nay được tái hồi đã khẳng định rằng, loài ong hoàn toàn không có chủ ý làm những hình lục lăng có đáy hình chóp, và chúng chỉ đơn giản là muốn đào những cái lỗ tổ tròn trong tầng sáp; nhưng vì những con ong bên cạnh chúng, và những con đang làm việc ở phía đối diện của tầng tổ, vào thời điểm đó và với cùng chủ ý đó chúng cũng đang đào những cái lỗ tổ, đi đầu tất yếu là những cái khoang tổ này sẽ có hình lục lăng qua các điểm tiếp xúc. Hiện tượng này, theo ý kiến được mọi người công nhận, cũng chính là hiện tượng xảy ra

với các tinh thể, với vảy của một số loài cá, với bong bóng xà-phòng v.v.; hiện tượng này cũng lại chính là hiện tượng diễn ra trong thí nghiệm sau đây, do Buffon nêu ra.

“Hãy đổ đầy, - ông nói, - đậu cô-ve hay những loại hạt có hình trụ vào một chiếc bình, rót vào đó một lượng nước có thể chứa được giữa các hạt và đóng chặt nó lại; nếu đun sôi lượng nước này, thì tất cả các hạt hình trụ sẽ biến thành những chiếc cột có sáu mặt. Một điều rất rõ ràng là, nguyên nhân của hiện tượng này thuần túy mang tính cơ học: do hậu quả của sự trương nước tất cả các hạt có hình trụ đều cố chiếm giữ một khoảng không lớn nhất, trong cái không gian nhất định này, vì thế, do áp lực tác động lẫn nhau, việc trở thành những cái hạt có hình lục lăng là một sự cần thiết. Mỗi một con ong cũng cố chiếm giữ một khoảng không lớn nhất, trên một diện tích đã cho, do những sự ngăn cản lẫn nhau, vì thân hình của con ong là hình trụ, bởi vậy những khoang tổ của chúng cũng cần phải trở thành những hình lục lăng”.

## XX

Những sự cản trở lẫn nhau tạo nên những điều kì diệu đó giống như những thói tật của con người, do đó, cũng tạo nên đức hạnh chung, đủ để loài người, thường là xấu xa ở từng cá nhân của mình, không còn là thế, khi xét chung. Trước hết, có thể phản bác, như Broughman, Kirby và Spence và các nhà khoa học khác đã làm, rằng cái thí nghiệm với bong bóng xà-phòng và hạt đậu chẳng chứng minh được điều gì, vì trong cùng một trường hợp tác động của áp lực chỉ tạo ra các hình thù rất không đều và không lí giải được nguyên nhân cho cái đáy hình lăng trụ của các lỗ tổ.

Về cơ bản ta có thể phản bác rằng, đâu chỉ có một phương pháp sử dụng tính thiết yếu mù quáng; ong vò vẽ Mĩ, ong đất chân lông xồm

*Melipones*, *Trigones* Mexique và Brésil, bất chấp những điều kiện và mục đích giống nhau, đạt được các kết quả hoàn toàn khác nhau, và rõ ràng là thua kém hơn. Có thể nói thêm rằng, nếu các lỗ tổ của ong mật tuân theo quy luật hình thành các tinh thể, bông tuyết, bong bóng xà-phòng hay của hạt đậu bị đun sôi của Buffon, thì chúng cũng đồng thời tuân theo phép đối xứng chung của mình, sự phân bố hai lớp đối lập của mình, độ nghiêng có tính toán của mình v.v., cùng nhiều quy luật khác không có trong vật chất. Có thể bổ sung thêm rằng, toàn bộ thiên tài của con người cũng nằm ở chỗ, bằng hình thức nào anh ta rút ra được ích lợi từ những tất yếu tương tự; và nếu chúng ta cảm thấy cách thức hành động của anh - ta là tối ưu trong các cách thức khả thể, điều này đúng là thế, vì rằng bên trên chúng ta chẳng có vị quan tòa nào. Nhưng thật tuyệt là, nếu những phán xét lùi bước trước những sự thật; và để loại bỏ sự phản bác dựa vào một thí nghiệm, thì không có gì tốt hơn là dựa vào một thí nghiệm khác.

Để tin chắc rằng, lối kiến trúc lục giác đầu thực sự khắc sâu trong tâm trí của ong, có lần tôi đã cắt và lấy một khoanh tròn to bằng đồng 100 xu ở giữa một tầng ong, chỗ đồng thời có cả những khoang tổ ấp nở, và những khoang đầy mật. Sau đó tôi cắt vào giữa khoanh tròn hoặc qua lớp dày của khoanh, để đường cắt đi qua nơi các nền hình chóp của các khoang tổ liên kết với nhau, tôi đặt vào một trong số những mặt cắt có được bằng cách thức như thế một cái miếng thiếc tròn cùng cỡ đó, bèn chắc, để ong không thể làm biến dạng hay làm cong nó. Sau đó tôi đặt lại mặt cắt về chỗ đã có miếng thiếc. Một mặt của tầng tổ không có vẻ gì là bất thường, vì tôi đã đặt lại một lớp của tầng tổ về chỗ cũ, nhưng ở mặt kia thấy rõ một cái khoảng trống to, mà đáy của nó là cái miếng thiếc tròn chiếm chỗ của khoảng 30 lỗ tổ. Đàn ong nhận ra ngay sự can thiệp; chúng bu lại rất đông, để theo dõi và xem xét cái hố sâu không thể tin nổi, và trong một vài ngày chúng xôn xao quanh cái hố và hội ý, mà không có được quyết định.

Nhưng vì chiều nào tôi cũng cho chúng ăn rõ no, rốt cục cũng đến thời điểm, khi chúng không còn các khoang tổ trống, nơi có thể để thực phẩm dự trữ. Có lẽ khi đó những con ong kĩ sư, ong thợ khắc, những con ong làm sáp được lựa chọn đã nhận được lệnh phải sử dụng cái hố vô ích.

Một dây nặng trĩu những con ong thợ làm sáp quấn vòng quanh cái hố, để giữ độ ẩm cần thiết, những con còn lại chui xuống hố và bắt đầu từ việc gia cố chắc chắn cho miếng kim loại tròn nhờ các móc nhỏ bằng sáp, được bố trí đối xứng theo vòng tròn của hố và được gắn vào thành của các khoang tổ xung quanh. Sau đó bầy ong bắt đầu xây ba hay bốn khoang tổ ở nửa vòng trên của miếng thiếc, gắn chúng vào những cái móc. Mỗi một cái trong số những khoang tổ chuyển tiếp dùng cho việc chỉnh sửa, nằm ở phía trên nên nó còn ít nhiều chưa được chuẩn, để dính liền với các khoang tổ kế bên của tầng tổ, nhưng các nửa dưới của chúng luôn hiện ra ba góc rất rõ nét trên miếng thiếc, từ đó tỏa ra ba đường thẳng nhỏ làm nổi rõ nửa thứ nhất của khoang tổ sau.

Sau tám tiếng đồng hồ, dù ở trong hố, chỉ ba hay bốn con ong là cùng có thể đồng thời làm việc, toàn bộ bề mặt của miếng thiếc đã được phủ kín bằng những khoang tổ vừa bắt đầu xây. Thật ra, những khoang tổ này còn chưa được chuẩn, như ở một tầng tổ bình thường. Vì vậy ong chúa, khi đi một vòng quanh chúng, đã khôn ngoan từ chối đẻ trứng vào đó, vì từ những khoang tổ ấy chỉ có thể cho ra một thế hệ suy nhược. Nhưng tất cả các khoang tổ đã hoàn toàn có sáu mặt; ở đó không thể tìm ra một sự cong lệch nào, một hình vênh tròn hay gãy góc nào. Trong khi mọi điều kiện thông thường đã bị thay đổi, các khoang tổ không được đào vào trong sáp, theo như những quan sát của Huber, hay trong mũ sáp, theo như quan sát của Darwin; chúng không tròn như ban đầu và không trở thành sáu cạnh như sau đó, dưới áp lực của các khoang tổ liền kề. Ở đây không thể nói về những sự cản trở lẫn nhau, vì rằng, chúng xuất hiện lần lượt từng cái một

và thoải mái đưa ra những đường nét ban đầu trên một mặt phẳng. Hoàn toàn đích thực rằng, hình lục lăng không phải là kết quả của sự tất yếu có tính cơ học, mà nó thật sự nằm trong ý đồ, trong kinh nghiệm, trong trí óc, và ý chí của ông. Tôi xin nêu lướt qua một nét thú vị khác về sự khôn ngoan của chúng: những khoang tổ được đàn ong xây trên miếng thiếc không có một cái đáy nào khác, ngoài chính miếng kim loại ấy. Các kĩ sư ong của đội xây dựng, rõ ràng, đã đề xuất rằng, miếng thiếc sẽ đủ để giữ được chất lỏng, và suy luận rằng, phủ sáp lên nó là một việc vô nghĩa. Nhưng ngay sau đó, khi một vài giọt mật đọng lại trong hai khoang tổ trong số đó, có lẽ chúng đã nhận ra rằng, nó đã ít nhiều thay đổi do tiếp xúc với kim loại. Thế là chúng nghĩ ra và phủ lên toàn bộ bề mặt của miếng thiếc một chất gì đó tựa như một thứ dầu trong suốt.

## XXI

Nếu như chúng ta muốn làm sáng tỏ mọi bí ẩn của lối kiến trúc có tính hình học, thì chúng ta phải nghiên cứu thêm một vấn đề thú vị nữa - ví dụ như vấn đề về hình dáng của những khoang tổ đầu tiên gắn vào trần tổ ong và cách chúng thay đổi, để có số điểm nhiều nhất có thể dính vào tổ. Cũng cần ghi nhận không chỉ hướng của những con phố lớn được xác định theo tính song song của các tầng tổ, mà cả việc phân bố những con ngõ và những đường vượt đường dẫn ở một nơi nào đó qua các tầng tổ hay chạy vòng quanh chúng, để đảm bảo việc di chuyển thông suốt và lưu thông không khí; những đường vượt đường dẫn này được phân bố khéo léo như thế, để tránh những đường vòng quá dài hay sự quá tải có thể có. Nên chăng chúng ta nghiên cứu cả việc xây những khoang tổ chuyển tiếp, bản năng đồng lòng thôi thúc đàn ong đến một thời điểm nhất định tăng kích thước ngôi nhà của chúng - có phải vì một vụ mùa bội thu đòi hỏi những chiếc bình đựng lớn hơn, hay vì chúng cho là số dân ong khá đông rồi, hay

do việc cần phải sinh thêm các con ong đực. Đồng thời ta phải thấy thán phục tính tiết kiệm khôn ngoan và sự đồng lòng vững tin, mà trong những tình huống ấy, với sự vững tin ấy chúng chuyển từ cái tổ nhỏ sang tổ lớn hay từ tổ lớn sang tổ nhỏ, từ sự đối xứng hoàn hảo sang sự bất đối xứng không thể tránh khỏi, để rồi, khi các quy luật hình học linh hoạt vừa cho phép, chúng lại quay trở về sự cân đối lí tưởng: hơn nữa không có một khoang tổ nào bị mất, không một đoạn đường phõ nào trong dãy nhà của chúng phải hi sinh hay bị làm một cách khờ dại, thiếu tin tưởng, mọi rợ, không có một khu vực vô ích nào. Tôi sợ rằng, mình đã quá đi vào chi tiết, làm mất đi sự hứng thú của bạn đọc là một người, có thể, chưa từng bao giờ dõi mắt theo một chuyến bay của một con ong hay là một người chỉ tiện thể quan tâm đến điểu này, như việc chúng ta nhân tiện thấy hứng thú với một bông hoa, một chú chim, một viên đá quý, nên chẳng đưa ra những câu hỏi nào khác, ngoài những câu hỏi lơ đãng và hời hợt, và không nhắc đi nhắc lại bản thân mình cho đủ, rằng một bí ẩn nhỏ nhất của một sự vật, mà chúng ta nhìn thấy ở trong thế giới tự nhiên không phải của loài người, có thể, can dự vào điểu bí ẩn sâu kín trong những mục đích và các nguyên lí của chúng ta một cách trực tiếp hơn là sự bí ẩn trong những dự vọng của chúng ta - những dự vọng bộc lộ mạnh mẽ nhất và đã được nghiên cứu một cách cẩn thận nhất.

## XXII

Để tránh cho nghiên cứu này trở nên quá rườm rà, tôi sẽ không dừng lại ở một bản năng khá lạ đôi khi buộc đàn ong phải làm mỏng hơn và phá đi mép tầng tổ, khi chúng muốn kéo dài hay mở rộng nó; nhưng trong khi đó vẫn nên nhất trí rằng, việc phá bỏ để xây mới, việc sửa đổi được tiến hành, để thực hiện đúng hơn, đòi hỏi một sự phân đôi cái bản năng xây dựng mù quáng. Tôi cũng bỏ qua những thí nghiệm rất thú vị có thể thực hiện, để bắt

đàn ong xây những tầng tổ hình tròn, ô-van, trụ hay uốn cong một cách kì dị; tôi sẽ không trình bày về những cách thức thông minh, mà nhờ đó chúng đạt được sự tương hợp giữa các khoang tổ được mở rộng của những phần lồi ra và các lỗ tổ bị thu hẹp lại ở phía bị móp lại của tầng tổ. Nhưng trước khi gác lại đề tài này, chúng ta hãy dừng lại, dù chỉ một phút thôi, để thấy được khả năng phối hợp công việc của mình một cách đầy bí ẩn của đàn ong và giữ vững được các tiêu chuẩn, khi chúng đắp dính, trong lúc không hề nhìn nhau, từ hai phía đối diện của tầng tổ. Hãy thử nhìn ngược sáng qua một tầng tổ như thế, và bạn sẽ thấy trong lớp sáp trong suốt hiện rõ qua những hình bóng sắc nét cả một mạng lưới các khối hình lăng trụ với những đường mép sắc cạnh, cả một hệ thống những điểm tương hợp miễn chê, như thể chúng được khắc chạm trên thép vậy.

Tôi không biết liệu những người chưa bao giờ nhìn thấy phần bên trong của tổ ong có tưởng tượng được đầy đủ hay không hình dạng và sự bố trí của tầng tổ. Cứ để họ tưởng tượng - ví phỏng lấy những tổ ong của những người nông dân của chúng ta, nơi chính những con ong cũng tưởng tượng - giả sử họ tưởng tượng ra một chiếc chuông bằng rơm hay bằng những cành liễu nhỏ mềm; chiếc chuông này từ trên xuống dưới được chia ra bằng sáu, tám, và đôi khi bằng mười lớp sáp ong, song song một cách hoàn hảo và khá giống những lát bánh mì lớn buông từ trên đỉnh chuông xuống, tiếp nhận chính xác hình dạng quả trứng do vách chuông tạo nên. Giữa hai lát một trong số đó chứa ra một khoảng cách gần 11 mm, nơi những con ong ở và di chuyển. Trong khi ở phía trên tổ ong bắt đầu việc dựng một trong số lát kể trên, bức tường sáp khởi đầu của tổ, sau khi trở nên mỏng hơn và được kéo dài hơn, vẫn còn dày và chia tách hoàn toàn năm mười hay sáu mười con ong đang làm công việc chau chuốt ở mặt sau của tầng tổ - thành thử ra chuyện chúng nhìn thấy nhau là đi đâu không thể, trừ phi mắt của chúng có biệt tài nhìn thấu qua các vật thể mờ đục nhất.

Thế nhưng con ong ở mặt trước không khoét một cái lỗ nào, không đắp thêm một mẫu sáp nào, mà không tương ứng một cách chính xác với chỗ nhô ra hay lỗ khoét xuống của mặt sau, mà sự việc hoàn toàn ngược lại. Làm thế nào chúng đạt được đi đầu này? Làm thế nào mà con này thì không đào quá sâu, còn con kia thì lại không khoét quá nông?

Bằng cách nào tất cả các góc của các hình thoi luôn trùng khớp một cách ma thuật như thế? Cái gì đã mách bảo chúng rằng, nên bắt đầu ở chỗ này và dừng lại ở chỗ kia? Chúng ta đành thêm một lần nữa bằng lòng với câu trả lời chẳng nói lên được đi đầu gì: “Đây là một đi đầu bí ẩn của tổ ong”. Huber đã thử giải thích bí ẩn này như sau: ông nói rằng, qua những khoảng cách nhất định lũ ong bằng áp lực của những cái chân hay những chiếc răng của chính chúng, tạo ra một chỗ hơi lồi lên ở mặt đối diện của tầng ong hoặc chúng biết rất rõ về độ dày hơn hay mỏng hơn của khối sáp theo độ mềm, độ dẻo hay theo một tính chất vật lý nào đó khác của sáp; ngoài ra ông khẳng định rằng, những chiếc râu của chúng có khả năng thăm dò những phần xa nhất và biến dạng của các vật thể và những chiếc râu này làm chiếc la bàn cho chúng ở nơi không nhìn thấy được; cuối cùng là mối liên hệ của tất cả các khoang tổ được tạo ra một cách toán học là do sự bố trí và kích cỡ của các khoang tổ của hàng thứ nhất, vì thế không cần đến những sự đo lường khác. Tuy nhiên rõ ràng là những lí giải này là chưa đủ: những lí giải đầu là các giả định chưa được kiểm chứng; những lí giải còn lại đơn giản chỉ đánh tráo sự bí ẩn. Nhưng nếu xáo trộn những sự bí ẩn cốt sao cho thật thường xuyên hơn là một việc làm hay, thì cũng chẳng nên phỉnh phờ bản thân mình rằng, việc hoán đổi vị trí là đủ, để xóa bỏ được sự bí ẩn.

### XXIII

Chúng ta hãy từ biệt miền bình địa đơn điệu và hoang mạc hình học của

các khoang tổ. Rốt cuộc thì tầng tổ đã được khởi công và có cư dân rồi. Dầu sự tiến triển hết sức ít ỏi, vô cùng nhỏ bé, chẳng có hi vọng rõ rệt nào vào sự hoàn thành, và dầu con mắt của chúng ta thường thấy quá ít, nhìn đây, mà đâu thấy gì - công trình bằng sáp ngày đêm không ngừng, tiến triển nhanh chóng phi thường. Con ong chúa sốt ruột đã nhiều lần đi vòng quanh công trình xây dựng trắng sáng lên trong bóng tối, và hiện giờ, khi những diện mạo ban đầu của ngôi nhà đã hoàn chỉnh, ong chúa làm chủ ngôi nhà cùng đoàn tùy tùng của mình đủ cả cận vệ, cố vấn hay hầu cận, vì thật khó nói nó bị chúng chỉ đạo hay được chúng tháp tùng, được chúng tôn kính hay bị chúng giám sát. Đến một chỗ mà nó cảm thấy là chỗ thuận lợi hay do đội cố vấn chỉ cho nó, con ong chúa làm cho mặt tường lượn tròn, uốn cong thân mình và rồi đưa cái bụng dài hình con sori vào một trong những khoang tổ mới sạch tinh tươm; trong lúc đó tất cả những cái đầu nhỏ chăm chú của đội cận vệ, những cái đầu nhỏ với những con mắt to đen, xúm xít chụm lại quanh nó với một vẻ đầy hưng phấn, chúng lấy chân nâng đỡ cho nó, vuốt ve đôi cánh của nó và rồi rít khua khoang những chiếc râu theo nó, như thể cố truy tìm cho nó lòng can đảm, khích lệ nó và chúc mừng.

Phòng ong chúa ở ta có thể dễ dàng nhận ra vì nó giống chiếc huy hiệu hình ngôi sao hay chiếc ghim hình ô-van, ong chúa là viên ngọc đính ở giữa và nó giống như chiếc ghim to, mà các cụ bà đáng kính của chúng ta thường cài áo. Có một cảnh tượng cũng rất kì thú (bây giờ chúng ta mới có cơ hội nhận thấy) là: các con ong thợ luôn tránh quay lưng về phía ong chúa. Khi nó vừa lại gần một nhóm nào đó, thế là cả nhóm đều nhất loạt hướng mắt và râu về phía ong chúa, và những con đang đi trước nó, thì lùi lại đằng sau. Đây là dấu hiệu tôn kính, hay nói đúng hơn, là sự ân cần triu mến, rất thường thấy và hết sức bình thường, dù nó có vẻ như thật khó tin đến đâu chẳng nữa. Nhưng chúng ta hãy trở lại với con ong chúa của chúng

ta. Thường vào những lúc có cơn co giật nhẹ, rõ ràng là đi kèm theo đó một quả trứng lọt lòng, một trong số các cô con gái của nó lại ôm mẹ, và trán áp trán, miệng kề miệng, như đang thủ thủ với mẹ. Con ong chúa khá hứng hờ với những biểu hiện thái quá này, và không vội vã, cũng chẳng hề gợn một chút xao động, toàn tâm toàn ý hiến trọn cho sứ mệnh của mình, mà rõ ràng đối với nó là sự tận hưởng mê say hơn là một công việc. Cuối cùng sau vài giây nó bình thản duỗi thẳng người, bước đi một bước, quay một phần tư vòng và trước khi đưa phần sau cái bụng của mình vào đó, nó thò hẳn đầu vào khoang tổ bên cạnh, để chắc chắn rằng, ở đó mọi chuyện đều ổn và nó không để hai quả trứng vào cùng một khoang tổ; trong lúc ấy có hai hay ba con ong trong đoàn tùy tùng khẩn cấp của ong chúa hết con này đến con khác bỏ nháo bỏ nhào xuống cái khoang tổ bị bỏ lại, để xem nhiệm vụ đã được hoàn thành hay chưa, và xúm xít nhau lại chăm nom hay đặt lại vào đúng chỗ cần thiết quả trứng nhỏ xinh màu xanh lơ, mà ong chúa để lại đó. Kể từ đây cho đến lúc cái lạnh đầu Thu ủa về, ong chúa không nghỉ nữa, nó tiếp tục đẻ trứng trong khi được cho ăn, tiếp tục đẻ trứng trong giấc ngủ, miễn là nó có ngủ. Kể từ đây nó là hiện thân của cái quyền lực độc chiếm tất thảy của tương lai - một tương lai xâm nhập khắp mọi ngóc ngách của vương quốc này. Ong chúa theo dõi sát sao từng bước những con ong thợ khốn khổ, đến kiệt sức, để sắp xếp những chiếc nôi-kén cần có cho sự mắn đẻ của nó. Ở đây, vậy là chúng ta nên theo dõi sự đua tranh của hai cái bản năng mạnh mẽ, mà những biến động của chúng sẽ làm sáng tỏ một vài điểu bí ẩn của tổ ong - nếu không đến mức đủ để giải đáp được, thì cũng mong sao chỉ ra được chúng.

Cũng có khi; những con ong thợ vượt quyền ong chúa. Tuân theo những mối lo ngại của mình, của những bà nội trợ giỏi giang lo nghĩ về các nguồn dự trữ phòng lúc khốn khó, chúng vội vã hối hả trút đầy mật vào các lỗ tổ đã chiếm ưu thế ở sự tham lam của giống loài. Nhưng con ong

chúa đã tiến tới gần; phải làm sao để các lợi ích về vật chất lùi bước trước ý niệm của tự nhiên, và những con ong thợ đại đột vội cuống cuống chuyển cái kho báu gây phiền phức đi. Cũng có khi chúng vượt trước đến cả một tầng tổ: ấy là khi tránh được con mắt của một con mụ bạo chúa của những tháng ngày tương lai mà chẳng một ai được thấy, chúng lợi dụng điều này, để xây một cách nhanh nhất có thể một vòng những khoang tổ lớn cho các con đực, nó được xây dễ dàng và nhanh chóng hơn nhiều. Khi lại gần cái rẻo dài những khoang tổ chẳng mấy ích lợi ấy, con ong chúa thương tình thả vào đó một vài quả trứng, rồi băng qua cái rẻo ấy tới mép cạnh của nó đòi các con ong thợ những cái khoang tổ mới. Những con ong thợ tuân lệnh, dần thu hẹp các khoang tổ, và việc giám sát lại bắt đầu, cho đến khi con ong mẹ phàm ăn, con mụ tai quái để sồn sồn, nhưng được yêu chiều ấy từ vùng ven tổ về tới những khoang tổ ban đầu, mà đến lúc đó đã bị thế hệ đầu tiên - thế hệ vừa mới nở ra - bỏ lại; và thế hệ ấy sẽ nhanh chóng bước ra khỏi chốn tăm tối, nơi chúng được sinh ra, để tản mát bay đến những bông hoa quanh vùng, để làm sống động những tia nắng ấm và làm tung bừng mùa mật ngọt phấn thơm, để rồi, đến lượt mình, lại hi sinh thân mình cho thế hệ đã thế chỗ của chúng trong những chiếc nôi-kén.

## XXIV

Thế còn con ong chúa - nó tuân phục ai? Nó tuân phục thức ăn mà người ta mang đến cho nó; vì nó không tự mình lấy được thức ăn cho mình; nó được nuôi, như một đứa trẻ, nhờ chính những con ong thợ kiệt sức bởi sự mẫn đảm của nó. Còn thứ thức ăn, mà các con ong thợ phục vụ cho ong chúa, về phần mình, tỉ lệ với mức độ dồi dào của hoa và mồi ăn được những con ong ghé thăm các đài hoa mang về. Có nghĩa là, cả ở đây, cũng như ở bất cứ đâu trong thế gian này, có một phần của vòng quay còn chìm trong bóng tối; vậy tức là, ở đây, cũng như khắp nơi mọi chốn, có

một sự đi đầu khiến tối cao đến từ bên ngoài của một thế lực hùng mạnh vô hình, và loài ong đang quy thuận, như chúng ta quy thuận một ông chủ vô danh của cái bánh xe, trong khi xoay vần, đã đề nghị ý chí của những kẻ đang làm cho nó vận hành. Có một người gần đây được tôi cho xem hoạt động của một trong số các tổ ong bằng kính, mà ta có thể thấy rõ, như cái bánh xe của chiếc đồng hồ treo tường; anh ấy kinh ngạc với sự náo động bất tận hiện rõ của các tầng tổ, sự xáo trộn khó hiểu và điên rồ của những con ong nuôi bên các buồng ấp nở, những cây cầu và những chiếc cầu thang nhộn nhịp được tạo nên từ những con ong thợ đang chế biến sáp, từng động tác uốn vặn đầy say mê của con ong chúa, hoạt động không ngừng nghỉ và đa dạng của cả một bầy ong, sự căng thẳng vô nghĩa và tàn nhẫn, cảnh tượng tất tả ngược xuôi quá đổi hăng say, chẳng ở đâu có được một giấc hoa chưa từng được biết tới, ngoài những chiếc nôi-kén, mà sự lao động nay mai đang đón chờ, và thậm chí cả sự thẫn lạng của cái chết ở cách xa tổ ấm, nơi không cho phép được ốm đau, cũng như được có một năm mọ. Nhưng nỗi kinh ngạc vừa qua đi, người đã thấy mọi cảnh tượng ấy, vội ngăn ánh mắt hướng đến nơi, mà ta có thể đọc được sự khủng khiếp đầy buồn thương.

Thực ra, trong tổ ong, mới thoát nhìn, đầy hoan hỉ đấy, sau những hồi tưởng lấp lánh về những tháng ngày tươi đẹp ngập tràn và biến nó thành cái tráp đầy châu ngọc của những ngày hè, sau cảnh tượng tất bật hăng say gắn liền nó với những bông hoa, với những dòng sông con suối thao thiết, với màu trời ngát xanh, với sự sung túc bình yên của tất cả thấy những gì tượng trưng cho cái đẹp và hạnh phúc - thực ra, sau tất cả những niềm vui sướng bên ngoài ấy ẩn giấu một cảnh tượng buồn thương nhất, mà chỉ có chúng ta mới có thể thấy được, và chính chúng ta, những kẻ đui mù chỉ nhìn nhận bằng con mắt tăm tối vào những kẻ hồn nhiên bị kết tội này - chúng ta biết rõ rằng chúng ta sẵn lòng thương xót không chỉ một mình

chúng, rằng chúng ta hoàn toàn chẳng hiểu gì về một mình chúng mà thôi - nhưng chúng ta lại nhìn vào cái hình thức thảm hại của cái sức mạnh vĩ đại đang khích lệ và nghiêng ngả chúng ta.

Phải, nếu bạn muốn, thì đi đâu này thật buồn thương, như mọi sự trong tự nhiên đều thật buồn thương, khi ta nhìn gần nó. Và sẽ luôn luôn như thế, chừng nào chúng ta còn chưa nhận ra sự huyền bí của nó, nếu nó có sự huyền bí. Nếu chúng ta một lúc nào đó nhận ra rằng, chẳng có một sự huyền bí nào hay nó thật khủng khiếp, thì đấy là lúc nảy sinh những bồn phận mới, có thể, còn chưa có tên gọi. Và chừng nào còn chờ đợi đi đâu này, thì cứ để con tim chúng ta, nếu nó muốn, nhắc đi nhắc lại: “chuyện này thật đáng buồn”, nhưng hãy để lí trí của chúng ta hài lòng với câu nói: “chuyện nó là thế mà”. Nghĩa vụ của chúng ta lúc này là ở chỗ, tìm xem liệu có đi đâu gì đó ẩn đằng sau các hiện tượng đáng buồn đó, mà để làm được việc này thì đi đâu cần thiết không phải là lảng tránh nhìn vào chúng, mà là phải chú mục và nghiên cứu chúng với sự hứng thú và lòng dũng cảm, đúng như thế đây là niềm vui sướng. Sự công minh đòi hỏi làm sao trước khi than thở, trước khi phán xét thiên nhiên, chúng ta hãy thôi đừng truy vấn nó.

## XXV

Chúng ta đã thấy rằng, những con ong thợ vừa ngừng xúm đen xúm đỏ lại vì sự khẩn đẽ đầy đe dọa của con ong mẹ, đã gấp rút đi xây nhưng khoang tổ làm nơi chứa các nguồn thực phẩm dự trữ, việc xây dựng chúng cần tiết kiệm hơn, nhưng sức chứa phải nhiều hơn. Mặt khác, chúng ta cũng thấy rằng, con ong mẹ thích đẻ trứng vào các khoang tổ nhỏ hơn và nó không ngừng đòi hỏi chúng. Thế nhưng, do không đủ và trong khi ong mẹ chờ được cấp các khoang tổ này, nó đành cam chịu đẻ trứng vào các khoang tổ rộng nằm trên đường đi của nó.

Từ những quả trứng ấy sẽ nở ra các con ong đực, dù chúng giống y hệt như những quả trứng nở ra các con ong thợ, trái với việc xảy ra trong sự biến đổi một con ong thợ thành ong chúa, ở đây sự thay đổi được xác định không phải do hình dạng và kích cỡ của khoang tổ, vì từ quả trứng được đẻ vào một khoang tổ lớn và sau đó được chuyển sang khoang tổ dành cho ong thợ, sẽ nở ra một con ong có phần nào ít nhiều nhỏ hơn, nhưng chắc chắn nó là một con ong đực (tôi đã có một vài lần thực hiện việc chuyển đổi như thế, đây là một việc khá khó khăn, vì quả trứng quá nhỏ và rất mỏng manh). Vì vậy, cần phải làm sao, để ong chúa khi đẻ trứng, có thể nhận biết hay xác định giới tính của quả trứng và ứng với khoang tổ mà nó được đặt vào. Hiếm khi ong chúa bị nhầm lẫn. Làm thế nào nó đạt được điều đó? Bằng cách nào nhận biết được con đực với con cái trong số vô vàn quả trứng ở hai buồng trứng của nó, và làm thế nào mà chúng xuống được một vòi trứng duy nhất?

Vậy là chúng ta lại đứng trước một trong số những bí ẩn của tổ ong, hơn nữa là một trong những bí ẩn khó hiểu nhất. Ai cũng biết rằng, một con ong chúa trinh nguyên không vô sinh, nhưng nó chỉ có thể đẻ ra những quả trứng nở ra các con đực. Chỉ sau khi thụ tinh trong chuyến bay hôn phối, nó mới thực hiện việc lựa chọn các con ong thợ hay ong đực của mình. Sau chuyến bay hôn phối, cho đến tận lúc chết nó hoàn toàn sở hữu số tinh trùng do người tình tội nghiệp của nó phóng ra. Số lượng tinh trùng này được tiến sĩ Leuckart xác định vào khoảng 25 triệu, được bảo quản sống trong một tuyến đặc biệt nằm dưới hai buồng trứng ở gần cửa dẫn vào vòi trứng chung, và được gọi là buồng tinh. Có một số người phỏng đoán rằng, độ hẹp của các khoang tổ nhỏ và hình dạng của các khoang tổ này buộc con ong chúa phải uốn cong thân mình và nằm xuống theo một cách thức nhất định đã tạo một áp lực nào đó lên buồng tinh, do đó tinh trùng trào ra từ đó và thụ tinh cho quả trứng đi qua. Áp lực này không thể

thực hiện được ở trên các lỗ tổ to, và khi đó buồng tinh hoàn toàn không mở ra. Có một số người khác, trái lại, giữ quan điểm rằng, con ong chúa thực sự có nhóm cơ mở và đóng lối ra của buồng tinh dẫn vào âm đạo, thêm nữa là các cơ này rất nhiều, chúng rất khỏe và phức tạp. Tôi không có ý định quả quyết giả thiết nào trong hai giả thiết này đúng hơn, vì càng tiến xa hơn, càng quan sát nhiều hơn, càng thấy rằng, chúng ta hoàn toàn chỉ đang chùn trong đại dương của tự nhiên, cho đến giờ chúng ta còn biết quá ít về nó, và càng hiểu rõ thêm rằng, từ trong lòng của con sóng đột nhiên trở nên trong suốt luôn sẵn sàng nổi lên một sự kiện trong chớp mắt phá tan tất cả những gì mà chúng ta cho là mình đã biết rõ. Thế nhưng tôi phải thừa nhận rằng, tôi nghiêng về giả thiết thứ hai. Thứ nhất là, những thí nghiệm của M. Drory, nhà nuôi ong ở Bordeaux cho thấy rằng, trong trường hợp, nếu tất cả các khoang tổ to bị loại khỏi tổ, con ong mẹ, đến khi phải đẻ những quả trứng nở ra các con đực, không hề ngần ngại để chúng vào những khoang tổ của ong thợ; và ngược lại, nó sẽ đẻ những quả trứng nở ra ong thợ vào các khoang tổ của ong đực, nếu nó không có quyền lựa chọn nào khác.

Tiếp theo là những nghiên cứu của M. Fabre với loài ong *Osmies*, loài ong rừng và đơn độc đã chứng minh một cách xác đáng rằng, không chỉ loài *Osmie* biết trước giới tính của quả trứng mà nó đẻ ra, mà giới tính này còn do con mẹ tự ý quyết định, theo không gian nằm trong quyền hạn của nó “một không gian thường là ngẫu nhiên và có thể thay đổi”, và nó sẽ đẻ ở chỗ này là một con đực, chỗ kia là một con cái. Tôi sẽ không sa đà vào chi tiết của các thí nghiệm của một nhà côn trùng học, người Pháp - chúng quá là vụn vặt và sẽ lái chúng ta đi quá xa khỏi nội dung chính. Nhưng dù giả thiết nào được chấp nhận đi chăng nữa, thì chúng đều giải thích rất rõ, bất chấp mọi sự dự tính cho tương lai [của ong chúa], thiên hướng của nó vẫn là đẻ trứng vào các khoang tổ ong thợ.

Hoàn toàn có thể rằng, con ong mẹ-nô lệ, mà ta có ý muốn xót thương, còn là một dạng nào đó khác, là một kẻ rất ham thích những khoái cảm mãnh liệt, trong sự hợp nhất hai bản nguyên đực và cái, diễn ra trong bản thân nó, nó có một niềm lạc thú đặc biệt và như một sự gợi nhớ đến sự mê đắm của chuyến bay giao hoan duy nhất trong cuộc đời nó. Và ở đây tự nhiên chưa từng bao giờ ý nhị đến thế và trù tính thâm diệu và thiên hình vạn trạng đến thế, trong sự thể liên quan đến lưới tình - và ở đây nó quan tâm đến lợi ích của giống loài thông qua khoái cảm. Song rốt cuộc, cần làm thế nào, để chúng ta hiểu nhau và không dối lừa nhau ở sự lí giải này. Bằng cái cách gán cho tự nhiên một ý niệm nào đấy và nghĩ rằng, thế là đủ, tức là ta đã ném một hòn đá xuống một trong những vực sâu không đáy ở cùng tận của một trong những hang động nào đó, và cứ tưởng là tiếng hòn đá rơi là lời hồi đáp cho mọi câu hỏi của chúng ta và để lộ ra một đi đâu gì đó khác, ngoài độ sâu rộng của vực thẳm.

Khi người ta nhắc đi nhắc lại: “Tự nhiên muốn đi đâu này, tạo nên sự kì diệu này, có mục đích này” - đi đâu này chính xác có nghĩa là, một biểu hiện nhỏ bé của sự sống được gìn giữ, trong khi chúng ta bận tâm về nó, trên bề mặt không lồ của vật chất, mà chúng ta có cảm tưởng là nó im lìm chết lặng và chúng ta gọi nó - một cách rất bất công - là hư vô hay cái chết. Có một sự trùng hợp của những sự việc không có một điểm gì chung đã gìn giữ biểu hiện này, sau khi làm nó nổi trội lên trên hàng ngàn biểu hiện khác, có thể cũng hấp dẫn như thế, có tính trí tuệ như thế, nhưng chúng lại không có được sự may mắn như thế và vĩnh viễn biến mất, mà không có cơ may khiến chúng ta phải thán phục. Có lẽ phải có sự táo bạo để khẳng định một đi đâu gì đó khác; còn tất cả những cái khác - những suy xét của chúng ta, cái mục đích luận ngoan cố của chúng ta, những niềm hi vọng của chúng ta, và sự thán phục của chúng ta, thực chất, chỉ là cái ẩn số, mà chúng ta khiến nó va chạm với một thứ còn ít được chúng ta biết đến hơn nữa,

nhằm để tạo ra một tiếng động nhỏ đem lại cho chúng ta khái niệm về cấp độ tối cao của một sự tồn tại đặc biệt, mà chúng ta có thể đạt tới trên chính cái bề mặt câm lặng, mịt mờ, giống như tiếng hót của chim họa mi và đường bay của thằn lằn cho chúng ta thấy được cấp độ cao nhất của sự tồn tại đặc trưng cho giống loài của chúng. Thế nhưng có một điều chắc chắn rằng, một trong những bốn phận hơn hết của chúng ta dẫn đường tới chân lý là, việc tạo ra một tiếng động nhỏ thôi, mỗi khi có cơ hội, nhưng không ngã lòng vì rằng, nó, có lẽ là vô nghĩa.

## Phần IV

### Ấu chúa

#### I

Đến đây ta hãy khép lại cái tổ ong, nơi ta thấy được cuộc sống đang đảm nhiệm vòng xoáy chuyển động của nó, đang mở rộng và nhân lên gấp bội, để rồi lại chia tách ngay khi vươn tới cực độ sung túc, hùng mạnh; và ta hãy mở ra một lần cuối tòa thành gốc, và xem chuyện gì đã xảy ra sau cuộc xuất hành của đàn ong.

Không còn huyền ảo, ồn ã, mất đi hai phần ba số cư dân bỏ đi mãi mãi tòa thành trở nên suy tàn, trống rỗng; như một thân xác bị chảy máu đến chết. Tuy vậy, vẫn còn vài ngàn ong ở lại; dù có uể oải, lơ đãng nhưng vẫn kiên định với nhiệm vụ mà số phận rõ ràng đã đặt lên vai chúng, vẫn ý thức được vai trò của mình, bởi thế, chúng tiếp tục lao động, cố hết sức lấp đầy những chỗ trống của bọn ong đã ra đi, dọn dẹp sạch sẽ mọi dấu vết say sưa chè chén, bảo quản cẩn thận những đồng chiến lợi phẩm, rồi lại thả cánh ra những bông hoa, và canh phòng nghiêm ngặt bảo vệ những “đồ thể chấp” của tương lai.

Và ngay thời khắc u ám, hy vọng vẫn hiện ra trước con mắt kiếm tìm. Ta như đang ở trong một lâu đài cổ tích kiểu Đức, các bức tường được tạo nên bởi hàng vạn cái hốc chứa những linh hồn sắp được sinh ra. Ta ở đây, chính nơi trú ngụ của sự sống trước khi được sinh ra. Khắp các phía, ngủ say trong những cái nôi được phong kín, trong những khoang lục giác kỳ

điều chất chùng đến vô tận này, là hàng ngàn con nhộng, trắng hơn sữa, gập đầu gập chân cong về phía trước chờ đợi thời khắc tỉnh giấc. Trông chúng hết như những ông thần lùn màu xám bạc đang đắm chìm suy tư trong những khoang mộ gập như là trong suốt, y hệt nhau, hay như cả đoàn trình nữ bộc kín trong những tấm vải liệm nhẵn nhúm, im lìm trong cổ quan tài lục lăng mà các nhà hình học đã điền cuồng nhân lên gấp bội.

Khắp toàn bộ khu vực được bao bọc bởi những bức tường thẳng đứng, và trong giữa cái thế giới đang lớn lên này - cái thế giới sẽ sớm tự chuyển mình, sẽ thay đổi mới mẻ đến bốn năm lần liên tiếp, rồi sau đó xoay tấm bọc của mình trong bóng tối, hàng trăm ong thợ đang nhảy múa và đập cánh liên hồi. Chúng làm thế để tạo nên nhiệt độ cần thiết và để hoàn thành một số mục tiêu nào đó khác nữa mà ta vẫn còn chưa biết đến; bởi vũ điệu của chúng bao gồm một số chuyển động hết sức phi thường, sáng tạo một cách bài bản đến mức chúng hẳn phải tuân thủ tuyệt đối mục đích nào đó, mà chưa nhà nghiên cứu nào, tôi tin là như vậy, có thể hiểu được.

Mấy hôm tới, hàng vạn ống chứa này - ở các tổ lớn có thể từ sáu đến tám vạn ống - sẽ vỡ nắp, và hai con mắt to lớn, nghiêm cẩn, màu đen nhô ra, hai râu ăng-ten đã sẵn sàng dò dẫm cuộc đời, trong khi đó hai hàm răng còn bận vươn to lên từ bên trong. Đội y tá ong lập tức chạy đến giúp ong non thoát ra khỏi nơi giam cầm, lau chùi sạch sẽ, và dâng lên cho nó giọt mật đầu đời từ chót lưỡi của chúng. Nhưng con ong non, vừa mới tới từ một thế giới khác, vẫn còn hoang mang, run rẩy và yếu ớt, mang dáng vẻ như một ông cụ non tí xiu yếu đuối vừa mới yếu đuối vừa mới chui ra khỏi nắm mồ, hoặc có lẽ như một kẻ lữ hành còn vương đầy bụi từ con đường dẫn đến sự sống này. Song, nó thật hoàn hảo, từ đầu đến chân, nó biết hết ngay được những gì cần phải biết, và, cũng hết như con nhà khác, vừa sinh ra đã biết ngay rằng đó không phải là lúc để cười đùa, nó ngay lập tức quay lại chỗ kén chưa mở, đập cánh liên hồi cùng một điệu vũ nhịp nhàng, để

đánh thức những chị em còn đang ngủ say của nó, mà không hề ngưng lại lấy một nhịp để bận tâm đến cái nan đề kinh khủng của định mệnh của bản thân nó, hay của giống loài nó.

## II

Tuy vậy, những công việc nặng nhọc nhất sẽ chờ chúng ra. Từ lúc sinh ra đến lúc rời tổ phải mất một tuần lễ; sau đó nó mới bay chuyển “rửa cánh” đầu tiên, và hít không khí vào các khí quản - những ống thở phân bố khắp cơ thể nó, biến nó thành “cô dâu của bầu trời.” Kế đó, khi về tổ, nó lại đợi thêm một tuần nữa, để cùng với các chị em sinh cùng ngày với nó, sẽ lần đầu tiên bắt đầu đi hoa. Giờ thì một mối xúc cảm đặc biệt sẽ xâm chiếm con ong, thứ cảm xúc mà người nuôi ong Pháp gọi là “pháo hoa mặt trời”, nhưng có lẽ đúng hơn thì nên gọi là “vầng mặt trời bối rối.” Bởi có chứng cứ cho thấy lũ ong sợ hãi, những đũa con gái của đám đông, của bóng đêm cô tịch, rúm ró trong vòm mộ u buồn, cuộn mình vào nỗi cô đơn vô hạn không ánh sáng và niềm vui của chúng bị dày vò bởi nỗi sợ hãi. Chúng bước qua ngưỡng cửa tổ ong rồi dừng lại; đi ra, rồi lại về đến hai mươi lần. Chúng cứ lững lờ trên không trung, đầu cúi về phía tổ, chúng vẽ nên những vòng tròn lớn vút lên rồi bỗng rớt ngay xuống, dưới sức nặng của niềm nuối tiếc; mười ba ngàn con mắt của chúng sẽ hỏi han, sẽ phản chiếu và lưu giữ hình ảnh cây cối, dòng nước, cánh cổng, những bức tường, những ngôi nhà, cửa sổ lóng giềng, để đến khi chúng trở về thì khóa bay huấn luyện này đã gắn chặt vào tâm trí chúng như thể đã được cố định bằng hai đường ray thép trong không gian rồi.

## III

Ở đây lại có một bí ẩn mới đối diện chúng ta, mà ta nên mạnh dạn mà

truy vấn; vì dù bí ẩn ấy không đáp lời ta, thì sự im lặng của nó vẫn sẽ mở rộng cái vô minh của ta -mảnh đất màu mỡ nhất trong tất cả mọi hành động của ta. Làm sao lũ ong có thể lặn ra đường về tổ nếu chúng không trông thấy, giả sử cái tổ bị cây cối che mất, mà cây cối thì cách nào đi nữa cũng sẽ tạo thành những điểm không thể nhận biết để làm mốc dấu trong không gian. Thế nếu cho vào hộp mang đến một nơi cách tổ vài ba dặm, thì liệu có phải lúc nào chúng cũng tìm được đường về không?

Phải chăng mọi chương ngại đầu không ngăn nổi tầm nhìn của chúng, có phải chúng tự dẫn đường bằng những dấu hiệu, cột mốc cụ thể; hay chúng sở hữu cái giác quan kỳ lạ, chưa được tìm hiểu đầy đủ mà chúng ta vẫn gán cho lũ chim én và chim bồ câu, tỉ như thuật ngữ “cảm giác phương hướng” chẳng hạn. Các thí nghiệm của J.H. Fabre, của Lubbocks, và trên hết, của Romanes (*Nature*, 29 tháng Mười 1886)<sup>10</sup> dường như đã xác định rằng bản năng kỳ lạ này không phải là thứ dẫn đường cho chúng. Mặt khác, tôi có nhiều hơn một lần nhận thấy chúng không hề chú ý đến màu sắc hay hình dạng của tổ. Chúng bị lôi cuốn nhiều hơn bởi vẻ ngoài cố hữu của mặt đất nơi có tổ của chúng treo bên trên, hay bởi vị trí của lối cửa vào và của miếng ván - bãi hạ cánh. Nhưng thậm chí đây cũng chỉ là đi đầu thứ yếu; nếu phần mặt tiền của tổ ong bị thay đổi từ trên xuống dưới trong khi lũ ong thợ vắng mặt, thì chúng vẫn không hề do dự mà thẳng hướng về từ tí xa tận chân trời; và chỉ khi nào đối diện với cái lối cửa vào lạ lẫm, chúng mới có vẻ sống lại một tạo. Những thí nghiệm như thế cho thấy một điều mới: hình như chúng tự dò đường bằng cách nắm vững chính xác và tỉ mỉ cảnh quan. Chúng không nhớ chiếc tổ, mà là vị trí của chiếc tổ, tính đến cả những bộ phận chi tiết nhất, trong mối tương quan của nó với các vật thể xung quanh. Nhận thức của con ong quả là phi thường, thực sự đáng tin cậy một cách chuẩn xác, in sâu vào trí nhớ của nó, đến mức sau năm tháng ngủ đông trong cái hân chứa tối tăm nào đó, khi được thay trên sân nền, tổ ong

sẽ bị đặt lệch một chút sang trái hoặc sang phải so với vị trí trước đây, tất cả lũ ong thợ, sau chuyến đi hoa sớm nhất, sẽ tuyệt đối bay theo phương vị cũ, không hề đắn đo hướng thẳng đến địa điểm chính xác đặt tổ năm ngoái; rồi chỉ sau chút bồi hồi, dò dẫm chúng mới phát hiện cổng vào đã không còn ở chỗ cũ nữa. Cứ như thế mùa Đông đã hết sức giữ gìn dấu vết đường bay cũ cho chúng; như thế những bước chân nhỏ bé, chăm chỉ của chúng vẫn còn in dấu trên bầu trời. Vì vậy, nếu tổ ong bị di chuyển, nhiều con sẽ lạc đường; ngoại trừ trường hợp cả tổ bị mang tới một nơi cách xa chỗ cũ, hoàn cảnh khác hoàn toàn so với nơi chúng lớn lên - nơi chúng vốn biết rõ trong khoảng bán kính từ hai đến ba dặm; vì sau đó, nếu có ý cảnh báo chúng, bằng một vài đường dẫn nối với miếng ván - cất hạ cánh ở lối vào tổ vốn đã thay đổi ít nhiều, chúng sẽ ngay lập tức tìm kiếm và tạo ra những dấu mốc mới.

#### IV

Giờ ta hãy quay lại thành phố đã được tái định cư, nơi hàng vạn kén ong đang liên tục mở ra, khiến cả những vách tường vững chãi cũng phải rung động. Nhưng thành phố vẫn thiếu một bà hoàng. Bảy tám cấu trúc kỳ lạ vươn lên từ trung tâm một rổ ong nào đó, rải rác khắp bề mặt những kén thông thường, nhắc chúng ta nhớ đến những vòng tròn và khối lồi xuất hiện một cách lạ lùng ở các tấm ảnh chụp mặt trăng. Chúng là lũ nhộng, được bọc kín bưng bằng nhiều lớp sáp hay miếng đệm, chiếm chỗ bằng ba bốn khoang ong thợ. Như một quy định, chúng tập hợp quanh cùng một điểm; có một số lớn ong lính canh gác, không ngơi nghỉ và cực kỳ cảnh giác đối với khu vực dường như tràn đầy một uy lực khó hiểu này. Đây chính là nơi các bà mẹ được hình thành. Trong mỗi bao nhộng, trước khi bầy ong xuất hành, ong chúa sẽ đẻ vào một quả trứng, hoặc có thể nhiều hơn - dù sao ta cũng chưa hiểu rõ lắm chuyện này - do ong thợ lấy từ

khoang bên cạnh nào đó, đặt vào; và cũng chính từ những quả trứng này, lại nở ra các ong thợ.

Từ quả trứng này, ba ngày sau sẽ xuất hiện một ấu trùng nhỏ, được nuôi dưỡng đặc biệt, thừa mứa; từ giờ ta có thể dõi theo từng bước một, những chuyển động của một trong những trật tự vĩ đại của tự nhiên, mà đối với loài người, ta đặt cho nó cái tên đầy kính ngưỡng là số phận. Nhờ chế độ dinh dưỡng này, con ấu trùng nhỏ đạt được sự phát triển đột phá; và trong ý thức của nó - đồng thời với cơ thể nó, xảy ra tiếp đó một thay đổi đáng kể: con ong sẽ lớn lên từ con nhộng đó dường như thuộc về một giống côn trùng hoàn toàn khác biệt.

Vòng đời của nó sẽ là năm hay sáu năm, thay vì sáu bảy tuần như ong thợ bình thường. Bụng nó sẽ dài hơn gấp đôi, thân mình có màu vàng óng hơn, sáng hơn; cái ngòi thì cong lại, cặp mắt sẽ có từ bảy đến tám ngàn mắt đơn thay vì mười hai đến mười ba ngàn. Bộ não nhỏ hơn, nhưng nó sẽ sở hữu những buồng trứng khổng lồ, và ngoài ra còn một bộ phận đặc biệt, túi nhận tinh, thứ biến nó trở nên gần như là lưỡng tính. Nó sẽ không có bất cứ một bản năng nào liên quan đến đời lao động vất vả; nó sẽ không có bàn chải, không túi để giữ sáp, không giỏ để lấy phấn hoa. Các thói quen, ham muốn mà chúng ta vẫn coi là cố hữu của loài ong, sẽ biến mất nơi ong chúa non. Nó sẽ chẳng cầu xin khí trời, hay ánh nắng, và đến chết cũng chẳng phải đi thăm một bông hoa nào cả. Nó sẽ tồn tại trong bóng tối, giữa đám đông náo nhiệt suốt ngày; việc duy nhất của nó là không ngừng không nghỉ tìm những chiếc nôi trống rỗng để vào đấy. Mặt khác, chỉ mình nó mới biết được cái bất an của tình yêu. Thậm chí có thể trong suốt cuộc đời mình, nó nhìn thấy ánh sáng không đến hai lần, bởi việc ra đi của bầy ong là không thể tránh khỏi; có lẽ, chỉ lần duy nhất nó được dùng đến đôi cánh, là để bay tới những tình lang của nó. Thật kỳ lạ khi nhìn bao nhiêu thứ như vậy - các bộ phận cơ thể, ý thức, ham muốn, tập tính, cả một định mệnh -

lại phụ thuộc vào không phải là một tế bào - phép màu sơ khởi của cả cây cỏ, động vật và con người - mà phụ thuộc vào một thứ vật chất bất động: một giọt mật ong.<sup>11</sup>

## V

Khoảng một tuần sau khi ong chúa cũ ra đi. Những bé ong hoàng gia ngủ say trong kén không ở cùng một độ tuổi, vì để đảm bảo lợi ích của giống loài, việc sinh sản của loài ong phải ở mức độ tăng dần, và diễn ra cách quãng đều đặn, sao cho đáp ứng được yêu cầu khả năng xảy ra cuộc di cư lần thứ hai, thứ ba hay thậm chí là lần thứ tư. Suốt mấy tiếng đồng hồ, bọn ong thợ đã hăng hái bóc mỏng vách lỗ ong gần nở nhất, trong khi từ bên trong ấu chúa cũng đồng thời gặm nhấm cái nắp tròn giam cầm nó. Cuối cùng, cái đầu nhô ra, nó vươn mình ra phía trước, và với sự trợ giúp của đội cận vệ háo hức bủa đến chải chuốt, dọn trợn, làm sạch mình mẩy, ấu chúa tự mình dứt ra tất cả và cất những bước đầu tiên trên tổ ong. Mới sinh ra, ấu chúa cũng như đám ong thợ, run rẩy và yếu ớt, nhưng độ mười phút sau, chân cẳng trở nên cứng cáp hơn, toàn thân nó xung động một cách lạ lùng; nó thấy mình không hề cô độc, nó thấy giang sơn của mình vẫn chưa bị chinh phục, vẫn còn những kẻ phản loạn đang lẩn trốn; và nó hăm hở nhích bước trên những bức tường sáp để tìm kiếm những kẻ thù địch. Song ở đây, những quyết định bí ẩn và ý thức của bản năng, của linh hồn tổ ong, hay của tập thể những ong thợ, lại chen vào. ĐIỂM ĐÁNG KINH NGẠC HƠN CẢ, nếu ta ngắm nhìn mọi thứ diễn ra trong một tổ ong kính, là không bao giờ có một mảy may do dự, một mảy may chia rẽ nào. Không hề có dấu hiệu cãi cọ, bất hòa nào. Bao trùm thành phố một bầu không khí đồng tâm nhất trí tuyệt đối; mọi con ong đều tỏ ra hiểu được suy nghĩ ở các ong chị em của nó. Và bây giờ là thời khắc nghiêm trọng nhất, mang tính sống còn, trong toàn bộ lịch sử của chúng. Chúng phải chọn giữa ba

bốn tốp, để mà trong một tương lai xa, mỗi khả năng mang lại một kết quả hoàn toàn khác nhau; một chút sơ ý thôi có thể dẫn đến thảm họa. Chúng phải thích ứng với việc làm đông đúc nòi giống - đam mê mà cũng là trách nhiệm bẩm sinh của chúng - mà vẫn phải đảm bảo duy trì tổ và dân số trong tổ. Đôi khi phạm sai lầm; chúng liên tiếp tách đi ba hay bốn bầy ong ra, do đó làm kiệt quệ hoàn toàn thành-phố-mẹ; mà các bầy đó lại có tổ chức quá yếu kém nên sẽ tan hàng, có thể vào lúc chớm đông, mắc phải cái khí hậu bất ngờ của con người - vốn khác xa với khí hậu thông thường của loài ong mà bất kể thế nào, đều không bao giờ quên. Trong những tình huống như vậy chúng sẽ mắc phải cái gọi là “cơn kích động bầy đàn”, một trạng thái trong cuộc sống, giống như một cơn sốt thông thường, nhưng phản ứng quá cuồng nhiệt, bỏ qua mục đích gốc, kết thúc chu trình và cuối cùng, là chết.

## VI

Không một quyết định nào trước chúng có vẻ là cấp bách; cả con người - nếu bằng lòng chỉ đóng vai người quan sát, cũng không thể đoán được bọn ong sẽ lựa chọn mức độ nào, dù là nhẹ nhất. Nhưng cả việc cân nhắc kỹ lưỡng nhất chi phối lựa chọn của chúng chứng tỏ sự thực rằng chúng ta có thể tác động, hay thậm chí định đoạt, bằng việc tăng hoặc giảm ngay lập tức không gian ta dành cho chúng; hoặc bằng cách di chuyển tầng ong đầy mật rỗng đặt lại, thay vào đó bằng các tầng trống được cung cấp đầy đủ nhờ vào các khoang ong thợ.

Vấn đề chúng phải suy tính không phải liệu bầy thứ hai hay bầy thứ ba có cần khởi hành ngay, - vì đến lúc ra quyết định như vậy chúng sẽ chỉ đơn thuần tuân theo một cách mù quáng, không suy nghĩ về cơn bốc đồng hay cái nhất thời của thời khắc đã định, - mà vấn đề nằm ở lựa chọn thống nhất, tức thì những phương cách nào cho phép chúng tung ra bầy thứ hai

hay “mặc kệ” cả ba bốn ngày sau khi ấu chúa đầu tiên chào đời, và một bảy thứ ba sau ba ngày kể từ lúc bảy thứ hai khởi hành, cùng với con ong chúa đầu tiên này làm đầu đàn. Vì thế, phải công nhận rằng cái chúng ta khám phá ra ở đây là cả một hệ thống hợp lý một cách hoàn hảo, và sự kết hợp chặt chẽ những kế hoạch mở rộng vượt quá khung thời gian nếu so sánh với sự tồn tại ngắn ngủi của loài ong.

## VII

Các phương pháp này liên quan đến việc chăm sóc các ấu chúa non trẻ còn nằm im lìm trong những “ngục tối” bằng sáp. Cứ cho rằng chính “linh hồn tổ ong” đã ban bố hủy bỏ cuộc xuất hành của bảy thứ hai. Vẫn còn hai phe phái. Đàn ong có thể cho phép “chị cả” của lứa ong chúa non chúng ta đã quan sát khi chúng ra đời, giết hại các kẻ thù - em gái của nó; hoặc chúng có thể đợi đến khi ấu chúa thực hiện nghi lễ đầy mạo hiểm được biết đến như “chuyến bay hôn phối”, nơi nắm giữ tương lai của cả vương quốc. Cuộc đò sát thường được phép diễn ra, cũng thường bị ngăn chặn; nhưng ở trường hợp sau đương nhiên sự việc sẽ không dễ dàng cho chúng ta đoán biết liệu quyết định của lũ ong có tuân theo ý muốn tạo ra một bảy thứ hai, hay bởi chúng nhận thức được những hiểm nguy trong chuyến bay hôn phối; bởi chuyện này xảy ra có lúc, do thời tiết đột nhiên chuyển biến bất lợi, hoặc vì lý do nào mà ta không thể biết được, chúng sẽ đột ngột đổi ý, gạt phăng sự sắp đặt đã ấn định trước đó, và hủy hoại ngay dòng giống hoàng tộc mà chúng đã cung phụng một cách tận tụy. Nhưng nay ta cứ cho rằng chúng đã quyết bỏ qua bảy ong thứ hai, và chấp nhận mạo hiểm với chuyến bay hôn phối. Con ong chúa của chúng ta gấp rút tiến đến những chiếc nô lớn, lòng sôi lên ham muốn, và tụi lính gác nhường đường cho nó. Chỉ biết đến lòng ghen tuông rồ dại, nó sẽ quăng mình vào lỗ tổ ong đầu tiên, răng vuốt điên cuồng bóc toang lớp sáp, xé toạc bọc kén phủ

ngoài, và lột trần trụi con ong chúa non đang ngủ bên trong đó. Nếu đối thủ của nó đã nhận thức được, con ong chúa sẽ quay mình lại để cắm ngòi vào bên trong bao nhện rồi đâm lấy đâm để cái mũi nọc độc cho đến khi nạn nhân chết hẳn. Sau con ong trở nên bình tĩnh hơn, được dỗ dành bởi thần chết - kẻ đã ban phát hận thù cho mọi sinh vật; nó rút nọc ra, vội vàng sang lỗ ong bên cạnh, tấn công, xé rách nó ra, và bỏ đi nếu phát hiện bên trong chỉ là một con nhộng hay một ấu trùng chưa hoàn chỉnh; cho mãi đến cuối cùng, khi đã kiệt sức, thở không ra hơi, nó cũng không chịu ngừng lại, răng với vuốt cứ nghiền xoen xoẹt một cách vô lực trên bờ tường sáp.

Lũ ong xung quanh lặng lẽ quan sát cơn cuồng nộ của ấu chúa, chúng đứng ngay bên, bất động, chỉ di chuyển khi cần nhường đường cho nó; nhưng ngay khi một cái kén bị đâm thủng và phá hủy, chúng sẽ ào đến, kéo cái xác con nhộng, hay mới chỉ là ấu trùng ném ra khỏi tổ, rồi ngay lập tức ngốn sạch thứ mứt hoàng gia quý báu còn vương trên thành kén. Cuối cùng, khi bà hoàng trẻ quá mệt mỏi để mà duy trì thú vui giết chóc, chúng tự mình hoàn thành nốt cuộc thăm sát đám ong con vô tội; và dòng giống vương giả, cùng nơi cư ngụ của chúng, tất thảy đều biến mất. Đây là thời khắc kinh hoàng của tổ ong; dịp duy nhất cùng với việc tử hình hàng loạt ong đực - vốn đáng chết hơn, là khi lũ ong thợ cam chịu sự xung đột và cái chết chen vào giữa chúng; và ở đây, như thường xảy ra trong tự nhiên, đó là ân huệ tình yêu ban cho chúng khi kéo chúng tới những con đường chết chóc kinh khủng nhất.

Thỉnh thoảng, cùng lúc có đến hai ong chúa non nở ra, nhưng rất hiếm, bởi loài ong luôn đặc biệt ngăn chặn điều đó. Nhưng một khi đã xảy ra, cuộc chiến sinh tử sẽ bắt đầu ngay thời điểm chúng chui ra khỏi kén; và về cuộc chiến này Huber là người đầu tiên đánh dấu một chi tiết hết sức phi thường. Mỗi lần, có vẻ các ong chúa non sẽ luân phiên chĩa mũi nhọn về phía đối phương theo cách thức tuốt trần ngòi độc dọa giết; hết như phong

thái các vị thần trong những trận chiến trong sử thi Iliad, thì ở đây là các vị thần của giống nòi phô bày ra; và hai chiến binh, bị kích động bởi sự đe dọa tức thì, sẽ bay lên, sáp vào nhau, rồi lại tách ra, vờn nhau, nếu cái thảm họa kép lại một lần nữa đe dọa tương lai của thần dân của chúng; đến cuối cùng khi một con trộm hơn đối thủ lóng ngóng, bất cẩn của nó, rồi không cần phải liều mạng vẫn giết chết được nó. Bởi quy luật của giống loài chỉ đòi hỏi một mạng hy sinh mà thôi.

## VIII

Những bao kén đã bị phá hủy, và mọi kẻ địch đều bị tiêu diệt, nữ hoàng non trẻ được thần dân chấp nhận; nhưng nó sẽ chưa thực sự trị vì tất thảy, cũng không được cung phụng như mẹ nó trước kia, cho đến khi chuyển bay hôn phối hoàn tất; vì trước khi nó được thụ thai, lũ ong chỉ phục vụ một cách qua loa và thể hiện lòng trung thành hết sức hời hợt. Tuy vậy, đời nó sẽ hiếm khi được an nhàn như thế, vì bầy ong không thường xuyên kìm nén mong muốn được tách đàn lần nữa. Trong trường hợp này, cũng như khi trước, rất nhanh với cùng những ham muốn như thế, ong chúa sẽ tiếp cận các lỗ ong chúa non; nhưng thay vì gặp những kẻ hầu cận ngoan ngoãn sẵn lòng trợ giúp, nó sẽ thấy lối đi bị chặn lại bởi lũ lính gác đông đảo, thù địch. Trong cơn phẫn nộ cùng với ý chí quyết liệt, nó sẽ cố gắng mở đường qua, hoặc rẽ ngang bọn chúng; nhưng khắp nơi đều có bố trí canh phòng bảo vệ những cô công chúa còn đang say giấc. Nó nhất quyết tấn công bằng được, chỉ để gặp phải sự kháng cự càng lúc càng mãnh liệt, đến khi nó mơ hồ hiểu rằng những con ong thợ bé nhỏ bất khuất này đại diện một quy luật có thể bẻ cong được cả thứ đang kích động nó.

Cuối cùng nó bỏ đi, dạo khắp các tầng ong, sự bức tức của nó đang tìm kiếm một chỗ xả giận qua một khúc chiến ca, hay lời than phiền, để tất cả bọn ong chăm sóc phải biết; tương tự như tiếng kèn trumpet bạc từ xa; rất

mạnh mẽ từ cái mơ hồ cuồn cuộn nhiệt của nó, đặc biệt là về đêm, nghe rất rõ từ cả hai ba thước Anh, xuyên qua những bức tường đôi của cái tổ ong đóng kín một cách cẩn thận hết mức. Với lũ ong thợ, tiếng thét của bậc quân chủ quả là có tác động kỳ diệu. Nó làm chúng kinh sợ, tạo nên một trạng thái choáng váng đầy quy phục, và khi bà chúa bước tới dừng chân trước lỗ ong đã từ chối tiếp nó, bọn lính gác từng xô đẩy nó, kéo nó quay lại, giờ sẽ ngưng lại ngay lập tức, cúi đầu chờ đợi, cho đến khi tiếng thét dần bớt vang lên. Thực ra, một vài người tin rằng chính là nhờ vào uy lực của tiếng thét, mà con bướm đêm mặt quỷ bắt chước theo mới vào được tổ, tha hồ ăn mật mà không đánh động đàn ong một chút nào.

Trong hai hoặc ba ngày, có khi đến năm ngày, khúc bi ca đầy cảm phần này sẽ được nghe tới, đó chính là thách thức mà ong chúa ban tới những kẻ thù được bảo vệ nghiêm ngặt của nó. Và đến lượt đám này lớn lên, háo hức được thấy ánh sáng, chúng cũng bắt đầu gặm nhấm nắp đây kén của mình. Nay sẽ xuất hiện một sự bất tuân phục đáng kể đối với bầy đàn. Nhưng tinh thần của tổ ong, vào thời điểm xác lập quyết chí của nó, có thể biết trước được mọi hệ quả có thể tiếp diễn; và đám ong lính đã nhận được những hướng dẫn dành riêng cho chúng: chúng biết chính xác cần phải làm gì, giờ này qua giờ khác, nghênh đón những cuộc tấn công của một bản năng phá hoại, và chia ra làm hai đạo quân chống cự vững vàng. Chúng ý thức đầy đủ rằng các ong chúa non đang kêu gào nếu chui ra được, sẽ rơi vào tay của con chị của chúng, kẻ sẽ tàn sát bằng sạch từng con một, không cách nào cưỡng lại được vào thời điểm này. Đám ong thợ, vì thế sẽ đắp những lớp sáp mới vào chỗ vách tường bị bọn ong non bào mòn từ bên trong; còn nàng công chúa nóng vội kia cứ khăng khăng phát cuồn lên với việc của mình, không hề hay biết rằng nó sẽ gặp phải một trở ngại đầy mê hoặc, thứ sẽ luôn vươn lên sau mỗi lần bị nó tàn phá. Nó nghe được được tiếng thét xung trận của kẻ địch; cũng đã ý thức được sứ mệnh của dòng

đôi hoàng gia, cho dù nó còn chưa cả nhìn thấy cuộc đời, hay biết được tổ ong là cái gì, nó đáp lại thách thức từ sâu thẳm bên trong cõi ngục tù của mình. Nhưng tiếng thét của nó khác, tắc nghẹn và trống rỗng, vì phải xuyên qua những vách tường kín mít; và khi màn đêm buông xuống, mọi âm thanh trở nên im ắng, trên trời những vì sao lặng lẽ ngự trị, người nuôi ong ở gần các tòa thành, các giá đựng tổ ong, bên lối cửa vào, nghi nghi hoặc hoặc, sẽ nhận ra và hiểu được cuộc đối thoại diễn ra giữa bà hoàng đang trần đi trở lại với những cô công chúa thanh khiết trong cảnh giam cầm.

## IX

Tuy vậy, đối với các nàng công chúa non trẻ, tình cảnh giam hãm kéo dài này lại có lợi; vì được nuôi ăn chúng sẽ lớn lên sung mãn, khỏe mạnh, và có thể bay được. Nhưng suốt giai đoạn chờ đợi này, sức mạnh của con ong chúa thứ nhất cũng đã tăng lên, và giờ thì đủ sức cho phép nó đối mặt với những hiểm nguy của cuộc xuất hành. Thời điểm khởi hành của bầy ong thứ hai đã tới, chị-cả trong số các ong chúa non sẽ làm đầu đàn. Ngay khi nó đi, bọn ong thợ còn lại trong tổ sẽ thả tự do cho đám tù nhân; rồi nó lại phô bày những ham muốn giết chóc, kêu gào giận dữ, cho đến khi, cuối cùng, sau ba bốn ngày, đến lượt mình đứng đầu đàn thứ ba rời tổ; lần lượt cứ như vậy, trong trạng thái “cơn sốt chia đàn”, mãi đến khi thành phố mẹ kiệt cùng mới thôi.

Swammerdam đã chỉ ra một tổ ong, bằng cách chia bầy liên tiếp, chỉ trong một mùa duy nhất đã có thể phát triển lên đến không ít hơn ba mươi đàn. Phép nhân phi thường này nổi bật trên mọi thứ sau những mùa Đông tàn khốc; hình như lũ ong, mãi mãi gắn chặt với những dự vọng kỳ bí của tự nhiên, cũng nhận thức được những mối nguy hiểm đe dọa giống nòi chúng. Nhưng vào những lúc bình thường, cơn bốc đồng này hiếm khi xảy ra ở một tổ ong sung mãn, có kỷ luật. Có nhiều tổ chỉ chia bầy một lần,

thậm chí có những tổ còn không bao giờ chia bầy. Như thông lệ, sau khi bầy thứ hai kéo đi, đàn ong sẽ không chia thêm nữa, do thấy được kho tàng sẽ cạn kiệt, hay bởi cần trọng trước các nguy cơ thời tiết. Trong hoàn cảnh đó, chúng sẽ để con ong chúa thứ ba tàn sát bọn ong chúa non còn bị giữ trong kén; cuộc sống thường nhật lập tức quay lại, cùng với nhuệ khí ngập tràn vì tất cả ong thợ đều còn rất trẻ, vì tổ ong đã bị giảm dân số và trở nên nghèo nàn, và vì còn có những khoảng trống khổng lồ cần phải lấp đầy trước khi mùa Đông tới.

## X

Chuyến đi của bầy thứ hai và thứ ba tương tự bầy thứ nhất, các điều kiện như nhau, ngoại trừ số lượng ong ít hơn, kém thận trọng hơn và không có ong do thám trước; ong chúa non cũng không bị ngăn trở, kích động, sẽ bay xa hơn nhiều, và trong giai đoạn đầu của hành trình đưa bầy ong qua một khoảng cách xa đáng kể tính từ tổ ong. Kỷ luật tổ chức của bầy di cư thứ hai thứ ba này sẽ yếu kém hơn hẳn, tương lai của chúng cũng mơ hồ, bất định hơn. Ong chúa đứng đầu đàn, đại diện cho tương lai, còn chưa được thụ thai. Toàn thể vận mệnh của chúng phụ thuộc vào chuyến bay hôn phối kế đó. Một con chim bay ngang qua, vài giọt mưa, một lỗi nhỏ, một cơn gió lạnh - thấy đâu có thể kéo theo thảm họa khôn lường. Vì vậy lũ ong đều nhận thức được rằng, khi bà hoàng trẻ lao ra tìm kiếm tình lang, chúng sẽ ngưng lại công việc vừa mới bắt đầu, sẽ phải bỏ cái tổ đã trở nên thân thương với chúng trong một ngày, tất cả kéo theo ong chúa, chỉ sợ tuột mất nó ra ngoài tầm mắt chúng, hào hứng vây quanh sát nó, che chắn cho nó bằng hàng ngàn cặp cánh tận tụy, quên mình vì nó, nếu chẳng may cuộc yêu đầy nó dạt ra cách tổ quá xa đến mức con đường về nhà vốn chưa quen trở nên mơ hồ và rối rắm trong mọi trí nhớ.

## XI

Nhưng quy luật tương lai quá mãnh liệt, đến mức không một sự bất định nào, không một mối nguy t ần vong nào, có thể khiến, dù chỉ một con ong, phải dao động. Nhiệt huyết thể hiện ở đàn thứ hai và thứ ba không hề kém cạnh ở đàn đầu tiên. Vương quốc vừa mới ban bố lệnh, các ong thợ tức khắc t ề tựu xung quanh mỗi ấu chúa đang gặp nguy cấp, hăm hở đánh cuộc vận mệnh vào đó, hộ tống nó trên hành trình vốn dĩ lợi bất cập hại, chỉ bởi khao khát được thỏa mãn bản năng. Từ đâu mà chúng sở hữu ngu ần năng lượng mà con người chúng ta không bao giờ có được, thứ năng lượng giúp chúng vượt qua quá khứ, như phá tan kẻ thù? Ai đã lựa chọn kẻ ở lại, người ra đi trong cả đám đông? Không có sự phân biệt t ầng lớp giữa những con ở lại với những con dời đi; chỉ khác mỗi con này trẻ, con kia già hơn mà thôi; bao quanh mỗi con ong chúa một đi không trở lại, bọn ong thợ kỳ cựu xô đẩy lũ ong thợ non mới lần đầu tiên trong đời đối mặt với cơn say choáng váng mang màu xanh da trời. Sức mạnh tương đối của một bầy ong cũng không bị chi phối bởi sự ngẫu nhiên, bởi tâm trạng nhất thời, sự dịch chuyển bản năng, tư duy hay cảm tính. Tôi từng hơn một lần thử thiết lập một mối tương quan giữa số lượng ong tạo thành một đàn di cư và số ong ở lại tổ cũ; mặc dầu những khác biệt trong tính toán này không chính xác về mặt toán học cho lắm, ít nhất tôi vẫn có thể đưa ra được mối liên hệ - nếu chúng ta tính đến số lượng bao kén, hay nói cách khác là số ong sẽ được sinh ra - đủ ổn định để chỉ ra một định lượng thực tế và cũng bí ẩn của linh h ồn của tổ ong.

## XII

Chúng ta sẽ không bám theo những đàn ong này về những chuyến di cư có số lượng d ầy đặc và cũng thường rất phức tạp. Có lúc, hai đàn nhập vào làm một; lúc khác, hai hay ba ong chúa sẽ lợi dụng sự hỗn tạp lúc khởi

hành đánh lừa bọn ong lính và nhập vào các nhóm đang hình thành. Cũng có đôi khi, một trong các ong chúa non nhận thấy xung quanh mình là những con ong đực sẽ thụ thai ngay trong chuyến bay chia đàn, rồi sau đó kéo theo đám thàn dân của riêng nó đến một tằm cao, một khoảng cách xa hẳ. Trong nghề nuôi ong, những đàn thứ hai thứ ba này luôn được đưa về tổ cũ. Các ong chúa sẽ gặp nhau trong tổ, bọn ong thợ sẽ tụ lại quan sát cuộc chiến của chúng; và khi kẻ mạnh chiến hạ gục kẻ yếu, bằng nhiệt huyết đối với lao động và lòng căm ghét tình trạng vô kỷ luật, chúng sẽ vứt bỏ các xác chết, đóng sập cửa lại với cái tương lai bạo lực, gạt quá khứ sang một bên, quay lại các lỗ ong và trở về con đường bình yên đến những bông hoa đang chờ đợi chúng.

### XIII

Để đơn giản hóa vấn đề, chúng ta quay lại với con ong chúa được bày ong cho phép hạ sát đám em gái, và với những cuộc phiêu lưu của nó. Như tôi đã nói, cuộc thăm sát này thường bị ngăn chặn, cũng thường được phê chuẩn, thậm, chí ngay cả khi bên ngoài lũ ong không có vẻ gì muốn tách bày cả; vì ta đã thấy được tinh thần thù địch giống hệt nhau ở các tổ ong khác nhau trong cùng một trại ong, hệt như ở các quốc gia khác nhau nhưng cùng một châu lục của loài người. Nhưng rõ ràng là bọn ong sẽ hành động khinh suất khi bật đèn xanh cho cuộc thăm sát; bởi nếu con ong chúa chết, hay bị thổi dạt đi mất trong chuyến bay hôn phối, việc thay thế vị trí của nó là bất khả, những ấu trùng ong thợ đã quá tuổi khi chúng bị ảnh hưởng bởi sự chuyển biến khỏi dòng dõi vua chúa. Tuy nhiên, ta hãy thừa nhận rằng sự khinh suất đó là sự đã rồi; hãy xem đứa-con-cả, giờ lên ngôi độc tôn, và được công nhận như thể là linh hồn của dân chúng. Nhưng nó vẫn còn trinh trắng. Để được như mẹ nó trước kia, nó cần gặp gỡ con đực trong vòng hai mươi ngày đầu tiên của đời mình. Nếu vì lý do này khác mà trì hoãn quá

khoảng thời gian này, sự trinh trắng của nó sẽ trở nên không thể đổi khác. Vì vậy, dù còn trinh, nó chắc chắn sẽ vô sinh. Ở đây, ta gặp điếu bí ẩn vĩ đại - hay sự phòng ngừa — của Tự nhiên, được biết đến bằng cái tên “sinh sản đơn tính”, phổ biến ở một số loài côn trùng như rệp vừng, bướm cánh vẩy trong chi bướm lông, côn trùng cánh mang trong họ *Cynipede*, v.v.. Con ong chúa trinh nguyên có thể đẻ trứng, nhưng từ tất cả trứng nó đẻ vào các lỗ ong, dù lớn hay nhỏ, cũng chỉ nở ra ong đực; và bởi bọn này không bao giờ lao động, chỉ ăn bám vào ong cái, cũng không bao giờ đi kiếm mật trừ phi chỉ kiếm cho riêng mình chúng ăn, và thường là không có khả năng tự nuôi sống mình, kết quả sẽ là, sau vài tuần lễ, con ong thợ đói khát cuối cùng cũng chết, cả đàn bị phá hủy và hoàn toàn diệt vong. Ong chúa, như ta nói, sẽ sinh ra hàng ngàn ong đực; mỗi con trong số này sở hữu hàng triệu tinh trùng song hoàn toàn không có khả năng đi vào cơ quan sinh dục của ong chúa. Có lẽ cũng chẳng phải điếu gì kinh khủng hơn so với hàng ngàn hiện tượng tương tự; còn thực ra, khi chúng ta khảo cứu các vấn đề này, và đặc biệt hơn nữa là chuyện sinh sản của chúng, những điếu kỳ diệu, bất ngờ liên tục xảy đến trước mắt ta - thường xuyên hơn hẳn, ít nhân đạo hơn so với những gì trong các câu chuyện cổ tích thần kỳ nhất - đến mức sự kinh ngạc sau một thời gian trở nên quen thuộc và chúng ta gần như chẳng còn bận tâm nữa. Tuy vậy, sự việc vẫn còn đủ thú vị, đáng chú ý. Mặt khác, chúng ta lý giải thế nào đây, về mục đích của việc tự nhiên tỏ ra cưng chiều những con ong đực vô dụng với cái giá phải trả là chính những con ong thợ hết sức cần thiết? Có phải Mẹ thiên nhiên lo sợ rằng lũ ong cái có thể bị trí khôn của chúng xúi giục phải kìm hãm số lượng bọn ăn bám kia, nhưng dù chúng có ăn tàn phá hại đi nữa thì vẫn cần có để mà duy trì nòi giống? Hay đây chỉ đơn thuần là một phản ứng thái quá chống lại nỗi bất hạnh có một con ong chúa bà cô? Liệu đây có phải một trong những biện pháp đề phòng một cách cực đoan và mù quáng, bất chấp nguên gốc tội lỗi, không thể nào

cứu vãn được nữa; để ngăn chặn tai ương bất hạnh, lại mang đến một thảm họa hay sao? Trong thực tế - dù chúng ta không được quên đi cái thực tế tự nhiên, nguyên thủy thì khác: so với ngày nay, các bầy đàn trong rừng xưa kia có thể bị phân tán hơn nhiều - kể cả khi con ong chúa bị vô sinh, vẫn không thiếu ong đực luôn rất đông đúc và bầu lấy nó từ xa. Nhưng mưa gió và giá rét sẽ giữ nó ở lì trong tổ, và giữ im mãi đôi cánh chưa hoàn thiện, bởi thế nó sẽ không thể bay lượn trong không trung để đáp ứng yêu cầu mà “bộ phận cơ thể” của con ong đực đòi hỏi. Thiên nhiên, tuy thờ ơ với những vấn đề cốt tử, lại quá đổi sốt sắng với việc nhân lên gấp bội số ong đực, đến mức có khi ta thấy được ở những tổ ong mồi côi, hai ba con ong thợ nặng lòng duy trì nòi giống đến nỗi bất chấp buồng trứng của chúng đã teo lại, vẫn cố sức đẻ, các bộ phận cơ thể của chúng cũng phình lên dưới cơn xúc cảm đau đớn, đẻ ra được một vài quả trứng vào lỗ tổ, rồi cũng như chỗ con ong chúa cần, từ đấy chỉ nở ra được lũ ong đực mà thôi.<sup>12</sup>

## XIV

Ở đây ta thấy một sự can thiệp tích cực từ một thế lực cao hơn dù có thể với ý đồ khinh suất, thứ đưa ra trở ngại mãnh liệt đối với ý chí thông tuệ của cuộc sống. Trong thế giới côn trùng những can thiệp kiểu này tương đối thường xuyên, và ta có thể học hỏi được nhiều điều từ chúng; vì thế giới này ngày càng đông đúc, và cũng phức tạp hơn những thế giới khác, những ham muốn cá biệt của tự nhiên thường được hiển lộ rõ ràng hơn cho chúng ta ở đó; đôi khi cũng có thể thấy được giữa những cuộc thí nghiệm mà ta có thể chắc chắn rằng vẫn chưa được hoàn chỉnh. Chẳng hạn tự nhiên có một dự vọng vĩ đại và bao trùm, thể hiện ra ở mọi mặt: việc cải thiện nòi giống là nhờ vào chiến thắng của những cá thể mạnh hơn. Như một quy luật, cuộc đấu tranh này được tổ chức hết sức chu đáo. Việc giết

hại con yếu tuy tàn ác, nhưng chẳng sao cả miễn là phần thưởng cho người chiến thắng chắc chắn và có giá trị. Nhưng có những trường hợp mà người ta có thể tưởng rằng tự nhiên không đủ thời gian để mà gỡ rối cho các mối dây liên kết của nó; những trường hợp không có phần thưởng nào cả, và số phận của kẻ thắng cuộc cũng không kém thảm khốc hơn so với người chiến bại. Trong số đó, để chọn ra một ví dụ nào đó không quá xa cách những con ong của chúng ta, tôi biết không một trường hợp nào ấn tượng bằng những con bọ cánh cứng thuộc họ *Sitaris colletes*. Đây là câu chuyện với rất nhiều chi tiết không xa lạ gì đối với loài người, mà ta có thể mừng rỡ tưởng ra được.

Những con bọ cánh cứng này là ấu trùng nguyên thủy của một loài ký sinh thuộc một trong các loài ong đất *Colletes* hoang dã, ngắn lười và sống biệt lập, xây tổ trong các hẻm đất. Chúng có tập tính nằm đợi lũ ong ở ngay lối vào các hẻm đất này, để sau đó ba, bốn, năm con hay thường là nhiều hơn sẽ bám vào lưng con ong rồi lần sâu vào lông của nó. Không cần phải bàn cãi liệu cuộc đấu tranh giữa kẻ mạnh và kẻ yếu có diễn ra ở đây không nữa, mọi thứ sẽ diễn ra thuận theo quy luật tự nhiên. Nhưng vì một lý do mà ta chưa biết, bản năng của chúng đòi hỏi, và từ đó tự nhiên đã buộc chúng phải an phận nằm im chùng nào còn ở trên lưng con ong. Chúng kiên nhẫn đợi thời gian khi con ong đi thăm hoa, xây tổ hay dự trữ kho tàng. Nhưng ngay khi con ong đẻ, tất cả bọn chúng đều nhảy lên quả trứng, còn con ong đất *Colletes* ngây thơ bèn bịt kín miệng cái lỗ mà nó có nhiệm vụ cung cấp thức ăn đầy đủ, không mảy may ngờ rằng nó vừa sập cửa giết chết đứa con của mình.

Miệng lỗ được đóng kín khi những con trùng *triongulin* bắt đầu cuộc chiến hữu ích và không thể tránh khỏi của chọn lọc tự nhiên. Con trùng khỏe hơn, nhanh hơn sẽ móc chặt vào dưới lớp giáp xác của con mồi, rồi nâng nó lên cao và giữ chắc bằng hàm trên hàng giờ đồng

hồ liền cho đến khi con mồi chết. Nhưng khi trận chiến đang diễn ra, một con trùng *triongulin* khác, vốn không gặp được kẻ địch hay đã chiến thắng, lại nhảy vào chiếm quả trứng và phá vỡ nó ra. Con thắng cuộc cuối cùng vì thế lại có thêm kẻ thù mới, nhưng trận đấu này lại dễ, vì con trùng kia còn đăm đuối vào cơn đói khát trời sinh đang cố sống cố chết cắm vòi vào quả trứng, quên bém mất phải bảo vệ bản thân. Nó sẽ nhanh chóng bị xử lý; còn con kia cuối cùng chiếm vị trí độc tôn, sở hữu quả trứng quý báu mà nó đã giành được một cách dễ dàng. Nó sẽ đút đầu nó vào chỗ mà con trùng trước đó đã tạo ra, bắt đầu bữa tiệc lâu dài, nhờ đó mà lột xác thành một con côn trùng hoàn thiện. Nhưng tự nhiên, đã tuyên bố trận thách đấu này, thì mặt khác, cũng đưa ra cái giá phải trả cho chiến thắng một cách chi li đến mức một quả trứng chỉ đủ nuôi một con *triongulin* duy nhất. Bởi thế, như chúng ta biết được nhờ M. Mayet, người mang đến cho chúng ta những cuộc phiêu lưu rối rắm này, kẻ chinh phục sẽ thiếu thức ăn do địch thủ cuối cùng của nó ăn mất trước khi chết; do đó sẽ không có khả năng hoàn thành giai đoạn đầu tiên của quá trình lột xác, đến lượt mình nó cũng sẽ chết, dính chặt lấy vỏ quả trứng ong, hoặc, tự thêm mình vào số những con chết chìm trong thứ chất lỏng đường mật.

## XV

Trường hợp này, dù hiếm khi được theo dõi sát sao, không phải là độc nhất vô nhị trong lịch sử tự nhiên. Nằm trằn trụi ngay trước mắt ta là cuộc đấu tranh giữa ý chí có ý thức của con trùng *triongulin* đang mưu cầu sự sống, và ý chí lớn lao nhưng mờ hồ của thiên nhiên vốn không chỉ muốn con trùng *triongulin* được sống, mà thậm chí còn mong mỗi nó phải phát triển, phải vững vàng đến một mức độ mà ý chí của nó phải tự thúc đẩy nó. Nhưng, qua sự khinh suất lạ kỳ nào đó, sự cải biến mà thiên nhiên thể hiện lại triệt tiêu cuộc sống của ngay cả cá thể phù hợp nhất, và cả họ ong đất

*Sitaris Colletes* hẳn cũng phải diệt vong từ lâu mà tuyệt không có cơ hội cho phép một cá thể đơn lẻ nào trốn thoát khỏi cái quy luật tối thượng và sâu xa - vốn cứ phải được ăn cả ngã về không mới hài lòng.

Có thể nào cái thế lực siêu phàm này phạm sai lầm, dù có vẻ là vô thức với chúng ta, nhưng nhất thiết là thông thái, nhìn ra được rằng sự sống mà nó sắp đặt và duy trì sẽ mãi mãi chứng minh được là nó đúng? Có khi nào sự yếu đuối lại vượt lên cả cái lý trí tối thượng mà ta thường cần khẩn khi ta đạt đến những giới hạn của chính mình? Và nếu thật sự như vậy, sự yếu đuối trở nên đúng đắn là nhờ bởi ai?

Nhưng hãy quay lại cái dạng thức đặc biệt của sự can thiệp không thể cưỡng lại nổi của tự nhiên mà ta thấy trong sự sinh sản đơn tính. Và ta cần nhớ rõ rằng những nan đề ta gặp phải trong cái thế giới xa lạ với con người thực ra liên quan hết sức gần gũi với chúng ta. Ai dám cam đoan rằng những can thiệp đó không xảy ra ở môi trường nhân loại - những dạng can thiệp có thể ẩn nấp nhưng không hề ít hiểm họa hơn? Và trong trường hợp mà ta đang xem xét, rốt cuộc, đâu là đúng, con côn trùng, hay thiên nhiên? Đi đâu gì sẽ xảy ra nếu bọn ong có thể ngoan ngoãn dễ bảo hơn, hay được phú cho trí thông minh cao hơn có thể hiểu rõ được những ý muốn của tự nhiên và tuân phục chúng một cách triệt để; để mà nhân giống lũ ong được đến vô cùng theo hiệu lệnh độc đoán của tự nhiên? Liệu chúng có dám mạo hiểm mà hủy hoại nòi giống của chúng? Ta có phải tin rằng tự nhiên có những ý muốn mà nếu ta tuân phục quá cũng chết, hiểu quá rõ cũng mang họa; và một trong những ý muốn của tự nhiên là ta đừng có biết, đừng có chạy theo tất cả mọi ý muốn của nó? Liệu trong vấn đề này có tồn tại một mối nguy nào cho nhân loại không? Chúng ta nhận thức được quá rõ những thế lực vô thức trong nội tại chúng ta, những thứ sẽ đòi hỏi trái ngược với những gì mà trí thông minh con người có thể làm được. Và cái trí thông minh này, như một quy luật, đã chạm mức giới hạn, không

biết phải đi đến đâu nữa - có được chăng nếu nó tự thân gia nhập những thế lực ấy, bổ sung vào đó năng lực ngoài mong đợi của nó?

## XVI

Từ những mối nguy của sự sinh sản đơn tính, ta đã có quyền kết luận rằng tự nhiên không phải lúc nào cũng có thể cân bằng mọi phương cách đến tận cùng; và cũng có lúc những gì mà tự nhiên muốn duy trì lại được duy trì bằng những cách thức ngăn chặn mà nó sáng chế ra để chống lại chính những ngăn chặn khác của nó, và thường thông qua những ngoại cảnh mà chính nó cũng không tiên đoán được? Nhưng liệu có gì mà tự nhiên muốn tiên đoán, muốn duy trì không? Tự nhiên, có người sẽ bảo, là một từ mà ta khoắc lên cái bất khả tri; và một vài thứ để ta có thể tin vào bằng trí thông minh, hoặc bằng toan tính khác. Điều này đúng. Ở đây ta đụng phải những cái bình đóng kín mít chứa đựng ý niệm về vũ trụ của chúng ta. Hết lần này đến lần khác, miễn cưỡng dán lên những cái bình ấy dòng chữ “KHÔNG BIẾT”, khiến ta nản lòng và kéo ta vào cảm lạnh, ta khắc sâu lên đây, tùy vào kích cỡ từng chiếc, những chữ “Tự nhiên, sự sống, cái chết, vĩnh cửu, chọn lọc, linh hồn của giống nòi,” và nhiều từ khác, hết như tiêng nhân đã định những chữ “Thượng đế, ý trời, định mệnh, phần thưởng,” v.v.. Nếu được, thì cứ để thế đi, đừng thêm nữa. Nhưng, dù nội hàm của những chiếc bình mãi cứ mơ hồ khó hiểu, ít nhất ta vẫn được một sự thực là những từ ngữ ấy ngày nay truyền tải ít hơn sự đe dọa, do đó chúng ta có thể tiếp cận chúng, chạm vào chúng và ghé sát tai vào nghe ngóng, với tất cả tính tò mò.

Nhưng bất luận chúng ta dán cái tên nào lên những chiếc bình, chắc chắn rằng ít nhất một trong số chúng, cũng là cái lớn nhất - mang trên mình cái tên “Tự nhiên” - chứa đựng một sức mạnh rất thật, thật hơn tất cả, có thể bảo vệ một số lượng và chất lượng khổng lồ, phi thường của

sự sống trên hành tinh của chúng ta, bằng những phương thức vô cùng xảo diệu đến mức vượt qua tất cả mọi thứ thiên tài mà con người có thể tạo ra được. Cái số lượng và chất lượng ấy có thể được bảo vệ bằng những cách khác không? Có phải chúng ta tự lừa dối mình khi bám theo cái ảo tưởng tiên đoán, tìm được giữa muôn trùng nguy cơ có một cơ hội tốt lành?

## XVII

Có thể, nhưng những cơ hội may mắn này dạy chúng ta một bài học về lòng kính ngưỡng ngang với đi ầu mà ta học được từ các tôn giáo. Khi ta để mắt vào những sinh vật có ý thức và trí thông minh ít ỏi, không tính sinh vật đơn bào - những đại diện đầu tiên trong buổi nguyên sơ của giới động vật, ta sẽ thấy, như đã được chứng minh một cách đa dạng bằng các thí nghiệm của ông H. J. Carter, người dùng kính hiển vi trừu danh, rằng những phôi nguyên thủy nhất, như nấm nhầy, cũng bộc lộ ý chí, dự vọng và xu hướng thiên vị; và cả lớp trùng lông, vốn rõ ràng chẳng có bộ phận nào cũng biểu lộ ra một trí xảo hiện hữu. Ví dụ, con trùng amip sẽ kiên nhẫn nằm chờ những bào tử màng dày mới sinh, khi chúng rời khỏi buồng trứng mẹ; ý thức được rằng chúng vẫn còn thiếu xúc tu độc. Trùng amip không có cả hệ thần kinh lẫn các cơ quan nhận biết ở bất cứ dạng nào. Hoặc nếu quay sang các loài thực vật, vốn vô tri giác, phơi mình ra trước mọi hiểm họa sống còn - bỏ qua các loài ăn thịt như *Drusera*, loại cây hoạt động như động vật thực thụ, -ta bị ấn tượng mạnh bởi trí tuệ phô bày nơi những loài hoa nhất mực khiêm nhường để hiểu được rằng chuyển viếng thăm của con ong luôn luôn đặt mối sự thụ tinh chéo mà chúng cần. Hãy xem cách thức kỳ lạ mà lan cánh xanh (*Orchis Moris*), một giống lan đồng quê tầm thường, kết hợp giữa cựa hoa và những móc cánh của nó; quan sát độ nghiêng tự động và chính xác cùng sự dính kết của khối phấn; cũng như cái bập bênh kép chuẩn xác của các bao phấn ở cây xô thơm dại sẽ chạm

vào một điểm đặc biệt trên cơ thể con côn trùng bay tới, để đến lượt mình con côn trùng đó có thể chạm vào đầu nhụy bông hoa bên cạnh cũng tại một điểm đặc biệt; và hãy xem tiếp đây, trường hợp cỏ *Pedicularis Sylvitica* (cỏ mã tiên?) với những chuyển động liên tiếp, có tính toán của đầu nhụy; và thực ra lối đi của ong vào bất cứ một trong ba loại hoa kể trên đầu khiến mọi bộ phận cơ thể (của con côn trùng) phải rung lên, hết như một xạ thủ điều luyện nhắm trúng điểm đen trên mục tiêu khiến toàn bộ các nhân vật phải chuyển động theo một cơ chế tinh vi mà ta thấy ở những hội chợ làng quê.

Ta vẫn có thể tiến xuống thấp hơn nữa, và chỉ ra, như Ruskin đã chỉ ra trong cuốn “*Ethics of the Dust*,” đặc tính, tập tính và thủ đoạn của các tinh thể; các xung đột và quy tắc thông lệ của chúng, khi một vật thể ngoại lai kháng cự lại cấu trúc của chúng, thứ còn cổ xưa hơn nhiều so với những gì chúng ta tưởng tượng được; tập quán chúng tiếp nhận hay bài trừ kẻ địch, chiến thắng khả dĩ của kẻ yếu trước kẻ mạnh, tỉ như khi tinh thể thạch anh đầy mạnh mẽ phải khuất phục trước tinh thể *epidote* hèn mọn nhưng xảo trá và cuối cùng chịu để bị thống trị; cuộc xung đột có lúc kinh hoàng và cũng có khi đẹp tuyệt vời giữa tinh thể đá và sắt; sự giãn nở hoàn hảo đúng quy tắc và tuyệt đối thanh khiết của một khối tinh thể trong suốt từ chối mọi thứ mẩn bệnh tật, hôi thối, sự đả bại hiển nhiên mà người anh em của nó đã cam chịu mục ruỗng, và quần quai đau đớn trong hư vô; cũng như ta có thể dẫn ra đây hiện tượng kỳ lạ của sự hồi phục và liên sọ tinh thể được Claude Bernard nhắc tới, v.v... Nhưng sự kỳ bí ở đây đã trở nên xa lạ với chúng ta. Ta hãy cứ ở bên những bông hoa, thứ là biểu hiện cuối cùng của một sự sống có mối quan hệ nào đó với sự sống của chúng ta. Giờ ta không bận tâm đến các loài động vật hay côn trùng ta đã gán cho một ý chí đặc biệt và thông minh, mà nhờ vào đó, chúng sinh tồn. Ta tin rằng, dù đúng hay sai, những bông hoa không sở hữu ý chí như vậy; ít nhất

là chúng ta không thể phát hiện trong chúng ngay cả những dấu vết nhỏ nhất của những cơ quan tạo nên và chứa đựng ý chí, trí tuệ và sự chủ động trong hành động. Bởi thế, hệ quả kéo theo là mọi thứ hoạt động trong chúng theo một cách thức đáng ngưỡng mộ mà hẳn phải có nguồn gốc trực tiếp từ thứ mà ta gọi là tự nhiên. Ta không nói đến thứ trí tuệ của cá nhân; ở đây ta phát hiện ra cái thế lực vô thức, đồng nhất trong hành động bắt giữ các hình thức khác của chính nó. Có chăng vì thế mà ta bác bỏ rằng những cái bấy đó chỉ thuần túy là ngẫu nhiên, xảy ra theo một diễn tiến cũng ngẫu nhiên. Ta vẫn chưa đặt tên cho sự suy biến như thế. Có thể, những loài hoa này, nếu thiếu những sự kết hợp thần kỳ đó, sẽ không tồn tại được, nhưng vị thế của chúng có thể sẽ được thay thế bởi những loài khác không cần đến phép thụ tinh chéo; và sự không tồn tại nói trên có lẽ sẽ không được ai biết đến, mà sự sống chuyển động khắp trái đất này có lẽ sẽ bớt thần bí đối với chúng ta, bớt đa dạng, và bớt lạ kỳ hơn.

## XVIII

Tuy vậy, thật khó lòng không công nhận rằng những hành vi với mọi biểu hiện thông thái và cẩn trọng tạo nên và hỗ trợ cho những khả năng may mắn này. Chúng xuất hiện từ đâu, - tự thân nó đã tồn tại, hay từ cái thế lực đã sáng tạo nên sự sống? Ngược lại, để biết rằng câu trả lời mang tầm quan trọng tối thượng đối với chúng ta, tôi sẽ không nói câu “Quan trọng gì đâu.” Nhưng đồng thời, ta vẫn nên tìm hiểu liệu đó chính là đóa hoa đang gắng sức bảo tồn và hoàn thiện sự sống mà tự nhiên đặt vào bên trong nó, hay đó chính là tự nhiên đang nỗ lực bảo vệ và phát triển mức độ tồn tại của đóa hoa.

## Phần V

### Chuyến bay hôn phối

#### I

**B**ây giờ chúng ta sẽ xem cách thức thực hiện việc thụ tinh của con ong chúa. Chúng ta lại được thấy ở đây những biện pháp lạ thường được thiên nhiên sử dụng để tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc hôn phối của những con đực và những con cái bay ra khỏi các tổ ong khác nhau. Đường như không có cái gì thôi thúc thiên nhiên phải ấn định trước một biện pháp kì lạ cho việc thực hiện cuộc hôn phối, mà chúng ta sẽ được thấy chi tiết ở dưới đây. Có vẻ như đây là kết quả của sự thất thường hay sai lầm thoát kì thủy của thiên nhiên; để sửa chữa nó thiên nhiên dùng đến mọi sức mạnh huyền diệu nhất của mình.

Nếu như để kiện toàn sự sống, giảm thiểu đau khổ, làm cái chết trở nên nhẹ nhàng hơn và loại bỏ những sự ngẫu nhiên nguy hại, thiên nhiên chỉ dùng một nửa cái quyền năng, mà nó thể hiện trong các hiện tượng thụ tinh chéo và trong một số sự thất thường khác của nó thôi, thì có lẽ, vũ trụ đã ít bí ẩn hơn, bớt mịt mờ hơn và đỡ nhấn tâm hơn. Song vấn đề không phải ở chuyện giá như, mà ở việc nhận thức của chúng ta phải hiểu rõ cái đang hiện hữu là gì, và đối với chúng ta mỗi quan tâm tới tất cả những gì đang tồn tại là ở việc nhận thức đó.

Xung quanh con ong chúa trinh nguyên đang xao động hàng trăm con ong đực sống trong cùng một tổ với nó. Chúng ngày ngày say sưa mật

ngọt, và cuộc sống của chúng có một ý nghĩa duy nhất là được một lần làm tình trong đời. Nhưng bất chấp sự đụng chạm thường xuyên với nhau giữa những con khác giới cùng giống loài, tức là cái hoàn cảnh, mà ở bất cứ đâu có nó thì mọi sự cản trở đều bị vứt bỏ để thỏa mãn dục tình, trong tổ ong không bao giờ có hành động giao phối, và mọi mưu toan với việc thụ tinh ngoài ý muốn của con ong chúa đều không có kết quả. Những con đực vây quanh ong chúa ở trong tổ không để ý đến giới tính của nó cho đến khi nó chung sống với chúng. Chúng đâu ngờ được rằng, chúng vừa mới rời bỏ một con cái, chúng đã ngủ với nó trên cùng một tầng tổ, có thể, đã tiếp xúc với nó khi cố bay ra khỏi tổ, các con đực bay đi tìm nó trong khung trời biếc xanh, ở những nơi quanh hiu nhất của bầu trời. Có thể nghĩ rằng, cặp mắt đầy kinh ngạc của các con đực, trông như cái mũ trụ sáng choang, phủ gần hết cái đầu của chúng, nhận ra con cái và bùng cháy lên ngọn lửa tình với nó chỉ khi nó bay lượn giữa trời xanh. Ngày nào trong khoảng từ mười một giờ đến ba giờ, tức là lúc ánh sáng rực rỡ nhất, đặc biệt là vào thời điểm khi buổi ban trưa đang vỗ đôi cánh thiên thanh của mình lên tới tận thiên đỉnh và cái nắng nóng càng thêm thiêu đốt - cả một đoàn ong đực ăn diện tủa ra khỏi tổ đi tìm vợ. Cô vợ này uy phong hơn và khó với tới hơn những nàng công chúa kiêu kì nhất trong các truyền thuyết, bởi khi nó xuất hiện, những anh chàng ái mộ, từ hai mươi-ba mươi trại ong hàng xóm, đang nháo nhào xúm lại gần nó, tạo thành một đám rước có tới hơn mười ngàn bạn tình.

Nhưng trong số mười ngàn ứng viên có cao vọng này chỉ có một con được ong chúa lựa chọn, nhưng với một cái giá mới đắt làm sao! Một cái hôn duy nhất, thoáng qua kết duyên cho kẻ được chọn, đồng thời đi kèm với niềm hạnh phúc và với cái chết... Dẫu có thế nào những con đực còn lại vẫn cứ uổng công lượn lờ quanh cặp tình nhân đang ôm lấy nhau và chúng chẳng bao lâu sau sẽ chết, mà không được nhìn thấy ảo ảnh trang

trọng nhưng đồng thời cũng thật bất hạnh.

## II

Tôi không quá ngoa ngôn về sự phung phí lạ lùng và phi lý của tự nhiên. Trong những tổ ong tốt nhất thường có bốn đến năm trăm con ong đực. Trong những tổ yếu kém hơn hay đang suy đốn có khoảng từ bốn đến năm ngàn con, bởi một tổ ong càng gần đến lúc tan rã, càng sinh ra nhiều con đực hơn. Có thể nói rằng, từ một trại ong có mười tổ vào thời điểm được miêu tả ở trên, trung bình có tới mười ngàn con đực bay ra, trong số đó chỉ có mười, nhiều nhất là mười lăm con có một lần duy nhất được làm tình - cái hành động mà vì thế chúng được sinh ra trên đời. Đồng thời những con đực tiêu hao một cách khủng khiếp lượng thức ăn dự trữ của tổ, bởi mỗi một con trong số những kẻ ăn bám này chỉ biết làm việc bằng đôi hàm thôi; nó đòi hỏi sự lao động không biết mệt mỏi của ít nhất là năm hay sáu con ong thợ để duy trì sự tồn tại vô công rồi nghề và tai hại của mình. Nhưng tự nhiên luôn xa xỉ trong những gì liên quan đến các chức năng và đặc quyền của tình yêu. Nó chỉ hà tiện về dụng cụ và công cụ lao động thôi. Nó đối xử cực kỳ nghiệt ngã với cái đực con người gọi là đức hạnh, và trái lại, hoang phí thừa mứa các tặng vật và lòng khoan dung của mình cho những gã tình nhân, có thể nói, là đáng ghét nhất. Ở đâu nó cũng chỉ quả quyết một điều: “Hãy kết giao đi, sinh sôi nảy nở nhiều lên, chẳng có một luật lệ nào khác, chẳng có một mục đích nào khác trong cuộc đời này, ngoài tình yêu đâu”, nhưng liền đấy lại thêm nói thêm: “Còn chuyện gì sau này sẽ đến, các người hãy tự mình thấy, điều ấy đâu có mắc mớ gì đến ta”. Cứ tìm đi, cứ mong muốn một điều khác đi, nhưng trong tự nhiên bạn chỉ tìm thấy thứ luân lý khác biệt biết bao với luân lý của chúng ta. Một mặt, bạn hãy để ý đến sự hà tiện và bất công; mặt khác, là sự xa xỉ khủng khiếp, mà tự nhiên bộc lộ ra trong cái thế giới nhỏ bé đang được chúng ta xem xét

đến.

Từ ngày ra đời cho đến tận lúc chết đi cô ong đực hạnh cầ lao phải bay rõ xa, đến những cánh rừng rậm rạp nhất, để tìm kiếm những bông hoa ẩn mình ở đó. Nó phải tìm cho được thứ mật ngọt và phấn thơm được giấu kín giữa những mê cung mật hoa và trong các lối đi ngang dọc của bao phấn. Ấy thế mà các cơ quan thị giác và khứu giác của nó nếu so với các cơ quan tương ứng của ong đực sẽ giống như so cặp mắt của người bệnh với cặp mắt của người khỏe mạnh. Dù những con ong đực gần như hoàn toàn mù và mất hẳn khứu giác, chúng chẳng vì thế mà mất gì và thậm chí hẳn hữu lắm chúng mới nhận ra được những khiếm khuyết này. Chúng chả có gì để làm, kiếm mồi ăn cũng không. Nó được bụng đến cho một bữa ăn thịnh soạn, và sự tồn tại của chúng giữa bóng tối của tổ trôi đi trong việc chén cho đầy bụng mật từ các tầng tổ. Nhưng đây là những phái viên của tình yêu, và vì thế những món quà phong phú và vô ích nhất được cánh tay hào phóng của tự nhiên ném cho hố sâu vô tận của tương lai. Một trong số một ngàn con đực chỉ một lần trong đời được chạm tới những tầng cao xanh thắm với nàng trinh nữ uy phong. Một trong số một ngàn con đực cận kề trong chớp mắt với một con cái không tránh né sự âu yếm của nó. Và thế là đủ, để cái sức mạnh thiên vị của tự nhiên vung vãi thừa thãi cho những con ong đực các món quà xa xỉ chưa từng thấy của mình. Mỗi một con trong đám tình nhân có vấn đề ấy - chín trăm chín mươi chín con sẽ bị giết chết sau lễ kết hôn định mệnh của con thứ một nghìn có vài ngày, thiên nhiên ban cho một con đực ba mươi nghìn con mắt ở hai bên đầu của nó, trong khi đó con cái chỉ có sáu nghìn. Thiên nhiên cung cấp thêm cho nó những chiếc râu, mà theo tính toán của Cheshire, chúng có tới ba mươi bảy nghìn tám trăm khoang khứu giác, trong khi đó ở con ong cái số khoang như thế có không quá năm nghìn. Đó là ví dụ cho sự bất cân xứng có thể nhận thấy hầu như ở khắp mọi nơi - với sự bất cân xứng này thiên nhiên

ban phát những món quà của mình cho những kẻ truyền tải tình yêu và những đại diện cần lao.

Thiên nhiên phóng tay vung vãi những tặng vật với kẻ được nó dành cho cái khoái lạc phát đi xung động của sự sống, và đối xử hết sức lạnh nhạt với những người nhẫn nại trả giá bằng sự lao động nhọc nhằn cho sự tồn tại của mình. Nếu như có một ai, dựa vào những phẩm chất được chỉ ra ở đây, nghĩ đến việc vẽ một bức chân dung đích thực của tự nhiên, thì anh ta sẽ nhận được một cái gì đó thật khác thường, chẳng có điểm gì chung với lí tưởng của chúng ta, nhưng nó cũng xuất phát từ chính nguần gốc đó. Song con người không thấy được quá nhiều đi đâu, để bắt tay vào việc thể hiện bức chân dung của tự nhiên. Anh ta đành phải phác qua vồn vện được đôi-ba nét ngập ngừng trên một cái nền đen khổng lồ.

### III

Tôi nghĩ là có rất ít người tìm hiểu sâu về sự bí ẩn trong cuộc hôn phối của con ong chúa được thực hiện trong không gian của bầu trời sáng chói lòa. Dõi theo chuyến bay ngập ngừng ra khỏi tổ của cô dâu ong - đó là một việc dễ dàng hơn rất nhiều - và khi bay trở về nó đã trở thành một tân nương bỏ lại sau mình cái xác của người tình.

Bất chấp sự nồn nóng đang chiếm toàn bộ tâm trí nó, con ong cái vẫn tự mình chọn ngày và giờ cho chuyến bay, chờ đợi bên cửa tổ cái khoảnh khắc, khi buổi sớm mai kì diệu đang tan hòa vào không gian của cuộc hôn phối từ bầu trời xanh thăm thẳm. Nó thích bay ra khỏi tổ vào thời điểm, khi giọt sương mai còn chưa từ biệt những chiếc lá và những bông hoa, khi hơi mát cuối cùng của buổi rạng đông dần tan đang tranh đấu với cái nóng bức của ban ngày đang đến, như cô trinh nữ không còn xiêm y chống cự lại với gã chiến binh thô lỗ, khi sự tĩnh lặng của một ngày đang tới còn chưa bị

phá vỡ ở đây đó bởi những âm thanh đang tràn ngập bầu không khí của buổi sớm mai, còn hương vị của buổi ban trưa đang hòa với hương thơm ngào ngạt của những bông hoa vi-ô-lét. Khi đó nó xuất hiện trên ngưỡng cửa tổ giữa một đám đông bao gồm hoặc là bầy ong thợ dừng dừng, đang bận tâm làm công việc của mình, hoặc là những con đang tràn ngập một nỗi lo sợ cho nữ hoàng của mình. Thái độ như thế của đám ong thợ phụ thuộc vào việc, có còn ở trong tổ những người chị em của nữ hoàng - những cô nàng mạnh mẽ, để trong trường hợp cần thiết có thể thay thế được cho nó, hay không. Nó bay ra khỏi tổ, ngoảnh đầu lại, hai hay ba lần quay trở lại cửa tổ và chỉ sau khi đã nhớ kỹ hình dáng bên ngoài và vị trí chính xác của vương quốc mà trước đó nó chưa một lần nào thấy rõ từ bên ngoài, nó lao vút lên như một mũi tên hướng đến đỉnh trời xanh. Khi nó lên tới tầng không vơi vơi xanh thẳm, nơi mà những con ong khác không được biết đến trong suốt cả cuộc đời mình. Nhưng kia ở đâu đó xa xa bầy ong đực không đậu trên những bông hoa, đã đánh hơi thấy mùi hương đặc biệt cuốn hút chúng đang tới gần và lan tỏa khắp tất cả các trại ong bên cạnh. Ngay lập tức những đám ong đực nhất loạt lao bỏ vào vùng biển sáng rực rỡ, bờ biển ấy ngày càng lùi xa và xa hơn nữa. Còn con ong chúa, say mê bởi chuyến bay, ngoan ngoãn tuân theo cái quy luật kì diệu của giống loài - quy luật này không phụ thuộc vào ong chúa sẽ chọn cho nó một người tình và đòi hỏi để làm sao chỉ một con đực khỏe mạnh nhất chiếm được nó ở nơi tầng không thanh vắng - ong chúa cứ thế bay lên cao, cao mãi; bầu không khí trong xanh của buổi sớm mai ập vào đường thở của nó và rạo rạo, như tinh huyết của trời cao, trong vô vàn đường mạch đang hòa nhập với hai cái bao nhỏ chiếm một nửa phần thân sau của nó. Ong chúa vẫn bay lên cao nữa. Nó cần lên tới miền thanh vắng, mà thậm chí những con chim cũng không bay lên tới đó, để có thể phá vỡ sự ẩn mật. Nó tiếp tục lao lên mỗi lúc một cao và cao hơn nữa. Đoàn hộ giá của nó thừa thớt, giảm bớt dần. Những

con ẻo uột, yếu ớt, già nua, đói ăn bay ra từ những trại ong nghèo xác và suy tàn, bỏ cuộc và biến mất trong không trung. Giữa vùng biển trời nắng nóng như thiêu đốt chỉ có một nhóm nhỏ những kẻ can đảm vẫn kiên trì theo đuổi mục tiêu của mình. Ong chúa gắng sức một lần cuối bay tiếp trong cô đơn, nhưng kẻ được lựa chọn của một thế lực tối cao không thể hiểu nổi đã đuổi, bắt kịp nó và đường bay xoắn lượn của cặp ong vụt tăng tốc vút lên nhờ niềm hưng phấn trào dâng được nhân đôi chao đảo trong giây lát bởi cái xung động thù nghịch với sức quyến rũ mê hoặc của tình yêu.

#### IV

Phần lớn các sinh vật sống đều mơ hồ cảm thấy còn có một cái gì đó hết sức không chắc chắn, một cái gì đó tựa như một lớp màng mong manh trong suốt ngăn cách miền chết với miền yêu và có một quy luật sâu xa của tự nhiên đòi hỏi cái chết của bất kể một sinh vật sống nào vào chính thời điểm nhờ nó một sự sống mới nảy sinh. Hoàn toàn có thể là, nỗi sợ truyền kiếp này đem đến một ý nghĩa quan trọng cho tình yêu. Nhưng trong trường hợp được mô tả đã hiện thực hóa với toàn bộ sự đơn giản nguyên thủy của mình chính cái hiện tượng định mệnh, mà hồi ức về nó vẫn còn lưu lại cho đến tận bây giờ ở nụ hôn của con người. Hành động giao hoan vừa mới kết thúc, cái bụng của con đực hé mở, khối chất sền sệt bên trong nó sẽ nằm lại trong con cái, còn bản thân nó với đôi cánh rũ xuống, cái bụng trống rỗng, như thể tan nát cõi lòng bởi lạc thú của hôn cuộc hôn phối, vụt rơi vào cõi miền vô tận. Chính cái ý niệm, mà vì nó cùng với sự trình sản tương lai của tổ ong bị đem làm vật hi sinh cho sự sinh sản quá đáng các con đực, đã diễn ra trong chuyến bay hôn phối; chỉ có đi đầu ở đây vì tương lai của tổ con đực bị đem ra làm vật hi sinh.

Hiện tượng này không ngừng khiến chúng ta kinh ngạc, và càng đi sâu

vào tìm hiểu nó, thì nó càng trở nên ít xác đáng hơn. Như Darwin, người đã nghiên cứu nó với sự nhiệt thành vô cùng và có phương pháp, nhưng hầu như không hiểu nổi nó, lạc lối trên mỗi bước đi; những hiện tượng bất ngờ và chưa trở thành luận thuyết đã khiến ông rối trí. Nếu bạn muốn có mặt trong cảnh tượng cùng lúc vừa cao thượng vừa xúc phạm trong cuộc tranh đấu giữa sự thiên tài của con người với sự hùng mạnh vô cùng của tự nhiên, thì hãy dõi theo Darwin trong những ý đồ của ông nhằm phát hiện ra các quy luật lạ thường, bị bao phủ bởi sự bí ẩn không thấu tận nổi và chưa trở thành bất cứ một công thức nào - đó là các quy luật của mức sinh sản quá đáng và sự tuyệt sinh của các giống lai hay các quy luật của tính biến dị trong các dấu hiệu của giống, loài. Ông vừa kịp nhận định về một nguyên lí nào đó, thì vô số sự ngoại lệ đã bủa vây lấy ông, còn cái nguyên lí may mắn, nếu ông có kịp, thì nó đã chiếm chỗ trong một xó góc ở đâu đó, bảo vệ sự tồn tại của riêng mình dưới dạng thức “ngoại lệ”.

Trong các hiện tượng của sự lai giống, trong những sự lẫn tránh của một loài khỏi một hình thái nhất định, trong các biểu hiện của bản năng, trong cuộc đấu tranh vì sự sống còn, trong sự chọn lọc tự nhiên, trong tính nhất quán về mặt địa chất của những sinh vật sống, và sự phân bố về mặt địa lí và ái lực qua lại của chúng - khắp mọi nơi, đâu đâu ta cũng nhận thấy một điếu sau đây: Trong cùng một trường hợp, vào cùng một thời gian, thiên nhiên luôn tai quái với nào là những vật vĩnh, nào là khinh thị, với tính hà tiện sống đôi cùng thói hoang phí, tính lơ đãng đi kèm sự thận trọng, sự bất thường đi liền tính kiên định, sự thống nhất không rời sự đa dạng đến vô cùng, thói nhỏ mọn ở bên đức cao cả. Khi trước thiên nhiên trải rộng một cánh đồng trình nguyên bao la vô tận để tạo ra những sự vật giản đơn, thì nó lại lấp đầy cánh đồng bằng những sai lầm tầm thường, bằng những quy luật vô giá trị và mâu thuẫn, những vấn đề khó giải quyết - chúng lang thang giữa sự tồn tại, như những bày đàn mù lòa. Tất nhiên,

điều này là đúng chỉ khi xét theo quan điểm chủ quan của chúng ta, phản ánh hiện thực chỉ theo cách thức phỏng đoán, trong thực tế không có gì cho phép ta nghĩ, khi hành động bằng cách thức như thế, thiên nhiên không hề biết đến những dự định của mình và những hậu quả xa xôi của chúng. Bất luận thế nào, thiên nhiên cũng rất hiếm khi cho phép mình đi theo con đường sai lầm hay bước vào vùng hiểm nguy. Nó luôn luôn dự trữ hai sức mạnh, mà bằng việc có quyền sử dụng chúng, nó sẽ sửa chữa những sai lầm. Hai sức mạnh là sự sống và sự chết. Khi có một hiện tượng nào đó vượt quá những giới hạn nhất định, nó sẽ báo hiệu cho sự sống hoặc sự chết, và khi xuất hiện theo tiếng gọi của tự nhiên, chúng sẽ xác lập trật tự và khai thông con đường cho các hiện tượng mới với một sự dừng dưng vô cùng. Các hành động của thiên nhiên tránh chúng ta theo đủ mọi hướng. Nó phủ nhận phần lớn các luật lệ của chúng ta, phá hủy các phạm vi của chúng ta. Một mặt, nó thấp kém hơn tư duy của chúng ta, mặt khác - nó cao lớn hơn, nó tựa như một hình khối khổng lồ nào đó. Chúng ta có cảm tưởng, có vẻ là nó sai lầm trên từng bước đi, như ở các giai đoạn đầu trọng sự phát triển của toàn bộ thực tại, cũng như trong những lĩnh vực sau cùng của sự sáng tạo, do đó tôi nhận thức được thế giới của con người. Ở đây nó trừng phạt những bản năng của đám đông tầm tối, sự bất công vô thức của quần chúng, những khuyết tật của lí trí và cái đức hạnh còn hoàn toàn chưa phải là đạo đức cao cả, chỉ đạo cho những ước mong bảo vệ giống loài. Thế nhưng đạo đức này, rõ ràng là thấp kém hơn thứ đạo đức mà tinh thần của con người có thể nắm bắt được và mong muốn; tinh thần này đang hợp nhất dòng nước trong sạch hơn của mình với dòng sông vẫn đục của thứ đạo đức như thế. Tuy nhiên, trí tuệ có lỗi hay không trong việc nó đưa ra cho mình một câu hỏi đại loại như thế; nó có cần tìm hay không mọi sự thật, và vậy là cả những sự thật về mặt đạo đức, mà nói đúng ra, chúng đang ở trong sự hỗn loạn, hơn là ở trong chính bản thân mình, nơi

chúng hiện lên khá rõ nét và phân minh hơn?

Vấn đề ở đây không phải là về sự phủ nhận ý nghĩa và các phẩm chất trong lí tưởng của thứ lí trí được soi sáng bằng những hành động của các bậc hiền minh và anh hùng, mà về việc làm thế nào để giải đáp được câu hỏi: lí tưởng này, - nó được tạo ra quá đối độc lập với đại bộ phận những con người tỏ rõ sự tán đồng, dẫu rằng họ đã bị hòa tan trong các đám đông - có cần phải đại diện cho các phẩm chất của đại bộ phận ấy hay không? Con người cho đến nay vẫn có lí do để lo sợ, dường như mưu toan phối hợp đạo đức của mình với đạo đức của thiên nhiên đã không diệt trừ được cái mà anh ta có cảm tưởng là kiệt tác của chính thiên nhiên; nhưng giờ đây khi đã phần nào hiểu rõ thiên nhiên hơn và khi những câu trả lời của nó cho một số câu hỏi đã làm lộ ra, dẫu chưa được hoàn toàn sáng tỏ, sự toàn vẹn không ngờ đến thế đối với con người, cho con người thấy tính quy luật và trí tuệ, mà con người dám mơ tưởng đến, bởi tự tách biệt bản thân mình - con người bắt đầu đỡ lo sợ hơn; anh ta đã không còn cảm thấy nhu cầu bị sai khiến trước đây là phải trốn tránh thiên nhiên dưới cái bóng lí trí và đức hạnh của riêng mình. Con người lập luận thế này: tất thảy những gì là cao cả không thể nào lại đi dạy cho mình một điều gì bất chính, và anh ta nghĩ: đã đến hay chưa thời điểm để kiểm tra lại một cách có cơ sở các nguyên lí, các tín niệm, các mộng tưởng của riêng mình?

Tôi xin nhắc lại, vấn đề không phải ở chỗ, làm thế nào để gạt bỏ cái lí tưởng của con người. Trái lại, thậm chí trước tiên là khiến anh ta sao lãng với lí tưởng, để rồi dạy anh ta quay trở lại với nó. Thiên nhiên không thể nào lại đưa ra những lời khuyên tởn tợ cho một trí tuệ từ chối tiếp nhận bất cứ một chân lí nào vì cái chân lí tuyệt đối và xứng đáng của một dự định vĩ đại, được trí tuệ dành để thi hành, nếu chân lí ấy sẽ không, ít nhất, cao cả được như những mong ước chủ quan về chính đối tượng. Không có một cái gì có thể thay đổi được vị trí của mình trong đời sống của nó, ngoại trừ

một cách là làm sao để tiếp bước xa hơn cùng với nó; và nó sẽ nói rõ lâu rằng, nó đang tiến lên phía trước, trong khi trên thực tế nó chỉ đang tiến lại gần với những khái niệm của của mình về hạnh phúc. Nhưng trong lĩnh vực tư duy mọi việc không thay đổi quá dễ dàng. Con người trong sự suy niệm thiên lệch của mình về các sự việc đang tự buông thả mình xuống, mà không bị trừng phạt, đến sự mê đắm ngang bằng với các phẩm hạnh của những sự đối nghịch khủng khiếp nhất và vô luân nhất trên thế gian, bởi con người nhìn thấy trước được rằng, qua cả một dải các vùng miền trũng thấp sẽ tới một ngọn núi anh ta chưa từng biết đến. Sự suy niệm này và sự mê đắm này không cản trở con người trong các cuộc tìm kiếm chân lí, thậm chí khi các cuộc tìm kiếm đó có đưa anh ta vào những lĩnh vực hoàn toàn đối lập với cái mà anh ta đã có thiện cảm - anh ta đã biết lấy những chân lí có nhân tính tuyệt vời nhất làm nền tảng cho tư cách của mình và biết giữ mình ở tầm mức cao nhất trong tình trạng tạm thời này. Tất cả những gì làm tăng lên hạnh phúc và đức hạnh, đều trực tiếp đi vào đời sống của anh ta. Tất cả những gì làm giảm bớt đi các phẩm chất này, nằm trong trạng thái trơ lì, giống như những hạt muối không chịu hòa tan, chỉ thay đổi các tính chất của mình trong những điều kiện đặc biệt.

Nói tóm lại, con người tách biệt trật tự thế giới tinh thần với trật tự thế giới trí tuệ và trong lĩnh vực thứ nhất anh ta cho phép có những sự thay đổi chỉ theo hướng cao cả hơn và tốt đẹp hơn. Nếu sự phân tách hai trật tự thế giới này có đáng bị chê trách, thì chỉ trong một trường hợp thường xuyên xảy ra trong cuộc sống là: khi vì nó người ta hành động tồi tệ hơn mức người ta có thể hành động theo những sự chỉ đạo của một tư tưởng, chứ không phải là ngược lại. Thấy được những hậu quả tệ hại với bản thân mình mà vẫn cứ hành động theo những sự chỉ đạo của đạo đức, đặt sự đánh giá về mặt đạo lí trong tư cách của mình cao hơn sự đánh giá về mặt luận lí - đây là công việc luôn mang tính trí tuệ và tốt lành, vì kinh nghiệm của con

người buộc chúng ta từng ngày càng thêm tin tưởng hơn rằng, những tư tưởng thiên tài nhất sẽ còn rất lâu nữa ở tằm thấp hơn cái chân lí bí ẩn, mà chúng ta thèm khát. Và lại, nếu như toàn bộ cái quan niệm trong quá khứ về thiên nhiên hóa ra là sai lầm, thì khi đó vẫn còn lại cho con người một lí lẽ giản đơn và tự nhiên là: đừng vứt bỏ đi lí tưởng có nhân tính. Con người càng gán thêm nhiều giá trị hơn cho những quy luật, mà chúng, rõ ràng, đang phơi bày trước anh ta tính ích kỉ, sự bất công và tàn bạo trong phẩm chất của những hình mẫu để noi theo, thì trước mắt anh ta càng hiện ra đậm nét hơn những quy luật khác chỉ ra sự cần thiết của lòng khoan dung, tính công minh và tinh thần đồng cảm. Và có điều này là bởi, vào thời điểm, khi con người bắt đầu tách biệt một cách chính xác hơn những phẩm chất vốn có của thiên nhiên với những phẩm chất vốn có của cá nhân anh ta, thì anh ta lập tức nhận thấy rằng, những phẩm chất sau [những phẩm chất của con người] cũng mang tính tự nhiên và cũng được vận dụng một cách sâu sắc như thế trong bản thân anh ta, như những phẩm chất thứ nhất [những phẩm chất của thiên nhiên].

## V

Tuy nhiên chúng ta hãy quay trở lại với cuộc hôn phối bi kịch của con ong chúa. Trong ví dụ được chúng ta xem xét, tự nhiên đòi hỏi vì những lợi ích của việc thụ tinh chéo, để sự liên kết của con đực và con cái chỉ diễn ra ở ngoài trời. Nhưng những dự định của tự nhiên đan bện vào nhau giống như một mạng lưới, và những quy luật quan trọng nhất của nó không ngừng va chạm với các quy luật khác, về phần mình, sẽ thay đổi dưới ảnh hưởng của những quy luật thứ nhất. Vì để con ong chúa trong cuộc hành trình của nó giữa trời cao với vô vàn mối nguy hiểm, như những cơn gió lạnh giá, bão giông và những cơn mưa tuân theo các quy luật bất biến, những cơn choáng đầu có thể xảy ra, gặp phải những cơn chim và những

con côn trùng thù địch - tự nhiên phải quan tâm để làm sao hành động giao hoan kéo dài nhanh hơn ở mức có thể. Và quả thật, hành động này ngăn ngui một cách đáng sợ do cái chết trong chớp mắt của con đực. Một sự cản trở thôi là đủ, còn mọi việc còn lại sẽ được thực hiện ở bên trong con cái.

Từ vòm trời xanh cao xa ong chúa trở về với tổ của mình, kéo theo sau mình những phần ở bên trong ổ hụng của người tình, chúng bay phấp phới như một lá cờ. Có một số người nuôi ong khẳng định rằng, những con ong thợ rất vui mừng khi thấy ong chúa quay trở về từ cuộc hành trình với những bằng chứng cho niềm kỳ vọng vào tương lai. Buchner, cũng như một số nhà tự nhiên học khác, miêu tả cảnh tượng này còn chi tiết hơn, nhưng về phần tôi, thì khi đã nhiều lần quan sát cảnh tượng quay trở về của ong chúa từ chuyến hành trình hôn phối, tôi chưa từng nhận thấy bất cứ một cảm xúc nào khác thường trong các con ong thợ; có những trường hợp ngoại lệ, khi chuyến bay ấy là của một con ong chúa trẻ, đứng đầu một tổ, là niềm hi vọng duy nhất của ngôi nhà mới được dựng lên và còn chưa đông đúc. Khi đó cả đàn ong thực sự là hết sức phấn khích và bay vội ra đón ong chúa. Thông thường thì, bất chấp mối nguy hiểm rất nghiêm trọng cho tổ ong với việc bay đi của con ong chúa, những con ong thợ có vẻ như quên mất sự tồn tại của nó. Ở đàn ong mọi việc đã được lường tính trước một cách tuyệt vời trước thời điểm chúng cho phép giết con ong chúa kinh địch, nhưng ở đây bản năng của chúng đã phản bội chúng; trong sự thận trọng của chúng dường như xuất hiện một thiếu sót nào đó. Bởi vậy, nói chung thì chúng có thái độ khá thờ ơ đối với sự hôn phối của con ong chúa. Chúng quay những cái đầu nhỏ về hướng con ong chúa trở về từ chuyến hành trình, có thể, chúng nhận đã thấy những dấu hiệu đáng giá cho cuộc đời của con ong đực, của việc thụ tinh đã được thực hiện, nhưng chưa đủ độ tin tưởng hoàn toàn, chúng không bộc lộ ra sự vui mừng, mà trí tưởng tượng của bạn chỉ chực nhận thấy đâu. Những dấu hiệu khả quan

đầy nhưng không hấp dẫn, chúng, có lẽ, trước khi hoan hỉ, còn chờ những bằng chứng khác cho thấy sự thụ tinh đã được hoàn thành.

Hoàn toàn sai lầm khi lấy cái thước đo hợp lí của con người và đưa nó đến mức độ thái quá để đo những cảm xúc của các sinh vật nhỏ bé và khác biệt với chúng ta biết bao này. Khi nghiên cứu đời sống của loài ong và các sinh vật khác đem trong mình một tia lửa nhỏ của trí khôn của chúng ta, thì chúng ta rất hiếm khi đạt được những kết quả như trong các cuốn sách nói đến. Có quá nhiều hoàn cảnh, như trước đây, vẫn còn vô cùng bí ẩn với điếu này. Mô tả những sinh vật này hoàn thiện hơn là chúng ở trong thực tế bằng cách nói về cái điếu không có thực để làm gì? Nếu một nhà nghiên cứu đời sống của các sinh vật này cho rằng, chúng sẽ trở nên thú vị hơn do sự giống nhau rất nhiều với chúng ta, thì anh ta chỉ bằng điếu này thôi đã chứng tỏ sự thiếu vắng ở anh ta một tinh thần nghiên cứu thực sự mang tính khoa học.

Mục đích cần thiết của một người nghiên cứu không phải là làm [cho người ta] kinh ngạc, mà là hiểu rõ được điếu gì đang diễn ra trước mắt anh ta; xét theo quan điểm này thì mọi khiếm khuyết của trí tuệ, và đặc biệt là những quá trình tâm lí của chúng khác biệt với các quá trình diễn ra trong bản thân chúng ta và những hiện tượng sẽ không kém phần thú vị hơn việc phát hiện ra ở chúng cái yếu tố kì diệu đâu. Và lại, không phải tất cả các con ong đều nhất loạt không tham dự vào việc thực hiện cuộc hôn phối của con ong chúa. Khi con ong chúa thở hỗn hển, trở về đến ngưỡng cửa tổ, thì xung quanh nó hình thành một vài nhóm ong thợ hộ tống nữ chúa của mình dưới mái vòm thân thương, nơi mặt trời, người anh hùng của mọi nỗi niềm hoan của đàn ong, rọi những tia nắng rụt rè và tưới khắp ánh sáng cùng bóng tối cho những bức vách sáp của các tầng tổ được trang hoàng bằng những bức màn mật vàng óng của chúng. Và lại chính vị tân nương cũng xúc động không hơn các thần dân của mình. Trong bộ óc nhỏ của con ong

chúa tàn nhẫn và thực dụng hoàn toàn không có chỗ cho những hoạt động đa dạng của tinh thần. Nó chỉ bận tâm một điều là, làm sao mau chóng thoát khỏi cái đờ-xú-vơ-nia do anh chằng nó để lại - cái đờ của nợ của tội cản trở nó thoải mái đi lại trong tổ. Nó đập xuống ngưỡng cửa tổ và cẩn thận rút bỏ những bộ phận không cần thiết. Đồng thời những con ong thợ nhặt lấy chúng và ném ra xa khỏi tổ. Vấn đề là ở chỗ, anh chằng của ong chúa trao cho nó tất tậ những gì nó có, và thậm chí còn nhiều hơn cả những gì nó cần. Nó bảo quản trong buồng tinh của mình chỉ mỗi thứ tinh dịch, mà ở trong đó bơi lội hàng ngàn phôi thai; những phôi thai này sẽ lần lượt xuất hiện đến tận lúc con ong chúa chết, khi đẻ trứng, trong bóng tối của cơ thể ong chúa diễn ra một sự hợp nhất bí ẩn giữa hai yếu tố đực và cái, mà từ đó những con ong thợ ra đời. Bằng cách lảng tránh cái nguyên lí chung, ở đây con cái đem lại cái bản nguyên giống đực cho thai nhi, còn con đực đem đến bản nguyên giống cái. Hai ngày sau khi thụ thai ong chúa đẻ những quả trứng đầu tiên của mình, và từ thời khắc này nó trở thành đối tượng của sự quan tâm chăm sóc từ các thần dân của nó. Khi nắm giữ một cặp giới tính, khi mang trong mình một ngu ồn dự trữ không thể cạn kiệt của cái bản nguyên giống đực, con ong chúa bắt đầu sống cuộc sống đã được ấn định cho mình: nó không rời tổ nữa và không còn nhìn thấy ánh sáng nữa, ngoại trừ một trường hợp duy nhất có thể có là khi vỡ tổ. Khả năng sinh nở của nó chỉ chấm dứt trước khi nó chết ít lâu.

## VI

Một lễ hôn phối kì diệu thế chứ, một trong những buổi hôn lễ huyền ảo nhất chỉ có thể có trong trí tưởng tượng mà thôi: tràn ngập một màu thiên thanh và đầy bi kịch, bị cuốn hút bởi ngọn lửa tình chột bùng cháy vượt ra khỏi giới hạn của quan niệm về việc bảo vệ sự sống, nó cùng lúc vừa chớp nhoáng vừa vĩnh cửu, duy nhất và rực rỡ, ẩn tránh những ánh mắt nhòm

ngó và bất tuyệt. Một mức khoái cảm tốt độ lạ thường đến thế, trong đó cái chết hiện ra giữa bầu không khí rạng rỡ nhất và tuyệt vời nhất, những tưởng chỉ có thể tồn tại trong thế giới của chúng ta; giữa không gian trinh nguyên vô tận và khung trời trong sáng đến mê hồn nó khắc ghi khoảnh khắc hạnh phúc, giữa thanh thiên bạch nhật nó thanh tẩy một yếu tố phạm tục nào đấy cho khoảnh khắc này - cái khoảnh khắc luôn được hòa trộn trong một cuộc tình; nó đòi hỏi lưu giữ một nụ hôn, và lần này hài lòng với tặng vật trong thoáng chốc, nó nhận về mình với sự dịu dàng hầu như chỉ mang tình mẫu tử mối quan tâm về sự hợp nhất trong cùng một cơ thể, cho một tương lai dài lâu, của hai cuộc đời bé nhỏ mong manh.

Sự thật đích thực không có được cái chất thơ như thế đâu, song nó lại có một chất thơ khác, mà hiện giờ còn khó hiểu hơn đối với chúng ta, nhưng có thể, chúng ta sau này sẽ hiểu và sẽ yêu. Thiên nhiên đâu có bận tâm đến việc tổ chức cho hai “nguyên tử tinh giản”, theo cách nói của Pascal, một hôn lễ hoành tráng hay một khoảnh khắc lí tưởng của tình yêu. Nó chỉ chú trọng, như chúng ta đã nói, đến sự hoàn thiện một giống loài. Và vì mục đích này cơ quan sinh dục của con đực được thiên nhiên tạo ra theo cách, nó có thể hoạt động chỉ ở trên tầng cao vô tận của không gian. Sự càng phồng lên của đường thở chỉ có thể đạt được trong một chuyến bay thật lâu, là điều kiện ban đầu cho khả năng thực hiện giao phối của con đực. Những cái khoang đầy không khí khi đó sẽ đẩy phần dưới của bụng về phía sau và nhờ thế mở ra cho con đực khả năng giao phối. Toàn bộ sự bí ẩn về sinh lí trong buổi hôn lễ của con ong là nằm ở đó — một sự bí ẩn khá tầm thường với những người này, thiếu chút nữa thì làm cho những người khác tức giận, bởi nó làm mất đi cái hình ảnh tuyệt mỹ nên thơ trong chuyến bay của đôi tình nhân và của cuộc hành trình mê li trong thời gian diễn ra buổi hôn lễ huy hoàng này.

## VII

“Nhưng mà chúng ta, - nhà thơ căn vặn, - chúng ta có nên luôn luôn tìm chất thơ chỉ ở phía bên kia của sự thật hay không?”

Vâng, mọi lúc và cùng khắp mọi nơi chúng ta sẽ đi tìm chất thơ không phải chỉ ở mặt bên kia của sự thật, bởi đi đầu này là bất khả, vì rằng chúng ta đâu biết đích xác nó ở đâu, còn mặt này của những sự thật thường nhật nhỏ bé đang thấp thoáng trước mắt chúng ta. Nếu do bất kể một nguyên nhân nào đó, - cứ cho đó là một cơ may, một sự hẫ hững, một ảo giác, một sự đam mê đi chẳng nữa, thì đây đây sao cũng vẫn là một đối tượng nào đó hiện ra trước mắt chúng ta tuyệt vời hơn cái mà những người khác cảm tưởng về nó, thì chính nguyên nhân đó đối với chúng ta phải quý giá hơn tất thảy mọi thứ. Có thể là chúng ta sai lầm; thế thì sao nào? Sai lầm đâu cản trở việc vào thời điểm đó chúng ta cảm thấy đối tượng này là tuyệt vời nhất, và cũng chính nhờ thời điểm đó mà chúng ta có nhiều khả năng nhất đánh giá phẩm chất đích thực của nó. Vẻ đẹp, mà chúng ta ban cho nó, sẽ dạy chúng ta biết nhận ra được vẻ đẹp thực sự của nó và sự cao cả không dễ phát hiện ra, bởi chúng nằm trong những mối quan hệ nhất định với các quy luật chung, các sức mạnh vĩnh cửu của tự nhiên. Cái hiện ra, cũng có thể là ảo tưởng, sự khâm phục đâu có bị uống phí và sớm muộn gì sẽ dẫn [chúng ta] tới sự thật. Nhờ vào những lời nói, những cảm xúc và sự nhiệt tâm được lan tỏa bởi các lí tưởng giả hiệu xa xưa, ngày nay nhân loại đã tập hợp được những chân lí có lẽ hoàn toàn không thể xuất hiện hay không thể tìm được một môi trường thuận lợi cho sự phát triển của mình, nếu như những ảo tưởng thiêng liêng ấy không dạy cho chúng ta hiểu được bản thân mình, không sưởi ấm con tim chúng ta, không chuẩn bị cho trí óc chúng ta biết tiếp nhận các chân lí. Người hạnh phúc có phải là người không cần đến các ảo tưởng, để không có chúng vẫn thấy được toàn bộ sự hùng vĩ của cảnh tượng diễn ra? Còn những người khác thì chỉ có ảo tưởng

mới dạy cho họ biết nhận ra, ngắm nhìn và vui sướng. Nhưng dẫu họ có nhìn cao xa đến đâu đi chăng nữa, thì họ cũng chẳng bao giờ nhìn được quá cao xa. Tùy theo mức độ tiếp cận chân lí - nó sẽ mỗi lúc một vươn lên và vươn cao hơn nữa; ta càng khâm phục nó nhiều hơn, thì ta càng tiến tới gần nó hơn. Và dẫu tinh thần họ có bay lượn cao đến đâu đi nữa, niềm say mê của họ sẽ chẳng bao giờ gặp phải sự hư không, sẽ chẳng ở cao hơn cái chân lí vĩnh cửu và bất khả tri đang còn ở khắp mọi nơi, giống như một vẻ đẹp thụ động.

### VIII

Điều này có nghĩa là chúng ta đã bị gắn chặt với sự giả dối, với cái chất thơ có tính võ đoán và hư ảo và vì không có cái tốt hơn, chúng ta có thể cảm nhận được sự say mê chỉ ở trong một chân lí giả hiệu hay không? Điều này có nghĩa là trong ví dụ được chúng ta xem xét, - một ví dụ tự thân không mấy quan trọng, nhưng là đại diện cho một ngàn ví dụ tương tự và là bằng chứng cho thái độ của chúng ta với những thuộc tính khác nhau của các chân lí - điều này có nghĩa là trong ví dụ này chúng ta cần phải nhắm mắt làm ngơ với sự giải thích về mặt sinh lí của hiện tượng, để không mất đi sự thích thú trước cảnh tượng chuyển bay hôn phối của loài ong, - dù nguyên nhân của nó là gì đi chăng nữa - thì nó vẫn là một trong những biểu hiện trữ tình nhất của một sức mạnh vô vị lợi, không cưỡng lại nổi và bất toàn bộ thực tại tuân theo bản thân mình - một sức mạnh có tên là tình yêu hay không? Không, việc này sẽ là quá ư ấu trĩ, quá đổi bất khả khi có những kĩ năng tuyệt vời mà ngày nay mọi bộ óc biết tư duy đều đã nắm vững. Hiện tượng được nêu ra có lí do cho cấu trúc đặc biệt của các cơ quan sinh dục ở con ong đực. Chúng ta nên chấp nhận sự giải thích này, bởi nó quá hiển nhiên. Nhưng nếu chúng ta lấy làm thỏa mãn chỉ với một sự giải thích này thôi; nếu ở đây chúng ta không thấy được điều gì, ngoài

cái hành động có tính sinh lí, nếu từ đây chúng ta rút ra kết luận rằng, bất kể một suy nghĩ nào, - do nó bay lượn cao hơn nhiều sự giải thích không thơ mộng về các hiện tượng, - cũng không phù hợp với chân lí, và rằng, chân lí luôn luôn nằm ở một sự kiện nào đó trong một thuộc tính của vật chất; nếu chúng ta không cố gắng tìm kiếm lời giải thích cho một hiện tượng trong những giả thuyết rộng hơn rất nhiều những giả thuyết, mà lời giải thích về mặt sinh lí cho các hiện tượng buộc phải đánh đổ chúng, trong sự bí ẩn khó hiểu, ví dụ như sự thụ tinh chéo, trong tính vĩnh cửu ở sự sống của một giống loài, trong ý đồ của tự nhiên; nếu chúng ta không làm được tất cả những điều này, không cố gắng rút ra từ những sự kiện được nghiên cứu những kết luận về vẻ đẹp vĩnh cửu và sự vĩ đại đang nằm yên trong cái bất khả tri, thì tôi hầu như đã sẵn sàng nhận về mình sự dũng cảm để khẳng định rằng, với tất cả những sự hiểu biết của chúng ta về mặt sinh lí, chúng ta sẽ cách xa chân lí hơn cả những người nhắm mắt lại mà đòi thấy cho được trong lễ hôn phối kì diệu của loài ong chỉ cái khía cạnh nên thơ của chúng mà thôi.

## IX

“Chúng ta vẫn chưa có được chân lí, - một nhà sinh lí học vĩ đại thời nay có lần đã nói với tôi khi đi dạo cùng tôi trên cánh đồng, - chúng ta vẫn chưa có được chân lí, nhưng chúng ta có ba cái tương tự như chân lí. Mỗi người có lựa chọn của mình hay, nói đúng hơn là, mỗi người tuân theo sự lựa chọn của mình. Sự lựa chọn, mà anh ta tuân theo hay vin vào một cách vô thức, và tự xác định hình thức và chiều hướng của tất cả những gì thâm nhập vào nhận thức của anh ta. Một người bạn đi ngược chiều lại với chúng ta, một người phụ nữ đang tiến lại gần chúng ta với nụ cười trên môi, thổ lộ tình yêu với con tim của chúng ta và khép lại nỗi buồn và chấm dứt cái chết của nó, bầu trời tháng Chín, một khu vườn xanh tươi và lỏng

lấy, mà ở đó chúng ta tìm thấy, như trong vở *Psyche* của Corneille, những chiếc nôi nhỏ màu xanh lá cây đang nằm yên trên các giá đỡ màu vàng, một đàn gia súc nằm phủ phục, một mục phu đang ngủ, những ngôi nhà thôn quê và mặt biển trải rộng sau những cánh rừng, - toàn bộ cảnh tượng này biến đổi, lớn lên hay thu nhỏ lại, được trang hoàng hay bị biến dạng đi trước khi được chúng ta tiếp nhận theo một tín hiệu rất nhỏ do sự lựa chọn của chúng ta phát ra. Ở đây chúng ta cần phải biết nhận định. Khi ở sườn dốc của cuộc đời, - một cuộc đời trôi đi trong những cuộc kiếm tìm các chân lí cục bộ và những nguyên do mang tính vật lí của các hiện tượng - giờ đây tôi mới bắt đầu coi trọng không phải sự cự tuyệt những nguyên do ấy, không hề, mà là một cái gì đó xảy ra trước chúng, và đặc biệt là cái có đôi chút ưu việt của chúng”.

Chúng tôi đã lên tới đỉnh của cao nguyên ở vùng Caux của xứ Normandie - một cao nguyên không chỉ xanh tươi như một công viên của nước Anh, mà còn tuyệt đẹp hơn về độ tự nhiên và mệnh mông vô tận của mình. Đây là một trong những chốn hiếm quý trên trái đất, nơi không gian bao la của miền quê với toàn bộ sự tươi sáng thanh khiết và lành mạnh của mình. Thêm một chút lên phía Bắc là miền đất bị sự bạc màu đe dọa, một chút về phía Nam thì bị mặt trời thiêu đốt và làm khô hạn. Ở vùng tận cùng xuôi xuống đến khu đồng bằng tới tận bờ biển những người nông dân đã đánh xong những đồng cỏ khô. “Anh hãy nhìn xem, - một ông lão nói với tôi, - từ đây nhìn chúng mới đẹp là sao. Những người nông dân đã dựng nên một thứ giản dị, nhưng quan trọng biết bao trên thế giới này, hơn tất cả những thứ khác nó có quyền được gọi tượng đài hạnh phúc và bất di bất dịch trong đời sống hằng sinh của con người. Đó là một đồng cỏ khô. Tiếng hò reo của những người nông dân trong bầu không khí về chiều từ xa vọng tới, nghe như những bài ca không lời, phụ họa theo bài ca cao thượng của vòm lá đang đung đưa trên đầu anh. Bầu trời lồng lộng huyền

điều biết bao, đến mức ta có thể nghĩ, dường như có những vị phúc thần cần những cảnh cọ đỏ một màu lửa vun toàn bộ ánh sáng vào trong đồng cỏ, để chiếu sáng được lâu hơn cho công việc của những con người cần lao. Và có cảm giác như dấu vết của những cảnh cọ này vẫn còn trên bầu trời cho đến tận bây giờ. Anh hãy nhìn sang một ngôi nhà thờ khiêm nhường nằm giữa những cây gia có hình mái vòm, trên thảm cỏ mềm mại của một khu nghĩa trang, ngôi nhà thờ vươn cao và như muốn bảo vệ cho những con người cần lao ấy. Họ đã dựng một cách hài hòa tượng đài cho cuộc sống của mình vươn cao trên những đài tưởng niệm những người đã qua đời của mình - những người cũng đã từng làm như thế với những người ruột thịt của mình đã không còn tồn tại trên đời. Anh cứ thử lấy một bức tranh tổng thể [của vùng đất này] mà xem: nó sẽ không có được những nét đặc trưng, mà chúng ta thấy ở Anh, Provence và Hà Lan. Bức tranh rất lớn, nhưng nó không có gì đặc sắc để làm biểu tượng cho một cuộc sống tự nhiên và hạnh phúc. Bạn hãy xem đời sống của một con người qua những chuyển động của nó chỉ nhằm hướng tới có ích lợi mà thôi đã trở nên có nhịp điệu thế nào. Bạn hãy nhìn một người nông dân đang dắt ngựa, cả thân hình của một người đang dùng cây đinh ba chuyển các bó cỏ khô, những người phụ nữ cặm cùi trên cánh đồng, đám trẻ đang chơi đùa... Để làm tăng lên vẻ đẹp của thiên nhiên, họ không chuyển dịch bất cứ viên đá nào, không một nhúm đất nào, không làm một hành động thừa, không trồng thừa một cái cây, không gieo thừa một bông hoa. Tất cả những gì chúng ta thấy là kết quả gián tiếp của một mục đích duy nhất: khát vọng của con người giành lại ở tự nhiên cuộc sống vụt qua như bóng câu. Tuy nhiên những ai trong chúng ta đặt ra chỉ một mục tiêu là tưởng tượng ra và vẽ nên một bức tranh về thế giới, về những suy nghĩ sâu sắc và vẻ đẹp của thiên nhiên, thì những người ấy sẽ không tìm được gì hoàn mỹ hơn quang cảnh đó. Và họ luôn luôn thể hiện nó mỗi khi muốn đem đến cho chúng ta

một biểu tượng về cái đẹp và hạnh phúc. Đó là cái tượng tự đầu tiên dành cho anh đấy — cái được một số người gọi là chân lí.

Chúng ta lại gần hơn nữa nhé! Anh có nghe thấy âm thanh của bài ca hòa điệu du dương đến thế với tiếng xào xạc của những tán lá trên các cây đại thụ kia không? Bản thân bài ca toàn là những câu những lời nói thô tục nhất. Mỗi một tràng cười phá lên ở nơi đây đều do sự bất nhã của một người đàn ông hay một người đàn bà hay bởi tiếng cười nhạo nhăm vào những kẻ yếu: một người gù kiệt sức bởi cái khối dị tật không thể chịu nổi của mình đè nặng trên lưng bị người ta đẩy ngã, hay một gã khờ luôn là mục tiêu cho sự chế nhạo. Tôi đã quan sát những con người này trong nhiều năm trời. Chúng tôi ở Normandie nơi đồng đất màu mỡ đến mức chẳng đòi hỏi nhiều công sức. Bên đồng cỏ khô đó tụ tập những người khá giả hơn những người nông dân khác, mà hình ảnh của họ đã khiến chúng ta liên tưởng đến một cảnh tượng tương tự. Kết quả là phần lớn những người đàn ông và đàn bà ở đây đều nghiện rượu. Một thứ chất độc khác, mà tôi chưa tìm được ở đây cái tên gọi thích hợp cho nó, còn tàn phá cơ thể họ nhiều hơn nữa. Những đứa trẻ, mà anh thấy đây, phải chịu ơn thứ chất độc ấy và tệ nghiện rượu về thể hình của mình. Đây một đứa còi cọc bé choắt, đây nữa một đứa bị tràng nhạc, đứa này thì chân què, đứa kia thì sứt môi, và kia nữa, cuối cùng là một đứa não úng thủy. Ở đây từ đàn ông đến đàn bà, từ người già đến người trẻ cùng có các thói tật xấu của nông dân. Họ dă man, giả dối, lừa lọc, tham lam, miệng lưỡi cay độc, hay ghen tị, có thiên hướng buôn gian bán lận, đôn thổi nhảm nhí và xu nịnh một cách thờ ơ trước những kẻ mạnh. Cảnh nghèo túng bần liên kết họ lại và buộc phải cần đến sự giúp đỡ lẫn nhau, nhưng cái mong ước ngấm ngầm ở tất cả mọi người thì chỉ có một: làm hại nhau mỗi khi có dịp, mà không kéo theo mình mỗi nguy hiểm. Bất hạnh của người láng giềng là niềm vui sướng duy nhất thật lòng của cả làng. Đau khổ xảy đến với một người trong số

họ, đó sẽ là đề tài ưa thích nhất trong một thời gian dài cho cuộc tán gẫu tám chuyện ở những người khác. Người nào cũng theo dõi từng bước chân của người khác và ganh ghét anh ta, bĩ bác anh ta và căm thù anh ta. Nếu như họ nghèo, thì họ chất chứa trong lòng một sự căm thù ghê gớm và ngấm ngấm với các ông chủ của mình vì sự tàn ác và keo kiệt; nhưng nếu họ, đến lượt mình, có được người hầu kẻ hạ cho mình, thì họ noi theo ngay tấm gương của các ông chủ của mình và còn vượt hơn những người đó về độ tàn ác và tham lam.

Tôi có thể nêu ra cho anh một hình ảnh chi tiết của sự thấp hèn, lừa đảo, bất công, bạo ngược - chúng ẩn trốn sau bức tranh nên thơ của cảnh lao động yên bình đó. Anh đừng hình dung đến nào là phong cảnh bầu trời huyền diệu này, nào là biển khơi này trải rộng sau ngôi nhà thờ và hòa nhập với một khung trời khác, xa xa, bao phủ lấy trái đất, như một tấm gương khổng lồ của nhận thức và sự thông tuệ - thậm chí anh đừng nghĩ là tất cả những phong cảnh ấy nâng cao và phát triển tâm nhìn của họ. Họ chẳng thèm để mắt đến tất cả những đi đâu đó đâu. Chẳng có gì khiến họ rung động, chẳng có gì chỉ đạo họ, ngoài ba hay bốn cảm xúc nhỏ mọn: đó là nỗi sợ trước cái đối, sức mạnh, lễ thói cổ hủ và luật pháp; lúc lâm chung thì nỗi khiếp sợ địa ngục xâm chiếm lấy con người họ. Để thấy được họ là những người như thế nào, phải xem xét riêng từng người một. Anh hãy nhìn cái gã khổng lồ có bộ mặt hiên lành và đang khéo léo ném những bó cỏ khô kia. Hè năm ngoái đồng bọn của gã trong một cuộc rệu say cãi lộn đã đánh gãy một cánh tay gã. Thương tích nguy hiểm và phức tạp, nhưng tôi đã chữa lành cho gã. Tôi đã phải vất vả với gã rõ lâu, cho đến khi gã có thể làm việc trở lại được. Ngày nào gã cũng đến nhà tôi. Rồi sau đó gã bắt đầu đi kể rằng, gã đã bắt gặp tôi đang ở trong vòng ôm của cô em gái của vợ tôi và rằng, bà mẹ tôi uống rượu như hũ chìm. Gã không phải là con người độc ác và muốn đi đầu ác cho tôi, trái lại, anh hãy nhìn xem, nụ cười mới chân

thật biết bao tỏa sáng trên khuôn mặt gã khi thấy tôi. Và anh hãy nhớ cho, không phải sự căm thù có tính giai cấp đã thúc đẩy gã có những lời độc địa đâu nhé: một người nông dân không thể căm ghét một người giàu có - anh ta vô cùng tôn thờ sự giàu có. Nhưng tôi nghĩ rằng, chuyện đó xảy ra là do, người nông dân ngây thơ của tôi không thể hiểu nổi, tại sao tôi lại vất vả với anh ta mà chẳng kiếm chút đỉnh lợi lộc cho bản thân. Anh ta ngờ rằng, trong chuyện này có một mục đích ngấm nào đó, và không muốn là vật hi sinh của tôi. Và không phải chỉ một mình anh ta hành động như thế đâu; mà trước cả anh ta, người nghèo lẫn kẻ giàu - kẻ giàu còn tĩ tệ hơn cơ. Trong đầu anh ta không thể có được ý nghĩ rằng, anh ta đang lừa dối, khi đem rêu rao những tin đồn giả dối này; anh ta đơn giản là tuân theo một cách mờ hồ một lẽ thói có chủ ý nào đó, nó đã sai khiến anh ta bằng một thứ luân thường. Anh ta một cách vô thức và dường như phục tùng một mệnh lệnh toàn năng, một thứ cảm xúc chung thù địch chống lại ý chí.

## X

“Chúng ta ngẫm xuống những bó cỏ khô này đi, - nhà sinh lí học nói tiếp, - và cùng xem xét thêm nữa nào. Chúng ta sẽ không cố ý gạt bỏ các sự việc, thậm chí là các sự việc nhỏ bé nhất đã đan dệt nên hiện thực. Cứ cho là tự chúng sẽ biến mất trong không gian đi. Chúng sẽ dựng lên một bức tường cao trước chúng ta và che lấp mọi thứ khỏi ánh mắt của chúng ta đi chẳng nữa; thế nhưng chúng ta biết rằng, đằng sau chúng có một sức mạnh khổng lồ và vô cùng kì thú đang duy trì cái tổng thể. Nhưng phải chăng nó chỉ duy trì, chứ không nâng tằm cho cái tổng thể đó? Những con người chúng ta đang quan sát ở đây hoàn toàn không phải là những con thú hoang, mà Labruyère nói đến: “Chúng có một ngôn ngữ rành mạch, chúng đang lẩn vào hang ổ của mình trong bóng đêm, ăn thứ bánh mì đen, rễ cây và uống nước...” Anh sẽ nói với tôi rằng, giống nòi này không mạnh mẽ

và dẻo dai như thế đâu, - tôi tin. Rượu và những hiểm họa khác tạo nên các trở ngại, mà con người phải vượt qua; có lẽ, đây là những sự thử thách, mà từ đó một số cơ quan của chúng ta, chẳng hạn như, hệ thần kinh của chúng ta, có thể rút ra được thứ gì đó bổ ích, bởi chúng ta thường thấy, nó đã rút ra được đi đâu bổ ích từ những tai họa mà cuộc đời đã vượt qua. Hơn nữa một phát kiến nhỏ nào đó cũng có thể vô hiệu được các tai họa này. Nhưng hoàn cảnh này không nên buộc chúng ta phải hạn chế tầm nhìn của mình. Những con người ấy khi đó cũng suy nghĩ và có cảm xúc, như những kẻ được Labruyère kể đến, đã không có khả năng làm việc đó”. “Nhưng khi ấy - tôi khẽ lắm lắm - tôi thích một con vật ngây thơ và có hình dạng hoàn toàn nguyên thủy hơn là một loại bán thú và đáng ghê tởm”. “Anh nói như thế là dựa trên sự tương tự thứ nhất với sự thật - sự thật của các nhà thơ thôi; nhưng chúng ta sẽ không trộn lẫn nó với sự tương tự chân lí, mà bây giờ chúng ta sẽ bàn đến. Những suy nghĩ và tình cảm ở những người nông dân của chúng ta có thể nhỏ nhen và thấp hèn, nhưng tất cả những gì nhỏ nhen và thấp hèn còn tốt hơn là chẳng có gì. Họ chỉ sử dụng những suy nghĩ có thể gây hại cho họ và trợ giúp cho cái bóng tối bủa vây họ, nhưng đây là đi đâu thường xuyên xảy ra trong tự nhiên. Những món quà tặng của tự nhiên trước hết là gây hại, chúng làm tệ hại đi cái mà chúng, rõ ràng, là muốn làm cho nó tốt đẹp hơn. Nhưng rốt cuộc từ toàn bộ cái ác hại đó ta vẫn nhận lại được một phần cái tốt lành. Vả lại, tôi hoàn toàn không cố gắng chứng minh cho việc t ần tại của sự tiến bộ - đi đâu này phụ thuộc vào quan điểm mà chúng ta sẽ dùng để xem xét nó, có thể nó hoặc là rất to lớn, hoặc là vô cùng nhỏ bé. Làm cho vị thế của con người bớt phụ thuộc đi, bớt gian khổ đi là một vấn đề rất lớn lao, có lẽ, đó là cứu cánh lí tưởng nhất của chúng ta, nhưng sau khi tạm rời xa trong thoáng chốc khỏi những hậu quả v ề mặt vật chất, - chúng vốn là kết quả của mức độ giác ngộ của con người, - chúng ta sẽ thấy rằng, khoảng cách giữa những người đi đâu

trong sự tiến bộ, và những người mù lòa lê bước theo sau, là hoàn toàn không đáng kể. Trong số những chàng trai, mà trong đầu họ hiện giờ chỉ vẫn vờ những ý nghĩ mộng lung, ta có thể gặp được những người mang trong mình khả năng qua một thời gian ngắn đạt tới mức độ nhận thức, mà tôi và anh đang có. Người ta thường kinh ngạc không mấy đáng kể trước khoảng cách phân biệt giữa cái bị gọi là sự dốt đặc của những con người đó với cái được gọi là mức độ cao nhất trong nhận thức của chúng ta”.

Thêm vào đó, nhận thức của chúng ta - thứ mà chúng ta tự hào về nó đến thế - được tạo nên từ cái gì? Từ một lượng tối đen nhiều hơn ánh sáng rất nhiều, từ sự dốt nát tự mình thu nhận được nhiều hơn tri thức rất nhiều, từ một khối lượng những sự vật, mà chúng ta phải từ bỏ việc tìm hiểu chúng, lớn hơn rất nhiều khối lượng những sự vật, mà chúng ta đã hiểu rõ. Thế nhưng trong nhận thức chứa đựng tất cả những phẩm chất của chúng ta, sự vĩ đại thực sự của chúng ta, và có lẽ, nó tạo nên một hiện tượng đáng kinh ngạc nhất trên thế giới này. Nó cho phép chúng ta tiếp cận một nguyên lí bí ẩn và nói với nó: “Ta chưa biết mi, nhưng có một cái gì đó trong ta đã bắt đầu hiểu mi. Mi, có thể, sẽ tiêu diệt ta, nhưng mi hóa ra còn tệ hơn cả ta, và sự im lặng theo sau cái chết của chủng tộc, mà ta thuộc về, sẽ chứng minh cho mi thấy rằng, mi đã bị kết án. Nếu một sự phán xét vô tư bàng quan đối với mi, thì bí mật của mi có giá trị gì? Chúng ta sẽ không cố thâm nhập vào nó, bởi nó điên rồ và ô nhục. Mi đã vô tình tạo ra một sinh vật, mà để tạo ra sinh vật đó một cách có ý thức thì mi không có những phẩm chất cần thiết. Hạnh phúc của nó mi cũng vô tình áp chế trước khi nó kịp hiểu ra toàn bộ chiều sâu trong sự vô thức của mi, và niềm hạnh phúc gấp đôi cũng chẳng chịu đựng nổi cả một sê-ri dài vô tận những thử nghiệm quái gở của mi. Sinh vật ấy chẳng có gì để làm ở cái thế giới, nơi trí tuệ vĩnh cửu không phù hợp với trí khôn của nó, nơi khát vọng vươn tới cái tuyệt vời không thể dẫn tới bất kể một hạnh phúc thực sự nào”.

Tôi xin nhắc lại thêm một lần nữa: không cần thiết trong sự tiến bộ phải có cảnh tượng giả đồ để quyến rũ chúng ta. Một điếu bí ẩn là đủ, bởi điếu bí ẩn này tự thân đã rất lớn và bằng một thứ ánh sáng cũng bí ẩn nó bừng sáng trong những người nông dân đó, cũng như trong bản thân chúng ta. Nó hiện ra ở khắp mọi nơi, khi ta vừa mới đi theo sự sống đến tận cái nguyên lí toàn năng của nó. Tên gọi của nguyên lí này bị chúng ta thay đổi từ thời kì này sang thời kì khác. Có những thời kì đặt cho nguyên lí của sự sống những cái tên chính xác và có tính an ủi, nhưng sau đó người ta thừa nhận sự chính xác nay và sự an ủi này là ảo tưởng. Nhưng dẫu người ta gọi tên nó là gì đi chăng nữa: Thượng Đế, Thiên mệnh, Tự nhiên, Cơ may, Sự sống, số phận - bí ẩn vẫn hoàn là bí ẩn, kinh nghiệm hàng ngàn năm đã dạy chúng ta chỉ nên cho nguyên lí của sự sống cái tên gọi linh hoạt hơn, gần gũi với chúng ta hơn, mềm dẻo hơn, phù hợp với những niềm hi vọng của chúng ta hơn và ít được nhiều hơn những bất ngờ.

## Phần VI

### Sự tàn sát các con đực

#### I

Nếu bầu trời còn trong sáng, và thời tiết còn ấm áp, nếu những bông hoa như trước đây vẫn đầy phấn và mật hoa, thì những con ong thợ sau sự thụ tinh của ong chúa, có vẻ như do sự bao dung hoặc do đăng trí, mà cũng có thể, đơn giản là do quá đổi lo xa, chúng vẫn còn chịu đựng thêm một thời gian sự tằn tĩu tại khó chịu và tốn kém của bầy ong đực. Những con ong đực xử sự ở trong tổ như những kẻ đi tìm đôi bàn tay của nàng Pénélope đã từng xử sự trong ngôi nhà của chàng Ulysse. Những gã tình nhân danh dự này là những kẻ hoang tàng và xác xược, có một lối sống ăn không ngửi rửi, lêu lổng, phè phỡn. Đám ong đực béo tốt no nê nằm ngổn ngang chắn hết các con đường, các lối đi lại, cản trở công việc của đàn ong. Chúng xô đẩy các con ong khác và bị các con ong khác xô đẩy. Đây là những sinh vật đáng kinh ngạc làm sao, khệnh khạng đầy một vẻ tỉnh bơ khinh bỉ với mọi chuyện, nhưng vì thế và vì công việc chúng cũng bị các con ong khác tỏ ý khinh thường ra mặt. Chúng không hề biết đến sự ác nghiệt dần tích tụ nhằm chống lại chúng của cái số phận đang chờ đợi chúng. Đêm đến chúng chọn cho mình những góc ấm áp nhất trong tổ của mình, và sau khi tỉnh giấc, chúng uể oải đi ăn tàn uống sạch những khoang tổ đầy mật rộng mở dành cho chúng, đồng thời chọn những tầng tổ thơm tho nhất và làm ô uế những tầng tổ ấy bằng các đồng phân của mình.

Những con ong lao công nhẩn nhẹn nghĩ đến tương lai, và hiện giờ lặng lẽ đi sau những con ong đực để dọn dẹp. Có thể nhìn thấy bầy ong đực ở ngưỡng cửa tổ vào một ngày nắng nóng tháng Bảy hoặc tháng Tám, giữa khoảng mười hai đến ba giờ, khi cả thiên nhiên đang đắm chìm trong niềm hạnh phúc ngọt ngào. Cái đầu của chúng chụp một cái mũ giáp sáng bóng, được làm bằng hai viên ngọc đen rất to; trên cái mũ phất phơ bày hai chiếc ngù lông dài; một chiếc áo ngắn màu hung đỏ mượt như nhung, một tấm mề đay “Bộ lông cừu vàng” và chiếc áo khoác trong suốt bổ sung cho bộ y phục. Chúng ồn ào và gây ra một sự hỗn loạn khủng khiếp, đẩy những chị ong canh gác ngã khỏi vị trí của mình, quăng quật các chị ong làm nhiệm vụ quạt thông gió, xô ngã các cô ong thợ trở về nhà và đang mệt mỏi vì mang vác nặng những món đồ khiêu vũ của mình. Bộ dạng của chúng đầy kiêu ngạo, lỗ lã, đáng ghét - cái bộ dạng của những người đang vội vã thực hiện một công việc thần thánh không thể hiểu nổi đối với những kẻ người trần mắt thịt thô lậu. Hết con này đến con khác, những nhân vật vô địch về sự tự mãn của mình, lần lượt bò ra khỏi tổ, thông dong đậu sát gần những bông hoa và đánh một giấc ngủ ngon lành, mãi đến khi hơi mát của buổi chiều tối khiến chúng tỉnh giấc. Khi ấy chúng, vẫn cái bộ dạng như ông hoàng, vẫn với cái vẻ có một chức vụ tối cao, trở về tổ; vào tổ rồi, chúng vội vàng đến ngay khu buồng kho, cắm ngập cái đầu của mình vào thùng mật, bụng phình ra đến mức trông chúng giống như những cái bình đựng mật, và sau khi đã lấy lại sức, chúng lại trở về với sự yên ả ngọt ngào - chúng vô tâm ở trong đó cho tới khi giờ ăn lại đến.

## II

Tuy nhiên sự kiên nhẫn của đàn ong còn nhanh hơn sự kiên nhẫn của con người rất nhiều. Vào một sáng đẹp trời cái mệnh lệnh được chờ đợi lâu lắm rồi được phát đi khắp tổ, và những con ong thợ hiền lành biến

thành những vị quan tòa và đao phủ đáng sợ. Ai đưa ra mệnh lệnh - chúng ta không biết được, nhưng nó xuất phát ra một cách bất ngờ do sự căm giận lạnh lùng và có tính toán của các con ong thợ; theo quy ền năng của sự đồng tâm nhất trí trong chính thể cộng hòa, mệnh lệnh phải được thực hiện ngay sau khi nó được ban hành. Một bộ phận dân cư ngừng việc thu gom mật, để dành ngày này cho việc xét xử. Đám ăn rồi nằm không mập ú treo thành chùm trên các vách tường mật của tổ, đang vô tư ngủ, nhưng cả một đạo quân các trinh nữ binh giận dữ sẵn sàng đánh thức chúng dậy. Những con ong đực ngờ nghệch, chẳng hề nghi ngờ gì tình giặc, không tin vào mắt mình; sự kinh ngạc của chúng khó khăn lắm mới chọc thủng được tính lười nhác của mình, như ánh trăng xuyên qua mặt nước của đầm lầy vậy. Chúng có cảm tưởng như mình đã trở thành vật hi sinh bởi một sự nh ần lẫn nào đó, ngờ ngác nhìn quanh, nhu c ầu chi phối toàn bộ cuộc sống của chúng, ăn sâu vào trong bộ óc đ ần độn của chúng thúc đẩy chúng đến các thùng mật để có được sự an ủi. Nhưng với chúng đã hết rồi những ngày tháng Năm ngọt ngào, đã qua rồi mùa hoa gia ngát thơm, chẳng còn nữa mùi hương không dứt của hoa xôn, hoa húng tây mọc lan, hoa cỏ ba lá và hoa kinh giới ô. Thay cho sự thoải mái bước vào các kho chứa thực phẩm mển khách, hững hờ mở rộng cửa cho chúng đến với ngu ần thức ăn dự trữ d ễ dàng và ngọt ngào, giờ đây chúng gặp phải cả một rừng ngòi nhọn hoắt có sẵn nọc độc. Bầu không khí hạnh phúc của ngôi nhà đã thay đổi với chúng. Thay cho hương mật thơm giờ đây lan tỏa mùi hăng hắc của một thứ chất độc nào đó, những giọt chất độc ấy lóng lánh ở đầu ngòi và chúng tỏ ở khắp mọi nơi tràn ngập lòng căm thù và sự báo thù trong thái độ đối với các con ong đực. Và trước khi đám ong đực kịp hiểu ra rằng, có một sự thay đổi lớn đang diễn ra trong cuộc sống xa xỉ của chúng, tất cả những luật lệ hạnh phúc với chúng trong ngôi nhà này đã bị xóa bỏ, lao vào mỗi một gã ăn bám đang run sợ có tới mấy nhân viên thi hành án; chúng ra sức

cắt cụt cánh của các con ong đực, cưa đứt cái chân nối giữa bụng và ngực, xén phăng những sợi râu đang run rẩy, giật đứt rời những cái cẳng chân và tìm cho ra cái khe nằm giữa các vòng áo giáp, để chọc vào đó mũi gươm của mình. Những con vật to lớn, không được vũ trang, không có ngòi và cũng không nghĩ đến sự chống cự; chúng cố lẩn tránh kẻ thù hoặc giơ cái lưng ra để chịu những đòn đánh túi bụi; Có những con bị ngã ngửa ra, chúng quật quào vụng về né tránh, theo đủ mọi hướng khác nhau, những kẻ thù nhấn tâm của mình - những con mụ này cứ bám riết áp sát chúng không rời, hoặc là chúng quay tròn, trong vòng quay điên dại kéo theo mình cả một đám đông kẻ thù, cho đến khi chúng hoàn toàn kiệt sức. Sau một thời gian rất ngắn bầy ong đực rơi vào một tình trạng thảm thương đến mức, giá thử con người ở vào vị trí của ong, thì lòng trắc ẩn luôn tồn tại một cách mật thiết bên cạnh sự công tâm trong trái tim của chúng ta đã lập tức cất tiếng về lòng khoan dung - nhưng trong con tim của toán ong thợ vô tình, chỉ công nhận mỗi cái luật lệ thâm sâu, khô cứng của thiên nhiên không có chỗ cho lòng trắc ẩn cũng như đức khoan dung. Đôi cánh của những kẻ bất hạnh đã bị xé tan, những cái chân của chúng đã bị rút lìa, những sợi râu đã bị cắt cụt, và những đôi mắt đen tuyệt đẹp của chúng, tấm gương cho những bông hoa lộng lẫy, in bóng bầu trời xanh thắm và niền tự hào trong sáng của mùa Hè, giờ đây bị che phủ bởi nỗi đau đớn và chỉ phản ánh niền đắng cay cùng sự tuyệt vọng của cái chết. Một số con chết ngay vì những vết thương của mình, và xác của chúng nhanh chóng bị hai- ba tên đao phủ đem ra bãi tha ma xa xôi; một số khác bị thương không nặng lắm, kịp chui rúc qua đám đông vào một góc nào đấy, nhưng khi ấy đội lính canh tàn nhẫn liền bao vây chúng ở đó, cho đến khi chúng chết đói. Có nhiều con kịp bò ra đến cửa và biến mất trong không trung, kéo theo mình những kẻ thù địch; nhưng đến chiều, mệt mỏi vì đói và lạnh, chúng quay trở lại và tụ tập ở cửa tổ, cầu xin một mái ấm; tuy nhiên cả đến

lần này chúng cũng vẫn gặp phải đội lính canh nhẩn tâm. Ngày hôm sau công việc đầu tiên là toán ong thợ dọn sạch khỏi ngưỡng cửa tổ những cái xác của đám to xác vô dụng, và kí ức về cái bộ tộc ăn không ngừng rỗi biến mất khỏi tổ cho đến mùa Xuân năm sau.

### III

Có nhiều khi việc sát hại diễn ra vào cùng một ngày trong nhiều tổ của một trại ong. Những tổ ong giàu có nhất và được tổ chức tốt nhất phát đi tín hiệu cho cuộc tàn sát. Vài ngày sau những cộng hòa ong quốc kém thịnh vượng hơn theo gương chúng. Chỉ có những tổ nghèo nhất và dân ong ốm yếu, nơi con ong chúa quá già và gần như vô sinh rỗi, mới giữ lại các con ong đực với hi vọng nhờ chúng việc thụ tinh sẽ còn sinh ra được một con ong chúa mới mạnh khỏe trước khi mùa Đông tới. Điều này nhất định sẽ có một kết cục thảm họa. Cả bộ tộc - ong chúa, bầy ong đực cùng đám ong thợ khi đó tạo thành một khối đông đặc đối ăn bám dính vào nhau, cùng chết trong bóng tối của tổ còn trước cả khi bông tuyết đầu tiên rơi.

Sau cuộc tàn sát những con ong đực, trong các tổ sung túc hơn và đông dân ong hơn công việc lại bắt đầu, tuy nhiên sự hăng say trước kia dần suy giảm, bởi mật hoa ngày càng trở nên ít đi và ít hơn nữa. Thời của những cuộc lễ hội hoành tráng tung bừng và những bi kịch đẫm máu đã qua đi. Một tổ ong tuyệt vời của những ngày tháng Bảy nắng nóng - đó là một xã hội gồm vô số những tâm hồn sôi nổi, một quái vật hào hiệp luôn luôn tràn đầy sinh lực và được nuôi dưỡng chỉ bằng hoa và sương - dần thiếp ngủ, và hơi thở ấm nồng của nó tỏa ra một mùi hương dịu dàng đang chậm dần và ngưng bật. Tuy nhiên vẫn như trước đây việc thu gom mật của mùa Thu vẫn tiếp tục để làm đầy nguồn dự trữ, được đưa vào các buồng kho; các thùng chứa sau cùng sau đó được niêm phong một cách hoàn hảo bằng một con dấu sáp trắng. Công việc xây dựng chấm dứt; số sinh nở giảm xuống,

số chết tăng lên; đêm dài ra; ngày ngắn lại. Những trận mưa và những cơn gió lạnh giá, những màn sương mù buổi sáng và âm mưu thâm độc của bóng tối ập tới rất nhanh giết chết hàng trăm và hàng trăm con ong thợ. Toàn bộ số dân cư nhỏ bé của tổ ong, mà đối với nó mặt trời cũng cần thiết, như những con châu chấu của Attika, bắt đầu cảm thấy sự xâm lấn hung bạo của mùa Đông giá rét.

Con người còn chưa kịp lấy trước phần thu hoạch của mình. Mỗi một tổ ong tốt cho anh ta từ tám mươi đến một trăm lít mật; có những tổ ong ngoại lệ đôi khi cho đến gần hai trăm lít: chúng tựa như một không gian rộng lớn của thế giới, mà ở trong đó toàn là những cánh đồng hoa bao la được đàn ong ghé thăm cả ngàn lần trong một ngày. Còn bây giờ con người đành nhìn một lần cuối những trại ong im lìm. Ở những tổ ong giàu có hơn anh ta lấy đi những kho báu mà chúng không cần đến, đồng thời phân phát một cách bất công cho các công nhân của chúng một niềm hạnh phúc giả tạo. Để giữ ấm cho ngôi nhà của đàn ong con người đóng kín, khép hờ các cánh cửa, bỏ đi những bộ khung thừa và cho chúng một giấc ngủ Đông dài. Chúng tập trung lại thành một đồng ở giữa tổ, co cụm lại và bám dính vào các tầng tổ, mà từ đó vào mùa Đông lạnh giá cái thực thể được hiện thực hóa của mùa Hè sẽ thâm thấu vào. Con ong chúa nằm ở giữa được đội cận vệ của mình vây quanh.

Hàng thứ nhất của những con ong thợ bám dính vào những lỗ tổ đã được niêm phong, hàng thứ hai được bố trí nằm trên chúng, đến lượt mình, được hàng thứ ba phủ kín lên, và cứ thế cho đến hàng cuối cùng tạo thành một lớp che riêng cho mình. Khi cái lạnh len lỏi đến những con ong của hàng trên cùng, chúng lách mình vào đám đông, và những con khác lần lượt thế chỗ của chúng. Chùm ong treo trong khoảng không trông giống như một quả cầu màu hung đỏ ấm áp, được các bức tường mật bao quanh. Quả cầu này, tùy theo mức độ trống không của những khoang tổ bên cạnh,

khi thì nâng lên, khi thì hạ xuống, lúc thì tiến lại gần, lúc thì lùi ra xa khỏi chúng theo một cách thức kín đáo; trái với điểu người ta thường nghĩ, cuộc sống về mùa Đông của loài ong không dừng lại, mà chỉ chậm lại<sup>13</sup>. Bằng cách vỗ cánh nhịp nhàng của các chị em nhà ong bé nhỏ đã trải qua cái nóng nực của mùa Hè, khi thì gấp gáp, khi thì chậm rãi, phù hợp với sự thay đổi của thời tiết ở bên ngoài, ở đây nhiệt độ trung bình vào ban ngày của mùa Xuân được duy trì. Mùa Xuân huyền bí ấy lúc này bày tỏ tình cảm của mình bằng dòng mật tuyệt diệu - nó chính là tia nắng ấm hình thành trước đây đang quay trở lại với hình dạng ban đầu của mình. Nó luân chuyển tuần hoàn ở đây giống như dòng máu tốt lành. Những con ong bám vào các lỗ tổ đầy mật ngọt truyền nó cho những cô bạn hàng xóm của mình, và những cô bạn ấy, đến lượt mình, truyền nó đi xa hơn. Cứ như thế nó dịch chuyển mỗi lúc một xa hơn và xa hơn nữa, cho đến khi tới được phần ngoài cùng của đám ong. Một ý nghĩ duy nhất và một số phận duy nhất ở đây đã gắn kết cả ngàn con tim vào một tổng thể không thể tách rời. Tia mật thay thế cho mặt trời và những bông hoa cho đến thời điểm, người anh trai của nó được mặt trời đích thực của mùa Xuân đang tới gửi đến dội những ánh mắt ấm áp đầu tiên của mình vào bên trong tổ ong và cho đến khi những cây hoa tím và hoa sen gió bắt đầu đánh thức các con ong thợ; các bông hoa sẽ báo cho chúng rằng, màu xanh đã chiếm lại vị trí xứng đáng với nó trên thế giới và rằng, vòng quay bất tuyệt gắn kết sự sống với sự chết, một lần nữa đã tự xoay quanh chính mình và lại hồi sinh.

## Phần VII

### Sự tiến hóa của giống loài

#### I

**C**úng ta đã tạm biệt với tổ ong đờ đẫn trong cảnh tượng im lìm của mùa Đông, nhưng trước khi giã từ cuốn sách, tôi muốn bác bỏ một sự phản đối được không ít người, mà trước mắt họ cấu trúc nhà nước kì lạ và kĩ nghệ của loài ong đã được trình bày rõ ràng. “Vâng - họ thần lâm lâm - mọi hiện tượng ấy thật kì lạ, nhưng chúng bất động một cách đáng sợ. Đã suốt hàng ngàn năm rồi đấy, kể từ khi loài ong sống và được chỉ dẫn bằng những quy luật tuyệt vời, song bất chấp nhiều thế kỉ đã trôi qua, các quy luật ấy thấy vẫn thế. Trong suốt hàng ngàn năm loài ong xây các tầng tổ đáng ngạc nhiên của mình, mà chẳng có gì được bổ sung hay lược bỏ và sự hoàn hảo của khoa học ở nhà hóa học, hình học, kiến trúc sư và công trình sư hội tụ ở trong đó vẫn chỉ đến vậy mà thôi, và lại những cái tầng tổ ấy hoàn toàn giống như những hình vẽ trên các phiến đá và giấy cỏi của người Ai Cập được tìm thấy trong những chiếc quan quách bằng đá ấy mà. Hãy chỉ cho chúng tôi thấy dấu chỉ một sự thật chứng minh cho một sự tiến bộ nhỏ nhất trong đời sống của loài ong: hãy giới thiệu với chúng tôi dấu chỉ một điều mới mẻ hay dẫn ra một ví dụ về một sự thay đổi vô cùng nhỏ do chúng thực hiện trong cái tập tính thủ cựu bao đời nay của chúng - khi đó chúng tôi sẽ đồng ý và chấp nhận loài ong không chỉ có trí tuệ tuyệt vời, mà còn là một trí tuệ, hoàn toàn có sở cứ để nói, tiến gần tới

trí tuệ của con người; khi ấy chúng tôi sẽ hi vọng rằng, cái đang chờ đợi chúng là một số phận vượt trội hơn rất nhiều cái số phận đã được tiên định của thứ vật chất vô thức và lệ thuộc”. Không chỉ những người phạm tục mới suy nghĩ như thế đâu; có những nhà côn trùng học danh giá, như Kirby và Spence, cũng sử dụng cái phương pháp suy lí đó để phủ nhận bất kể một trí lực nào ở loài ong; họ thừa nhận là chúng chỉ có cái đặc tính bị giam hãm vào những khuôn khổ hạn hẹp của lí trí, tuy có đáng ngạc nhiên đấy, nhưng dấu sao vẫn cứ bất động. “Nếu các vị cho chúng tôi thấy dù chỉ một trường hợp thôi, do áp lực của hoàn cảnh loài ong nảy ra trong đầu ý nghĩ thay thế, chẳng hạn như, sáp và keo ong bằng đất sét hay vôi, thì khi đó chúng tôi sẽ nhất trí rằng, chúng có khả năng tư duy”.

Phương pháp suy lí này được Romanes gọi là “câu hỏi khất ờ” (*«the question begging argument»*) và còn có thể gọi là “lí lẽ bất thỏa” - nó rất nguy hại và được áp dụng cho con người - có thể dẫn chúng ta đi quá xa. Khi nghiên cứu nó đến nơi đến chốn, chúng ta sẽ thấy rằng, nó xuất phát từ cái “mục đích thuần lí lành mạnh” thường dẫn tới tai họa lớn, và bằng cách dựa vào nó người ta đã phản bác Galilée: ” Trái đất không quay, bởi chúng ta thấy mặt trời chuyển động trên bầu trời, nó mọc lên mỗi sáng và chiều chiều lại lặn khuất; chẳng có gì có thể đáng tin hơn cái đi đầu hiển hiện mười mười”. Mục đích lành mạnh trong sâu tận trí óc của chúng ta hẳn nhiên là đi đầu cần thiết, nhưng chỉ một khi có sự cảnh giác cao độ chỉ đạo nó và nhắc nhở nó đúng lúc về sự không hoàn hảo; nếu thiếu đi cái đi đầu kiện đó, mục đích lành mạnh chỉ là thói thủ cựu của những mặt yếu kém trong trí óc của chúng ta. Tuy nhiên chính loài ong đã đưa ra câu trả lời cho sự phản bác của Kirby và Spence. Sự phản bác này chỉ vừa mới hình thành, thì Andrew Knight, một nhà tự nhiên học khác đã làm mattit từ sáp và nhựa thông để quét cho những cây bị bệnh - ông nhận thấy rằng, đàn ong đã ngừng hẳn việc thu thập keo ong và bắt đầu sử dụng thứ chất chúng

hoàn toàn không hề biết; khi nhận thấy thứ chất ấy có rất nhiều ở gần ngôi nhà của chúng, đàn ong đã thử, và sau khi đánh giá tính năng của nó, đã sử dụng nó. Ngoài ra, một nửa nghệ thuật và khoa học của việc nuôi ong là làm sao cung cấp thức ăn cho tinh thần sáng tạo của nó và phát hiện ra khả năng thực hiện những phát minh và sáng chế tương đương với trí lực của nó. Ví dụ như, khi những bông hoa có quá ít phấn, thì để giúp đỡ cho việc nuôi dưỡng ấu trùng và nhộng trùn - chúng ngốn một lượng vô cùng lớn phấn hoa - người nuôi ong rải bột ở gần tổ ong. Và chính trong trạng thái nguyên thủy của mình, trong những cánh rừng bạt ngàn thân thuộc của mình hay trên những thung lũng của châu Á, nơi, hoàn toàn có thể, lần đầu tiên chúng chào đời, vào kỉ Đệ tam của trái đất của chúng ta, loài ong còn chưa được thấy thứ chất này. Thế nhưng, nếu có thể “nuôi được” một vài con ong, sau khi buộc chúng đậu xuống lớp bột được rắc ra, thì chúng bắt đầu dò dẫm và thử; khi đã tin chắc rằng tính chất của bột gần giống với tính chất của phấn hoa, chúng trở về tổ và thông báo về phát hiện của mình. Cả bầy ong thu phấn liền nhanh chóng bay tới nguồn thức ăn dự trữ bất ngờ và không thể hiểu nổi, mà trong hũ ức được di truyền của chúng, nó chắc chắn phải là thứ gắn liền với đài hoa trong suốt bao đời nay đã thiết đãi các vị khách của mình bữa ăn thịnh soạn và sang trọng.

## II

Chưa qua 100 năm kể từ khi các công trình của Huber mở đầu cho hoạt động nghiên cứu nghiêm túc đời sống của loài ong và phát hiện ra những sự thật quan trọng đầu tiên đem lại khả năng thành công trong việc nghiên cứu những sinh vật này, và qua năm mươi năm có lẽ thôi kể từ khi, nhờ việc sáng chế ra những bộ khung di động của Dzierzon và Langstroth, mà nghề nuôi ong trong thực tế và có tính hợp lí mới trở thành một việc có thể, tổ ong không còn là một tòa tháp không thể thâm nhập, nơi mọi đi đầu

diễn ra ở đó còn là đi đầu bí ẩn với chúng ta và là nơi chúng ta có thể thâm nhập chỉ sau khi cái chết để lại dấu tích cho nó. Cuối cùng, chưa đầy năm mươi năm từ khi việc hoàn thiện kính hiển vi và phòng thí nghiệm của nhà côn trùng học đã đem lại khả năng khám phá ra cấu trúc của các cơ quan của ong thợ, ong chúa và ong đực, mà cho đến lúc đó vẫn còn là đi đầu bí ẩn với tất cả mọi người. Sau sự kiện này, sự hiểu biết của chúng ta cũng như kinh nghiệm của chúng ta vẫn không hề thỏa mãn, thì đó có là một đi đầu đáng ngạc nhiên hay không? Sự sống của loài ong tính đến hàng ngàn năm rồi, trong khi đó những nghiên cứu của chúng ta về chúng chưa được quá năm mươi-sáu mươi năm. Ngay cả khi chúng ta chứng minh được rằng, trong tổ ong không hề có một sự thay đổi nào kể từ khi chúng ta đi sâu tìm hiểu nó, thì dù sao đi nữa liệu chúng ta có thể hoàn toàn có cơ sở rút ra kết luận rằng, trước đó trong tổ ong cũng chẳng có một sự thay đổi gì hay không? Phải chăng chúng ta không biết rằng, trong sự tiến hóa của một loài, một thế kỉ có ý nghĩa vô cùng nhỏ, như một giọt mưa trong một dòng sông, và với sự sống của một thứ vật chất vạn năng hàng ngàn năm vụt trôi nhanh, như vài năm với lịch sử của một dân tộc.

### III

Tuy nhiên không có căn cứ gì để phỏng đoán rằng, chẳng hề có gì thay đổi trong tập tính và lối sống của loài ong; trái lại, nếu xem xét chúng một cách không có định kiến và không ra khỏi phạm vi hẹp đã được thí nghiệm của chúng ta làm sáng tỏ, chúng ta sẽ thấy rất nhiều sự thay đổi rõ rệt. Còn biết bao nhiêu những thay đổi như thế đã vượt khỏi tầm nhìn của chúng ta! Nếu như có một sinh vật cao hơn chúng ta gần một trăm năm mươi lần và nặng hơn chúng ta bảy ngàn lần (đây là sự tương quan giữa chiều cao và cân nặng của chúng ta với chiều cao và cân nặng của một con ong mật) không hiểu ngôn ngữ của chúng ta và được ban những cảm xúc hoàn toàn

khác biệt với các cảm xúc của chúng ta, có ý định tiến hành quan sát chúng ta, thì có lẽ, nó sẽ tạo ra cho mình những quan niệm về rất nhiều sự thay đổi thú vị mang tính vật chất có chỗ đứng trong hai phần ba thế kỉ gần đây của chúng ta, nhưng chẳng thể nào hiểu rõ được sự tiến hóa về luân lí, xã hội, tôn giáo, chính trị và kinh tế của chúng ta. Có một giả thiết khả dĩ nhất trong số tất cả các giả thiết có tính khoa học khiến chúng ta có thể đặt con ong nhà của chúng ta vào mối liên hệ với họ *Apis* rất lớn, mà hoàn toàn có thể, tổ tiên của ong nhà có nguồn gốc từ đó và họ ong này bao gồm tất cả các loài ong hoang dã.<sup>14</sup>

Vậy là chúng ta sẽ làm quen với những thay đổi về sinh lí, xã hội, kinh tế, kĩ nghệ và kiến trúc ở mức độ lớn hơn hơn cả sự tiến hóa của loài người; nhưng chúng ta tạm thời sẽ chỉ giữ lại con ong nhà của chúng ta trong ý nghĩa chặt chẽ về từ ngữ. Trong số chúng người ta tính có tới mười sáu loài khá rõ nét về hình dáng. Thực chất là, chúng ta có nói đến ong Ấn Độ (*Apis Dorsata*), loài to nhất trong tất cả các loài ong mà chúng ta biết, hay về *Apis Florea*, nhỏ nhất trong số chúng, thì đây luôn luôn là cùng một loài côn trùng, nhưng chịu những sự thay đổi nhiều hay ít, tùy thuộc vào khí hậu và hoàn cảnh mà chúng sống ở trong đó. Tất cả các loài ong này khác biệt nhau không hơn gì một người Anh khác với một người Tây Ban Nha hay một người Nhật Bản - với một người châu Âu. Khi giới hạn bằng những nhận xét sơ bộ này, chúng ta sẽ chỉ nói về những gì chúng ta có thể nhìn thấy trong lúc này bằng con mắt riêng của mình, không có sự trợ giúp của bất kể một giả thiết nào dù xác đáng đến đâu và giống như thật đến đâu. Chúng ta sẽ không dừng lại ở tất cả các sự việc có thể dẫn tới việc khẳng định suy nghĩ của chúng ta. Trong tất cả các sự việc này chúng ta chỉ tính vắn tắt những sự việc đặc sắc nhất.

#### IV

Trước hết chúng ta sẽ chỉ ra sự thay đổi quan trọng nhất và cơ bản nhất, mà có lẽ con người phải cần đến những nỗ lực tốt cùng - đó là việc bảo vệ phần ngoài của một cộng đồng. Loài ong không sống như chúng ta trong các thành phố nằm lộ thiên và chịu mọi sự thất thường của thời tiết. Các thành phố của ong được bảo vệ từ mọi phía bằng một lớp bao phủ kín mít. Tuy nhiên ở trạng thái tự nhiên, dưới bầu trời của nơi nguyên sản xa xôi của chúng lại hoàn toàn khác; vì thế, nếu như loài ong chỉ nghe theo bản năng của mình, thì bây giờ chúng có lẽ đã xây lộ thiên các tầng tổ của mình. Ở Ấn Độ *Apis Dorsata* không tìm những cây có bông rỗng và hang động trên các vách đá cho tổ của mình; đàn ong trú ngụ trong cái khe nằm giữa các cành cây; tầng tổ dài ra; ong chúa đẻ trứng, nguồn dự trữ thức ăn tăng lên - tất cả những điều này diễn ra không có một trở ngại nào, không có một sự bảo vệ nào khác, ngoài chính những con ong. Có nhiều trường hợp, khi con ong phương Bắc của chúng ta bị mùa Hè ấm áp đánh lừa và được chỉ đạo chỉ bằng bản năng, cũng bắt đầu xây các tầng tổ của mình giữa khoảng không trống trải dưới bóng của một bụi cây nào đấy.<sup>15</sup> Đây, rõ ràng, là một thói quen bẩm sinh, việc sống giữa khoảng không trống trải kéo theo mình những hậu quả chết người với loài ong ở Ấn Độ.

Bao nhiêu sức lực mất đi chỉ để duy trì nhiệt độ cần thiết xung quanh đàn ong đang bận bịu với những công trình bằng sáp và ấp nở thế hệ mai sau; kết quả là *Apis Dorsata* chẳng bao giờ xây thành công nhiều hơn một tầng tổ, trong khi đó một sự bảo vệ nhỏ nhất cũng đem lại cho nó khả năng xây được ba-bốn tầng tổ và nhiều hơn nữa, và nhờ thế số dân ong của một đàn, cũng như sự phồn thịnh của nó tăng lên. Và thực tế là, chúng ta đã thấy rằng, hiện nay tất cả các loài ong - của những miền đới lạnh, cũng như ôn hòa - chúng đã hầu như bỏ hẳn thói quen này. Rõ ràng là, quy luật chọn lọc tự nhiên đã tán thành tính sáng tạo có chủ ý của loài ong: chỉ những tổ ong nào mạnh mẽ và tiện nghi nhất mới được bảo vệ khỏi mùa

Đông khắc nghiệt; đi đầu trước đây còn là hiện tượng đi ngược lại bản năng đã dần dần trở thành tập tính bản năng. Khi từ bỏ ánh nắng rực rỡ và ấm áp, vì sự tối tăm của bông cây và hang hốc, loài ong, đã hoàn toàn đi theo những lời khuyên bảo của suy nghĩ có tính lí trí, dựa trên những quan sát, kinh nghiệm và lí lẽ. Tóm lại chúng ta có thể nói rằng, việc loài ong sử dụng những chỗ sống ở nơi kín đáo đối với chúng không hề kém quan trọng hơn việc phát minh ra lửa đối với con người.

## V

Ngoài phát minh quan trọng này - một phát minh, tuy cổ xưa và có tính di truyền, nhưng vẫn không kém đi tính sống còn cho đến tận ngày nay - chúng ta còn thấy hàng loạt phát minh kém quan trọng hơn, vô cùng đa dạng chỉ ra rằng, nền kinh tế và thậm chí cấu trúc chính trị của tổ ong không phải là hằng thường, bất biến. Chúng ta vừa nói về sự sáng dạ của loài ong khi chúng thay phấn hoa bằng bột và keo ong bằng xi măng nhân tạo. Chúng ta cũng thấy với một tài nghệ đến như thế chúng mới thu xếp theo sở thích của mình một chỗ ở ngẫu nhiên, đôi khi hoàn toàn không phù hợp với các nhu cầu của chúng, nơi mà hoàn cảnh dằn ép chúng vào đó, và với một sự khéo léo và lạnh lùng đáng kinh ngạc trong việc chúng sử dụng những mẫu vụn của các tầng tổ bằng sáp nhân tạo. Việc những con ong sử dụng thành công sáng chế của con người này, tuy còn chưa được hoàn toàn hoàn hảo, nhưng thật sự vẫn là một điều kì diệu. Chúng dường như mới nửa lời đã hiểu ngay con người. Bạn hãy thử tưởng tượng, rằng từ thuở hồng hoang chúng ta đã có thể xây các thành phố của mình không phải bằng đá, vôi, gạch, mà từ một chất liệu nằm ngay trong chính bản thân chúng ta và đặc biệt khó khăn mới tiết được nó ra, bằng các cơ quan được dành sẵn cho việc này. Bạn cứ thử tưởng tượng rằng, vào một ngày có một người khổng lồ xa lạ đem chuyển chúng ta vào một thành phố kì lạ nào đó.

Chúng ta nhận thấy rằng, chất liệu để xây dựng thành phố chính là thứ chất do chính chúng ta tiết ra từ cơ thể mình, nhưng mọi thứ còn lại hiện ra với chúng ta hoàn toàn là một sự hỗn loạn, mà ở trong đó ngay chính logic trở thành cái phi logic, và dường như là thiên càn và sai lệch. Chúng ta có lẽ sẽ vô cùng bối rối trong một hoàn cảnh như thế. Một thành phố được xây theo quy hoạch của chúng ta; chúng ta thấy ở đó mọi thứ quen thuộc, nhưng trong một tình trạng bị co kéo và dãn nén bởi một sức mạnh vô thủy vô chung nào đó đã chặn đứng sự phát triển và cản trở sự tiến bộ của thành phố. Các ngôi nhà cần phải có độ cao năm-sáu mét, lại chỉ mọc thấp lè tè, không quá hai sải tay. Hàng ngàn bức tường được đánh những dấu hiệu nhất loạt chỉ thị chu vi và chất liệu để xây nên chúng. Song vẫn còn cần phải chỉnh sửa những điểm sai lệch nghiêm trọng, san lấp những hố sâu, đưa mọi thứ vào trong một sự kết hợp hài hòa và gia cố những điểm không chắc chắn. Một công việc không ngờ tới, khó khăn và nguy hiểm. Việc khởi công được ấn định là do một trí tuệ tối cao có thể thấy trước phần lớn những mong muốn của chúng ta, nhưng chính vì tính giản đơn của mình, nên chỉ tạo ra mọi thứ ở dạng thô sơ. Lúc này câu chuyện là làm thế nào hiểu rõ được tất cả những gì được trao cho chúng ta, rút ra được ích lợi từ những dự định kém cỏi nhất của vị ân nhân siêu nhiên và xây dựng trong một vài ngày thôi một công trình, mà thông thường phải mất hàng năm trời, từ bỏ những thói quen cố hữu của mình và đảo ngược toàn bộ hệ thống làm việc. Tất nhiên, con người hơi sức đâu mà phải bận tâm để giải quyết những vấn đề được đưa ra và cũng chẳng mất gì bởi sự can thiệp tương tự như thế của vị thần mầu nhiệm vào đời sống của anh ta. Hình ảnh này gần giống với điều đang diễn ra trong tổ ong của thời nay.<sup>16</sup>

## VI

Như tôi đã nói, cấu trúc chính trị của tổ ong, rất có thể, cũng chịu sự

thay đổi, tuy vấn đề này còn chưa được làm rõ nhất, bởi vô cùng khó kiểm tra đi đâu này. Tôi sẽ không dừng lại ở những sắc thái đa dạng trong sự đổi xử của chúng với những con ong chúa, ở quy luật chia tách đàn, mà ở mỗi một đàn lại khác nhau, và rõ ràng là được truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác v.v. Nhưng cùng với những vấn đề chưa được hoàn toàn sáng tỏ này, vẫn có những vấn đề khác, chính xác, được xác nhận và thường trực. Chúng chứng tỏ rằng, không phải tất cả các loài ong nhà đã đạt tới mức độ như nhau trong sự phát triển về chính trị; ở một vài loài trong số đó trí tuệ có tính xã hội được phát triển, nếu có thể nói như vậy, nhờ sự dò dẫm và như thế tìm kiếm một giải pháp mới cho vấn đề chính trị. Như ong Syria chẳng hạn, thông thường ấp nở ra gần 120 con ong chúa, và thường xuyên còn nhiều hơn thế, trong khi đó *Apis Mellifica* của chúng ta ấp nở ra không quá mười-mười hai con. Cheshire đã kể về một tổ ong, hơn nữa, hoàn toàn không phải là một tổ ong cá biệt, trong đó có hai mươi một con ong chúa bị giết và chín mươi con sống tự do. Dẫn chứng này được xem như một ví dụ cho sự tiến hóa lạ thường về mặt xã hội, thật thú vị giá như được nghiên cứu sâu hơn về nó. Chúng ta bổ sung thêm rằng, giống ong đảo Síp rất gần với ong Syria trong việc ấp nở những con ong chúa. Liệu đây có phải là sự trở lại, dù rất xa xưa rồi, của việc cai trị từ hình thức quân chủ sang hình thức tập đoàn thống trị, hay từ hình thức đơn giản sang hình thức mẫu quyền phức tạp? Những họ hàng gần gũi của ong Ai Cập và ong Ý, ong Syria và ong Síp, rất có thể, là những giống ong đầu tiên trong số các giống ong được con người nuôi tại nhà.

Cuối cùng, còn có một nghiên cứu nữa chứng minh hết sức rõ ràng cho chúng ta rằng, lối sống của ong và cơ chế phòng xa của tổ ong không phải chỉ là hệ quả của mỗi cái xung năng bẩm sinh, hoạt động một cách máy móc muôn đời và ở khắp mọi nơi; cái trí tuệ chỉ huy nên cộng hòa bé nhỏ biết chú trọng đến những trở ngại mới đón đợi nó trên đường đời, tuân

theo chúng hay bắt chúng tuân phục mình, đúng như nó đã biết đấu tranh với những trở ngại cũ. Con ong đen nhỏ bé của chúng ta được đưa sang Australia hay California sẽ hoàn toàn thay đổi các thói quen của mình. Sau hai-ba năm sống ở những miền đất này, khi biết chắc rằng, ở đó mùa Hè không bao giờ chấm dứt, những bông hoa không bao giờ từ chối niềm nở thiết đãi chúng, đàn ong chỉ sống với hiện tại và giới hạn việc thu gom mật và phấn hoa đến một lượng cần thiết để dùng trong ngày. Ở đây cái kinh nghiệm mới, dựa vào trí khôn đã chiến thắng những tập tính di truyền, và đàn ong đã không còn dự trữ cho mùa Đông nữa.<sup>17</sup> Tính tích cực của ong trong trường hợp này có thể duy trì được bằng cách dần lấy đi nhưng thành quả lao động của chúng.

## VII

Những hiện tượng như thế chúng ta có thể tự mình quan sát được. Cần đề nghị rằng, một số hiện tượng trong số đó bằng tính chính xác và độ hiển nhiên của mình có thể lay chuyển ý kiến của những ai cho rằng, ngoại trừ trí tuệ của nhân loại ở thời hiện tại và tương lai của mình, bất kể một trí tuệ nào khác đều bất động và không phát triển. Nhưng nếu chấp nhận tính đúng đắn ở giả thiết của biến hóa luận trong một phút thôi, tầm nhìn của chúng ta sẽ được mở rộng, và ánh sáng cao cả, dầu còn có vấn đề, sẽ soi rọi xuống số phận riêng của chúng ta. Với một người nghiên cứu chuyên chú thật khó có thể không nhận thấy sự hiện hữu của ý chí trong tự nhiên đang cố gắng nâng tầm một phần nào đó của vật chất tới trạng thái tinh tế hơn, và có thể, là trạng thái tuyệt vời nhất, từng chút một nuôi dưỡng vật chất này bằng một thực thể huyền bí, ban đầu được gọi là sự sống, sau đó được gọi là bản năng, và muộn hơn nữa thì được gọi là trí tuệ. Vì một mục đích nào đó chúng ta không rõ, ý chí này sẽ cố gắng kiến tạo toàn sự sống, tổ chức nó, giảm nhẹ gánh nặng tồn tại cho toàn bộ giới hữu sinh. Chúng ta

không thể hoàn toàn tin tưởng để khẳng định điều này; tuy nhiên có vô vàn sự kiện buộc chúng ta phải cho rằng, nếu như có một khả năng nào đấy bắt chúng ta phải tính toán số lượng vật chất biến hóa như thế ngay từ khi khởi nguồn sự sống trên trái đất này, thì chúng ta sẽ thấy rằng, số lượng này không ngừng tăng lên.

Tôi xin nhắc lại: cái suy nghĩ được đã được trình bày không có những căn cứ xác đáng, nhưng nó là cái duy nhất khả dĩ soi rọi ánh sáng vào thế lực đang chỉ đạo đời sống của chúng ta. Nhưng thậm chí như thế đã là quá nhiều đối với thế giới của chúng ta, nơi nghĩa vụ đầu tiên của chúng ta là tin tưởng vào cuộc đời, thậm chí ngay cả khi chúng ta không thể phát hiện được ở trong cuộc đời một sự minh bạch nào khích lệ chúng ta; điều này cần phải tiếp diễn cho đến khi nào điều ngược lại còn chưa được chứng minh. Tôi biết tất cả những điều có thể chống lại lý thuyết của biến hóa luận. Nhiều bằng chứng và lý lẽ xác đáng của nó, nói đúng ra là, chưa hoàn toàn thuyết phục được về tính chân lý của nó. Không bao giờ dứt khoát tin vào những chân lý hiện tại của thời đại là một việc không nên. Có thể, một trăm năm sau có nhiều điểm trong những cuốn sách đương đại với chúng ta thấm đẫm tư tưởng này có vẻ đã quá lỗi thời, cũng như chúng ta cảm thấy đã quá lỗi thời rồi những tác phẩm của các triết gia thế kỷ XVII - những tác phẩm bắt nguồn từ cái suy nghĩ về con người quá đối hoàn hảo và không tồn tại trong thực tế, hay những tác phẩm của thế kỷ XVII đã làm giảm bớt tư tưởng về một đáng thần linh thô thiển và tầm thường của truyền thống Công giáo - một truyền thống đã bị xuyên tạc bởi rất nhiều sự hư ảo và dối trá. Thế nhưng do tính bất khả của việc nhận biết chân lý, chúng ta cần chấp nhận giả thuyết, mà từ thời điểm con người xuất hiện trên thế giới này, bất luận trong hoàn cảnh nào, đã thâm nhập một cách đầy quyền năng vào nhận thức của con người.

Có nhiều điều chứng tỏ rằng, nó là giả; nhưng khi người ta tin vào tính

xác thực của nó, thì nó là có ích, bởi nó hỗ trợ cho tinh thần thêm vững vàng và khơi gợi cho những nghiên cứu mới. Thoạt nhìn có thể có cảm tưởng rằng, tốt nhất là thay cho mọi giả định khó hiểu này, nên tuyên bố cho khắp bàn dân thiên hạ một sự thật sâu sắc về sự dốt nát vô cùng của chúng ta. Nhưng sự thật này có ích chỉ trong trường hợp, nếu như đã chứng minh được rằng, từ nay về sau chúng ta cũng sẽ chẳng hiểu biết nổi đi đâu gì.

Trước đó chúng ta ở trong một trạng thái trì trệ còn tồi tệ hơn những ảo tưởng lầm lẫn nhất. Chúng ta đã trưởng thành theo cách thức: từ những lầm lẫn, chúng ta có thể đạt tới sự đam mê tột cùng. Rốt cuộc thì những gì chúng ta biết là quá ít, chúng ta phải mang ơn chỉ những giả thuyết luôn luôn ngẫu nhiên, thường xuyên vô lí và phần lớn là những giả thuyết ít thận trọng hơn các giả thuyết hiện nay. Tuy rằng chúng có thiếu cân nhắc, thì dẫu sao chúng cũng vẫn trợ lực cho tinh thần nghiên cứu. Một người lữ hành qua đường tạt vào để nghỉ ngơi và sưởi ấm ở một khách sạn, thì có liên quan gì đến người chủ khách sạn đã già và mù lòa? Nếu anh ta giữ gìn ngọn lửa, thì đó là tất cả những gì người ta đòi hỏi từ anh ta. Và sẽ là niềm hạnh phúc cho chúng ta, nếu chúng ta biết chuyển tiếp đi xa hơn ngọn lửa nghiên cứu không bị lụi tàn, mà còn bùng cháy hơn; không gì có thể hỗ trợ cho sự phát triển của ngọn lửa ấy, như giả thiết của biến hóa luận: nó bắt chúng ta phải rất nghiêm chỉnh và đầy đam mê trong thái độ đối với tất cả những gì tồn tại trên thế giới này, trong lòng nó, trong thăm thẳm biển sâu, trên mệnh mang bầu trời. Chúng ta có thể lấy cái gì để thay thế cho nó và đem cái gì ra để đối lập với nó? Có đáng vui mừng hay không việc công nhận sự dốt nát về học thức - cái sự dốt nát hiểu chính mình đấy, nhưng lại thường ù lì, cản trở sự phát triển tính ham hiểu biết của con người, tức là cái phẩm chất còn cần thiết với con người hơn cả chính sự khôn ngoan, hay cản trở giả thuyết về tính kiên định của các giống loài,

hoặc cản trở giả thuyết về sự tạo hóa có tính thần thánh thế giới này? Nhưng các giả thuyết này còn ít được chứng minh hơn giả thuyết của chúng ta. Chúng gạt bỏ vĩnh viễn những khía cạnh sống động nhất của vấn đề và làm cho nó trở thành vấn đề không thể giải quyết được, bởi nó cấm ta căn vặn.

## VIII

Một sớm mai tháng Tư lộng lẫy. Giữa những luống hờn đang hồi sinh nhờ tác động thần diệu của giọt sương mai và những khóm anh thảo rung rinh trong vòng ôm của những dây hoa cải cảnh trắng, tôi lại thấy những con ong hoang dã, tổ tiên của những con ong đã thuần phục ý chí của chúng ta, và tôi nhớ lại những bài học của một ông lão yêu thích loài ong ở Zélande. Đã nhiều lần ông ấy dẫn tôi đi dạo quanh những vườn hoa rực rỡ muôn màu của mình, được phân chia và chăm sóc theo quan điểm có từ thời Cats, một nhà văn già - một cây bút thi-văn bất tuyệt của Hà Lan. Những khóm cây được tạo hình khi thì giống như những cái nơ, khi thì thành dây trái dài, ở đây thì có hình ngôi sao, ở kia lại thành chuỗi và thành hàng như giàn chân nến - chúng được sắp đặt vòng quanh một bụi sơn trà hay bên cạnh một ô cao trờng một cây ăn quả nào đấy, được cắt tỉa trông như một quả cầu, một kim tự tháp hay một cọc sọt, còn những hàng hộp có hình ổ trục được sơn màu tô điểm chạy dọc theo các khoảnh vườn, để bảo vệ chúng tránh khỏi sự xâm lấn của các loài hoa, trông như một đàn chó chăn cừu. Ở đâu đó tôi đã học được cách nhận biết tên gọi và thói quen của những chú ong cần mẫn tự chủ, mà người châu Âu rất ít quan tâm đến chúng, coi chúng hoặc là những con ruồi bình thường, hoặc là con ong vô vẽ dữ tợn, hoặc là những con bộ cánh cứng ngu ngốc. Trong khi mỗi con trong số đó mang dưới đôi cánh kép, đặc trưng cho nó trong thế giới côn trùng, cả một lĩnh vực về đời sống, các công cụ và ý niệm về số phận,

thường là một số phận tuyệt vời, khác biệt với số phận của những sinh vật khác.

Đầu tiên chúng ta sẽ chỉ ra những thành viên gần gũi nhất với loài ong nhà. Chúng ta sẽ bắt đầu từ những con ong đất chân lông xùm lực lưỡng, luôn là những con ong to lớn và che thân, giống như người nguyên thủy, bằng một cái áo khoác nhà binh, không có kiểu dáng nhất định, có các đường vòng kẻ màu đồng hay màu đỏ. Đây là những con ong bán hoang dã, chúng không có bất cứ một sự thương xót nào đối với những đài hoa, chúng cắn xé rách những cánh hoa, như những con gấu xông vào các ngôi lầu treo đầy lụa là, đánh đập châu ngọc của các nàng công chúa Bizantin, chúng thô lỗ sục vào dưới các lớp phủ nhẵn mịn của vành hoa. Kế bên ong đất là ong đục gỗ (*Xylocopa*) vượt xa nó về kích thước - một sinh vật rực rỡ, óng ánh đủ màu xanh đỏ cùng tím hòa trộn. Đây là gã khổng lồ của toàn bộ vương quốc làm mật. Sau ong đục gỗ là tò vò (*Chalicodome*) rầu rĩ, nhỏ hơn đôi chút. Nó khoác một cái áo choàng đen và xây những căn nhà chắc chắn của mình bằng đất sét và sỏi, chắc như nhà gạch. Tiếp nữa, không theo trật tự, là *Dasypodae*, *Halictae*, chúng giống ong vò vẽ, *Andrenidae*, thường trở thành nạn nhân của *Stylops*, một kẻ ăn bám kì quái, thay đổi đến mức không thể nào nhận ra được loại con mồi bị nó chọn. *Panurgae* - chẳng khác gì những chú lùn - lúc nào cũng ỉ ạch mang nặng phấn hoa, *Osmi*, rất khác biệt do có hình dáng đủ kiểu và biết hàng trăm nghề. Một trong số chúng là ong tường anh túc (*Osmia Papaveris*) không chỉ giới hạn ở việc thu gom từ những bông hoa để ăn thức uống cần thiết cho nó, mà còn cắt từ những cánh hoa anh túc các mảnh lớn, màu đỏ, được dùng để trải cho những căn phòng tráng lệ của các cô con gái của mình. Chúng ta còn nhắc đến một con ong hiền dịu nhất trong tất cả các giống loài ong - đây là một hạt phấn hoa bay lượn trong không trung nhờ vào bốn cái cánh đập nhanh như điện. Nó có tên gọi là *Maganchile centienculaire*. Nó cắt từ

những cánh hoa h ồng các miếng hình bán nguyệt rất chuẩn xác, nghệ thuật đến mức, ta có thể nghĩ chúng được cắt bằng dao cắt chuyên dụng, và làm thành vô số chiếc hộp nhỏ giống như những cái đê khâu xinh xắn, có cùng một kích cỡ; mỗi một chiếc là một cái nôi cho đứa con nhỏ của nó. Cả một tập sách chưa chắc đã đủ để đếm hết những tài năng và tập tính phong phú của loài ong. Cả một bầy ong khát mật qu ần đảo chao lượn với đủ các mục đích rất khác nhau trên những bông hoa - những người tình bị chôn chân ở một chỗ, đang mong đợi sứ giả của tình yêu trong số những vị khách vắng lai của mình.

## IX

Người ta tính được g ần bốn ngàn năm trăm các loài ong hoang dã khác nhau. Đương nhiên là trong cuốn sách này chúng ta sẽ không làm được một bản tổng quan chi tiết về chúng. Có thể, trong tương lai sẽ xuất hiện một công trình nghiêm túc, dựa trên những nghiên cứu và thí nghiệm về vấn đề này. Cho đến nay nó vẫn chưa được viết ra, bởi để làm được công việc này đòi hỏi không chỉ một đời người, nhưng một công trình như thế mới có thể làm sáng tỏ được lịch sử tiến hóa của loài ong. Theo những gì tôi biết, việc biên soạn có hệ thống về một lịch sử như thế cho đến nay thậm chí còn chưa được người ta bắt tay vào làm. Mong sao, để một cuốn sách như thế được hoàn thành, bởi nó sẽ phải đề cập đến nhiều vấn đề không kém phần quan trọng hơn vấn đề về đời sống của nhân loại. Còn về phần chúng ta, thì chúng ta còn chưa hoàn toàn khẳng định được gì - bởi chúng ta đang bước vào một lĩnh vực bị bao phủ bởi những định kiến - chúng ta sẽ giới hạn ở việc, theo dõi xu hướng vươn tới một sự t ồn tại có trí tuệ, nhằm đạt được một sự ph ồn thịnh hơn nữa và sung túc hơn nữa ở các con bọ cánh màng này; chúng ta cũng sẽ đề cập sơ qua đến những hiện tượng đặc sắc của loài này - những hiện tượng bộc lộ ra trong suốt cuộc

hành trình nhiều thiên niên kỷ trên con đường đi tới sự tiến bộ của những con côn trùng đang được nghiên cứu này. Bộ lạc mà chúng ta đang nói đến, được gọi, như chúng ta đã biết, là *Apis*<sup>18</sup>. Những đặc tính cơ bản của nó đã được xác định chính xác và rõ ràng đến mức, không thể không đi đến kết luận rằng, mọi thành viên của nó đều có phả hệ truy nguyên từ cùng một tổ tiên.

Các học trò của Darwin, trong số đó có Hermann Muler, đầu coi đại diện toàn quyền đầu tiên của loài ong là con ong hoang dã bé nhỏ sống phổ biến ở khắp mọi nơi trên trái đất và được gọi là *Prosopis*. Những con *Prosopis* thật bất hạnh, khi so với những cư dân của các tổ ong, có một địa vị cũng như người nguyên thủy khi so với những cư dân hạnh phúc trong các thành phố của chúng ta. Có thể bạn đã nhiều lần nhìn thấy ở một góc bị bỏ hoang trong khu vườn của mình một con ong nhỏ đang cắm cúi trong những bụi cây, bạn không để tâm đến nó và đâu ngờ rằng bạn đã được diện kiến một vị tổ tiên đáng kính [của loài ong], mà có lẽ, chúng ta phải mang ơn nó về phần lớn hoa thơm trái ngọt của chúng ta (người ta cho rằng, hơn 100.000 loài thực vật khác nhau sẽ chết, nếu như loài ong ngừng ghé thăm chúng), hoặc ai mà biết được, thậm chí không chỉ chúng ta phải mang ơn chúng mà cả nền văn minh của chúng ta nữa, bởi mọi sự vật trong tự nhiên đều gắn kết với nhau qua những mối liên hệ bí ẩn nhất. Nó thật xinh đẹp và hiếu động, - nó sống phổ biến hơn cả là ở Pháp, - nó diện một bộ quần áo đen trang nhã điểm những chấm trắng; nhưng đằng sau vẻ trang nhã này ẩn giấu một sự nghèo khó không thể tin nổi - nó sống bữa no bữa đói! Nó gần như trơ trụi, trong khi đó thì các chị em của nó được chu cấp một bộ lông mềm và ấm. Nó chẳng hề có một công cụ lao động nào. Nó cũng chẳng có một chiếc giỏ nào để đựng phấn hoa, như *Apidae*, chẳng có lông chân để thay thế, như ở *Andrennes*, cho những chiếc giỏ, chẳng có cái bàn chải nhỏ ở bụng, như ở *Gastrilegidae*. Nó phải rất khó khăn để thu bụi

phấn từ các đài hoa, chỉ nhờ vào những cái chân mà thôi và nuốt phấn, để mang về cái hốc của mình. Ngoài lưỡi, miệng và những cái chân, nó chẳng có một công cụ nào khác, đã thế lưỡi của nó lại quá ngắn, những cái chân thì quá yếu, bộ hàm cũng không chắc khỏe. Không thể tạo sáp, chẳng gặm đục nổi gỗ, đào đất cũng không thể, nó xây những đường hầm vụng về ở trong phần ruột mềm của những cái rễ cây khô, đặt vào đó một vài cái lỗ tổ được làm một cách thô vụng, cung cấp cho chúng một lượng thức ăn ít ỏi, để dành cho những đứa con, mà nó chẳng bao giờ được nhìn thấy, thế rồi, sau khi hoàn thành một nhiệm vụ đáng thương của mình, mà mục đích của nó thì chính con ong cũng chẳng biết hơn gì chúng ta, nó lánh đến một góc xa xôi nào đấy, để chết trong cô đơn, đúng như khi nó còn sống.

## X

Chúng ta sẽ không dừng lại ở nhiều giống trung gian, mà ở đó chúng ta có thể theo dõi được hiện tượng cái lưỡi ong mọc dài hơn để hút mật tốt hơn ở các vành hoa dài, sự xuất hiện ban đầu và sự phát triển tiếp theo của cái máy thu phấn hoa, theo dõi được sự phát triển của bộ lông, những cái chồi lông và bàn chải ở bắp đùi, ở gót chân, ở bụng của chúng; xong rồi chúng ta có thể thấy những cái cẳng chân và bộ hàm của ong chắc khỏe lên từng chút một, có thể nhận thấy ích lợi của sự chia tách đàn và tin chắc rằng, có một thiên tài đã chỉ huy việc xây tổ, thực hiện các việc hoàn hảo tuyệt vời về mọi mặt. Một công việc như thế chẳng thể gói gọn trong một cuốn sách; tôi muốn dành cho vấn đề này chỉ một chương, thậm chí ít hơn một chương - một trang thôi, nó sẽ cho chúng ta thấy sự xuất hiện, phát triển và củng cố của trí tuệ về mặt xã hội qua những toan tính rụt rè của ý chí sống và sống hạnh phúc hơn trong chừng mực có thể [ở loài ong].

Chúng ta đã thấy *Prosopis* bất hạnh an phận thủ thường cam chịu cuộc sống cô đơn của mình giữa những thế lực khổng lồ và đầy đe dọa của thế

giới. Có nhiều con trong số các chị em của nó thuộc về những bộ lạc được trang bị tốt hơn và thông minh hơn, ví dụ như *Collete* ăn diện rõ đẹp hay *Meganchile*, - cô nàng quá đỗi tài hoa, thợ cắt những chiếc lá hoa hồng, cũng sống hoàn toàn cô đơn như thế, và nếu có ai đó cứ lượn lờ bám theo, thì chắc chắn đó hoặc là kẻ thù, hoặc là kẻ kí sinh ăn bám. Thế giới của loài ong có những bóng ma còn quái lạ hơn thế giới của chúng ta nữa cơ; có nhiều giống ong dường như theo đuổi những kẻ song trùng bí ẩn và thụ động, giống như đúc vớ với những con bị làm vật hi sinh do chúng chọn. Chúng khác với những con bị làm vật hi sinh của mình chỉ ở một điểm, do cái tính lười chảy thây từ đời này sang đời khác chúng đã đánh mất đi mọi công cụ lao động và sống chỉ dựa dẫm vào một nửa số thành viên chăm chỉ trong bộ tộc của mình<sup>19</sup>.

Tuy nhiên trong giống ong được tặng cho một cái tên quá chuẩn xác là *Apides solitaires*, giống như một ngọn lửa không bùng cháy lên nổi bởi một thứ vật chất trầm trệ, dập tắt ngay sự sống mới chỉ vừa lóe lên le lói, bản năng mang tính xã hội vẫn bùng cháy lên ở đây đó, theo những chiều hướng bất ngờ nhất; bằng những bước đi rụt rè và dò dẫm giống ong này đã vượt qua cái lớp tầng dày đặc trên đường đi của nó. Nếu mọi thứ trên thế giới này hình thành nên từ vật chất, thì làm sao ta không kinh ngạc cho được trước biểu hiện của sự chuyển động phi tính vật chất nhất của vật chất đây. Ở đây chúng ta bàn về việc, làm thế nào để biến một sự tồn tại ích kỉ, ngẫu nhiên và không hoàn chỉnh thành một đời sống hữu ái, bền lâu hơn và hạnh phúc hơn. Bản chất của vấn đề là ở chỗ, làm thế nào hợp nhất được trong tinh thần cái đã thực sự bị tách biệt trong thể xác, làm thế nào để sự tuân phục giống loài của một cá nhân đạt tới mức dám hi sinh thân mình, làm thế nào để thay thế cái thấy được bằng cái không cảm thấy được. Có đáng ngạc nhiên hay không về chuyện loài ong không thể thực hiện được ngay lập tức một việc, mà thậm chí chúng ta cũng không thể giải

quyết nổi, xét theo cách nhìn cao siêu, mang tính đặc quyền của mình, một cách nhìn đang phát tán ánh sáng vào mọi góc ngách của nhận thức? Không kém thú vị, mà đôi khi thậm chí còn cảm động nữa việc nhận thấy vẻ hẫ hẫ của một tư tưởng mới đang dò dẫm vượt qua cảnh tăm tối bao trùm tất cả những gì nảy sinh trên trái đất. Nó hình thành từ vật chất, nó vẫn hoàn toàn mang tính vật chất. Nó chỉ có cái lạnh, cái đối cùng nỗi sợ hãi thay hình đổi dạng còn chưa được tỏ bày. Nó lo lắng tiếp cận với những mối nguy hiểm lớn, những đêm trường, mùa Đông gần tới - những điều tựa như cái chết này.

## XI

Chúng ta đã biết rằng, *Xylocopae* là những chú ong khỏe mạnh khoan những cái lỗ sâu trên các thân cây khô để xây những cái tổ của mình. Chúng luôn luôn sống một mình. Thêm nữa, tới cuối mùa Hè đôi khi ta bắt gặp một vài cá thể của giống *Xylocopae Cyanscens* tập hợp lại thành nhóm trên những cành lan nhạt quang, để cùng nhau trải qua mùa Đông. Tình cộng đồng này là một trường hợp ngoại lệ ở *Xylocopae*, nhưng ở *Ceratinae*, những người họ hàng rất gần gũi của chúng nó đã trở thành thói quen. Đó là điểm khởi đầu của ý tưởng chung sống. Nhưng ở *Xylocopadae* ý tưởng này không được phát triển tiếp và không vượt qua được cái ranh giới đầu tiên mờ mờ của tình yêu.

Ở các giống *Apies* khác ý tưởng đang mò mẫm luồn lách này có những hình thức khác. *Chalicodoma*, loài tò vò sống dưới những mái nhà kho, đào cho mình những cái lỗ ở dưới đất. *Dasypodae* và *Halictae* tập hợp nhau lại thành một bầy đông đúc để xây tổ. Tuy nhiên sự thống nhất này là viễn vông thôi, bởi những bầy ong này bao gồm các cá thể đơn lẻ, chẳng có một điểm gì chung với nhau, chẳng có một mối gắn kết nào. Mỗi một cá thể của bầy ong ấy ở trong sự cô đơn đáng sợ: nó xây nơi ở của mình mà

không có bất cứ một sự trợ giúp nào và chẳng quan tâm đến công việc của hàng xóm. “Hiện tượng này, - Perez nói, - chẳng hơn gì một sự liên kết đơn giản của những cá nhân có cùng những sở thích giống nhau và những năng lực như nhau; cái khẩu hiệu “mỗi người vì mình” ngự trị ở đây với toàn bộ sức mạnh của mình; hoạt động sôi nổi của chúng giống như một đàn ong có số thành viên cực kì đông đảo và hăng hái tham gia vào đó. Những tập hợp như thế là kết quả duy nhất của sự tụ tập đông đúc của các cá thể giống nhau, ở cùng một địa điểm”.

Nhưng ở *Panurgi*, những người chị em họ của *Dasypodae*, đã le lói một tia sáng yếu ớt làm lộ ra sự xuất hiện một tình cảm mới. Chúng liên kết với nhau, như các đời trước đó, trong một cộng đồng, và dẫn mỗi một con tự lực đào lỗ tổ của mình, nhưng lối vào và đường hầm dẫn từ mặt đất đến từng căn buồng riêng đã là của chung. “Vậy là, - Perez nói, - trong lúc xây phòng mỗi một con ong hành động như thể nó đơn độc, nhưng đường hầm đã trở thành sở hữu chung. Tất cả sử dụng nó và nhờ thế chúng tránh khỏi việc mất quá nhiều sức lực và thời gian cần có để xây cho mỗi phòng một đường hầm riêng. Công việc đang tiếp diễn này có được tiến hành cùng nhau hay không và ở đây có sự đổi ca, để các chú ong có thể lần lượt làm việc hay không? Sẽ thật tuyệt vời nếu đi đầu này được khẳng định”.

Chuyện ở đó dù có thế nào đi chăng nữa, thì ở đây tư tưởng hữu ái đã vượt qua cái trở ngại chia đôi thế giới. Ở nơi đây không phải cái lạnh, cái đói, và sự sợ chết đã tạo ra một cú huých cho bản năng mù lòa và không nhận thức được bản thân mình, mà là sự khơi gợi về một cuộc sống rộng mở hơn. Dẫu lần này sự phát triển của tư tưởng ấy đã dừng lại và không bước tiếp xa hơn nữa, nhưng sự không may ở đây là gì? Tư tưởng này không vì thế mà bối rối và đi tìm kiếm những con đường khác. Khi nó đến với những con ong đất, thì tại đây nó đã chín muồi, tiếp nhận các hình thức khác và tạo ra những đi đầu kì diệu đầu tiên quan trọng nhất của mình.

## XII

Ong đất là một loài ong rất to, thân phủ một lớp lông mềm, kêu vo vo suốt ngày, bộ dạng thật đáng sợ, nhưng thực ra lại là những con ong hiền lành - trước hết chúng là những con ong sống cô đơn. Từ những ngày đầu tiên của tháng Ba, trải qua mọi nỗi gian khó của mùa Đông ong đất cái mang thai bắt tay vào việc xây tổ ở dưới đất hay trên các bụi cây theo tập tính của giống ong mà nó thuộc về. Mỗi độ Xuân về nó lại phải chịu cảnh sống cô đơn. Nó làm phẳng, đào, rồi trang trí cho nơi được nó chọn để xây tổ; sau đó nó xây những lỗ tổ không có hình thù nhất định, đồ đầy mật của nó và phấn hoa vào đó, để trứng, chăm nom những con ấu trùng, và không bao lâu sau quanh nó đã có cả một gia đình toàn các cô con gái, chuyên giúp đỡ nó trong mọi việc từ trong nhà ra ngoài sân. Một số con ong đất non, đến lượt mình, bắt đầu đẻ trứng. Cuộc sống sung túc lên, công việc xây dựng được cải thiện, và đàn trở nên đông hơn. Linh hồn và cái chủ chốt, “bà mẹ của cả đàn” vẫn là con ong sáng lập; nó đứng đầu vương quốc, có phần nào giống với vương quốc của loài ong mật bình thường. Tuy nhiên, sự giống nhau này khá thô: sự sung túc ở ong đất luôn hạn chế; những luật lệ được đặt ra một cách tỉ mỉ sẽ ít được tuân thủ; đôi khi xảy ra những chuyện rủi ro: sự man rợ của thời nguyên thủy và giết hại con trẻ; kiến trúc thì xấu tệ và không có tính thực tiễn; nhưng sự khác biệt lớn hơn cả giữa hai thế giới này là, một đàn thì liên tục, một đàn lại tạm thời. Thực tế là, ngôi nhà của những con ong đất sụp đổ hoàn toàn về mùa Thu, ba-bốn trăm con sống trong ngôi nhà ấy sẽ chết, mà không để lại một dấu tích nào, và mọi sự nỗ lực của chúng tan biến. Trong số tất cả các cư dân ở đó chỉ có một con cái duy nhất còn sống sót đến mùa Xuân tới, trong cảnh cô đơn đến thế và nghèo khổ đến thế, đúng như cái cảnh trong năm ngoái, mà từ đó mẹ nó gây dựng nên; nó sẽ lại bắt đầu đúng cái công việc vô

nghĩa đó. Và trong trường hợp này chúng ta chưa thấy rõ được rằng, tư tưởng hữu ái đã nhận ra sức mạnh của mình. Ở những con ong đất tư tưởng này đã không vượt qua được những giới hạn nhất định, nhưng vẫn trung thành với những thói quen của mình, nó, kiên trì trong thuyết luân hồi của mình, vẫn còn xúc động từ thành công mới đây của mình, nó dứt khoát thể hiện mình và lần này gần như đạt tới mức độ lí tưởng ở nhóm *Meliponitae*.

### XIII

Tổ chức của *Meliponitae* có nhiều điểm giống với tổ chức của ong nhà thông thường của chúng ta. Ở đây có một con ong chúa, rõ ràng là con duy nhất, những con ong thợ vô sinh và những con đực<sup>20</sup>. Trong một số phương diện các tiện nghi của chúng còn hoàn hảo hơn. Ví dụ như, những con đực không hoàn toàn sống một cách vô công rỗi rãi - chúng chế tạo sáp. Cửa tổ được sắp đặt thuận tiện hơn: vào những đêm lạnh nó được đóng lại bằng cánh cửa nhỏ, còn vào những đêm ấm áp thì bằng một thứ tựa như tấm màn, tuy nhiên, nó vẫn cho luồng không khí mát trong thời vào tổ.

Bản thân thể chế cộng hòa cũng kém vững mạnh hơn, đời sống xã hội kém sung túc hơn, phúc lợi bị hạn chế hơn, so với những con ong mật của chúng ta, và nếu để chúng sống cùng nhau, thì *Meliponitae* bắt đầu chết. Tư tưởng hữu ái đã phát triển rất tốt ở cả hai chủng ong này. Và chỉ có một điểm duy nhất là ở *Meliponitae* nó không tiến xa hơn ở những con ong đất. Tôi đang nói về sự tổ chức về mặt cơ học các hoạt động xã hội, sự tiết kiệm nghiêm ngặt sức lực, nói tóm lại là, về việc xây tổ. Về phương diện này *Meliponitae* thua kém xa những con ong mật của chúng ta. Để minh họa cho điều này chỉ cần nhớ lại điều tôi đã có dịp đề cập đến ở phần III,

chương XVIII, có bổ sung thêm rằng, trong các tổ ong của *Apidae* của chúng ta tất cả các khoang tổ chỉ phục vụ cho hai mục đích: cho việc nuôi dưỡng thế hệ sau và để bảo quản lượng thức ăn dự trữ. Chúng tồn tại lâu như chính những cái tổ; ở *Melipotae* các khoang tổ chỉ có một chức năng nhất định và những khoang tổ làm nôi-kén của các con nhộng trên non nhanh chóng bị hủy bỏ khi chúng ra khỏi đó. Chỉ ở loài ong nhà của chúng ta tư tưởng này mới bộc lộ với hình thức hoàn hảo nhất - điều này có thể thấy rõ qua bức phác họa chưa hoàn chỉnh về sự tiến bộ của nó. Sự tiến bộ này có cố định một cách riêng rẽ và bất biến đối với mỗi chủng loại hay không, và đặc tính liên kết của chúng có phải chỉ là kết quả của trí tưởng tượng của chúng ta hay không? Chỉ cốt sao chúng ta không quên về sự dốt đặc của mình và cố gắng nhìn vào thế giới với đôi mắt mở to; có hàng ngàn thí nghiệm đã được đặt ra, nhưng còn chưa được thực hiện. Ví dụ như, chuyện gì sẽ xảy ra, nếu bắt buộc được *Prosopis* sống với những con giống mình? Chúng có hủy bỏ hay không sự cô đơn tăm tối của mình, có học được hay không cách thụ hưởng xã hội của những con khác, giống như *Dasypodae*, và chúng có tham gia hay không vào những công việc chung như *Panugri*? Và nếu áp đặt *Panugri* vào những điều kiện bất bình thường - chúng có có chuyển hay không từ cái đường hầm chung sang căn phòng chung? Còn nếu như lấy ra những con ong đất cái được ấp nở và nuôi dưỡng cùng nhau và bắt chúng trú đông cùng nhau, thì chúng có học được cách hiểu nhau và phân công lao động cùng nhau hay không? Người ta đã thử hay chưa cho những con *Meliponitae* sáp nhân tạo? Người ta đã mời chào chúng hay chưa nhưng cái vò nhân tạo để đựng mật thay cho những cái hũ méo mó của chúng, và nếu điều này được thực hiện, chúng có chấp nhận hay không các sự vật mới lạ ấy, có biết sử dụng các sự vật ấy và phối hợp các tập quán của mình với việc xây dựng không ngừng của mình hay không? Những câu hỏi, mà chúng ta đang chờ câu trả lời từ các sinh vật vô

cùng bé nhỏ, chứa đựng trong mình một ý nghĩa lớn lao của các bí ẩn sâu xa nhất của riêng chúng ta. Chúng ta chưa có được câu trả lời, bởi trải nghiệm của chúng ta, có thể nói, được để ý đến mới từ ngày hôm qua thôi. Chỉ từ thời Réaumur - tức là khoảng một trăm năm mươi năm - người ta mới bắt đầu nghiên cứu lối sống của một vài giống ong hoang dã; chúng ta nghiên cứu được thêm một số nữa; tuy nhiên, còn lại đến hàng trăm và hàng ngàn giống ong, mà chẳng có ai quan tâm đến chúng, và chẳng một ai để ý đến chúng, có chăng là, ngoại trừ những lữ khách mít đặc tiện thể để mắt đến chúng. Những tập quán của loài ong, mà chúng ta được biết qua các tác phẩm tuyệt vời của tác giả cuốn Hồi ký (*Mémoires*), chẳng hề thay đổi gì. Được thoa một lớp bụi vàng và lấp lánh sáng, như những tia nắng hé nở nụ cười, những con ong đất no mật vào năm 1730, trong khu vườn của Charenton, chẳng có gì khác với những con ong đất ngày nay về mùa Xuân vo vo kêu trong khu rừng Vincenne cách Charenton không xa. Nhưng thời kì từ Réaumur đến chúng ta chỉ là cái chớp mắt khi so với giai đoạn được chúng ta xem xét, và nếu có xâu chuỗi nhiều đời người lại với nhau, thì chuỗi đời người ấy, so với lịch sử tư duy của tự nhiên, chỉ thoáng qua trong tích tắc.

#### XIV

Dù cái tư tưởng, mà chúng ta đã theo dõi, đã có một hình thức hoàn hảo ở những con ong nhà, tuy nhiên, từ đó cũng không thể kết luận rằng, trong tổ ong mọi sự đều miễn chê. Hiển nhiên, cái khoang tổ lục lăng là một kiệt tác trong nghệ thuật của chúng; xét theo mọi cách, nó đã đạt tới một sự hoàn hảo vô cùng, mà tất cả các bậc thiên tài của thế giới chẳng thể tìm thấy một điểm gì đòi hỏi phải thay đổi. Không có một sinh vật đang sống nào, thậm chí con người, biết tạo ra trong môi trường của mình cái mà con ong đã tạo ra trong môi trường của chúng. Và nếu có một ai đó từ một thế

giới xa lạ với chúng ta và đề nghị cho thấy trên trái đất của chúng ta một vật thể hiện một cách hoàn hảo nhất tính hợp lí, thì chúng ta chỉ cần cho anh ta thấy một mẫu nhỏ của một tầng mật bình thường.

Thế nhưng không phải mọi sự ở loài ong đều ở mức hoàn hảo, như các tầng tổ. Chúng ta đã nhận thấy một số khuyết điểm và thiếu sót; đôi khi chúng lộ rõ, và đôi khi chúng bí ẩn. Chúng ta chỉ cần lấy số lượng ong được quá thừa và sự vô công rồi nhẽ tai hại của chúng là đủ; tiếp nữa là sự trinh sản, nhưng mối nguy hiểm của chuyển bay hôn phối, việc tách đàn quá đáng, sự thiếu vắng tình thương và việc, gần như đã đạt tới độ quá đản, đem một cá nhân ra làm vật hi sinh cho cái toàn thể. Chúng ta nên bổ sung thêm vào đây một thiên hướng lạ lùng nữa của loài ong với việc thu gom vượt quá nhu cầu của chúng, lượng dự trữ phấn hoa không được dùng đến, mau chóng bị hỏng, bị khô và chỉ tốn chỗ; chúng ta hẳn còn nhớ đến thời khuyết ngôi giữa thời gian tách đàn lần đầu với sự mang thai của con ong chúa thứ hai. Những ví dụ như thế có lẽ nhiều vô kể.

Nhưng trong những khuyết điểm ấy, khuyết điểm nghiêm trọng nhất và duy nhất ở các miền đất của chúng ta, dẫn đến kết cục vô cùng nguy hại cho loài ong - đó là việc tách đàn lặp đi lặp lại. Tuy nhiên, không nên quên rằng, trong suốt cả hàng ngàn năm trời con người đã cản trở sự lựa chọn tự nhiên của ong nhà. Tất cả - từ người nuôi ong ở Ai Cập thời Pharaon cho đến người đang làm đúng công việc đó của người nông dân hiện nay - luôn hành động trái ngược với những mong muốn và lợi ích của loài ong. Những tổ ong chia đàn chỉ một lần thôi, sau khi mùa Hè đến, được coi là những tổ tốt nhất. Nhờ thế tình mẹ của đàn ong được thỏa mãn, việc gìn giữ ngu ồn gốc, sự đổi mới con ong chúa được đảm bảo. Nhờ thế tương lai của đàn ong đầu tiên, đôi khi quá đông và sớm bay đi được đảm bảo, vì khi ấy phía trước vẫn còn nhiều thời gian cho việc xây cho nó những ngôi nhà vững chắc và cung cấp đủ lượng thức ăn cần thiết cho mùa Thu. Dĩ nhiên,

những ngu ồn gốc tự phát và một số nhánh của chúng sẽ phải trải qua mọi tai họa của những mùa Đông khắc nghiệt, thường tiêu diệt gần như tất cả bầy đàn của các loài côn trùng khác nhau, và như vậy là, quy luật tách đàn một cách hạn chế dần dần tìm được cho mình nền tảng chắc chắn trên các miền đất phương Bắc của chúng ta. Nhưng chính những tổ ong biết lo xa, giàu có và thích nghi với khí hậu này bị con người cướp phá để chiếm giữ các kho báu của chúng. Trong việc thực hành thủ cữ của nghề nuôi ong con người luôn luôn để lại và cho đến tận bây giờ vẫn để lại chỉ toàn những đàn ong từ những cái tổ cạn kiệt, hạng hai, hạng ba, mà ngu ồn dự trữ của chúng khó lắm mới đủ cho mùa Đông và chính con người phải tự mình bổ sung cho chúng một thứ mật t ỉ t ệ nào đó, để chúng sống được qua mùa Đông. Kết quả của đi ều này, có thể, là sự suy thoái của chủng loài, mong chia tách đàn quá đáng, phát triển có tính di truyền; giống ong, đặc biệt là giống ong đen, chia tách đàn với một mức độ phổ biến lạ thường. Một vài năm trước đây trong ngành nuôi ong người ta đã bắt đầu đấu tranh bằng cái gọi là “những biện pháp tổng lực” nhằm chống lại cái tập tính nguy hiểm này. Thành công đặc biệt, mà nhờ nó việc chọn lọc nhân tạo đã có ảnh hưởng đến những con vật nhà nuôi như: bò, chó, cừu, bồ câu v. v., cho phép chúng ta nghĩ rằng, qua một khoảng thời gian rất ngắn sẽ xuất hiện một giống ong sẽ gần như hoàn toàn từ bỏ việc tách đàn tự nhiên và hướng toàn bộ sự quan tâm của mình vào việc thu hoạch mật và phấn hoa.

## XV

Song còn những khuyết điểm khác thì tính sao đây? Tại sao một trí tuệ đã nhận thức được rõ hơn mục đích chung sống, nhưng lại không tự giải thoát những khuyết điểm nhỉ? Còn nhiều đi ều có thể nói về những khuyết điểm khởi nguyên khi thì từ những lí do ta chưa từng biết, ẩn giấu trong chính tổ ong, khi thì do việc tách đàn và các sai lầm của nó, mà chính

chúng ta cũng phần nào có lỗi trong chuyện này. Nhưng dựa vào tất cả những gì đã biết, hãy để mỗi người tự ý quả quyết, loài ong có hay không có trí tuệ. Tôi không có ý bảo vệ cho loài ong. Cá nhân tôi cảm thấy rằng, trong những trường hợp riêng lẻ chúng có trí tuệ đấy; song thậm chí nếu chúng làm mọi việc theo bản năng, thì mỗi quan tâm của tôi với chúng chẳng vì thế mà giảm sút đi chút nào. Thật thú vị khi quan sát những cách thức, mà bộ óc dùng đến để đấu tranh với cái lạnh, cái đói, cái chết, thời tiết xấu, không gian, sự cô đơn và đủ mọi kẻ thù của cái vật chất đã được truyền cho sự sống; không kém thú vị hơn và không kém kì diệu hơn cái cách thức được một sinh thể sống dùng để duy trì sự sống nhỏ bé-thâm ảo và phức tạp của mình, mà không vượt qua các giới hạn của bản năng và thực hiện chỉ toàn là những điểu bình thường mà thôi. Cái bình thường và cái kì diệu hòa vào nhau và ngang bằng nhau, khi chúng được đặt vào vị trí của mình trong lòng thiên nhiên. Không phải những sự vật với những cái danh xưng tiếm đoạt được, mà cái bí ẩn và cái không thể thấu đạt nổi - đó mới chính là những cái có thể thu hút ánh mắt của chúng ta, làm hồi sinh hoạt động sống và đem đến một hình thức mới, xác quyết hơn cho những suy nghĩ, những tình cảm, những lời lẽ của chúng ta. Sự khôn ngoan là ở chỗ, làm thế nào để hiểu điểu này đúng như nó vốn là thế.

## XVI

Hơn nữa, chúng ta đâu có đủ nhiều cứ liệu để dựa vào đó đưa ra bản án cho các khuyết điểm của loài ong; chẳng lẽ chúng ta không thấy, trí tuệ của chúng ta và nhận thức của chúng ta đã yên vị quá lâu bên cạnh những sai sót và những lẩn lạc và còn lâu hơn nữa chưa tìm ra nổi các phương cách đấu tranh với chúng? Nếu có một ai đó có số phận tiền định, một cách cố ý và gần như là hạn chế, suy nghĩ, sống và tổ chức đời sống xã hội theo những quy luật thuần túy trí tuệ, thì đó đích thị là con người. Thế nhưng

bạn hãy nhìn xem, con người đã làm gì với đời sống xã hội, và hãy thử so sánh những sai lầm của tổ ong với những sai lầm của xã hội của chúng ta. Nếu như chúng ta là những con ong quan sát con người, thì có lẽ sẽ có quá nhiều điều khiến chúng ta kinh ngạc đấy. Chẳng hạn như, chúng ta lấy việc tổ chức lao động một cách vô nghĩa và bất công ở những sinh vật, bộc lộ quá rõ một trí tuệ ưu trội về nhiều mặt khác. Chúng ta sẽ thấy rằng, mặt đất, nguồn gốc duy nhất của bất kể một đời sống xã hội nào, được canh tác một cách tỉ mỉ và nhờ vào công sức to lớn của vốn vẹn chỉ một-hai phần mười toàn bộ dân số, một phần mười hoàn toàn sống vô công rỗi nghề, bảy phần mười số còn lại ngốn ngấu những thành quả ngon ngọt nhất của bao công sức lao động của nhóm người đầu tiên ấy - nhóm người vốn phải chịu một cuộc sống luôn đứt bữa đói ăn, kiệt sức bởi những nỗi khổ không ngừng và vô ích, bởi những thành quả, mà họ chẳng bao giờ được thụ hưởng; công sức lao động của họ, rõ ràng, chỉ phục vụ cho một điều là: làm cho sự tồn tại của của những kẻ ăn bám càng trở nên khó khăn hơn và càng khó biện giải hơn. Từ toàn bộ điều đó chúng ta có lẽ buộc phải kết luận rằng, trí tuệ và nhận thức về đạo đức đã bám rễ ăn sâu vào trong lĩnh vực xa lạ với chúng ta và chúng ta chẳng có gì đáng hi vọng có một lúc nào đấy hiểu được những nguyên tắc được con người tuân theo trong đời sống là gì. Nhưng chúng ta sẽ không đi sâu vào việc nghiên cứu các khuyết điểm của chúng ta. Những nguyên tắc đó luôn luôn hiển hiện trước trí tuệ của chúng ta, dẫu có một điều chắc chắn rằng, vì thế mà vấn đề rất ít thay đổi. Và chỉ có một lần duy nhất trong suốt cả một trăm năm mới có một ai đó trong số những người bị đè nén bưng bình tỉnh khỏi giấc ngủ sâu, bật lên tiếng kêu kì lạ, đuổi cánh tay tê dại làm gối êm cho đầu, thay đổi tư thế, rồi lại nằm xuống và thiếp ngủ cho đến khi anh ta bị đánh thức bởi một nỗi đau mới - hậu quả của việc nằm quá lâu.

## XVII

Cứ cho rằng, ở *Apies* hay ít nhất là ở *Apitae* có sự tiến hóa - vì đi đầu này đáng tin hơn là sự bất động - thì chúng ta cần đặt ra câu hỏi: chi hướng chung và thường xuyên của sự tiến hóa này như thế nào? Rõ ràng là nó có xu hướng đúng như ở giống loài của chúng ta. Nó rõ ràng là đang cố gắng giảm nhẹ sự nặng nhọc của lao động, đời sống bấp bênh, sự đói nghèo và làm tăng lên phúc lợi, những triển vọng trong cuộc đấu tranh vì sự sống và ảnh hưởng của giống loài. Vì mục đích này, nó không ngần ngại hi sinh một cá nhân, đánh đổi sự tự chủ của một cá nhân - vả lại đây là sự tự chủ ảo tưởng và đáng buồn - để có được sức mạnh và hạnh phúc của toàn thể. Có thể cho rằng, Tự nhiên suy xét như Périclès của Thucydide “làm những cá nhân khốn khổ ở các thành phố phần vinh còn hơn làm những cá nhân sung túc ở một quốc gia suy vong”. Tự nhiên phù trì cho kẻ nô lệ đang kéo lê lối sống cần lao giữa chốn thành phố giàu sang, và giao cho những kẻ thù vô danh-bất hình hài luôn luôn tồn tại, tràn ngập toàn bộ giới hữu sinh trong một vũ trụ đủ mọi kẻ vãng lai, không có nghĩa vụ gì và chẳng thuộc về một tổ chức thường trực nào. Ở đây không có chỗ để bàn về tư tưởng này của tự nhiên hay về việc, con người có cần phải tuân theo nó hay không; nhưng không còn nghi ngờ gì nữa: ở khắp mọi nơi có vô số những đi đầu đem đến cho chúng ta khả năng nhận thấy biểu hiện của tư tưởng này, nó đi trên con đường, mà điểm cuối của nó mất hút trong bóng tối. Việc chỉ ra được mối quan tâm, mà vì nó tự nhiên cố gắng bảo toàn và củng cố trong chủng tộc đang tiến hóa mọi cái giành lại được từ quán tính trì trệ đáng ghét của vật chất tồn tại ở chủng tộc này - thế là đủ với chính chúng ta rồi. Tự nhiên ghi nhận bất kể một sự nỗ lực thành công nào để tiến lên phía trước và bằng tất cả những quy luật đặc biệt thuận lợi làm giảm nhẹ cho cuộc đấu tranh chống lại đi đầu không thể tránh khỏi sau sự chuyển động ngược chi đầu đó. Tiến bộ này - sự tồn tại của nó chắc gì chúng

ta có thể phủ nhận được ở các sinh vật có trí khôn - có thể không có một mục đích nào khác, ngoài cái chuyển động tiến lên của riêng mình, trong khi đó ngay chính con người cũng không biết nó sẽ đi tới đâu. Bất luận thế nào, trong thế giới của chúng ta, nơi ngoài một vài sự việc của giống loài đã được chỉ ra, thì không có gì cho thấy sự tồn tại của một ý chí đích xác; có một điểm có ý nghĩa quan trọng là, từ khi mở to đôi mắt của mình ra, chúng ta nhìn thấy một sự tiến bộ thường xuyên ở một số loài sinh vật. Và nếu như loài ong làm bùng lên trong chúng ta chỉ một tia sáng thôi trong bóng tối bốn bề mịt mù, thì thế là đủ, để khiến chúng ta không tiếc thời gian đã bỏ ra cho việc nghiên cứu những cuộc đời nhỏ bé của chúng và những thói thường giản đơn của chúng, xa lạ biết bao, nhưng đồng thời cũng gần gũi biết bao với những nỗi thèm khát vô tận của chúng ta và không tiếc nuôi gì cái kiến giải cao ngạo của chúng ta về chức năng.

## XVIII

Có thể rằng, sự thế này không phải là như thế và cái đường xoáy tròn ốc của chúng ta sáng rõ, cũng như đường xoáy tròn ốc của loài ong được chiếu sáng chỉ để làm trò vui của bóng tối. Cũng có thể rằng, có một cơ sự nào đó vĩ đại, đến từ bên ngoài, từ một thế giới khác hay từ một hiện tượng mới, bất ngờ đem lại một tính chất nhất định cho những nỗ lực của tự nhiên hay hoàn toàn phá hủy chúng. Nhưng chúng ta sẽ thẳng tiến theo con đường của chúng ta, như thế trên đường chẳng xảy ra điều gì bất thường. Nếu như ngày mai xảy ra một điều gì đó mới mẻ về nguyên tắc - chẳng hạn như sự tiếp xúc với một hành tinh cổ xưa hơn và có nhận thức sáng tỏ hơn - nếu như điều mới mẻ này làm đảo lộn hoàn toàn các quan niệm của chúng ta, hủy diệt những khát vọng của chúng ta, những quy luật của chúng ta và những chân lý chủ yếu của chúng ta, thì việc sử dụng khôn ngoan nhất cái ngày duy nhất còn lại của chúng ta có lẽ nên dành để nghiên cứu chính

những khát vọng ấy, những quy luật ấy, những chân lí ấy và ước mong thống nhất chúng trong tinh thần của chúng ta, và sau đó phó thác cho số phận của mình - cái số phận đòi hỏi chúng ta biết bắt mình tuân phục và nâng tầm, dẫu chỉ là vài độ thôi, những sức mạnh tâm tối của đời sống đang bủa vây chúng ta. Có thể rằng, sau sự đổi mới từ cái xưa cũ sẽ chẳng còn lại cái gì; nhưng không thể có chuyện là những người đã thực hiện đến cùng cái sứ mệnh được ủy thác cho họ - sứ mệnh của con người ưu việt, lại không được đứng ở hàng đầu khi đón tiếp đời sống mới; thậm chí ngay cả khi họ không hiểu rằng, bốn phận duy nhất của con người là ở sự ham hiểu biết và nhẫn nại trước cái bất khả tri, thì khi đó họ có thể vẫn tuyệt vời hơn những người khác hiểu rõ được sự đòi hỏi chống đối hiểu biết và nhẫn nại, và rút ra được từ nó những kết luận cần thiết.

## XIX

Song chúng ta không nên dùng những ước mơ của mình để đi quá xa theo chiều hướng này. Và cho cả cái khả năng hủy diệt tất cả, lẫn tác động kì diệu của cơ may vào trong những giả định của chúng ta. Cho đến lúc này, bất chấp mọi sự hảo huyền trong mơ tưởng của mình, chúng ta vẫn phó mặc cho chính bản thân mình và những ngu ồn dự trữ của riêng mình. Và tất thấy những gì chúng ta kịp làm cho chúng trở nên hữu ích và vững bền trên trái đất, thì chúng chỉ chịu ơn những sự gắng gỏi của chúng ta mà thôi, dẫu rằng chúng có khiêm tốn đến đâu đi chăng nữa. Chúng ta có quyền mong đợi một điều tốt đẹp hơn hay t ốt t ệ hơn từ sự can thiệp của một hoàn cảnh nào đó từ bên ngoài, nhưng với điều kiện rằng, để làm sao sự mong đợi này hoàn toàn không kìm hãm hoạt động thu ần nhân tính của chúng ta. Và trong chuyện này loài ong lại dạy cho chúng ta một bài học tuyệt vời, như tất cả những bài học của tự nhiên. Đối với chúng sự can thiệp của một sức mạnh tối cao vào đời sống của chúng là một sự thực

không thể bác bỏ. Chúng thấy được, hơn chúng ta, rất nhiều điều nằm trong tay của cái sức mạnh có thể tiêu diệt chúng, phụ bạc chủng loài của chúng hay biến đổi chức năng của chúng; nhưng vì thế chúng lại càng thực hiện nghĩa vụ hàng đầu và sâu sắc của mình không hề kém phần tận tâm đi. Và hóa ra, chính những con nào tận tâm hơn tất cả thực hiện nghĩa vụ này lại là những con biết cách thức tốt nhất để tận dụng sự can thiệp siêu nhiên cải thiện cho giống loài hiện nay.

Thực ra, hiểu được cái nghĩa vụ hiển nhiên của tất cả những gì đang sinh tồn là một việc không khó như ta tưởng. Luôn luôn có thể đọc được nó trong cái cơ quan khiến sinh vật này khác biệt với tất cả các sinh vật khác và mọi cơ quan còn lại đều phải tuân theo nó. Giống như ở loài ong: lưỡi, miệng, và dạ dày đã định rõ ràng, chúng phải đi lấy mật, cũng như đôi mắt, đôi tai, bộ não của chúng ta, trong mọi điểm lõm hốc ở xương sọ của chúng ta, trong toàn bộ hệ thần kinh trên cơ thể chúng ta đã định rõ ràng, chúng ta sinh ra là để làm biến đổi tất cả những gì chúng ta tiêu thụ thành năng lượng, mà các tính chất của nó, xét về một mặt nào đó, là có một không hai trên trái đất này. Theo tất cả những gì chúng ta được biết, thì không có một sinh vật nào, ngoài chúng ta, có được chức năng tạo ra cái thực thể kì lạ, mà chúng ta gọi nào là tư duy, trí lực, trí tuệ, lí tính, nào là linh hồn, tinh thần, sức mạnh của bộ não, nào là đức hạnh, lòng tốt, nào là công lí, tri thức; dẫu nó đến cả ngàn cái tên, nhưng thực chất nó là một. Tất cả những gì trong con người chúng ta đều hi sinh cho nó. Các cơ bắp của chúng ta, sức khỏe của chúng ta, sự năng động của các bộ phận trong cơ thể chúng ta, tính cân bằng trong các chức năng của chúng ta, sự bình ổn trong đời sống của chúng ta đều mang dấu vết rõ ràng của cái sức mạnh tối cao chiếm ưu thế hơn chúng. Nó thể hiện cho trạng thái cao nhất và quý giá nhất, mà vật chất mới có thể đạt tới. Ngọn lửa, hơi ấm, ánh sáng, bản thân sự sống, bản năng, cũng như phần lớn những sức mạnh không thể nắm bắt

được đã hoàn thiện nên thế giới còn trước cả khi chúng ta xuất hiện trên đời đầu mờ nhạt đi khi tiếp xúc với cái thực thể mới này.

Chúng ta không biết nó dẫn dắt chúng ta đi đâu, nó làm gì với chúng ta hay chúng ta làm gì với nó, nhưng một mình nó thôi sẽ phải cho chúng ta đi đâu này, khi nó đạt được trọn vẹn sức mạnh của mình. Trong khi chờ đợi thời điểm ấy, chúng ta sẽ chỉ nghĩ đến việc, để làm sao hiến dâng cho nó tất cả nhưng gì nó đòi hỏi từ chúng ta, hi sinh cho nó tất cả những gì đang nắm giữ sự phát triển của nó. Hiển nhiên là, lúc này trách nhiệm trước tiên và cơ bản của chúng ta chính là ở việc thực hiện đi đầu đó. Sau này nó sẽ dạy cho chúng ta những nghĩa vụ khác nữa. Nó nuôi nấng và giáo dưỡng chúng tùy theo mức độ bản thân nó tiến triển và trưởng thành, như nước từ trên núi cao trút xuống nuôi dưỡng và giúp cho những lũng suối, triền sông thêm rộng mở, tương ứng với dưỡng chất nó nhận được từ trên cao. Chúng ta đừng nên dằn vặt bản thân mình bằng câu hỏi, ai là người sử dụng cái sức mạnh đang tăng lên vì sự toan tính của chúng ta. Loài ong đâu có biết ai là người ăn số mật do chúng thu gom được. Cũng như chúng ta đâu biết ai là người sử dụng những thành quả của sức mạnh tinh thần do chúng ta gieo ra khắp vũ trụ. Như những con ong chao lượn tới lui từ bông hoa này sang bông hoa khác và lấy mật nhiều hơn số lượng cần thiết cho thể hệ sau của chúng, chúng ta cũng xuôi ngược đi lại từ hiện thực này sang hiện thực khác để kiếm tìm tất cả những gì có thể cung ứng thức ăn cho ngọn lửa bí ẩn của đời sống tinh thần. Chỉ khi ấy chúng ta mới đón nhận bất cứ một biến cố nào với niềm tin chắc chắn rằng, chúng ta đã thực hiện được nghĩa vụ cố hữu của mình. Chúng ta sẽ nuôi dưỡng ngọn lửa này bằng những tình cảm, những khát vọng của chúng ta, bằng tất cả những gì nhìn ra, nghĩ thấy, chạm tới, hiểu được nhờ bản chất của nó, tức là những ý niệm, mà nó rút ra từ kinh nghiệm, sự quan sát, và thái độ của mình với tất cả những gì nó được tiếp xúc. Khi ấy sẽ là thời điểm mọi

thứ theo một cách hết sức tự nhiên biến thành niềm hạnh phúc cho cái tinh thần có thiện chí biết tuân theo những trách nhiệm đích thực nhân tính. Khi ấy sự nghi ngờ rằng, những nỗ lực của nó, có thể, chẳng có giá trị gì, sẽ làm cho con người sáng suốt hơn nữa, tinh tế hơn nữa, hào hiệp hơn nữa, tự chủ hơn nữa và cao thượng hơn nữa trong khát vọng kiếm tìm chân lí của mình.

## Chú thích

---

1. Aristée, con trai của Apolon, theo truyền thuyết thần thoại, đã dạy cho con người nghề nuôi ong. ↩
2. Có thể dẫn thêm nữa một chuyên khảo của Kirby và Spence trong Introduction to Entomology của họ, nhưng nó hoàn toàn mang tính kỹ thuật. ↩
3. Tổ ong để quan sát là cách gọi những tổ ong có vách bằng kính, lắp thêm các tấm màn hình hay cửa sổ. Tốt nhất trong số đó là những tổ chỉ có một tầng tổ - điều này cho phép quan sát được nó từ hai phía. Có thể đặt, mà không có nguy hiểm và bất tiện gì, những tổ ong có thêm lỗ ra vào, ở phòng khách, thư phòng và v.v. Những con ong sống trong chiếc tổ được đặt trong phòng làm việc của tôi ở Paris đã tìm được trong một bãi hoang toàn đá sỏi của một thành phố lớn những cách thức để sống và phát triển. ↩
4. Các con số này thực sự chính xác, chúng là số liệu của một tổ ong hoàn chỉnh ở mức phát triển tối đa. ↩
5. Thông thường con chúa lạ được đưa vào nhập đàn sau khi nó bị nhốt trong một cái lồng mắt lưới nhỏ treo ở giữa hai tầng tổ. Cái lồng có cánh cửa bằng sáp và mật - những con ong thợ sẽ gặm nhấm sáp và mật, khi chúng quá tức giận, thế là chúng đã giải thoát cho con ong chúa bị giam, và đón nhận nó một cách thân thiện. M. S. Simmins,

giám đốc một xí nghiệp nuôi ong lớn ở Rottingdeon, mới đây đã tìm ra một phương pháp khác để đưa ong chúa nhập đàn - phương pháp này đơn giản một cách kì lạ và hầu như luôn thành công; nó ngày càng trở nên phổ biến hơn trong các nhà nuôi ong quan tâm đến sự thành công trong công việc của mình. Thói quen đưa ong chúa nhập đàn đặc biệt khó khăn bởi thái độ của con ong chúa: nó lo lắng, bỏ chạy, trốn tránh, xử sự như một kẻ mạo danh bất hợp pháp, gây nên những sự nghi ngờ, mà chúng nhanh chóng bị sự dò xét của bay ong thợ khẳng định. M. Simmins đầu tiên cô lập hoàn toàn con ong chúa cần phải cho nhập đàn, và bắt nó nhin đói trong nửa tiếng. Sau đó ông nâng một góc của cái nắp bên trong của tổ ong thiếu ong chúa và đặt con ong chúa lạ vào nóc một tầng tổ. Tuyệt vọng vì sự cô đơn của mình lúc trước đó, nó rất mừng là lại được ở giữa bầy ong, và vì bị đói, nên nó hau háu ăn thức ăn được đưa ra cho nó. Đám ong thợ bị lừa bởi sự tự tin này, không theo dõi nữa, vì nghĩ rằng, đây là con ong chúa cũ của chúng đã trở về, và vui mừng đón tiếp nó. Từ thí nghiệm này, có thể rút ra được rằng, loài ong, trái với ý kiến của Huber và tất cả các nhà nghiên cứu, không thể nhận ra con ong chúa của mình. Bất luận thế nào, cả hai sự giải thích đều có thể đúng như nhau - dù sự thật, có thể, nằm ở sự giải thích thứ ba mà chúng ta còn chưa biết đến - thêm một lần nữa chúng cho thấy tâm lí của loài ong phức tạp và khó hiểu đến thế nào. Nhưng từ đó, cũng như từ mọi vấn đề của đời sống, có thể rút ra chỉ một kết luận - đó chính là, trong khi chờ đợi một điều tốt đẹp hơn, thì cần phải làm thế nào, để trong con tim chúng ta tính ham hiểu biết luôn chiếm ưu thế. ↩

6. Bộ não ong, theo tính toán của Dujardin, cấu thành 1/174 phần tổng trọng lượng con côn trùng, ở loài kiến là 1/296. Mặt khác, các bộ phận có cuống - là các bộ phận có sự phát triển thường đi kèm với

vượt trội về trí thông minh so với bản năng, ở loài ong lại phần nào ít quan trọng hơn ở loài kiến. Có lẽ kết quả từ những ước đoán này - tất nhiên vốn vẫn chỉ là giả thuyết, và còn là một vấn đề quá sức khó hiểu - là định lượng trí tuệ của loài ong và loài kiến chắc hẳn phải ít nhiều tương đương nhau. ↩

7. Tôi đã làm lại thí nghiệm trong những ngày đầu tiên có nắng vào một mùa Xuân u ám. Nó đã cho tôi một kết quả t ỉ t ệ. Mặt khác, một người bạn nuôi ong của tôi, một người quan sát rất tinh tường và rất trung thực, đã được tôi nhờ làm thí nghiệm này; anh ấy đã viết cho tôi bốn thông tin xác thực, mà anh ấy nhận được, khi dùng đúng những thủ thuật đó. Sự việc đòi hỏi phải kiểm tra lại, và vấn đề cho đến nay vẫn chưa được giải quyết. Nhưng tôi tin rằng, bạn tôi đã cho phép bị lừa bởi mong muốn rất đổi tự nhiên của mình là được thấy thí nghiệm thành công. ↩
8. Đơn vị này đã bị loại bỏ một cách hoàn toàn có cơ sở. Đường kính của các lỗ tổ chính xác một cách lạ thường, nhưng tương tự như tất cả những gì do một sinh vật sống tạo ra, nó không bất biến về mặt toán học ở trong một tổ ong. Ngoài ra, như Maurice Girard nhận thấy, các chủng ong khác nhau có đường kính khác nhau của lỗ tổ, vì thế đơn vị đo có thể khác nhau từ một tổ ong này sang một tổ ong khác, tùy theo chủng ong sống trong tổ. ↩
9. Réaumur đã đưa ra cho Koenig, nhà toán học nổi tiếng một bài toán như sau: “Trong số các lỗ hình lục lăng có đáy hình chóp, được tạo thành bởi ba hình thoi cân và đồng dạng, hãy xác định lỗ nào có thể làm với lượng vật liệu ít nhất”. Koenig đã tìm ra: đó là hình có đáy được tạo thành bởi ba hình thoi mà mỗi một góc tù của nó có số đo là 109 độ 26 phút, còn mỗi một góc nhọn là 70 độ 34 phút. Maraldi, một

nhà bác học khác, đã đo được chính xác hơn các góc của hình thoi được ong dựng lên: góc tù là 109 độ 28 phút, còn góc nhọn là 70 độ 32 phút. Tức là là giữa hai lời giải có sự khác nhau chỉ là 2 phút. Có lẽ, nếu có sai số, thì đó là sai số của Maraldi hơn là sai số của loài ong, vì không có một dụng cụ nào cho phép đo chính xác tuyệt đối các góc của những lỗ tổ không lộ ra thật rõ nét đủ các góc cạnh.

Cramer, một nhà toán học khác cũng được đề nghị giải bài toán này, đã đưa ra lời giải còn gần đúng hơn với lời giải của loài ong - đó là 109 độ cho các góc tù và 70 độ 31 phút cho các góc nhọn. Maclaunri khi sửa lại cho Koenig, đưa ra con số 70 độ 32 phút và 109 độ 28 phút; Leon Lahanne - 109 độ 28 phút 16 giây và 70 độ 31 phút 44 giây.

Về vấn đề vẫn còn tranh luận này, ta có thể tham khảo các tác giả Maclaunn với cuốn *Philos, Trans of London 1743*; Brougham với cuốn *Rech.anal.et exper, sur lies ab*; L.Lahane với cuốn *Note sur l. Arch.des abeilles*, Note sur l. Arch.des abecilles, v.v↩

10. Xem thêm «Nature» 29/9/1886.↩
11. Có một số người nuôi ong khẳng định rằng, khi mới nở các con ong thợ và ong chúa nhận thứ thức ăn giống nhau, một loại sữa giàu đạm tiết ra từ những tuyến đặc biệt nằm trên đầu của những con ong-nhũ mẫu.↩
12. Ngày nay người ta đã thống nhất một cách rộng rãi rằng, sau vài ngày các ấu trùng ong thợ cai sữa, chuyển sang chế độ ăn kém hơn với mật và phấn hoa; trong khi đó ong chúa non vẫn được nuôi ăn một cách dư dả bằng thứ sữa quý báu, còn được gọi là “món thạch hoàng gia”, cho đến lúc phát triển hoàn chỉnh.↩
13. Trong suốt mùa Đông kéo dài gần sáu tháng ở vùng của chúng tôi

(từ tháng Mười đến đầu tháng Tư), một tổ ong tốt thường dùng từ hai mươi đến ba mươi lít mật. ↩

14. Dưới đây là vị trí của loài ong nhà trong bảng phân loại khoa học  
Lớp: Côn trùng

Bộ: Cánh màng Họ: Apidae Chi: Apis

Loài: Mellifica (ong mật)

Thuật ngữ Mellifica thuộc bản phân loại của Carl von Linné. Không thể nói nó là một thuật ngữ thành công nhất, vì cả họ Apidae, trừ một số loài kí sinh, còn lại đều là ong mật. Scopoli dùng từ Cerifica, Reaumur dùng từ domestica, Geoffroy dùng từ gregaria. Con ong Ý Apis ligustica hoàn toàn chỉ là biến thể của Mellica. ↩

15. Đây là hiện tượng thường thấy trong những tổ ong thứ hai và thứ ba, chúng có ít kinh nghiệm hơn và ít cẩn thận hơn những tổ đầu tiên. Đứng đầu tổ ong như thế [tổ thứ hai và thứ ba] là một con ong chúa-trinh nguyên. Trong tổ ong này cơ bản là những con ong non trẻ, mà bản năng bẩm sinh của chúng đóng vai trò chủ yếu, do chưa quen với nhưng sự thất thường của khí hậu phương Bắc khắc nghiệt của chúng ta. Vả lại, không một tổ ong nào trong số đó có thể đứng vững chống lại thời tiết xấu của mùa Thu, và chúng đến lượt mình, trở thành vật hi sinh trong những thí nghiệm kéo dài và u ám của tự nhiên. ↩

16. Vì rằng chúng ta sẽ lần cuối cùng đề cập đến vấn đề về các công việc xây dựng của loài ong, nên chúng ta sẽ chỉ ra đôi chút một đặc điểm lạ lùng của Apis Florea: những bức vách của một số lỗ tổ cho các con đực có hình trụ, thay cho hình lục lăng thông thường. Điều này khiến chúng ta nghĩ rằng, ong vẫn còn lưỡng lự trong việc lựa chọn hình dạng và hiện chưa có quyết định dứt khoát xem hình dạng

nào được ưa thích hơn.↩

17. Hiện tượng tương tự đã được Buchner ghi nhận. Ông chứng minh rằng, sự thích nghi với các hoàn cảnh được thực hiện không phải là hàng thế kỉ, không phải theo một cách vô thức và tiên định sẵn, mà hoàn toàn có lí tính và phụ thuộc trực tiếp vào các hoàn cảnh. Ở Barbados, nơi có rất nhiều nhà máy đường và vì thế có rất nhiều đường trong suốt cả năm, những con ong hoàn toàn ngừng ghé thăm những bông hoa.↩

18. .

Đầu quan trọng là không nên lẫn lộn ba thuật ngữ này: Apiens, Apidae và Apitae, những loài mà chúng tôi sẽ lần lượt sử dụng; chúng tôi mượn chúng từ bản phân loại của Emil Blanchare. Chủng Apiens bao gồm tất cả các họ ong. Apidae là một họ trong số này và được chia thành ba nhóm: Meliponae, Apitae và Bombiti. Sau cùng là Apurae gồm có các loài khác nhau của giống ong nhà của chúng ta.↩

19. . Các ví dụ: Psithypi là những con kí sinh của ong đất, Stelidae là những con kí sinh nhờ vào Anthidia. “Buộc phải giả định rằng - Perez nói hết sức chính xác - về tính đồng nhất tái diễn của con sống kí sinh và con mồi hi sinh của nó, thì cả hai loại chỉ là hai biến thể của cùng một hình thái và chúng liên quan với nhau bởi sự giống nhau như một. Đối với những nhà tự nhiên học theo học thuyết biến hóa luận sự giống nhau này không chỉ là ý niệm, mà còn là thực tế. Con kí sinh chỉ là một nhánh của dòng giống lao động do lối sống ăn bám nên đã mất đi những công cụ lao động”.↩

20. Vẫn còn một điều chưa rõ: ở Meliponitae có sự thống nhất về vương quyền hay mẫu quyền hay không. Blanchare nhận xét vô cùng xác đáng rằng, do hoàn toàn không có ngòi chúng không có khả năng giết hại lẫn nhau một cách dễ dàng như con ong chúa, vì thế có thể cho rằng, trong cùng một tổ có một số con ong mẹ. Vả lại, hiện tượng

này cho đến nay vẫn chưa thể chứng thực được: thứ nhất là, bởi sự quá giống nhau giữa những con ong mẹ và những con ong thợ; hai là, Meliponitae hoàn toàn không có khả năng thích nghi với khí hậu của các nước của chúng ta. ↩